

**ĐẠI HỌC HUẾ  
TRUNG TÂM ĐÀO TẠO TỪ XA**

**TS. PHẠM VĂN HÙNG (CHỦ BIÊN) - TS. TRẦN VĂN CHƯƠNG  
TS. TRẦN VĂN THẮNG - PGS. TS. ĐỖ CÔNG TUẤN**

# **CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

## **TẬP BÀI GIẢNG**

**HUẾ - 2008**

# *Mục lục*

MỤC LỤC .....	2
CHƯƠNG I.....	5
VỊ TRÍ, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	5
I - VỊ TRÍ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC .....	5
II - ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC .....	7
III - Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC.....	9
CHƯƠNG II .....	12
LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	12
I - KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA .....	12
II - LƯỢC KHẢO TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRƯỚC MÁC .....	14
III - SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC .	20
CHƯƠNG III.....	27
SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN.....	27
I - KHÁI NIỆM GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA NÓ.....	27
II - VAI TRÒ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN.....	30
III - SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM .....	32
CHƯƠNG IV .....	36
XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	36
I - HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA.....	36
II - THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI .....	46
III - NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	48
IV - THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM .....	50
CHƯƠNG V.....	55
CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA .....	55

I - CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LÀ QUY LUẬT PHỔ BIẾN CỦA QUÁ TRÌNH CHUYỂN BIẾN TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....	55
II - MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ ĐỘNG LỰC CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	60
III - LÝ LUẬN CÁCH MẠNG KHÔNG NGỪNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM .....	63
CHƯƠNG VI .....	69
THỜI ĐẠI NGÀY NAY .....	69
I - KHÁI NIỆM VỀ THỜI ĐẠI VÀ THỜI ĐẠI NGÀY NAY.....	69
II - TÍNH CHẤT, ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN VÀ XU THẾ CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY....	74
CHƯƠNG VII.....	79
NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	79
I - NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA .....	79
II - NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA.....	84
III - ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ CẢI CÁCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY .....	87
CHƯƠNG VIII.....	93
LIÊN MINH GIỮA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỚI GIAI CẤP NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI .....	93
I - CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI .....	93
II - NỘI DUNG CỦA LIÊN MINH GIỮA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỚI GIAI CẤP NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM.....	97
CHƯƠNG IX .....	103
VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI .....	103
I - DÂN TỘC VÀ HAI XU HƯỚNG KHÁC QUAN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC DÂN TỘC .....	103
II - NỘI DUNG CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN.....	107
III - VẤN ĐỀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY .....	109

<b>CHƯƠNG X.....</b>	<b>113</b>
<b>VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI .....</b>	<b>113</b>
<b>I - BẢN CHẤT, NGUỒN GỐC VÀ TÍNH CHẤT CỦA TÔN GIÁO.....</b>	<b>113</b>
<b>II - GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....</b>	<b>116</b>
<b>III - TÌNH HÌNH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY .....</b>	<b>118</b>
<b>CHƯƠNG XI.....</b>	<b>121</b>
<b>VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH VÀ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI .....</b>	<b>121</b>
<b>I - GIA ĐÌNH, MỐI QUAN HỆ GIỮA GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI .....</b>	<b>121</b>
<b>II - NHỮNG ĐIỀU KIỆN VÀ TIỀN ĐỀ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....</b>	<b>126</b>
<b>III - NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY .....</b>	<b>127</b>
<b>CHƯƠNG XII.....</b>	<b>131</b>
<b>VẤN ĐỀ NGUỒN LỰC CON NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....</b>	<b>131</b>
<b>I - NGUỒN LỰC CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI.....</b>	<b>131</b>
<b>II - PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM QUA .....</b>	<b>135</b>
<b>III - NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY.....</b>	<b>137</b>
<b>CHƯƠNG XIII.....</b>	<b>142</b>
<b>CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HÓA .....</b>	<b>142</b>
<b>I - TÍNH TẤT YẾU CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HÓA.....</b>	<b>142</b>
<b>II - NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HÓA Ở VIỆT NAM.....</b>	<b>145</b>

## *Chương I*

# VỊ TRÍ, ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành của chủ nghĩa Mác - Lênin. Việc nghiên cứu, nắm vững và vận dụng đúng đắn, sáng tạo những vấn đề lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin nói chung, chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng, là nhân tố quan trọng góp phần vào sự thành công của tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Sự nghiệp đổi mới do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã thu được những thành tựu to lớn và rất quan trọng. Tuy nhiên, để tránh những nguy cơ, trong đó có nguy cơ “chệch hướng xã hội chủ nghĩa” ngay trong quá trình đổi mới thì cùng với việc nắm vững, vận dụng và phát triển sáng tạo những luận điểm triết học, kinh tế chính trị Mác - Lênin, cần đặc biệt chú ý “... phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học... Xây dựng lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội của Việt Nam”<sup>(1)</sup>. Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX của Đảng tiếp tục khẳng định: “Đảng và nhân dân ta quyết tâm xây dựng đất nước Việt Nam theo con đường xã hội chủ nghĩa trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh”<sup>(2)</sup>.

## I- VỊ TRÍ CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

### 1. Quan niệm chung về “chủ nghĩa xã hội” và “chủ nghĩa xã hội khoa học”

Quan niệm về “chủ nghĩa xã hội” nói chung được hiểu theo những nghĩa cơ bản sau :

*Một là*, chủ nghĩa xã hội với ý nghĩa là những phong trào đấu tranh của quần chúng nhân dân lao động chống chế độ tư hữu, chống áp bức bóc lột, bất công, đòi lại quyền dân chủ... (những phong trào này xuất hiện khi chế độ nô lệ ra đời).

*Hai là*, chủ nghĩa xã hội với nghĩa là những ước mơ, lý tưởng của quần chúng nhân dân lao động về một xã hội không có áp bức bóc lột, không có nghèo nàn lạc hậu, mọi người dân được giải phóng và có quyền dân chủ (những ước mơ này xuất hiện khi các cuộc khởi nghĩa của nô lệ đều bị thất bại và bị giai cấp chủ nô đàn áp dã man).

*Ba là*, chủ nghĩa xã hội với nghĩa là những tư tưởng, lý luận, học thuyết về giải phóng con người, giải phóng xã hội khỏi chế độ tư hữu, áp bức bóc lột, bất công, nghèo nàn, lạc hậu, về xây dựng chủ nghĩa xã hội mới dựa trên chế độ công hữu về tư liệu sản xuất, một xã hội công bằng, bình đẳng, dân chủ, văn minh và hạnh phúc nhất cho mọi người.

Ý nghĩa trên đây phản ánh thực tế lịch sử từ thế kỷ XVI đã có những tác phẩm văn chương xã hội chủ nghĩa, lý luận xã hội chủ nghĩa. Tiếp đó, đến đầu thế kỷ XIX xuất hiện

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ hai*, Ban chấp hành Trung ương khóa VIII, NXB Chính trị quốc gia, H., 1997, tr. 56.

(2) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, H., 2001, tr.83.

những học thuyết xã hội chủ nghĩa không tưởng. Rồi sau đó, giữa thế kỷ XIX chủ nghĩa xã hội khoa học hình thành do C. Mác và Ph. Ăngghen sáng lập. Đó là một học thuyết khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về con đường và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình..

*Bốn là*, chủ nghĩa xã hội với nghĩa là một chế độ xã hội hiện thực do nhân dân lao động xây dựng dưới sự lãnh đạo của Đảng tiên phong của giai cấp công nhân.

## 2. Vị trí của chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một học thuyết khoa học (thuộc phạm trù tư tưởng, lý luận), vì thế việc phân tích vị trí của bộ môn khoa học này cũng theo ý nghĩa đó.

Trước hết, với ý nghĩa là tư tưởng, là lý luận, thì chủ nghĩa xã hội nằm trong quá trình phát triển chung của các sản phẩm tư tưởng, lý luận mà *nhân loại* đã sản sinh ra ; đặc biệt về lĩnh vực khoa học xã hội và *chính trị - xã hội*. Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong những đỉnh cao nhất của các khoa học xã hội nhân loại nói chung.

Chủ nghĩa xã hội khoa học cũng *nằm trong* quá trình phát triển *lịch sử của các tư tưởng xã hội chủ nghĩa của nhân loại*. Chủ nghĩa xã hội khoa học đã kế thừa, phát triển những giá trị của chủ nghĩa xã hội không tưởng, loại trừ những yếu tố không tưởng, tìm ra những cơ sở khoa học, cơ sở thực tiễn của tư tưởng xã hội chủ nghĩa (tập trung nhất ở *tính khoa học* là đã tìm ra *những quy luật, tính quy luật* của quá trình cách mạng xã hội chủ nghĩa, giải phóng con người, giải phóng xã hội).

*Trong hệ tư tưởng Mác - Lênin* (hay còn gọi là chủ nghĩa Mác - Lênin), *chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận hợp thành* (cùng với triết học Mác - Lênin, kinh tế học chính trị Mác - Lênin).

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã phân tích rõ *nghĩa hẹp và nghĩa rộng* của chủ nghĩa xã hội khoa học.

- *Theo nghĩa hẹp*, chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận của chủ nghĩa Mác - Lênin.

Chủ nghĩa xã hội khoa học đã dựa trên phương pháp luận triết học duy vật biện chứng và duy vật lịch sử ; đồng thời cũng dựa trên những cơ sở lý luận khoa học về quy luật kinh tế, quan hệ kinh tế... để luận giải một cách khoa học về quá trình nảy sinh cách mạng xã hội chủ nghĩa, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, gắn liền với sứ mệnh lịch sử có tính toàn thế giới của giai cấp công nhân hiện đại, nhằm giải phóng con người, giải phóng xã hội.

- *Theo nghĩa rộng*, chủ nghĩa xã hội khoa học là chủ nghĩa Mác - Lênin (gồm cả 3 bộ phận). Nói về nghĩa rộng của khoa học, Lênin khẳng định : “Chủ nghĩa xã hội khoa học tức là chủ nghĩa Mác”. Bởi vì, *suy cho cùng* cả triết học Mác lẫn kinh tế chính trị Mác *đều dẫn đến cái tất yếu lịch sử* là làm cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Người lãnh đạo, tổ chức cùng nhân dân thực hiện sự nghiệp cách mạng lâu dài và triệt để đó chỉ có thể là giai cấp công nhân hiện đại, thông qua đảng của nó. Mà phạm trù “*giai cấp công nhân*” và “*sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân*” lại trực tiếp là những phạm trù cơ bản nhất của *chủ nghĩa xã hội khoa học*. Cho nên, gọi toàn bộ chủ nghĩa

Mác (hay chủ nghĩa Mác - Lênin) là *chủ nghĩa xã hội khoa học theo nghĩa rộng* là nói về *thực chất và mục đích của* toàn bộ chủ nghĩa Mác - Lênin. Thậm chí, khi nghiên cứu kỹ lưỡng bộ *Tư bản* của C. Mác, Lênin đã xác định rằng : bộ *Tư bản* - tác phẩm chủ yếu và cơ bản ấy trình bày chủ nghĩa xã hội khoa học... những yếu tố từ đó nảy sinh ra chế độ tương lai<sup>(1)</sup>. Sẽ là sai lầm nói đến bộ *Tư bản* chỉ thấy những vấn đề kinh tế, khía cạnh kinh tế mà không thấy nội dung chính trị - xã hội của nó.

Bởi vậy, khi nghiên cứu, giảng dạy, học tập triết học Mác - Lênin, kinh tế học chính trị Mác - Lênin mà lại không luận chứng cuối cùng dẫn đến sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, dẫn đến chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản... là những biểu hiện chệch hướng trong quá trình giáo dục chủ nghĩa Mác - Lênin.

## II - ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

### 1. Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học

Đối tượng nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học là nghiên cứu về *những quy luật và tính quy luật chính trị - xã hội* của quá trình phát sinh, hình thành và phát triển hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ; những nguyên tắc cơ bản, những điều kiện, con đường, hình thức và phương pháp đấu tranh cách mạng của giai cấp công nhân để thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản (và các chế độ tư hữu) lên chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản.

Sự chuyển biến từ các chế độ tư hữu, từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội... mang tính quy luật khách quan của lịch sử nhân loại. Nhưng vì đó là vấn đề xã hội, quy luật xã hội cho nên nó không tự diễn ra như quy luật tự nhiên mà *đều thông qua những hoạt động của con người*. Nhân tố Người ở đây lại trước hết là giai cấp công nhân hiện đại. Với ý nghĩa đó, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin khái quát rằng : “Chủ nghĩa cộng sản... là sự biểu hiện lý luận của lập trường của giai cấp vô sản”, là “sự khái quát lý luận về những điều kiện giải phóng của giai cấp vô sản”<sup>(2)</sup> gắn với giải phóng con người, giải phóng xã hội.

Những nội dung lý luận khoa học chung nhất của chủ nghĩa xã hội khoa học mà chủ nghĩa Mác -Lênin nêu ra cần được vận dụng cụ thể, đúng đắn và phát triển sáng tạo ở mỗi nước, trong những giai đoạn và hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Nếu ở đâu biến những lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học thành những công thức giáo điều thì ở đó đã làm mất tính biện chứng - khoa học và cách mạng cũng như giá trị và sức sống của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trong hệ thống nội dung lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học có những phạm trù, khái niệm, vấn đề mang tính quy luật rất cơ bản sau đây: "giai cấp công nhân" và "sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân" (gắn với đảng cộng sản) ; "hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa" (trong đó đặc biệt là "xã hội xã hội chủ nghĩa") ; "cách mạng xã hội chủ nghĩa" ; "liên minh công nông và các tầng lớp lao động..." ; "vấn đề dân tộc trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội" ; "vấn đề con người và phát huy nguồn lực con người trong quá trình xây dựng

<sup>(1)</sup> V.I. Lênin, *Toàn tập*, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1974, t.1, tr. 226.

chủ nghĩa xã hội"; "cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá" ; "thời đại ngày nay"...

## 2. Phương pháp nghiên cứu của chủ nghĩa xã hội khoa học

Chủ nghĩa xã hội khoa học là một trong ba bộ phận cấu thành của chủ nghĩa Mác -Lênin, có quan hệ chặt chẽ với hai bộ phận kia là triết học Mác - Lênin và kinh tế học chính trị Mác - Lênin.

Chủ nghĩa xã hội khoa học sử dụng phương pháp luận chung nhất của chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử của triết học Mác - Lênin : Chỉ có dựa trên phương pháp luận khoa học đó thì chủ nghĩa xã hội khoa học mới luận giải đúng đắn, khoa học về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về quá trình phát sinh, hình thành, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa và các khái niệm, phạm trù, các nội dung khác của chủ nghĩa xã hội khoa học.

Trên cơ sở phương pháp luận chung đó, chủ nghĩa xã hội khoa học cũng đặc biệt chú trọng sử dụng những phương pháp khác, cụ thể hơn và những phương pháp có tính liên ngành, tổng hợp.

- *Phương pháp kết hợp lịch sử - lôgic.* Đây cũng là một nội dung của phương pháp luận triết học Mác - Lênin, nhưng nó càng đặc biệt quan trọng đối với chủ nghĩa xã hội khoa học. Phải trên cơ sở những tư liệu thực tiễn của các sự thật lịch sử mà phân tích để rút ra những nhận định, những khái quát về lý luận có kết cấu chặt chẽ, khoa học - tức là rút ra được lôgic của lịch sử (chứ không dừng lại ở sự kể lể và sự thật lịch sử). Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác -Lênin đã là những tấm gương mẫu mực về việc sử dụng phương pháp này khi phân tích lịch sử nhân loại, đặc biệt là về sự phát triển các phương thức sản xuất đó... để rút ra được lôgic của quá trình lịch sử đó, căn bản là quy luật của mâu thuẫn giữa *lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất*, giữa giai cấp bóc lột và bị bóc lột, quy luật của đấu tranh giai cấp dẫn đến các cuộc cách mạng xã hội và do đó, cuối cùng "*đấu tranh giai cấp tất yếu dẫn đến chuyên chính vô sản*", dẫn đến chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Sau này, chính cái kết luận lôgic khoa học đó đã vừa được chứng minh, vừa là nhân tố dẫn dắt tiến hành thắng lợi của Cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga (1917) và sau đó là hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới ra đời với rất nhiều thành tựu mới cho nhân loại tiến bộ. Còn sự sụp đổ của Đông Âu và Liên Xô *không phải* do cái tất yếu lôgic của chủ nghĩa xã hội, mà trái lại, do các Đảng cộng sản ở các nước đó xa rời, phản bội cái tất yếu đã được luận giải khoa học trên lập trường chủ nghĩa Mác - Lênin.

- *Phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội dựa trên các điều kiện kinh tế - xã hội cụ thể* là phương pháp có tính đặc thù của chủ nghĩa xã hội khoa học. Khi nghiên cứu, khảo sát thực tế, thực tiễn một xã hội cụ thể, đặc biệt là trong điều kiện của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, những người nghiên cứu, khảo sát... phải luôn có *sự nhạy bén về chính trị - xã hội* trước tất cả các hoạt động và quan hệ xã hội, trong nước và quốc tế. Thường là, trong thời đại còn giai cấp và đấu tranh giai cấp, còn chính trị thì mọi hoạt động, mọi quan

---

<sup>(2)</sup>C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1995, t. 4, tr. 339.



hệ xã hội ở các lĩnh vực, kể cả khoa học công nghệ, tri thức và sử dụng tri thức, các nguồn lực, các lợi ích... đều *có nhân tố chính trị* chi phối mạnh nhất, nhưng nó lại có vẻ "đứng đằng sau hậu trường" (thậm chí cố tình che đậy như trong các đảng và chính phủ tư sản cầm quyền). Không chú ý phương pháp khảo sát và phân tích về mặt chính trị - xã hội, không có nhạy bén chính trị và lập trường - bản lĩnh chính trị vững vàng, khoa học thì dễ mơ hồ, lầm lẫn, sai lệch khôn lường.

- *Các phương pháp có tính liên ngành*: Chủ nghĩa xã hội khoa học là một môn khoa học xã hội nói chung và khoa học chính trị - xã hội nói riêng, do đó nó cần thiết phải sử dụng nhiều phương pháp nghiên cứu cụ thể của các khoa học xã hội khác : như phương pháp phân tích, tổng hợp, thống kê, so sánh, điều tra xã hội học, sơ đồ hoá, mô hình hoá, v.v... để nghiên cứu những khía cạnh chính trị - xã hội của các mặt hoạt động trong một xã hội còn giai cấp, đặc biệt là trong chủ nghĩa tư bản và trong chủ nghĩa xã hội (kể cả thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội).

Có thể đề cập đến một phương pháp nghiên cứu có tính khái quát mà chủ nghĩa xã hội khoa học cần sử dụng đó là *phương pháp tổng kết lý luận từ thực tiễn*, nhất là thực tiễn về chính trị - xã hội.

### III - Ý NGHĨA CỦA VIỆC NGHIÊN CỨU, HỌC TẬP CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC

#### 1. Về mặt lý luận

Việc nghiên cứu, học tập, vận dụng và phát triển lý luận chủ nghĩa Mác -Lênin phải chú ý cả ba bộ phận hợp thành của nó. Nếu không chú ý nghiên cứu, học tập, vận dụng, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học sẽ làm cho triết học, kinh tế chính trị học Mác - Lênin dễ chệch hướng chính trị - xã hội, trước hết và chủ yếu là chệch hướng bản chất, mục tiêu là xây dựng chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa cộng sản, giải phóng hoàn toàn xã hội và con người khỏi các chế độ tư hữu, áp bức, bất công, chiến tranh, nghèo nàn lạc hậu và mọi tai hoạ xã hội khác... mà thực tế lịch sử nhân loại đã từng chứng kiến.

Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học còn có ý nghĩa lý luận là : trang bị những nhận thức chính trị - xã hội cho Đảng cộng sản, Nhà nước và nhân dân lao động trong quá trình bảo vệ và xây dựng chủ nghĩa xã hội.. Vì thế, các nhà kinh điển Mác - Lênin có lý khi xác định rằng, chủ nghĩa xã hội khoa học là vũ khí lý luận của giai cấp công nhân hiện đại và đảng của nó để thực hiện quá trình giải phóng nhân loại và giải phóng bản thân mình. Cũng như triết học và kinh tế chính trị học Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học không chỉ giải thích thế giới mà căn bản là ở chỗ *cải tạo thế giới* (cả tự nhiên, xã hội và bản thân con người) theo hướng tiến bộ văn minh.

Đội ngũ trí thức và thế hệ trẻ nước ta hiện nay là những lực lượng xã hội có trí tuệ, có nhiều khả năng và tâm huyết trong quá trình cải tạo và xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nếu chỉ thuần tuý chú trọng về khoa học và công nghệ, phi chính trị, hoặc mơ hồ về chính trị và vi phạm pháp luật, họ càng không thể góp tài góp sức xây dựng Tổ quốc của mình. Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học chính là việc *được trang bị trực tiếp*

*nhất về ý thức chính trị - xã hội, lập trường tư tưởng chính trị và bản lĩnh cho mỗi cán bộ, đảng viên và mọi công dân Việt Nam góp phần thực hiện thắng lợi sự nghiệp đổi mới, định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng đề ra.*

Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học cũng làm cho ta có căn cứ nhận thức khoa học để luôn cảnh giác, phân tích đúng và đấu tranh chống lại những nhận thức sai lệch, những tuyên truyền chống phá của chủ nghĩa đế quốc và bọn phản động đối với Đảng ta, Nhà nước, chế độ ta ; chống chủ nghĩa xã hội, đi ngược lại xu thế và lợi ích của nhân dân, dân tộc và nhân loại tiến bộ.

## **2. Về mặt thực tiễn**

Bất kỳ một học thuyết khoa học nào, đặc biệt là các khoa học xã hội, bao giờ cũng có khoảng cách nhất định so với thực tiễn, nhất là *những dự báo khoa học* có tính quy luật. Nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học lại càng thấy rõ những khoảng cách đó, bởi vì chủ nghĩa xã hội trên thực tế, chưa có nước nào xây dựng hoàn chỉnh. Sau khi Đông Âu và Liên Xô sụp đổ, cùng với thoái trào của hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới, lòng tin vào chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa xã hội khoa học, chủ nghĩa Mác -Lênin của nhiều người có giảm sút. Đó là một thực tế dễ hiểu. Vì thế, nghiên cứu, giảng dạy chủ nghĩa xã hội khoa học càng khó khăn trong tình hình hiện nay và cũng có ý nghĩa chính trị cấp bách.

Chỉ có bình tĩnh và sáng suốt, kiên định và chủ động sáng tạo tìm ra *những nguyên nhân cơ bản và bản chất* của những sai lầm, khuyết điểm, khủng hoảng, đổ vỡ và của những thành tựu to lớn trước đây cũng như của những thành quả đổi mới, cải cách ở các nước xã hội chủ nghĩa, chúng ta mới có thể đi tới kết luận chuẩn xác rằng : *không phải* do chủ nghĩa xã hội - một xu thế xã hội hoá mọi mặt của nhân loại ; *cũng không phải* do chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã hội khoa học... làm các nước xã hội chủ nghĩa khủng hoảng. Trái lại, chính là do các nước xã hội chủ nghĩa đã nhận thức và hành động nhiều vấn đề trái với chủ nghĩa xã hội, chủ nghĩa Mác -Lênin... đã giáo điều, chủ quan duy ý chí, bảo thủ, kể cả việc đổ ky, xem nhẹ những thành quả chung của nhân loại, trong đó có chủ nghĩa tư bản; đồng thời do xuất hiện chủ nghĩa cơ hội - phản bội trong một số đảng cộng sản và sự phá hoại của chủ nghĩa đế quốc thực hiện âm mưu diễn biến hoà bình đã làm cho chủ nghĩa xã hội thế giới lâm vào thoái trào.

Thấy rõ *thực chất* những vấn đề đó một cách khách quan, khoa học, đồng thời được minh chứng bởi những thành tựu rực rỡ của sự nghiệp đổi mới, cải cách của các nước xã hội chủ nghĩa, trong đó có Việt Nam, chúng ta càng củng cố bản lĩnh kiên định, tự tin tiếp tục sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc theo định hướng xã hội chủ nghĩa theo đường lối của Đảng và Hồ Chí Minh đã chọn.

Do đó, việc nghiên cứu học tập chủ nghĩa Mác -Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh nói chung, lý luận chính trị - xã hội nói riêng và các khoa học khác... *càng là vấn đề thực tiễn cơ bản và cấp thiết*. Xây dựng, chỉnh đốn Đảng, chống mọi biểu hiện cơ hội chủ nghĩa, dao động, thoái trào, biến chất trong đảng và cả xã hội, giáo dục lý luận chính trị - xã hội một cách cơ bản khoa học tức là ta tiến hành củng cố *niềm tin thật sự đối với chủ nghĩa xã hội...* cho *cán bộ, học sinh, sinh viên, thanh thiếu niên và nhân dân*. Tất nhiên, đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và mở rộng hợp tác quốc tế; tiến hành hội nhập quốc tế, toàn cầu hoá về kinh tế; "xây dựng kinh tế tri thức, thực hiện cơ chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ

nghĩa... đang là những vận hội lớn, đồng thời cũng có những thách thức lớn đối với nhân dân ta, dân tộc ta. Đó cũng là *trách nhiệm lịch sử rất nặng nề và vẻ vang của cả thế hệ trẻ nước ta hiện nay đối với sự nghiệp xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa, cộng sản chủ nghĩa trên đất nước ta.*

### **Câu hỏi thảo luận và ôn tập**

1. Phân biệt hai khái niệm "chủ nghĩa xã hội" và "chủ nghĩa xã hội khoa học".
2. Nêu rõ vị trí, đối tượng và phương pháp của chủ nghĩa xã hội khoa học.
3. Ý nghĩa của việc nghiên cứu, học tập chủ nghĩa xã hội khoa học ?

## **Chương II**

# **LƯỢC KHẢO LỊCH SỬ TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

Mọi lý luận và học thuyết khoa học ra đời, phát triển đều được dựa trên hai căn cứ : Một là, sự kế thừa chọn lọc các giá trị tri thức khoa học hợp lý mà nhân loại đã tích lũy trong quá khứ; hai là, khái quát, tổng kết những kinh nghiệm hoạt động thực tiễn trong mỗi lĩnh vực tương ứng mà lý thuyết khoa học đó phản ánh. Sự hình thành, phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học cũng không nằm ngoài quy luật đó. Vì vậy, để nắm được bản chất khoa học, cách mạng của chủ nghĩa xã hội khoa học, trước hết cần tìm hiểu một cách khái quát quá trình hình thành, phát triển của tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

## **I - KHÁI NIỆM VÀ PHÂN LOẠI TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

### **1. Khái niệm tư tưởng xã hội chủ nghĩa**

#### **a) Định nghĩa tư tưởng xã hội chủ nghĩa**

*Tư tưởng (từ chữ Hy Lạp là Idéa - hình tượng) là sự phản ánh thế giới hiện thực trong ý thức con người. Bất cứ tư tưởng nào cũng do điều kiện sinh hoạt vật chất, do chế độ xã hội quy định và là sự phản ánh đối với điều kiện sinh hoạt vật chất và chế độ xã hội ấy.*

Từ khi xuất hiện chế độ tư hữu và đi liền với nó là phân chia xã hội thành các giai cấp: thống trị và bị thống trị, áp bức và bị áp bức... trong ý thức xã hội cũng bắt đầu xuất hiện và không ngừng phát triển các tư tưởng biểu hiện cho sự đối lập về lợi ích, về sự đấu tranh giữa các giai cấp xã hội. Bên cạnh các tư tưởng phản ánh, bảo vệ lợi ích của các giai cấp thống trị, ngay từ thời cổ đại đã xuất hiện tư tưởng phản ánh, bảo vệ cho lợi ích, khát vọng của các giai cấp bị thống trị. Trong khi các tư tưởng của giai cấp thống trị là phản ánh, bảo vệ nhằm góp phần duy trì củng cố địa vị của giai cấp thống trị, duy trì, củng cố sự bất công, áp bức xã hội... thì tư tưởng của các giai cấp bị thống trị lại phản ánh những ước mơ, khát vọng về một chế độ xã hội không có áp bức, bất công, mọi người cùng lao động, sống bình đẳng... Không những thế, những quan niệm lúc đầu chỉ là ước mơ, khát vọng ấy dần trở thành những con đường, cách thức, phương pháp... đấu tranh nhằm thực hiện xã hội ấy, phản ánh những điều kiện, tiền đề khách quan dân hình thành từ trên cơ sở kinh tế - xã hội của những con đường, cách thức và phương pháp ấy. Những điều kiện, tiền đề ấy, được hình thành một cách từ từ bởi chính những quy luật nội tại của đời sống kinh tế - xã hội, qua các thời đại phát triển của con người. Những nhu cầu và khao khát ấy là khởi đầu của tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

*Tư tưởng xã hội chủ nghĩa là một tập hợp những quan niệm phản ánh những nhu cầu, ước mơ của các giai cấp lao động, bị thống trị về con đường, cách thức và phương pháp đấu tranh nhằm thực hiện một chế độ xã hội mà ở đó, tư liệu sản xuất là thuộc về toàn xã hội, trên cơ sở đó, mọi người đều bình đẳng trong lao động, đều có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, không có áp bức và bóc lột.*

Một tư tưởng mới bao giờ cũng xuất hiện trong lòng một xã hội nhất định và trên cơ sở kinh tế – xã hội nhất định. Chính sự xuất hiện chế độ tư hữu, xuất hiện giai cấp thống trị là tiền đề, cơ sở kinh tế - xã hội cho sự xuất hiện tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

### ***b) Các biểu hiện cơ bản của tư tưởng xã hội chủ nghĩa***

- Về phương diện kinh tế, tư tưởng xã hội chủ nghĩa là các quan niệm về một chế độ xã hội mà mọi tư liệu sản xuất thuộc về mọi thành viên, thuộc về toàn xã hội.

- Tư tưởng xã hội chủ nghĩa là tư tưởng phản ánh những ước mơ, khát vọng và nguyện vọng của các giai cấp lao động, bị thống trị *về một chế độ xã hội mà ở đó mọi người ai cũng có việc làm và ai cũng lao động.*

- Tư tưởng xã hội chủ nghĩa phản ánh về một xã hội, trong đó *mọi người đều bình đẳng, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, mọi người đều có điều kiện để lao động, cống hiến và hưởng thụ như nhau.*

## **2. Phân loại các tư tưởng xã hội chủ nghĩa**

Các nhà nghiên cứu lịch sử tư tưởng xã hội chủ nghĩa thường đưa ra *hai căn cứ* phân loại các tư tưởng xã hội chủ nghĩa: *thứ nhất, căn cứ vào quá trình lịch sử* hình thành các tư tưởng xã hội chủ nghĩa gắn với các thời đại kinh tế xã hội và các chế độ xã hội; *thứ hai, căn cứ vào tính chất, trình độ phát triển của các tư tưởng ấy.* Tuy nhiên, các nhà sử học mácxít, các nhà nghiên cứu tư tưởng xã hội chủ nghĩa theo quan điểm duy vật lịch sử thường tiến hành phân loại dựa trên sự kết hợp đúng mức hai căn cứ trên.

### ***a) Phân loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa theo lịch đại***

Theo tiến trình lịch sử phát triển, hay theo lịch đại, các nhà nghiên cứu lịch sử tư tưởng thường chia tư tưởng xã hội chủ nghĩa thành các giai đoạn phát triển tương ứng với các giai đoạn phát triển xã hội loài người. Theo cách này, người ta chia thành: tư tưởng xã hội chủ nghĩa cổ đại và trung đại, tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ phục hưng, tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ cận đại và tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ hiện đại.

### ***b) Phân loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa theo trình độ phát triển***

Theo trình độ phát triển của tư tưởng xã hội chủ nghĩa, người ta phân thành: chủ nghĩa xã hội sơ khai, chủ nghĩa xã hội không tưởng, chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán và chủ nghĩa xã hội khoa học (hay chủ nghĩa xã hội do C. Mác và Ph. Ăng ghen sáng lập).

### ***c) Kết hợp tính lịch đại với trình độ phát triển trong phân loại các tư tưởng xã hội chủ nghĩa***

Dù sử dụng tiêu chí theo lịch đại hay theo trình độ phát triển của tri thức được tích lũy trong phân loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa, các nhà nghiên cứu đều cho rằng không nên tuyệt đối hoá các tiêu chí được sử dụng để phân loại, mà chỉ nên coi đó là tiêu chí chủ yếu, cơ bản nhất mà thôi.

Do đó, khi phân loại tư tưởng xã hội chủ nghĩa để nghiên cứu, cần chú ý đến các cấp độ phát triển nội tại (theo kiểu kế thừa, phủ định...) của các tư tưởng ấy (cả đồng đại và lịch đại), đồng thời chú ý đến các mối liên hệ, các quan hệ phụ thuộc, quy định lẫn nhau giữa các điều

kiện lịch sử cụ thể với các quan niệm, các tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Đây được coi là phương pháp phân loại đúng đắn nhất và là cơ sở để tiến hành khảo sát các tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

## II - LƯỢC KHẢO TƯ TƯỞNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRƯỚC MÁC

### 1. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời cổ đại và trung đại

Chế độ cộng sản nguyên thủy tan rã, thay vào đó là chế độ chiếm hữu nô lệ, với sự thống trị của giai cấp chủ nô. Nền kinh tế xã hội đã có bước phát triển đáng kể với sự xuất hiện và phân chia thành trồng trọt, chăn nuôi, thủ công nghiệp... Quan hệ trao đổi hàng hoá - tiền tệ xuất hiện. Xã hội phân chia thành kẻ giàu, người nghèo. Giai cấp chủ nô cùng với các tầng lớp chủ công trường thủ công, quý tộc, tầng lữ, con buôn, cho vay lãi... hợp thành lực lượng thống trị, áp bức xã hội. Giai cấp nô lệ và các tầng lớp lao động khác hợp thành lực lượng bị thống trị, bị áp bức. Cuộc đấu tranh chống áp bức, bóc lột do các giai cấp và tầng lớp bị thống trị tiến hành là sự phản ánh trên bình diện xã hội của mâu thuẫn cơ bản vốn có từ trong phương thức sản xuất chiếm hữu nô lệ. Các ước mơ, khát vọng về một xã hội không có áp bức, không có bóc lột được ra đời và phát triển trên cơ sở và nền tảng kinh tế - xã hội ấy.

Những tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ này chủ yếu được thể hiện mới chỉ là những ước mơ, niềm khát vọng của công chúng bị bóc lột, bị áp bức. Chúng được lan truyền được phổ biến trong công chúng lúc đầu là những câu chuyện kể chưa thành văn, về sau là cả những áng văn chương cổ vũ cho các phong trào đấu tranh, những cuộc khởi nghĩa của những người nô lệ. Những ước mơ khát vọng ấy chỉ mới dừng ở lòng khao khát được quay về với thời đại hoàng kim, mà sau này được các thánh kinh gọi là "giang sơn ngàn năm của Chúa".

Tiếp theo thời kỳ cổ đại là thời kỳ trung đại. Ở châu Âu, thời kỳ này kéo dài từ thế kỷ thứ V đến thế kỷ XV. Đây là thời kỳ thống trị của phong kiến và tôn giáo. Đấu tranh giai cấp ở thời kỳ này là chống phong kiến không tách rời chống giáo hội. Nửa đầu thời trung đại (thế kỷ V đến thế kỷ X) xung đột kinh tế và xung đột giai cấp chưa gay gắt, trình độ giác ngộ của nông dân còn rất thấp và họ còn bị mê hoặc bởi giáo lý tôn giáo, do đó những tư tưởng xã hội chủ nghĩa chưa xuất hiện. Nhưng đến nửa sau thời kỳ trung đại đã xuất hiện nhiều phong trào đấu tranh của nông dân chống phong kiến, đặc biệt là có rất nhiều phong trào chống giáo hội (phong trào di giáo). Và chính ở các phong trào này đã nảy sinh những tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Nhìn chung, những tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ này vẫn là những yếu tố còn rời rạc và mang đậm nét màu sắc tôn giáo.

### 2. Tư tưởng xã hội chủ nghĩa thời kỳ từ thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XVIII

#### a) Điều kiện kinh tế - xã hội và hoàn cảnh lịch sử

Thời kỳ từ khoảng thế kỷ XV đến cuối thế kỷ XVIII được đánh dấu bởi những bước tiến dài trong đời sống kinh tế - xã hội của nhân loại. Các công trường thủ công có tính chất chuyên môn hoá dần hình thành và thay thế cho tính chất hợp tác sản xuất theo kiểu phường hội. Sự phân hoá giai cấp diễn ra mạnh mẽ hơn và kèm theo đó là những xung đột giai cấp cũng diễn ra quyết liệt hơn. Những thành phần đầu tiên của giai cấp tư sản và vô sản được hình thành và phát triển nhanh cùng với sự phát triển của nền công nghiệp lớn, sự mở mang

thuộc địa, thị trường tư bản chủ nghĩa. Nhiều cuộc cách mạng tư sản nổ ra và thắng lợi. Giai cấp tư sản từng bước đã thiết lập địa vị thống trị của mình. Chủ nghĩa tư bản đã dần thay thế hẳn chế độ phong kiến ở phần lớn châu Âu, Bắc Mỹ. Sự tích tụ và tập trung tư bản diễn ra mạnh mẽ, xung đột giai cấp diễn ra gay gắt... Những điều kiện và tiền đề ấy đã làm tư tưởng xã hội chủ nghĩa phát triển sang một thời kỳ mới, với một trình độ mới, qua công lao và đóng góp của nhiều nhà tư tưởng vĩ đại.

**b) Các đại biểu xuất sắc và các tư tưởng xã hội chủ nghĩa chủ yếu thế kỷ XVI - XVII**

\* *Tômat Morơ (1478 - 1535)*

Tác phẩm chủ yếu của T.Morơ mà người đời sau biết đến ông như một nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa xuất sắc là cuốn *Không tưởng* (Utopie) viết về cuộc sống của người dân trên đảo Utopie (chưa tồn tại ở đâu cả). Trong tác phẩm này, T. Morơ đã đề cập nhiều nội dung của tư tưởng xã hội chủ nghĩa dưới hình thức một tác phẩm văn học.

Tư tưởng cơ bản nổi bật và có tính chất chủ đạo của ông là tư tưởng cho rằng nguyên nhân sâu xa của mọi tệ nạn xã hội, của áp bức và bất công trong lòng xã hội tư bản là *chế độ tư hữu*. Trên cơ sở quan niệm có tính chất điểm xuất phát ấy, ông mô tả một cách tài tình tình trạng phân hoá giàu, nghèo, những áp bức và bất công trong xã hội tư bản ngay trong buổi bình minh của nó, phân tích một cách sâu sắc sự khốn cùng của người nông dân do quá trình tích lũy nguyên thủy tư bản mang lại... Điều quan trọng và rất căn bản trong các quan niệm xã hội chủ nghĩa của ông là ở chỗ, ông chỉ ra rằng, muốn xoá bỏ bất công, áp bức, xoá bỏ tình trạng phân hoá giàu nghèo, *cần phải xoá bỏ chế độ tư hữu*. Với quan điểm có tính chất căn bản này, ông được xếp vào một trong số các nhà tư tưởng cộng sản chủ nghĩa vĩ đại thế kỷ XVI.

\* *Tômadô Campanella (1568 - 1639)*.

Italia, quê hương của T. Campanella vào thế kỷ XVI bị thực dân Tây Ban Nha xâm lược. Là một nhà tư tưởng yêu nước, ông đã viết nhiều tác phẩm triết học, văn học luận chứng cho những tư tưởng tiến bộ của mình. Sau cuộc khởi nghĩa bất thành vào năm 1598, ông bị nhà cầm quyền bắt giam và đây là thời gian trong tù lâu nhất của cuộc đời ông. Trong số các tác phẩm để lại cho hậu thế, *Thành phố Mặt Trời* được coi như một tác phẩm có nhiều đóng góp nhất vào kho tàng tư tưởng xã hội chủ nghĩa.

Mặc dù là người có thế giới quan duy tâm và theo khuynh hướng thần luận, nhưng triết học của ông là một sự kết hợp những tư tưởng duy lý - tư tưởng tiến bộ nhất thời đại lúc đó với tư tưởng tôn giáo thần bí mà ông chưa thể đoạn tuyệt.

Về phương diện xã hội, cũng giống như T.Morơ, ông phủ nhận chế độ tư hữu và cho rằng cần xây dựng một chế độ xã hội mới như ở *Thành phố Mặt Trời*, nơi mà mọi tài sản đều là của chung.

Khác với T. Morơ, ông coi trọng áp dụng tiến bộ kỹ thuật nhằm giảm nhẹ cường độ lao động của con người. Trong quan niệm về tiêu dùng của xã hội *Thành phố mặt trời*, ông chủ trương phân phối một cách bình quân, theo nhu cầu. Xã hội trong *Thành phố Mặt Trời* mà ông đề xướng là một xã hội mọi người đều bình đẳng, thương yêu nhau và sống tự do. Với những quan điểm này, ông còn được coi là một nhà tư tưởng nhân đạo xuất sắc của thế kỷ XVII.

\* *Giêrăcđơ Uynxtenli (1609 - 1652)*

Sau thắng lợi của cuộc cách mạng tư sản Anh năm 1640, chủ nghĩa tư bản có điều kiện phát triển mạnh trong lĩnh vực kinh tế. Nhưng trong lĩnh vực chính trị - xã hội, xung đột giữa các giai cấp, các tầng lớp xã hội diễn ra rất quyết liệt. Cuộc chiến trên chính trường giữa phái Bảo hoàng và phái Nghị viện diễn ra gay gắt. Điều đó diễn ra ngay cả sau khi chế độ Cộng hoà được tuyên bố thành lập vào mùa xuân năm 1649. Cuộc tranh giành quyền lực giữa các tập đoàn trong nội bộ các giai cấp thống trị càng làm chất chồng thêm gánh nặng trên vai các giai cấp, tầng lớp bị thống trị, bị áp bức. Mâu thuẫn và xung đột giữa các giai cấp bị áp bức chống lại giai cấp thống trị diễn ra quyết liệt. Trong hoàn cảnh ấy, đã xuất hiện những nhà tư tưởng lý luận tiên phong có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa. Một trong số đó là Giêrăcđơ Uynxtenli.

Trong các tác phẩm của mình, G. Uynxtenli đã luận chứng cho các yêu sách của phái "Đào đất" mà ông là một lãnh tụ của phong trào này. Tư tưởng cơ bản toát lên từ những yêu sách đó là bình đẳng, bình đẳng về mọi phương diện, cả trong kinh tế - xã hội và trong chính trị. Tác phẩm tiêu biểu nhất của ông là cuốn *Luật tự do*. Đây có thể được coi là cương lĩnh cải tạo triệt để xã hội bằng cách thủ tiêu chế độ tư hữu về ruộng đất, xây dựng chế độ cộng hoà, trong đó ruộng đất và sản phẩm lao động làm ra là tài sản chung của toàn xã hội.

### ***c) Các đại biểu xuất sắc và tư tưởng xã hội chủ nghĩa không tưởng thế kỷ XVIII***

Nhân loại trong thế kỷ XVIII được chứng kiến sự phát triển với tốc độ nhanh hơn của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và bắc Mỹ. Các tiền đề kinh tế - xã hội và chính trị - xã hội cho sự xác lập hoàn toàn địa vị thống trị của giai cấp tư sản dần được chín muồi. Nền quân chủ chuyên chế đi vào thời kỳ suy tàn, thay vào đó là chính thể cộng hoà tư sản được thiết lập ở Hà Lan, Anh, Pháp, Hoa kỳ... Tuy nhiên, cũng như cuộc cách mạng tư sản Anh, cuộc cách mạng tư sản Pháp cũng diễn ra gay go, dai dẳng giữa các tập đoàn quý tộc, bảo thủ với bộ phận tư sản mới trong các lĩnh vực công nghiệp, thương nghiệp. Sự áp bức bóc lột trong kinh tế cộng thêm chiến tranh, nội chiến triền miên đã làm gia tăng thêm tính chất gay gắt của những mâu thuẫn và xung đột giai cấp vốn đã gay gắt. Các phong trào phản kháng của nhân dân lao động chống lại giai cấp thống trị diễn ra mạnh mẽ. Từ trong cuộc đấu tranh ấy, phản ánh cuộc đấu tranh ấy đã xuất hiện nhiều nhà tư tưởng lý luận xã hội chủ nghĩa. Trong số đó phải kể đến các nhà tư tưởng Pháp: Giăng Mêliê, Gabriêđơ Mably, Grăccơ Babóp...

\* *Giăng Mêliê (1664 - 1729)*

Tác phẩm tiêu biểu của G. Mêliê là cuốn luận văn *Những di chúc của tôi*. Trong tác phẩm này nổi lên hai nội dung quan trọng có tính chất xã hội chủ nghĩa:

- *Thứ nhất*, theo G. Mêliê, nguyên nhân của bất bình đẳng không phải là cái mà tự nhiên ban phát cho, mà do chính con người đã tạo ra sự bất bình đẳng. Những bất bình đẳng có thể bị xoá bỏ.

- *Thứ hai*, khác với nhiều nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa đương thời, G. Mêliê cho rằng, người nông dân có thể tự giải phóng thông qua con đường đấu tranh cách mạng, lật đổ ngai vàng của đế chế phong kiến.

\* *Grăccơ Babóp (1760 - 1797)*



Trong bối cảnh không khí sục sôi của cuộc Cách mạng tư sản (1789), xã hội Pháp đã diễn ra một sự phân bố lực lượng mạnh mẽ. Nhiều nhà tư tưởng tiểu tư sản trước đây có khuynh hướng xã hội chủ nghĩa nay chuyển sang tham gia vào cuộc cách mạng lật đổ chế độ phong kiến. Giai cấp vô sản đã xuất hiện thành một lực lượng và bắt đầu có nhu cầu tách khỏi khối quần chúng nghèo khổ mà từ đó nó đã sinh ra. Đại biểu xuất sắc và là một lãnh tụ của lực lượng chính trị mới này là Gracô Bápô. Với sự ra đời của phái G. Bápô, lần đầu tiên trong lịch sử, vấn đề đấu tranh cho chủ nghĩa xã hội được đặt ra với tính cách *một phong trào thực tiễn*, chứ không chỉ là tư tưởng, lý luận, càng không chỉ là những khát vọng, mơ ước về chế độ xã hội mới. G. Bápô đã nêu ra bản Tuyên ngôn của những người bình dân. Đây được coi là một cương lĩnh hành động với những nhiệm vụ, những biện pháp cụ thể được thực hiện ngay trong tiến trình cách mạng.

Ngoài những tư tưởng xã hội chủ nghĩa của G. Mêliê, G. Bápô, khi nghiên cứu thời kỳ này, cũng cần chú ý đến các quan niệm tiến bộ, mang tính chất xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa của Môrelly, của Gabrien Mably.

Với Môrelly, người mà cho đến nay giới sử học vẫn còn chưa biết rõ về tiểu sử của ông, tác giả của *Bộ luật của tự nhiên*, đã trình bày một hệ thống những quan điểm có tính chất xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa không tưởng trên cơ sở cho rằng quyền bình đẳng là tự nhiên, vốn có của con người, như đã từng diễn ra trong thời kỳ công xã nguyên thủy và vẫn tồn tại trong một số bộ lạc thời kỳ đó, chế độ tư hữu ra đời đã làm tiêu tan cái quyền bình đẳng tự nhiên ấy.

Tương tự với Môrelly, lý thuyết về quyền bình đẳng tự nhiên của G. Mably (1709 - 1785) được coi là cơ sở trong các luận điểm xã hội - chính trị của ông.

### **3. Chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán đầu thế kỷ XIX**

#### ***a) Hoàn cảnh lịch sử và các điều kiện kinh tế - xã hội***

Cuối thế kỷ XVIII được coi là thời kỳ bão táp cách mạng của cách mạng tư sản. Trên lĩnh vực kinh tế, sự ra đời của nền sản xuất công nghiệp đã diễn ra nhanh chóng ở nước Anh, một phần châu Âu lục địa và Bắc Mỹ. Sản xuất công nghiệp đã nhanh chóng làm biến đổi bộ mặt kinh tế - xã hội của thế giới. Đến mức như sau này, theo đánh giá của C. Mác và Ph. Ăngghen, chỉ sau hơn 2 thế kỷ tồn tại, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra một khối lượng của cải vật chất nhiều hơn tất cả các thời đại trước gộp lại. Lực lượng sản xuất phát triển nhanh chóng kéo theo sự biến đổi và ngày càng hoàn thiện quan hệ sản xuất chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa. Cùng với quá trình ấy và trên quá trình ấy, sự ra đời và hình thành ngày càng rõ nét hai lực lượng xã hội đối lập nhau : *giai cấp tư sản* và *giai cấp công nhân*. Giai cấp tư sản đã củng cố từng bước vững chắc địa vị thống trị của mình và cũng bắt đầu bộc lộ những bản chất cố hữu của nó : bóc lột áp bức nhân dân lao động vì quyền lợi của giai cấp mình. Trong khi đó, giai cấp công nhân xuất hiện, từng bước lớn mạnh trở thành một lực lượng xã hội quan trọng trong quá trình xác lập, củng cố địa vị thống trị của giai cấp tư sản trong lĩnh vực sản xuất, trong nền kinh tế. Trong lĩnh vực xã hội - chính trị, họ cũng như các giai cấp và tầng lớp lao động khác, bị áp bức bóc lột thậm tệ. Tình trạng bất công xã hội, bất bình đẳng và nghèo khổ đè nặng lên vai họ.

Trong điều kiện ấy, những phản kháng đầu tiên của giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động là điều không thể không xảy ra. Nhận thức được sự phản kháng ấy, một bộ phận trí thức tư sản và tiểu tư sản có tư tưởng cấp tiến đã phản ánh những lợi ích, khát vọng của giai cấp công nhân và của quần chúng lao động bị áp bức chống lại sự bất công xã hội. Một giai đoạn mới trong tiến trình phát triển của tư tưởng xã hội chủ nghĩa đã bắt đầu với tên tuổi của ba nhà tư tưởng vĩ đại : Hăngri Đơ Xanh ximông, Sácơ Phuriê và Rôbốt Ôoen.

**b) Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa tiêu biểu**

\* *Colôđơ Hăngri Đơ Xanh Ximông (1760 - 1825)*

Ông là người viết nhiều tác phẩm đề cập nhiều nội dung có tính chất xã hội chủ nghĩa.

Trước hết, ông có công lao đề cập, luận giải cho lý thuyết về giai cấp và xung đột giai cấp. Mặc dù ông chưa thể phân định chính xác về nguồn gốc cũng như bản chất kinh tế - xã hội của các giai cấp nhưng đây là một đóng góp mới của ông đối với kho tàng tri thức nhân loại về xã hội nói chung, về tư tưởng xã hội chủ nghĩa nói riêng.

Ông tuyên bố ông là người phát ngôn của giai cấp cần lao và giải phóng giai cấp ấy là mục đích cuối cùng của những nỗ lực mà ông thực hiện trong cuộc đời.

Ông cũng chỉ ra tính chất nửa vời, thiếu triệt để và không vì lợi ích của nhân dân lao động của cuộc Cách mạng tư sản Pháp năm 1789. Vì vậy, theo ông cần có một cuộc cách mạng mới, một cuộc "tổng cách mạng". Để thực hiện cuộc cách mạng mới đó, ông chủ trương phải bằng "con đường bình yên chung", mặc dù thời trẻ ông từng cống hiến sức lực của mình cho cuộc kháng chiến chống xâm lược của những người anh em ở Bắc Mỹ.

Quan niệm của ông về chế độ sở hữu của xã hội tương lai cũng chứa đựng một sự mâu thuẫn. Một mặt ông cho rằng, trong xã hội ấy, chế độ sở hữu phải được tổ chức sao cho có lợi nhất cho toàn xã hội. Nhưng mặt khác, ông lại không chủ trương xoá bỏ chế độ tư hữu, mà chỉ cố gắng xoá bỏ sự phân hoá giàu nghèo một cách quá đáng, thông qua và bằng cách phổ biến hoá chế độ tư hữu.

\* *Sácơ Phuriê (1772 - 1837)*

Sinh ra và lớn lên trong một gia đình thương gia mà việc buôn bán không mấy xuôn xẻ, S. Phuriê sớm được tiếp xúc với thương trường của xã hội tư bản phát triển. Là một người không được học hành đến nơi đến chốn, nhưng bù lại ông có một trí thông minh tuyệt vời. Tinh tế trong quan sát, sắc sảo trong nhận xét đánh giá, ông nắm rất vững phép biện chứng trong quan sát, phát hiện và phân tích vấn đề và sử dụng tài tình nguyên tắc antinomi trong trình bày các quan niệm về xã hội... Đó là những đặc thù trong nhân cách của S. Phuriê.

Ngay từ khi chủ nghĩa tư bản đang ở trong buổi bình minh của tự do cạnh tranh, S. Phuriê đã phát hiện ra tình trạng vô chính phủ của nền công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Trong nền kinh tế ấy, người lao động làm ra sản phẩm được hưởng thụ quá ít, trong khi kẻ ăn bám thì lại hưởng thụ quá nhiều, "sự nghèo khổ được sinh ra từ chính sự thừa thãi". Cũng trên cái nhìn biện chứng ấy, ông đưa ra 4 giai đoạn phát triển lịch sử mà nhân loại đã trải qua: mông muội, dã man, gia trưởng và văn minh.

Đánh giá về chế độ văn minh tư bản, ông cho rằng nó chỉ có thể tạo ra sự giàu có nói chung chứ không thể tạo ra sự giàu có cho toàn xã hội. Trên cơ sở cái nhìn biện chứng đối với các tệ nạn của xã hội tư bản, ông dự đoán, xã hội văn minh tư bản nhất định sẽ được thay thế bằng chế độ xã hội mới mà ông gọi là "chế độ xã hội được đảm bảo" hay "xã hội hài hoà". Trong xã hội mới ấy, có sự thống nhất giữa lợi ích cá nhân và lợi ích tập thể, mỗi cá nhân sẽ tìm thấy lợi ích của mình trong lợi ích chung của toàn xã hội. Tuy nhiên, cũng như H. Xanh Ximông, S. Phurie không chủ trương xoá bỏ chế độ tư hữu.

\* *Rôbôt Ôoen (1771 - 1858)*

Trong những năm 30 của thế kỷ XIX ở nước Anh diễn ra phong trào đòi cải cách tuyển cử có sự tham gia của đông đảo công nhân và lao động Anh. Trong bối cảnh ấy, xuất hiện một nhà cải cách có khuynh hướng cộng sản chủ nghĩa. Ông là Rôbôt Ôoen.

Khác với H. Xanh Ximông và S. Phurie, R. Ôoen không chỉ đề xướng và kiến nghị những tư tưởng có tính chất xã hội chủ nghĩa, ông còn đề ra và tổ chức thực hiện những tinh thần được nêu trong *Luật lao động nhân đạo* trong công xưởng nơi ông làm giám đốc. Bằng kinh nghiệm hoạt động thực tế ông đánh giá cao vai trò của công nghiệp, của tiến bộ kỹ thuật đối với sản xuất và phát triển kinh tế. Những chủ trương có tính nhân đạo mà ông thực hiện trong nhà máy của mình ít nhiều đã mang lại những kết quả nhất định trong cải thiện đời sống cho công nhân của ông. Ông là người chủ trương phải xoá bỏ tư hữu vốn là nguyên nhân của những bất công và tệ nạn xã hội trong xã hội tư bản.

Bị thất bại và khánh kiệt gia sản do những thực nghiệm đơn độc của mình ở Anh và ở Mỹ, ông dồn toàn bộ thời gian và sức lực còn lại của cuộc đời mình hoạt động trong phong trào của giai cấp công nhân Anh.

#### **4. Giá trị và những hạn chế lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng**

##### **a) Giá trị lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng**

Hầu hết các quan niệm, các luận điểm của các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa đều chứa đựng một tinh thần nhân đạo cao cả. Về cơ bản, những tư tưởng nhân đạo ấy chưa vượt khỏi tinh thần nhân đạo tư sản. Tuy nhiên nhiều giá trị, luận điểm đã vượt được lên trên tinh thần nhân đạo tư sản, nhất là trong tư tưởng của các tác gia đầu thế kỷ XIX.

- Với các mức độ và trình độ có khác nhau, nhưng nhìn chung các tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong suốt các thời kỳ được xét đều thể hiện tinh thần phê phán đối với chủ nghĩa tư bản. Chính vì thế, trong nhiều ấn phẩm, ta thường bắt gặp cụm từ "chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán" để chỉ các trào lưu tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước khi có chủ nghĩa xã hội khoa học.

- Nhiều luận điểm, quan điểm, nhiều khái niệm... phản ánh các giá trị xã hội chủ nghĩa của những phong trào hiện thực, ở mức độ khác nhau đã thực sự là những tri thức làm phong phú thêm cho kho tàng tư tưởng xã hội chủ nghĩa, chuẩn bị những tiền đề tư tưởng lý luận cho sự kế thừa phát triển tư tưởng xã hội chủ nghĩa lên một trình độ mới.

- Không chỉ là những nhà tư tưởng đơn thuần, một số người đã xả thân, lăn lộn hoạt động trong thực tiễn của phong trào công nhân và người lao động, để từ đó mà quan sát phát hiện những giá trị tư tưởng mới. Nghĩa là, ngày càng dùng đầu óc để phát hiện trong thực tế chứ

không phải là nghĩ ra từ đầu óc, như cách nói của Ăngghen sau này, khi ông chỉ ra nhiệm vụ của chủ nghĩa xã hội.

### ***b) Những hạn chế lịch sử của tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước Mác***

Không thể không chịu ảnh hưởng sâu sắc của chủ nghĩa duy lý và chân lý vĩnh cửu của triết học thời kỳ cận đại, các nhà không tưởng đầu thế kỷ XIX đã không thể thoát khỏi quan niệm duy tâm về lịch sử. Họ cho rằng, chân lý vĩnh cửu đã có, đã tồn tại ở đâu đó, chỉ cần có con người tài ba xuất chúng là có thể phát hiện ra, có thể tìm thấy. Khi đã tìm thấy, chỉ cần những người đó thuyết phục toàn xã hội là xây dựng được xã hội mới.

Hầu hết các nhà không tưởng đều có khuynh hướng đi theo con đường ôn hoà để cải tạo xã hội bằng pháp luật, thực nghiệm xã hội... Một số ít khác thì chủ trương khởi nghĩa nhưng sự chuẩn bị đã không thể có được. Dù chủ trương bằng con đường nào, các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa đều đã không thể chỉ ra được con đường cách mạng nhằm thủ tiêu chế độ tư bản chủ nghĩa, xây dựng chế độ xã hội mới. Bởi các ông đã không thể giải thích được bản chất của chế độ nô lệ làm thuê tư bản, không thể phát hiện ra những quy luật nội tại chi phối con đường, cách thức cho những chuyển biến tiếp theo của xã hội.

Các nhà tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong các thời kỳ được xét, ngay cả những đại biểu của đầu thế kỷ XIX đã không thể phát hiện ra lực lượng xã hội tiên phong có thể thực hiện cuộc chuyển biến cách mạng từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Lực lượng ấy đã được sinh ra, lớn lên và phát triển cùng với nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa. Đó là giai cấp công nhân.

Những hạn chế trên đây là những hạn chế có tính lịch sử, không thể tránh khỏi, và chúng ta không thể đòi hỏi những gì mà các ông không thể thực hiện được. Do những hạn chế ấy, mà chủ nghĩa xã hội do các ông sáng tạo ra được gọi là chủ nghĩa xã hội không tưởng. Chủ nghĩa xã hội ấy không thể không phải là không tưởng. Nhưng những gì mà các ông để lại thực sự là một đóng góp vô giá vào kho tàng tư tưởng xã hội chủ nghĩa. Những đóng góp to lớn ấy đã thực sự làm cho chủ nghĩa xã hội của các ông là một trong những tiên đề tư tưởng lý luận quan trọng cho sự ra đời của tư tưởng xã hội chủ nghĩa ở một trình độ mới cao hơn: chủ nghĩa xã hội khoa học.

## **III - SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CHỦ NGHĨA XÃ HỘI KHOA HỌC**

### **1. Sự hình thành của chủ nghĩa xã hội khoa học**

#### ***a) Những điều kiện và tiên đề khách quan dẫn đến sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học***

##### ***\* Điều kiện kinh tế - xã hội***

Vào những năm 40 của thế kỷ XIX, phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đã phát triển mạnh mẽ gắn liền với sự ra đời và lớn mạnh của nền công nghiệp lớn. Cùng với sự lớn mạnh của giai cấp tư sản, giai cấp công nhân có sự gia tăng nhanh chóng về số lượng và sự chuyển đổi về cơ cấu. Tỷ trọng công nhân công nghiệp đã tăng đáng kể và trở thành bộ phận hạt nhân của giai cấp. Đây là đội ngũ những người công nhân lao động trong khu vực sản xuất then chốt có trình độ công nghệ và kỹ thuật hiện đại nhất. Cuộc đấu tranh giữa giai cấp công nhân

chống lại sự thống trị áp bức của giai cấp tư sản, biểu hiện về mặt xã hội của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất công nghiệp hiện đại có tính chất xã hội ngày càng cao với quan hệ sản xuất chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa, ngày càng trở nên quyết liệt. Nhiều cuộc khởi nghĩa, nhiều phong trào đấu tranh đã bắt đầu có tổ chức và trên quy mô rộng khắp. Điều kiện kinh tế - xã hội ấy đòi hỏi phải có lý luận tiên phong dẫn đường, điều mà chủ nghĩa xã hội không tưởng trước đó một vài thập kỷ đã không thể đảm đương. Điều kiện kinh tế - xã hội ấy không chỉ đặt ra yêu cầu đối với các nhà tư tưởng của giai cấp công nhân mà còn là mảnh đất hiện thực cho sự sinh thành ra lý luận tiến bộ soi sáng sự vận động đi lên của lịch sử.

*\* Tiền đề văn hoá và tư tưởng*

Đầu thế kỷ XIX, nhân loại đã đạt nhiều thành tựu to lớn trên lĩnh vực khoa học, văn hoá và tư tưởng. Trong khoa học tự nhiên, những phát minh vạch thời đại trong vật lý học và sinh học đã tạo ra bước phát triển có tính cách mạng trong khoa học.

Trong triết học và khoa học xã hội phải kể đến sự ra đời của triết học cổ điển Đức với tên tuổi của các nhà triết học vĩ đại: Hê ghen, Phoiơbác, của kinh tế chính trị học cổ điển Anh với A. Smít và D. Ricácđô, của chủ nghĩa xã hội không tưởng - phê phán của H. Xanh Ximông, S. Phuriê và R. Ôoen. Những giá trị khoa học, cống hiến mà các ông để lại đã tạo ra tiền đề cho các nhà tư tưởng, các nhà khoa học thế hệ sau kế thừa. Những gì là hạn chế do giới hạn có tính chất lịch sử, thực tiễn lịch sử của giai đoạn mới phát triển đã và đang cung cấp. Vấn đề còn lại là ở chỗ ai là người có đủ khả năng kế thừa phát triển những di sản ấy và có thể quan sát phân tích khái quát để phát hiện ra từ trong thực tiễn con đường, biện pháp và lực lượng xã hội có thể đảm nhận sự chuyển biến cách mạng mà các nhà tư tưởng thế hệ trước đã phỏng đoán một cách tài tình.

*\* Vai trò của C. Mác và Ph. Ăngghen đối với sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học*

C. Mác (1818 - 1883) và Ph. Ăngghen (1820 - 1895) trưởng thành ở một quốc gia có nền triết học phát triển rực rỡ với thành tựu nổi bật là chủ nghĩa duy vật của L. Phoiơbác và phép biện chứng của Ph. Hêghen. Bằng trí tuệ uyên bác các ông đã tiếp thu với một tinh thần phê phán đối với các giá trị của nền triết học cổ điển và với kho tàng tư tưởng lý luận mà các thế hệ trước để lại; sớm đắm mình trong phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân và nhân dân lao động... tất cả những điều đó đã cho phép các ông đến với nhau, trở thành đôi bạn cùng chí hướng, giúp các ông nhận thức được bản chất của những sự kiện kinh tế - xã hội, chính trị - xã hội đang diễn ra trong lòng chế độ tư bản. Kế thừa các giá trị khoa học trong kho tàng tư tưởng nhân loại, quan sát, phân tích với một tinh thần khoa học những sự kiện đang diễn ra... đã cho phép các ông từng bước phát triển học thuyết của mình, đưa các giá trị tư tưởng lý luận nói chung, tư tưởng xã hội chủ nghĩa nói riêng phát triển lên một trình độ mới về chất.

Nhờ hai phát hiện vĩ đại : chủ nghĩa duy vật lịch sử và học thuyết về giá trị thặng dư, các ông đã luận giải một cách khoa học sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân. Đây được coi là phát kiến lớn thứ ba của C. Mác và Ph. Ăngghen. Nhờ phát hiện này và xuất phát từ phát kiến này, các ông đã khắc phục một cách triệt để những hạn chế có tính lịch sử của chủ nghĩa xã hội không tưởng.

Cùng với các tác phẩm đầu tiên, như : *Góp phần phê phán triết học pháp quyền của Hêghen, Tình cảnh của giai cấp công nhân Anh, Hệ tư tưởng Đức, Những nguyên lý của chủ*

*nghĩa cộng sản*, sự ra đời của *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* năm 1848 đã đánh dấu sự ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học - học thuyết khoa học và cách mạng soi sáng con đường và quá trình chuyển biến cách mạng của loài người từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Lực lượng xã hội tiên phong và là động lực cơ bản nhất của quá trình ấy là giai cấp công nhân, giai cấp có sứ mệnh lịch sử thủ tiêu chủ nghĩa tư bản, xây dựng chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản trên phạm vi thế giới.

## **2. Các giai đoạn cơ bản trong sự phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học**

### ***a) C. Mác và Ph. Ăngghen đặt nền móng và tiếp tục phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học***

Sau *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*, C. Mác và Ph. Ăngghen tiếp tục có những cống hiến to lớn, bổ sung và phát triển những nội dung cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học. Trên cơ sở tổng kết kinh nghiệm cách mạng ở châu Âu giai đoạn 1848 - 1851, các ông đã phát hiện ra rằng : để giành được quyền thống trị về chính trị, giai cấp công nhân cần đập tan bộ máy quan liêu của nhà nước tư sản, thiết lập chuyên chính vô sản - công cụ chủ yếu để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, thực hiện liên minh với quảng đại quần chúng lao động phi vô sản hợp thành động lực căn bản của cách mạng, giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc trên cơ sở lập trường của giai cấp công nhân, giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản là một thời kỳ chuyển biến cách mạng lâu dài, đó là thời kỳ quá độ chính trị và nhà nước của thời kỳ đó chính là chuyên chính cách mạng của giai cấp công nhân.

Đặc biệt với bộ sách *Tư bản đồ sộ*, toàn bộ những nguyên lý cơ bản nhất về chủ nghĩa duy vật lịch sử, học thuyết về giá trị thặng dư đã được Mác trình bày một cách có hệ thống. Điều đó đã tạo lập cơ sở khoa học vững chắc cho việc luận giải tính tất yếu diệt vong của chủ nghĩa tư bản, tất yếu thắng lợi của chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, lý giải một cách sâu sắc nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Như mọi hệ thống khoa học khác, chủ nghĩa Mác nói chung, chủ nghĩa xã hội khoa học nói riêng là một hệ thống chỉnh thể tri thức. Trong hệ thống ấy, có các tri thức về các nguyên lý cơ bản phản ánh các quy luật vận động biến đổi của xã hội là những tri thức phản ánh bản chất của khách thể, chúng tồn tại mãi mãi với thời gian và không ngừng được bổ sung, hoàn thiện. Các tri thức về cách thức, biện pháp và phương pháp vận dụng các quy luật ấy có thể thay đổi và cần phải thay đổi theo những hoàn cảnh lịch sử cụ thể. Điều này, với tư cách là những nhà khoa học chân chính, sinh thời chính các ông cũng đã căn dặn chúng ta. Điều quan trọng là không thể và không bao giờ được cho rằng những hạn chế, nhược điểm thậm chí cả sai lầm trong các cách thức, biện pháp tác động mà các ông nêu ra là những sai lầm của cả các tri thức phản ánh quy luật đã được nhận thức. Cũng giống như, không thể vì những thất bại của hàng nghìn thí nghiệm của Êđixơn nhằm sáng chế ra đèn điện mà lại nói rằng nguyên lý về sự có thể chuyển điện năng thành nhiệt năng là sai lầm.

### ***b) V.I. Lênin tiếp tục phát triển và vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học trong hoàn cảnh lịch sử mới***

V.I. Lênin (1870 - 1924) là người đã kế tục một cách xuất sắc sự nghiệp cách mạng và khoa học của C. Mác và Ph. Ăngghen. Những đóng góp to lớn của Người vào sự vận dụng sáng tạo, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học có thể được chia thành hai thời kỳ cơ bản: thời

kỳ trước Cách mạng tháng Mười và thời kỳ từ sau Cách mạng tháng Mười đến khi người từ trần.

*\* Lênin vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học thời kỳ trước Cách mạng tháng Mười Nga*

Trên cơ sở kế thừa và vận dụng sáng tạo các nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, phân tích và tổng kết một cách nghiêm túc các sự kiện lịch sử diễn ra trong đời sống kinh tế - xã hội của hoàn cảnh lịch sử mới, V.I. Lênin phát hiện và trình bày một cách có hệ thống những khái niệm, phạm trù khoa học phản ánh những quy luật, những thuộc tính bản chất chi phối sự vận động biến đổi của đời sống xã hội trong quá trình chuyển biến tất yếu từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Đó là các tri thức về Đảng kiểu mới của giai cấp công nhân, về các nguyên tắc tổ chức, cương lĩnh, sách lược trong nội dung hoạt động của Đảng; về cách mạng xã hội chủ nghĩa và chuyên chính vô sản, cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và các điều kiện tất yếu cho sự chuyển biến sang cách mạng xã hội chủ nghĩa; những vấn đề mang tính quy luật của cách mạng xã hội chủ nghĩa, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, vấn đề dân tộc và cương lĩnh dân tộc, đoàn kết và liên minh của giai cấp công nhân với nông dân và quảng đại quần chúng phi vô sản; những vấn đề về quan hệ quốc tế và chủ nghĩa quốc tế vô sản, quan hệ cách mạng xã hội chủ nghĩa với phong trào giải phóng dân tộc.

Bên cạnh hoạt động lý luận, V.I. Lênin đã từng bước lãnh đạo Đảng của giai cấp công nhân Nga tập hợp lực lượng đấu tranh chống chế độ chuyên chế Nga hoàng, tiến tới giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động Nga.

*\* V.I. Lênin và sự vận dụng, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học thời kỳ sau Cách mạng tháng Mười*

Sau khi giành thắng lợi trong cuộc Cách mạng tháng Mười, do yêu cầu của công cuộc xây dựng chế độ mới, V.I. Lênin đã tiến hành phân tích làm rõ nội dung, bản chất của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, xác định cương lĩnh xây dựng chủ nghĩa xã hội, xây dựng và bắt tay tổ chức các chính sách kinh tế, xác định chính sách kinh tế mới nhằm sử dụng và học tập các kinh nghiệm tổ chức, quản lý kinh tế của chủ nghĩa tư bản để cải tạo nền kinh tế tiểu nông lạc hậu của nước Nga Xô - viết.

Cũng trong thời kỳ này, Lênin đã viết nhiều tác phẩm kinh điển trong đó nêu ra và luận giải cho một loạt những vấn đề cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, đấu tranh chống lại mọi trào lưu của chủ nghĩa cơ hội - xét lại, chủ nghĩa giáo điều và bệnh tả khuynh trong phong trào Cộng sản và Công nhân quốc tế.

Cùng với những cống hiến hết sức to lớn trên phương diện lý luận, trong lĩnh vực tổ chức, lãnh đạo hoạt động thực tiễn cách mạng, V.I. Lênin còn nêu một tấm gương sáng ngời về lòng trung thành vô hạn với lợi ích của giai cấp công nhân, với lý tưởng và hoài bão Cộng sản mà C. Mác, Ph. Ăngghen phát hiện và khởi xướng. Đồng thời, người cũng luôn chú ý phân tích các chất liệu từ thực tiễn, không giáo điều máy móc mà luôn sáng tạo. Điều đó đã làm cho Lênin trở thành một vị lãnh tụ kiệt xuất của giai cấp công nhân và nhân dân lao động toàn thế giới, nhà tư tưởng lỗi lạc của nhân loại.

***c) Sự phát triển và tiếp tục vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học từ sau khi Lênin từ trần***

Hơn 80 mươi năm đã trôi qua kể từ khi V.I. Lênin từ trần, chủ nghĩa xã hội khoa học, phong trào cách mạng của giai cấp công nhân thế giới đã trải qua nhiều thử thách cam go, đã giành được những thắng lợi vĩ đại và cũng đã trải qua nhiều tổn thất to lớn. Trong lịch sử hình thành phát triển của mình, từ khi còn là những trào lưu tư tưởng không tưởng, đến khi trở thành khoa học và được thực hiện thành công trên một phần địa cầu, chủ nghĩa xã hội luôn gặp phải sự chống trả quyết liệt của giai cấp tư sản và các thế lực phản động. Đó hoàn toàn là điều bình thường. Điều quan trọng là sau mỗi lần khủng hoảng hay thoái trào, những người cộng sản chân chính, những nhà tư tưởng kiên trung của giai cấp công nhân đã luôn chú ý tổng kết kinh nghiệm, đánh giá tình hình một cách tỉnh táo, khách quan, phát hiện ra những khả năng, những con đường từ trong thực tiễn sôi động và phức tạp.

Có thể nêu một cách vắn tắt nhưng đầy đủ những nội dung cơ bản phản ánh sự vận dụng, phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học trong khoảng 80 năm qua như sau :

- Mọi thắng lợi cơ bản, quan trọng của nhân dân lao động, của cách mạng thế giới trong thế kỷ XX đều có phần đóng góp trực tiếp, cơ bản và rất quan trọng của chủ nghĩa xã hội, của sự vận dụng thành công những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn phong trào Cộng sản và Công nhân quốc tế ở mỗi nước cũng như của cả hệ thống xã hội chủ nghĩa thế giới. Trong đó thắng lợi vĩ đại nhất là đã đưa nhân dân thế giới thoát khỏi hoạ phát - xít, là tiền đề quan trọng nhất dẫn đến sự tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ và mới, là sự hình thành và phát triển của hệ thống xã hội chủ nghĩa... Điều này đã đẩy nhanh tiến trình vận động của quy luật lịch sử nhân loại về phía trước. Cùng với những thành tựu trong đấu tranh, trong hoà bình xây dựng, các nước xã hội chủ nghĩa đã góp phần quan trọng vào đấu tranh vì dân sinh, dân chủ, tiến bộ xã hội trên toàn thế giới.

- Các Đảng Cộng sản và Công nhân quốc tế đã tổng kết nêu ra và tiếp tục phát triển bổ sung nhiều nội dung quan trọng của chủ nghĩa xã hội khoa học, cả trên bình diện những nguyên lý, quy luật đến các vấn đề về phương hướng, giải pháp tác động, chủ trương chính sách xây dựng chế độ xã hội mới ở mỗi nước, góp phần quan trọng vào quá trình vận dụng sáng tạo, phát triển bổ sung và hoàn thiện chủ nghĩa xã hội khoa học. Điều này có thể minh chứng qua các Hội nghị các Đảng cộng sản và công nhân quốc tế, các diễn đàn và hội nghị khoa học, lý luận chính trị, các cuộc viếng thăm trao đổi song phương và đa phương, nhất là các kỳ Đại hội của các Đảng cộng sản và Công nhân ở các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây, các nước đang tiến hành lựa chọn con đường phát triển xã hội chủ nghĩa hiện nay.

- Sự thắng lợi, phát triển rực rỡ và sau đó là sụp đổ của chủ nghĩa xã hội diễn ra ở một số nước trong những năm 90 của thế kỷ trước có thể được coi là minh chứng cho sự thành công và thất bại của vận dụng, áp dụng các nguyên lý, quy luật của chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn. Chừng nào và ở đâu, Đảng Cộng sản nhận thức đúng, sáng tạo hoàn cảnh lịch sử cụ thể mà trong đó cách mạng đang vận động, để đề ra các chủ trương chiến lược và sách lược đúng đắn vì mục tiêu xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội, chừng đó và ở đó, cách mạng phát triển và thu được những thắng lợi. Trong trường hợp ngược lại, cách mạng sẽ lâm vào thoái trào và bị thất bại. Vấn đề đặt ra đối với chủ nghĩa xã hội khoa học là từ trong những



thành công và thất bại của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thập kỷ cuối thế kỷ XX, cần nghiêm túc phân tích, khái quát và rút ra các vấn đề lý luận, những bài học kinh nghiệm, từ đó có những phương thức, biện pháp chủ trương chiến lược và sách lược hợp lý trong hoàn cảnh mới, tiếp tục bổ sung và phát triển sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học, tiếp tục hiện thực thắng lợi trên thực tế chế độ xã hội mới : xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

***d) Đảng Cộng sản Việt Nam với sự vận dụng và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học***

Lịch sử dân tộc Việt Nam trong suốt ba phần tư thế kỷ qua cho thấy, những thắng lợi, những thành tựu của cách mạng luôn gắn liền với quá trình vận dụng sáng tạo, phát triển và hoàn thiện lý luận của chủ nghĩa xã hội khoa học trong những điều kiện lịch sử cụ thể của thời đại, trên cơ sở mảnh đất hiện thực Việt Nam với những đặc thù của nó. Trong sự nghiệp vĩ đại ấy, sự xuất hiện và những cống hiến vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh đã làm phong phú thêm kho tàng chủ nghĩa Mác - Lênin, cả trong những vấn đề hết sức cơ bản của lý luận ấy lẫn trên bình diện là những tri thức về cách thức, biện pháp và chiến lược, sách lược vận dụng chủ nghĩa xã hội khoa học vào thực tiễn cách mạng Việt Nam. Chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh đã và đang thực sự là nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho mọi hành động cách mạng của toàn Đảng, toàn dân ta trong giai đoạn cách mạng hiện nay, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Những đóng góp bổ sung và phát triển cũng như sự vận dụng sáng tạo chủ nghĩa xã hội khoa học của Bác Hồ và của Đảng ta có thể được tóm tắt trên một số vấn đề cơ bản như sau :

- Độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội là một tính quy luật của cách mạng Việt Nam, trong điều kiện thời đại ngày nay.

- Kết hợp chặt chẽ, ngay từ đầu đổi mới kinh tế với đổi mới chính trị, lấy đổi mới kinh tế là trung tâm, đồng thời đổi mới từng bước về chính trị, đảm bảo giữ vững sự ổn định chính trị, tạo điều kiện và môi trường thuận lợi để đổi mới và phát triển kinh tế.

- Xây dựng và phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế thị trường, đi đôi với tăng cường vai trò quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Đây được xem như một nội dung cơ bản, thể hiện sự ưu việt của xã hội xã hội chủ nghĩa ngay từ những chặng đường đầu tiên của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Xây dựng phát triển kinh tế phải đi đôi với giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, đi đôi với bảo vệ môi trường sinh thái;

- Mở rộng và phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, phát huy sức mạnh của mọi giai cấp và tầng lớp nhân dân, mọi thành phần dân tộc và tôn giáo, mọi công dân Việt Nam ở trong nước hay ở nước ngoài, tạo cơ sở xã hội rộng lớn và thống nhất cho sự nghiệp xây dựng chế độ xã hội mới;

- Tranh thủ tối đa sự đồng tình, ủng hộ và giúp đỡ của nhân dân thế giới, khai thác mọi khả năng có thể hợp tác nhằm mục tiêu xây dựng và phát triển đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa, kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại:

- Giữ vững và tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản - nhân tố cơ bản và quan trọng nhất bảo đảm thắng lợi của sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá và quá độ lên chủ

nghĩa xã hội ở Việt Nam. Khâu then chốt để đảm bảo tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng là phải coi trọng công tác xây dựng Đảng, nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng.

Trên đây là những bài học kinh nghiệm được khái quát từ thực tiễn đấu tranh cách mạng dưới sự lãnh đạo của Đảng của giai cấp công nhân Việt Nam, là kết tinh những thể hiện sinh động các nguyên lý, quy luật được đúc kết của chủ nghĩa xã hội khoa học ở Việt Nam và trong hoàn cảnh lịch sử Việt Nam, trong điều kiện lịch sử cụ thể của thời đại ngày nay.

### **Câu hỏi thảo luận và ôn tập**

1. Phân tích những giá trị lịch sử, những hạn chế của tư tưởng xã hội chủ nghĩa trước khi xuất hiện chủ nghĩa xã hội khoa học. Vì sao, tư tưởng xã hội chủ nghĩa trong các thời kỳ này được gọi là chủ nghĩa xã hội không tưởng ?

2. Phân tích những điều kiện và tiền đề ra đời của chủ nghĩa xã hội khoa học. Rút ra ý nghĩa về mặt phương pháp luận khi nghiên cứu những tiền đề và điều kiện đó đối với hoạt động dạy - học chủ nghĩa xã hội khoa học hiện nay.

3. Những giai đoạn cơ bản trong tiến trình phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học ? Cống hiến của Chủ tịch Hồ Chí Minh và của Đảng ta đối với việc vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa xã hội khoa học ?

### *Chương III*

## **SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN**

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là phạm trù cơ bản nhất, phạm trù xuất phát của chủ nghĩa xã hội khoa học. Phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là một trong những cống hiến vĩ đại nhất của chủ nghĩa Mác – Lênin.

### **I - KHÁI NIỆM GIAI CẤP CÔNG NHÂN VÀ SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA NÓ**

#### **1. Khái niệm giai cấp công nhân**

Để hiểu rõ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, trước hết cần phải làm rõ khái niệm giai cấp công nhân. Chính C.Mác và Ph. Ăngghen khi bắt tay vào nghiên cứu giai cấp công nhân cũng đã chỉ rõ: "Vấn đề là ở chỗ giai cấp vô sản thực ra là gì, và phù hợp với sự tồn tại ấy của bản thân nó, giai cấp vô sản buộc phải làm gì về mặt lịch sử"<sup>(1)</sup>.

Trong quá trình nghiên cứu giai cấp công nhân, C. Mác và Ph. Ăngghen đã sử dụng nhiều thuật ngữ khác nhau để biểu đạt khái niệm giai cấp công nhân: "giai cấp vô sản", "giai cấp công nhân công nghiệp", "giai cấp công nhân đại công nghiệp", "giai cấp công nhân hiện đại"... Ngoài ra, trong những hoàn cảnh lịch sử cụ thể, các ông còn sử dụng một số thuật ngữ khác để diễn đạt khái niệm giai cấp công nhân: "Giai cấp công nhân làm thuê thế kỷ XIX", "giai cấp xã hội hoàn toàn chỉ kiếm sống bằng việc bán sức lao động của mình"...

Tất cả những thuật ngữ đồng nghĩa trên đây chỉ là sự khác nhau về hình thức biểu đạt của một khái niệm: giai cấp công nhân - con đẻ của nền đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa, giai cấp đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến, cho phương thức sản xuất hiện đại. Dù khái niệm giai cấp công nhân có nhiều tên gọi như thế nào đi nữa, theo C. Mác và Ph. Ăngghen vẫn chỉ có hai tiêu chí cơ bản để phân định giai cấp công nhân với các giai tầng xã hội khác.

*Một là, về phương thức lao động*, phương thức sản xuất: với tiêu chí này, giai cấp công nhân được hiểu, đó là những người (tập đoàn người) lao động trực tiếp hay gián tiếp vận hành các công cụ sản xuất có tính chất công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hoá cao.

Đây không chỉ là tiêu chí để phân biệt giai cấp công nhân với các giai tầng xã hội khác, mà còn là tiêu chí cơ bản để phân biệt người công nhân hiện đại với người thợ thủ công thời trung cổ hay người thợ trong công trường thủ công. C. Mác viết: "Trong công trường thủ công và trong nghề thủ công, người công nhân sử dụng công cụ của mình, còn trong công xưởng thì người công nhân phải phục tùng máy móc"<sup>(1)</sup>. Khi nói về tiêu chí này, C. Mác và Ph. Ăngghen luôn luôn nhấn mạnh đến những người công nhân công nghiệp công xưởng, coi họ là bộ phận tiêu biểu cho giai cấp công nhân hiện đại, là sản phẩm của nền đại công nghiệp và phát triển

---

<sup>(1)</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1995, t 2, tr. 56.

<sup>(1)</sup> Sdd, t. 23, tr. 605.

cùng với sự phát triển của đại công nghiệp. C. Mác và Ph. Ăngghen viết: "Trong tất cả các giai cấp hiện đang đối lập với giai cấp tư sản thì chỉ có giai cấp vô sản là giai cấp thực sự cách mạng. Tất cả các giai cấp khác đều suy tàn và tiêu vong cùng với sự phát triển của đại công nghiệp, còn giai cấp vô sản lại là sản phẩm của bản thân nền đại công nghiệp"<sup>(2)</sup>; "công nhân cũng là một phát minh của thời đại mới, giống như máy móc vậy... Công nhân Anh là đứa con đầu lòng của nền công nghiệp hiện đại"<sup>(3)</sup>.

*Hai là, về vị trí trong quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa:* Xét về tiêu chí này thì giai cấp công nhân trong xã hội tư bản chủ nghĩa là những người lao động không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động cho nhà tư bản và bị nhà tư bản bóc lột giá trị thặng dư.

Tiêu chí thứ hai này nói lên một trong những đặc trưng cơ bản của giai cấp công nhân dưới chế độ tư bản chủ nghĩa. Chính vì vậy, C. Mác và Ph. Ăngghen đã gọi giai cấp công nhân là giai cấp vô sản. Và, chính vì điều này khiến cho giai cấp công nhân trở thành giai cấp đối kháng với giai cấp tư sản.

Căn cứ vào hai tiêu chí cơ bản của giai cấp công nhân như đã trình bày ở trên, chúng ta có thể coi những người lao động trong các ngành sản xuất công nghiệp, dịch vụ công nghiệp là công nhân. Còn những người làm công ăn lương phục vụ trong các ngành như y tế, giáo dục, văn hoá, dịch vụ (không liên quan trực tiếp đến công nghiệp)... là những người lao động nói chung, đang được thu hút vào tổ chức công đoàn nghề nghiệp, nhưng không phải là công nhân.

Sau khi cách mạng vô sản thành công, giai cấp công nhân trở thành giai cấp cầm quyền, trở thành giai cấp thống trị, giai cấp lãnh đạo cuộc đấu tranh cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới, đại biểu cho toàn thể nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất cơ bản đã được công hữu hoá, do đó, họ không còn ở địa vị giai cấp bị bóc lột nữa. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, giai cấp công nhân được đặc trưng chủ yếu bằng tiêu chí thứ nhất; còn tiêu chí thứ hai nếu xét toàn bộ giai cấp thì giai cấp công nhân đã là người chủ, nhưng trong điều kiện tồn tại nhiều thành phần kinh tế thì còn có một bộ phận công nhân làm thuê trong các doanh nghiệp tư nhân. Những người này, xét về danh nghĩa, thì họ tham gia làm chủ cùng với toàn bộ giai cấp công nhân và nhân dân lao động; nhưng xét về mặt cá nhân thì họ vẫn là những người làm công, ăn lương và với mức độ nhất định, họ vẫn bị những chủ sở hữu tư nhân bóc lột về giá trị thặng dư.

Từ những phân tích trên đây, kết luận tất yếu là, những quan điểm của C. Mác và Ph. Ăngghen về hai tiêu chí cơ bản của giai cấp công nhân cho đến nay vẫn giữ nguyên giá trị, vẫn là cơ sở phương pháp luận để chúng ta nghiên cứu giai cấp công nhân hiện đại, đặc biệt là để làm sáng tỏ sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân trong thời đại ngày nay.

Căn cứ vào hai tiêu chí cơ bản trên đây, chúng ta có thể đưa ra định nghĩa về giai cấp công nhân như sau: *Giai cấp công nhân là một tập đoàn xã hội ổn định, hình thành và phát triển cùng với quá trình phát triển của nền công nghiệp hiện đại, với nhịp độ phát triển của lực lượng sản xuất ngày càng cao; là lực lượng sản xuất cơ bản và tiên tiến nhất của thời đại hiện nay; là*

---

(2) Sdd, t. 4, tr. 610.

(3) Sdd, t. 12, tr. 11.

*động lực chủ yếu và lãnh đạo quá trình lịch sử từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội.* Ở các nước tư bản, giai cấp công nhân là những người không có hoặc về cơ bản không có tư liệu sản xuất, phải làm thuê cho giai cấp tư sản và bị giai cấp tư sản bóc lột giá trị thặng dư. Ở các nước xã hội chủ nghĩa, giai cấp công nhân đã cùng nhân dân lao động làm chủ những tư liệu sản xuất chủ yếu và cùng nhau hợp tác lao động vì lợi ích chung của toàn xã hội, trong đó có lợi ích chính đáng của bản thân họ.

Định nghĩa trên đây về giai cấp công nhân phản ánh rõ vị trí của nó trong chủ nghĩa tư bản và cả trong chủ nghĩa xã hội.

## **2. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

Đứng trên lập trường của giai cấp công nhân hiện đại và kế thừa những tinh hoa trong lịch sử tư tưởng nhân loại, nhất là những tinh hoa trí tuệ mà loài người đã tạo ra trong nửa đầu thế kỷ XIX, dựa trên những quan điểm duy vật và bằng phương pháp biện chứng nghiên cứu giai cấp công nhân, nghiên cứu và phân tích xã hội tư bản, các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã phát hiện ra sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân và khẳng định: giai cấp công nhân hiện đại là giai cấp có sứ mệnh lịch sử lãnh đạo toàn thể nhân dân lao động tiến hành cuộc cải biến cách mạng từ hình thái kinh tế - xã hội tư bản sang hình thái kinh tế - xã hội cộng sản, giải phóng nhân loại khỏi ách áp bức, bất công và mọi hình thức bóc lột. Đó chính là nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân.

Nói một cách khái quát, nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là: *xoá bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, xoá bỏ chế độ người bóc lột người, giải phóng giai cấp công nhân, nhân dân lao động và toàn nhân loại khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, nghèo nàn lạc hậu, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa văn minh.*

Ph. Ăngghen viết: "Thực hiện sự nghiệp giải phóng thế giới ấy - đó là sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản hiện đại"<sup>(1)</sup>. V.I. Lênin cũng chỉ rõ: "Điểm chủ yếu trong học thuyết Mác là ở chỗ nó làm sáng rõ vai trò lịch sử thế giới của giai cấp vô sản là người xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa"<sup>(2)</sup>.

Để hoàn thành sứ mệnh lịch sử trọng đại của mình, giai cấp công nhân mỗi nước, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản, phải tiến hành cách mạng thông qua hai giai đoạn cơ bản sau:

*Giai đoạn thứ nhất:* tiến hành cuộc cách mạng lật đổ sự thống trị của giai cấp tư sản, giành lấy chính quyền.

*Giai đoạn thứ hai:* sử dụng chính quyền của mình tiến hành công cuộc cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Ở những nước như nước ta, giai cấp công nhân trước hết phải lãnh đạo nhân dân tiến hành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, giành lấy chính quyền, thiết lập nền chuyên chính dân chủ nhân dân. Sau đó, giai cấp công nhân thông qua chính đảng của mình là Đảng Cộng

---

(1) Sdd, t.20, tr. 393.

(2) V.I. Lênin, *Toàn tập*, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t. 23, tr. 1.

sản tiếp tục lãnh đạo nhân dân tiến lên thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa, từng bước cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới - xã hội xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

### **3. Những điều kiện khách quan quy định sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân**

Học thuyết về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân đã được C. Mác và Ph. Ăngghen trình bày sâu sắc trong tác phẩm *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*. Học thuyết ấy đã chỉ rõ, giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử như đã nêu ở phần trên là do địa vị kinh tế - xã hội khách quan của nó quy định. Cụ thể là:

- Do địa vị kinh tế - xã hội khách quan, giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất.

Giai cấp công nhân là giai cấp tiên tiến nhất bởi vì: họ là những người lao động trong nền sản xuất có trình độ kỹ thuật và công nghệ ngày càng hiện đại, ra đời và phát triển cùng với sự phát triển của nền đại công nghiệp, do đó, họ là đại diện cho lực lượng sản xuất tiên tiến nhất của xã hội.

Với tính cách là lực lượng sản xuất tiên tiến nhất của xã hội, giai cấp công nhân là lực lượng cơ bản và đóng vai trò quyết định xóa bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa để thiết lập một quan hệ sản xuất mới, một phương thức sản xuất mới cao hơn và tiến bộ hơn phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa.

- Địa vị kinh tế - xã hội khách quan của giai cấp công nhân làm cho họ trở thành giai cấp cách mạng triệt để nhất. Biểu hiện ở chỗ: mục tiêu cách mạng của họ là xóa bỏ tận gốc chế độ người bóc lột người, để giải phóng mình, giai cấp công nhân phải tiến hành cuộc đấu tranh cách mạng giải phóng toàn xã hội.

- Địa vị kinh tế - xã hội khách quan của giai cấp công nhân còn tạo ra cho họ có khả năng thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình. Đó chính là tính tổ chức và kỷ luật - một yếu tố không thể thiếu được của giai cấp cách mạng; đó là khả năng đoàn kết thống nhất giai cấp, đoàn kết các giai tầng khác, đoàn kết quốc tế trong cuộc đấu tranh vì hòa bình và tiến bộ xã hội, chống áp bức bóc lột, chống chủ nghĩa tư bản.

Lịch sử thế giới đã chứng minh học thuyết Mác - Lênin về sứ mệnh lịch sử thế giới của giai cấp công nhân là hoàn toàn đúng đắn. Tuy nhiên, cũng cần phải nhận thức rõ rằng, cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân nhằm hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình không phải là một quá trình diễn ra bằng phẳng, thuận buồm xuôi gió, đó là một quá trình cách mạng lâu dài và sẽ phải trải qua những bước thăng trầm, quanh co.

## **II - VAI TRÒ CỦA ĐẢNG CỘNG SẢN TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN**

Sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân xuất hiện một cách khách quan. Song, để biến khả năng khách quan đó thành hiện thực thì điều quan trọng trước tiên là giai cấp công nhân phải tự tổ chức ra chính đảng của mình - Đảng Cộng sản. Bởi vì, Đảng Cộng sản là yếu tố quyết định nhất đảm bảo cho giai cấp công nhân thực hiện thắng lợi sứ mệnh lịch sử của mình.

## **1. Tính tất yếu, quy luật hình thành và phát triển Đảng của giai cấp công nhân**

Trước hết, sự ra đời của Đảng Cộng sản là yêu cầu khách quan của phong trào công nhân. Lịch sử phong trào công nhân cho thấy rằng, ngay từ khi mới ra đời, giai cấp công nhân đã tiến hành những cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản. Cuộc đấu tranh đó đã trải qua các giai đoạn từ thấp đến cao, từ đấu tranh kinh tế đến đấu tranh chính trị, từ đấu tranh tự phát đến đấu tranh tự giác. Yếu tố quyết định sự chuyển biến về chất của phong trào công nhân từ tự phát đến tự giác là sự thâm nhập của chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân.

Chủ nghĩa Mác - Lênin là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, là lý luận về giải phóng giai cấp công nhân. Vì vậy nó đòi hỏi phải được kết hợp với phong trào công nhân. Chủ nghĩa Mác - Lênin được truyền bá vào phong trào công nhân đã giúp cho giai cấp công nhân nhận thức được vị trí, vai trò của mình trong xã hội; nhận thức rõ mục tiêu, con đường và những biện pháp giải phóng giai cấp mình, giải phóng cả xã hội và nhân loại.

Sự thâm nhập của chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân đã dẫn tới hình thành đảng tiên phong của giai cấp công nhân - Đảng Cộng sản - Đảng Mác - Lênin. Đó là quy luật hình thành Đảng Cộng sản. Tuy nhiên, ở những nước khác nhau, sự ra đời của Đảng Cộng sản có thể có những đặc điểm riêng. Ở Việt Nam và nhiều nước vốn là thuộc địa, nửa thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, ngoài hai yếu tố cơ bản trên còn có yếu tố của phong trào yêu nước của các dân tộc dẫn đến sự hình thành Đảng Cộng sản. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ rõ và thực tiễn lịch sử ở nước ta đã chứng minh: Chủ nghĩa Mác - Lênin kết hợp với phong trào công nhân và phong trào yêu nước đã dẫn tới việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào đầu năm 1930.

Sự ra đời của Đảng cộng sản đánh dấu bước chuyển của phong trào công nhân từ tự phát sang tự giác. Đảng cộng sản ra đời lại là yếu tố thúc đẩy sự truyền bá chủ nghĩa Mác - Lênin vào phong trào công nhân, làm cho cuộc đấu tranh của giai cấp công nhân phát triển thực sự là cuộc đấu tranh chính trị nhằm lật đổ chủ nghĩa tư bản, xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa, đồng thời qua đó Đảng cộng sản cũng ngày càng được củng cố và phát triển.

Tóm lại: Sự ra đời và phát triển của Đảng cộng sản là kết quả tất yếu của sự kết hợp giữa chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân. Sự kết hợp đó là xu thế vận động khách quan của lịch sử, là vấn đề mang tính quy luật của sự phát triển của phong trào công nhân.

## **2. Mối quan hệ giữa Đảng cộng sản với giai cấp công nhân**

Trước hết phải khẳng định một điều rằng, trong lịch sử chưa có giai cấp nào giành được địa vị thống trị nếu không tự tổ chức ra chính đảng của mình để lãnh đạo toàn bộ cuộc đấu tranh của giai cấp mình. Đảng chính trị đó là tổ chức cao nhất, đại biểu tập trung cho trí tuệ và lợi ích của toàn giai cấp. Đối với giai cấp công nhân, đảng đó là Đảng cộng sản.

Đảng cộng sản là một bộ phận của giai cấp công nhân, là đại biểu tập trung cho trí tuệ và lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng cộng sản mang bản chất giai cấp công nhân. Điều quyết định bản chất giai cấp công nhân của Đảng là: Đảng lấy chủ nghĩa Mác - Lênin làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động. Xét về mặt tổ chức, Đảng cộng sản là tổ chức chính trị cao nhất của giai cấp công nhân, là đội tiên phong

lãnh đạo giai cấp công nhân trong quá trình thực hiện sứ mệnh của mình. Cương lĩnh “xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội” của Đảng ta xác định: “Đảng cộng sản Việt Nam là đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành lợi ích của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng lấy chủ nghĩa Mác – Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh làm nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động, lấy tập trung dân chủ làm nguyên tắc tổ chức cơ bản”.

Là đội tiên phong chiến đấu của giai cấp công nhân, Đảng cộng sản chỉ bao gồm những người tiên tiến, ưu tú nhất trong giai cấp công nhân và trong nhân dân lao động, những người giác ngộ về sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, về lập trường và lý tưởng cộng sản chủ nghĩa, tự nguyện tham gia và chịu sự quản lý của tổ chức đảng. Là đội tiên phong của giai cấp công nhân, Đảng có nhiệm vụ đề ra đường lối chiến lược và sách lược cách mạng đúng đắn thể hiện lợi ích của toàn thể giai cấp và toàn bộ phong trào để giai cấp công nhân có thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Giai cấp công nhân là một lực lượng chính trị - xã hội rộng lớn và hùng mạnh của xã hội, là cơ sở xã hội - giai cấp trực tiếp nhất của Đảng, là nguồn bổ sung lực lượng của Đảng. Giữa Đảng với giai cấp công nhân có mối liên hệ hữu cơ, không thể tách rời. Xa rời giai cấp công nhân thì Đảng không còn bản chất và nguồn gốc chính trị của mình. Giai cấp công nhân xa rời Đảng, không có sự lãnh đạo của Đảng thì chỉ là lực lượng tự phát, không thể hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.

Với một Đảng cộng sản chân chính thì sự lãnh đạo của Đảng chính là sự lãnh đạo của giai cấp. Đảng với giai cấp là thống nhất, nhưng Đảng có trình độ lý luận và tổ chức cao nhất để lãnh đạo cả giai cấp và dân tộc; vì thế không thể lẫn lộn Đảng với giai cấp. *Đảng đem lại giác ngộ cho toàn bộ giai cấp, sức mạnh đoàn kết, nghị lực cách mạng trí tuệ và hành động cách mạng của toàn bộ giai cấp, trên cơ sở đó lôi cuốn tất cả các tầng lớp nhân dân lao động khác và cả dân tộc đứng lên hành động theo đường lối của Đảng nhằm hoàn thành sứ mệnh lịch sử của mình.* Để giai cấp công nhân hoàn thành sứ mệnh của mình, giai cấp công nhân cũng như mỗi người công nhân cần thường xuyên phấn đấu vươn lên, trưởng thành về các mặt: *tư tưởng, chính trị, lập trường giai cấp, văn hoá, khoa học kỹ thuật, tay nghề...* Các tổ chức nghiệp đoàn, công đoàn, thường xuyên phát triển vững mạnh... cùng với quá trình phát triển không ngừng của nền sản xuất công nghiệp hiện đại v.v...

### III - SỨ MỆNH LỊCH SỬ CỦA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VIỆT NAM

Với chính sách khai thác thuộc địa của chủ nghĩa thực dân Pháp ở Việt Nam, giai cấp công nhân Việt Nam đã ra đời từ đầu thế kỷ này, trước cả sự ra đời của giai cấp tư sản Việt Nam và là giai cấp trực tiếp đối kháng với tư bản thực dân Pháp. Sinh ra và lớn lên ở một nước thuộc địa nửa phong kiến, dưới sự thống trị của đế quốc Pháp, một thứ chủ nghĩa tư bản thực lợi không quan tâm mấy đến phát triển công nghiệp ở nước thuộc địa, nên giai cấp công nhân Việt Nam phát triển chậm.

Mặc dù số lượng ít, trình độ nghề nghiệp thấp, còn mang nhiều tàn dư của tâm lý và tập quán nông dân, song giai cấp công nhân Việt Nam đã nhanh chóng vươn lên đảm đương vai trò lãnh đạo cách mạng ở nước ta do những điều kiện sau đây:



- Giai cấp công nhân Việt Nam sinh ra trong lòng một dân tộc có truyền thống đấu tranh bất khuất chống ngoại xâm. Ở giai cấp công nhân, nỗi nhục mất nước cộng với nỗi khổ vì ách áp bức bóc lột của giai cấp tư sản đế quốc làm cho lợi ích giai cấp và lợi ích dân tộc kết hợp làm một, khiến động cơ cách mạng, nghị lực cách mạng và tính triệt để cách mạng của giai cấp công nhân được nhân lên gấp bội.

- Giai cấp công nhân Việt Nam ra đời và từng bước trưởng thành trong không khí sôi sục của một loạt phong trào yêu nước và các cuộc khởi nghĩa chống thực dân Pháp liên tục nổ ra từ khi chủ nghĩa đế quốc Pháp đặt chân lên đất nước ta: phong trào Cần Vương và cuộc khởi nghĩa của Phan Đình Phùng, của Hoàng Hoa Thám, các cuộc vận động yêu nước của Phan Bội Châu, Phan Chu Trinh, Nguyễn Thái Học, v.v... đã có tác dụng to lớn đối với việc cổ vũ tinh thần yêu nước, ý chí bất khuất và quyết tâm đập tan xiềng xích nô lệ của toàn thể nhân dân ta. Nhưng tất cả các phong trào ấy đều thất bại và sự nghiệp giải phóng dân tộc đều lâm vào tình trạng bế tắc về đường lối.

- Vào lúc đó, phong trào cộng sản và công nhân thế giới phát triển. Cuộc Cách mạng Tháng Mười Nga bùng nổ thắng lợi và ảnh hưởng đến phong trào dân tộc dân chủ ở nước khác, nhất là ở Trung Quốc, trong đó có phong trào cách mạng ở nước ta. Chính vào lúc đó, nhà yêu nước Nguyễn Ái Quốc trên hành trình tìm đường cứu nước đã đến với chủ nghĩa Mác - Lênin và tìm thấy ở chủ nghĩa Mác - Lênin bí quyết thần kỳ cho sự nghiệp giải phóng dân tộc ta. Từ đó, Người đã đề ra con đường duy nhất đúng đắn cho cách mạng Việt Nam - con đường cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân và chuyển cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tấm gương cách mạng Nga và phong trào cách mạng ở nhiều nước khác đã cổ vũ giai cấp công nhân non trẻ Việt Nam đứng lên nhận lấy sứ mệnh lãnh đạo cách mạng nước ta và đồng thời cũng là chất xúc tác kích lệ nhân dân ta lựa chọn, tiếp nhận con đường cách mạng của giai cấp công nhân. Từ đó giai cấp công nhân Việt Nam là giai cấp duy nhất lãnh đạo cách mạng Việt Nam.

- Giai cấp công nhân Việt Nam, mà tuyệt đại bộ phận là xuất thân từ nông dân lao động và những tầng lớp lao động khác, nên có mối liên hệ tự nhiên với đông đảo nhân dân lao động bị mất nước, sống nô lệ nên cũng là điều kiện thuận lợi để giai cấp công nhân xây dựng nên khối liên minh công nông vững chắc và khối đoàn kết dân tộc rộng rãi đảm bảo cho sự lãnh đạo của giai cấp công nhân trong suốt quá trình cách mạng nước ta.

Lịch sử Việt Nam cũng chứng minh rằng, giai cấp công nhân Việt Nam ra đời chưa được bao lâu, ngay cả khi nó chưa có Đảng mà đã tổ chức một cách tự phát nhiều cuộc đấu tranh chống bọn tư bản thực dân và được nhân dân ủng hộ. Cuộc bãi công của 600 thợ nhuộm ở Chợ Lớn năm 1922 mà Nguyễn Ái Quốc coi đó mới chỉ là “do bản năng tự vệ” của những người công nhân “không được giáo dục và tổ chức” nhưng đã là “dấu hiệu... của thời đại”<sup>(1)</sup>. Năm 1927 có gần chục cuộc bãi công với hàng trăm người tham gia. Năm 1928 - 1929 có nhiều cuộc bãi công khác với hàng nghìn người tham gia, trong đó tiêu biểu nhất là cuộc đấu tranh của

---

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1995, t.2, tr. 114.

công nhân xi măng Hải Phòng, sợi Nam Định, xe lửa Trường Thi (Vinh), AVIA (Hà Nội), Phú Riềng (Bình Phước). Những cuộc đấu tranh như thế không chỉ giới hạn trong công nhân mà còn tác động sâu sắc đến các tầng lớp khác, đặc biệt là đến giai cấp nông dân, các tầng lớp nhân dân lao động, thanh niên, sinh viên làm cho bọn thống trị thực dân hoảng sợ.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời là sản phẩm của sự kết hợp chủ nghĩa Mác - Lênin với phong trào công nhân và phong trào yêu nước ở nước ta vào những năm cuối thập kỷ 30 của thế kỷ XX. Đảng đã đem yếu tố tự giác vào phong trào công nhân, làm cho phong trào cách mạng nước ta có một bước phát triển nhảy vọt về chất.

Giai cấp công nhân Việt Nam lãnh đạo cách mạng thông qua đội tiên phong của nó là Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi nói giai cấp công nhân lãnh đạo là nói đến toàn bộ giai cấp như một chỉnh thể chứ không phải từng nhóm, từng người. Để có thể lãnh đạo, giai cấp công nhân phải có lực lượng, có tổ chức tiêu biểu cho sự tự giác và bản chất giai cấp của mình. Lực lượng đó là Đảng Cộng sản. Xét về thành phần xuất thân thì ở nước ta có nhiều đảng viên không phải là công nhân. Nhưng, bất cứ đảng viên nào cũng phải đứng trên lập trường giai cấp công nhân thể hiện ở lý tưởng, ở lý luận Mác - Lênin và đường lối cách mạng, ở tinh thần kiên quyết cách mạng trong cuộc đấu tranh để thực hiện sứ mệnh của giai cấp công nhân vì lợi ích của giai cấp công nhân, của nhân dân lao động và của cả dân tộc. Đảng của giai cấp công nhân nước ta đã lãnh đạo toàn dân hoàn thành thắng lợi trọn vẹn cuộc cách mạng giải phóng dân tộc và đang tiến hành công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Đây là nhiệm vụ lịch sử khó khăn, phức tạp nhất.

Trong công cuộc xây dựng đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội hiện nay, đội ngũ công nhân Việt Nam bao gồm những người lao động chân tay và lao động trí óc hoạt động sản xuất trong ngành công nghiệp và dịch vụ thuộc các doanh nghiệp nhà nước, hợp tác xã, hay thuộc khu vực tư nhân, hợp tác liên doanh với nước ngoài, tạo thành một lực lượng giai cấp công nhân thống nhất đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam được vũ trang bằng chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh đang lãnh đạo công cuộc đổi mới và phát triển đất nước. Họ là lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá, là cơ sở xã hội chủ yếu nhất của Đảng và Nhà nước ta, là hạt nhân vững chắc trong liên minh công nhân - nông dân - trí thức, nền tảng của khối đại đoàn kết toàn dân tộc.

Tuy nhiên, do hoàn cảnh hình thành, điều kiện kinh tế - xã hội quy định, giai cấp công nhân Việt Nam còn có những nhược điểm (như số lượng còn ít, chưa được rèn luyện nhiều trong công nghiệp hiện đại, trình độ văn hoá và tay nghề còn thấp...). Nhưng điều đó không thể là lý do phủ nhận sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam. Để khắc phục những nhược điểm ấy, Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa VII của Đảng ta, một Nghị quyết gắn trực tiếp vấn đề công nghiệp hóa, hiện đại hóa với vấn đề xây dựng phát triển giai cấp công nhân đã chỉ rõ phương hướng xây dựng giai cấp công nhân nước ta trong giai đoạn hiện nay là: “Cùng với quá trình phát triển công nghiệp và công nghệ theo xu hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, cần xây dựng giai cấp công nhân phát triển về số lượng, giác ngộ về giai cấp, vững vàng về chính trị, tư tưởng, có trình độ học vấn, tay

nghe cao, có năng lực tiếp thu và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng, hiệu quả cao, vươn lên làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình”<sup>(1)</sup>.

Công cuộc đổi mới đất nước, định hướng xã hội chủ nghĩa do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo đã thu được những thành tựu to lớn, có ý nghĩa rất quan trọng. Giai cấp công nhân đang đi đầu trong xây dựng xã hội mới, nhất là trong việc xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội nhằm thực hiện dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. Đó là bằng chứng chỉ rõ năng lực lãnh đạo của giai cấp công nhân nước ta, vai trò không có lực lượng xã hội nào có thể thay thế được trong sự nghiệp... “lãnh đạo thành công công cuộc xây dựng một xã hội mới, trong đó nhân dân lao động làm chủ, đất nước độc lập và phồn vinh, xóa bỏ áp bức bất công, mọi người đều có điều kiện phấn đấu cho cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc”<sup>(2)</sup>.

Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX Đảng Cộng sản Việt Nam đặc biệt chú trọng phương hướng xây dựng giai cấp công nhân Việt Nam trong quá trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đại hội chỉ rõ: “*Đối với giai cấp công nhân*, coi trọng phát triển về số lượng và chất lượng, nâng cao giác ngộ và bản lĩnh chính trị, trình độ học vấn và nghề nghiệp, thực hiện “trí thức hóa công nhân”, nâng cao năng lực ứng dụng và sáng tạo công nghệ mới, lao động đạt năng suất, chất lượng và hiệu quả ngày càng cao, xứng đáng là một lực lượng đi đầu trong sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước và vai trò lãnh đạo của cách mạng trong thời kỳ mới...”<sup>(3)</sup>.

## **Câu hỏi thảo luận và ôn tập**

1. Trình bày hai tiêu chí cơ bản của giai cấp công nhân.
2. Trình bày nội dung khái niệm về giai cấp công nhân.
3. Nội dung sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân là gì? Vì sao giai cấp công nhân có sứ mệnh lịch sử ấy?
4. Trình bày quy luật ra đời của Đảng Cộng sản và mối quan hệ giữa Đảng Cộng sản với giai cấp công nhân.
5. Trình bày những điều kiện để giai cấp công nhân Việt Nam làm tròn sứ mệnh lịch sử của mình đối với cách mạng Việt Nam.

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khóa VII*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1994, tr. 98.

(2) Sđd, tr. 33.

(3) Sđd, tr. 124- 125.

## **Chương IV**

### **XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA**

Xã hội xã hội chủ nghĩa là khái niệm cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, dùng để chỉ xã hội ở giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, xã hội không còn áp bức bóc lột và thực hiện nguyên tắc “làm theo năng lực, hưởng theo lao động”.

Có nhiều khái niệm tương đương với khái niệm “Xã hội xã hội chủ nghĩa”, như: “Chủ nghĩa xã hội”, “Chủ nghĩa cộng sản giai đoạn đầu”, “Chủ nghĩa cộng sản giai đoạn thấp”, “Xã hội cộng sản chủ nghĩa giai đoạn đầu”... Việc nghiên cứu “Xã hội xã hội chủ nghĩa” gắn liền với nghiên cứu hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa có một ý nghĩa rất quan trọng. Nó cung cấp cho chúng ta hệ thống tri thức về tính quy luật của quá trình ra đời, phát triển và hoàn thiện của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa qua các giai đoạn phát triển khách quan của nó mà giai đoạn đầu của nó là xã hội xã hội chủ nghĩa. Đó là cơ sở lý luận cho công cuộc xây dựng đất nước ta trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

#### **I - HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI CỘNG SẢN CHỦ NGHĨA**

##### **1. Khái niệm hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa**

Các nhà sáng lập ra chủ nghĩa Mác - Lênin đã phát hiện ra quy luật khách quan của quá trình phát triển của lịch sử loài người. Theo quy luật đó, lịch sử xã hội loài người là lịch sử kế tiếp nhau của các hình thái kinh tế - xã hội phát triển từ thấp đến cao diễn ra như “một quá trình lịch sử tự nhiên”. Thực tế lịch sử nhân loại đã trải qua 4 hình thái kinh tế - xã hội kế tiếp nhau (hình thái kinh tế - xã hội cộng sản nguyên thủy, hình thái kinh tế - xã hội chiếm hữu nô lệ, hình thái kinh tế - xã hội phong kiến, hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa) và đang quá độ chuyển sang hình thái kinh tế - xã hội thứ năm là hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Vậy hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là gì ?

Hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là khái niệm cơ bản của chủ nghĩa xã hội khoa học, dùng để chỉ chế độ xã hội cao nhất của nhân loại, có cơ sở hạ tầng là toàn bộ những quan hệ sản xuất mà trong đó quan hệ sản xuất chủ yếu và đặc trưng dựa trên sở hữu công cộng về tư liệu sản xuất (quan hệ sản xuất này phù hợp với trình độ của lực lượng sản xuất ngày càng hiện đại, ngày càng xã hội hoá cao và nó quy định tính chất không đối kháng của cơ cấu xã hội - giai cấp trong xã hội). Trên cơ sở hạ tầng đó, hình thành một kiến trúc thượng tầng (pháp lý, chính trị, những hình thái ý thức xã hội phản ánh địa vị kinh tế - xã hội và đời sống của giai cấp công nhân, các giai cấp tầng lớp nhân dân khác và những thiết chế xã hội) tương ứng, phù hợp với điều kiện lịch sử cụ thể của từng thời kỳ, từng giai đoạn phát triển của xã hội để bảo vệ cơ sở hạ tầng và do đó bảo vệ lợi ích của giai cấp công nhân, của các tầng lớp nhân dân lao động khác và của toàn xã hội .

Như vậy, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản là hình thái kinh tế - xã hội cao nhất của lịch sử nhân loại và khác về chất so với các hình thái kinh tế - xã hội trước đó. Trừ hình thái kinh tế - xã hội công xã nguyên thủy (hình thái kinh tế - xã hội mông muội, sơ khai, thuần nhất, chưa có giai cấp), còn các hình thái kinh tế - xã hội trước hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa đều là những xã hội trong đó có chế độ người bóc lột người và có đối kháng giai cấp. Ngược lại, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở mọi thời kỳ của nó đều là xã hội đã và đang hướng tới một xã hội không còn tình trạng người bóc lột người và ngày càng hoàn thiện để con người phát triển toàn diện và từng bước chuyển từ nguyên tắc phân phối theo lao động (trong chủ nghĩa xã hội - chủ nghĩa cộng sản giai đoạn thấp) sang nguyên tắc “hưởng theo nhu cầu” (trong chủ nghĩa cộng sản giai đoạn cao).

## **2. Các điều kiện cơ bản cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở những nước khác nhau**

Khi nghiên cứu, phân tích hình thái kinh tế - xã hội nói chung và hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa nói riêng, C. Mác đã sử dụng triệt để phương pháp duy vật lịch sử. Chính vì vậy mà ông đã phát hiện ra rằng : “...sự phát triển của những hình thái kinh tế - xã hội là một quá trình lịch sử tự nhiên”<sup>(1)</sup>. Về sau, V.I. Lênin đã phân tích tầm quan trọng của phương pháp luận đó và chỉ rõ : “Trong các tài liệu của Mác, người ta không thấy một ý định nào nhằm bịa ra những ảo tưởng, nhằm đặt ra những dự đoán vu vơ về những điều mà người ta không thể nào biết được. Mác đặt vấn đề chủ nghĩa cộng sản giống như một nhà tự nhiên học đặt, chẳng hạn, vấn đề tiến hoá của một giống sinh vật mới, một khi đã biết nguồn gốc của nó và định được rõ rệt hướng của những biến đổi của nó”<sup>(2)</sup>. Chính sự giải phẫu của Mác đối với xã hội tư bản chủ nghĩa theo phương pháp đó đã cho phép ông dự báo một cách khoa học rằng : “Sự sụp đổ của giai cấp tư sản và thắng lợi của giai cấp vô sản đều là tất yếu như nhau”<sup>(2)</sup> và sự sụp đổ của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa và sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa là một tất yếu lịch sử.

Tuy nhiên, sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa lại diễn ra ở các loại nước khác nhau, trong những bối cảnh lịch sử khác nhau, ở những thời điểm khác nhau và do đó những điều kiện cơ bản cho sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở các loại nước đó cũng có những khía cạnh khác nhau.

### ***a) Những điều kiện cơ bản cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao***

Các nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao là các nước mà sự phát triển của chủ nghĩa tư bản đã trải qua thời kỳ công nghiệp hoá và đang tranh thủ vận dụng những thành tựu to lớn của cuộc cách mạng khoa học công nghệ hiện đại để thích nghi và phát triển. Do đó các nước này, một mặt, đã đạt được những thành tựu đáng kể trong lĩnh vực ứng dụng khoa học công

---

(1) C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1993, t. 23, tr. 21.

(2) V.I. Lênin, *Toàn tập*, t. 33, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1976, tr. 103-104.

(2) C. Mác, Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, t. 4, NXB Chính trị quốc gia, 1995, tr. 613.

nghệ hiện đại để phát triển kinh tế, làm tăng nhanh tỷ suất lợi nhuận của các nhà tư bản và hiện đại hoá đời sống xã hội, nhưng mặt khác, nó cũng đẩy xã hội tư bản chủ nghĩa ngày càng lún sâu vào những mâu thuẫn nội tại không thể khắc phục triệt để do bản chất của chế độ chiếm hữu tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất chủ yếu là chế độ bóc lột nhân dân lao động.

Sinh thời, C. Mác và Ph. Ăngghen đã tập trung nghiên cứu sự phát triển của chủ nghĩa tư bản ở châu Âu và đã chỉ ra những điều kiện cơ bản cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở các nước tư bản chủ nghĩa phát triển cao. Những điều kiện đó bao gồm :

*Thứ nhất, sự phát triển của lực lượng sản xuất đại công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hoá cao dưới tư bản chủ nghĩa.*

Trong một loạt các tác phẩm của mình, đặc biệt trong các tác phẩm : *Tình cảnh giai cấp lao động ở Anh, Tuyên ngôn của đảng cộng sản, Chống Duyrinh*, các nhà sáng lập ra chủ nghĩa xã hội khoa học đã khẳng định rằng, sự ra đời của chủ nghĩa tư bản là một giai đoạn mới trong lịch sử phát triển của nhân loại. Nhờ những bước tiến to lớn của lực lượng sản xuất mà biểu hiện tập trung nhất là sự ra đời của công nghiệp cơ khí, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra bước phát triển nhanh chóng của lực lượng sản xuất. Trong vòng chưa đầy một thế kỷ, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra những lực lượng sản xuất nhiều hơn và đồ sộ hơn lực lượng sản xuất mà nhân loại đã tạo ra cho đến lúc đó<sup>(1)</sup>. Đó là điều kiện kinh tế để bảo đảm thắng lợi hoàn toàn của phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa đối với phương thức sản xuất địa chủ phong kiến.

Mặt khác, do bản chất và mục đích của giai cấp tư sản, của chế độ tư bản chủ nghĩa, trong các thế kỷ phát triển của nó đã gây ra bao nhiêu tai hoạ cho giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cho cả nhân loại cũng như môi trường thiên nhiên (áp bức bóc lột, bất công, phân hoá giàu nghèo ngày càng tăng, phân biệt chủng tộc, chiến tranh xâm lược giết hại hàng trăm triệu người, lối sống phản văn hoá, đạo đức suy đồi, tệ nạn xã hội phức tạp, cạn kiệt tài nguyên, mất cân bằng sinh thái,...) mà nó không có khả năng giải quyết triệt để những vấn đề đó. Giai cấp tư sản và chế độ tư bản chủ nghĩa, dù có đạt được những thành quả trong lịch sử phát triển của nó, cũng không thể là giai cấp, là chế độ xã hội "tuyệt đỉnh", "vĩnh hằng"... như một số lý luận gia tư sản thường tuyên truyền. Thực tế cho thấy, trước những mâu thuẫn và những tai hoạ của chủ nghĩa tư bản, cùng lắm thì giai cấp tư sản cầm quyền ở các nước tư bản cũng chỉ có thể "điều chỉnh", "thích nghi" ở những hình thức và mức độ nhất định trong một thời gian nhất định để tiếp tục tồn tại, phát triển. Song những mâu thuẫn và những tai hoạ cơ bản nêu trên không hề giảm đi.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất đại công nghiệp ngày càng hiện đại và xã hội hoá cao dưới chủ nghĩa tư bản càng làm cho những đòi hỏi phải thay thế hình thái kinh tế xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa trở lên gay gắt hơn và những tiền đề kinh tế, xã hội, văn hoá,.. cho sự ra đời, phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa càng chín muồi hơn.

Sự phát triển của lực lượng sản xuất đại công nghiệp dưới chủ nghĩa tư bản làm cho mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất đại công nghiệp hiện đại có trình độ xã hội hoá cao với quan hệ

---

<sup>(1)</sup> C. Mác, Ph. Ăngghen, Sđd, t. 4, 1995, tr. 603.

sản xuất tư nhân tư bản chủ nghĩa ngày càng gay gắt. C. Mác và Ph. Ăngghen đã dự báo rằng : “Sự tập trung tư liệu sản xuất và xã hội hóa lao động đạt đến cái điểm mà chúng không còn thích hợp với cái vỏ tư bản chủ nghĩa của chúng nữa. Cái vỏ vỡ tung ra. Giờ tận số của chế độ tư nhân tư bản chủ nghĩa đã điểm”<sup>(1)</sup>. Điều đó cũng có nghĩa là sự bắt đầu ra đời của chế độ công hữu đối với tư liệu sản xuất chủ yếu - nhân tố quan trọng nhất trong cơ sở hạ tầng của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Sự phát triển của đại công nghiệp dưới chủ nghĩa tư bản đã từng bước tạo ra cơ sở vật chất kỹ thuật ngày càng hiện đại cho chủ nghĩa tư bản nhưng đồng thời đó cũng là tạo ra tiền đề khách quan để đáp ứng ngày càng cao nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn xã hội trong hình thái kinh tế - xã hội cộng sản tương lai. Sự phát triển của đại công nghiệp dưới chủ nghĩa chủ nghĩa tư bản gắn liền với sự phát triển văn hoá, giáo dục và khoa học kỹ thuật. Quá trình đó đã tạo ra tiền đề về văn hoá, giáo dục, khoa học kỹ thuật cho sự ra đời và tiếp tục trở thành động lực to lớn cho sự phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Lênin đã từng chỉ rõ: “Chúng ta không thể xây dựng chủ nghĩa xã hội được nếu không có di sản của nền văn hoá tư bản. Chúng ta không có gì khác để xây dựng chủ nghĩa cộng sản ngoài những cái mà chủ nghĩa tư bản để lại cho chúng ta”<sup>(2)</sup>. Từ những tiền đề kinh tế, văn hoá đó mà những tiền đề cho việc giải quyết những vấn đề xã hội (lao động, thu nhập, nhà ở, sức khoẻ, môi trường...) cũng từng bước chín muồi ngay trong lòng chủ nghĩa tư bản và sẽ mang lại hiệu quả thực tế cho nhân dân lao động dưới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, để người lao động được giải phóng, được thoát khỏi “đời sống phi nhân tính”, thoát khỏi sự “tha hoá” dưới chủ nghĩa tư bản và bắt đầu phát triển ngày càng toàn diện dưới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Khi nghiên cứu sự phát triển của lực lượng sản xuất đại công nghiệp tư bản chủ nghĩa, Mác và Ăngghen đã phân tích địa vị kinh tế - xã hội của giai cấp công nhân - con đẻ của nền đại công nghiệp - và chỉ rõ “sứ mệnh giải phóng thế giới” của nó. Theo các ông, giai cấp công nhân là bộ phận quan trọng nhất trong lực lượng sản xuất đại công nghiệp dưới chủ nghĩa tư bản, đại biểu cho lực lượng sản xuất ngày càng tiên tiến, hiện đại, xã hội hoá cao và do đó tất yếu sẽ đại diện cho phương thức sản xuất tiên tiến trong hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Vì vậy, sự ra đời và lớn mạnh của giai cấp công nhân dưới chủ nghĩa tư bản vừa là yếu tố trong tiền đề kinh tế, văn hoá, xã hội vừa là tiền đề giai cấp cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Nhưng, sự thay thế hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa bằng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa không thể là quá trình tự thay thế. Vì vậy, sự phát triển của lực lượng sản xuất đại công nghiệp dưới chủ nghĩa tư bản mới chỉ là điều kiện cần nhưng chưa đủ.

*Thứ hai, sự bùng nổ và thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác tiến hành, dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản.*

Cùng với điều kiện cần (như đã nêu ở trên), đây là điều kiện đủ để hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa được ra đời và từng bước được hoàn thiện.

---

(1) C. Mác và F. Ăngghen, Sđd, 1993, t. 23, tr.1059.

(2) V.I. Lênin, *Toàn tập*, T.38, NXB Tiến bộ, Máxtcova, 1977, tr. 170

Chủ nghĩa tư bản tạo ra hai giai cấp cơ bản, tiêu biểu nhất, đối lập nhau về lợi ích cơ bản đó là giai cấp công nhân đại biểu cho lực lượng sản xuất hiện đại, xã hội hoá cao và giai cấp tư sản thống trị xã hội, đại biểu cho quan hệ sản xuất tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. Đó là biểu hiện về mặt xã hội của mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất trong chủ nghĩa tư bản. Hai giai cấp này mâu thuẫn với nhau ngày càng rõ rệt, sâu sắc và gay gắt. Các cuộc đấu tranh giai cấp của giai cấp công nhân (gắn với nhân dân lao động bị áp bức bóc lột) chống giai cấp tư sản áp bức bóc lột phát triển từ trình độ thấp, quy mô nhỏ, tự phát tiến tới trình độ cao hơn, quy mô lớn hơn và tính tự giác ngày càng thể hiện rõ hơn. Đến độ chín muồi của sự phát triển, phong trào công nhân hình thành đảng chính trị của mình với hệ tư tưởng và tổ chức tiên phong để lãnh đạo giai cấp công nhân và nhân dân lao động chống lại ách thống trị của giai cấp tư sản. Đến khi xuất hiện những tình thế, thời cơ, thì cách mạng xã hội chủ nghĩa do giai cấp công nhân lãnh đạo tất yếu sẽ nổ ra và thắng lợi. Giai cấp công nhân và nhân dân lao động sẽ xoá bỏ quyền lực thống trị của các giai cấp tư sản, thiết lập chính quyền của mình và bắt đầu cải tạo xã hội tư bản chủ nghĩa, xây dựng xã hội cộng sản chủ nghĩa. Chỉ có bằng cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thì giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động khác mới làm được điều đó. Mác đã viết: “Cách mạng nói chung - lật đổ chính quyền hiện có và phá huỷ những quan hệ cũ là một hành vi chính trị. Nhưng chủ nghĩa xã hội không thể được thực hiện mà không có cách mạng. Chủ nghĩa xã hội cần đến hành vi chính trị này bởi lẽ nó cần tiêu diệt và phá huỷ cái cũ”<sup>(1)</sup>. Và chỉ khi đó mới bắt đầu của một thời đại mới, với sự xuất hiện hình thái kinh tế - xã hội mới, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa, và từng bước được hoàn thiện.

***b) Những điều kiện cơ bản của sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa từ các nước tư bản chủ nghĩa trung bình và các nước chưa qua chủ nghĩa tư bản***

Khi nghiên cứu về sự phát triển lịch sử, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định lịch sử xã hội vừa phát triển theo con đường tuần tự, vừa phát triển theo con đường nhảy vọt. Trên thực tế, đã có một số nước "bỏ qua" một vài hình thái kinh tế - xã hội tiến lên hình thái kinh tế - xã hội cao hơn. Phân tích sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã dự báo rằng, ở những nước tư bản chủ nghĩa có trình độ phát triển trung bình và ở những nước chưa qua chủ nghĩa tư bản, cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa cũng có thể nổ ra và thành công, đưa đất nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Năm 1881, khi theo dõi tình hình nước Nga, Mác cho rằng sự tồn tại đồng thời của nền kinh tế phương Tây đang thống trị trên thị trường thế giới, cho phép nước Nga có thể áp dụng được những thành tựu mà chế độ tư bản đã đạt được. Đồng tình với dự báo này của Mác, Ăng ghen đã đề cập đến một điều kiện tiên quyết cho khả năng tiến lên chủ nghĩa xã hội của các nước lạc hậu như nước Nga lúc đó là : sự thắng lợi của giai cấp vô sản ở các nước phương Tây. Ăng ghen coi đó là sự phát triển có thể được, đồng thời tránh được những đau khổ mà các nước phương Tây đã trải qua. Ông viết: “Thắng lợi của giai cấp vô sản ở Tây Âu đối với giai cấp tư sản gắn liền với điều đó, việc thay thế nền sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng nền sản xuất do xã hội quản lý, đó là điều kiện tiên quyết tất yếu để nâng công xã Nga lên cùng một trình độ như vậy”<sup>(1)</sup>. Nhưng từ cuối thế kỷ

<sup>(1)</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, T. 1, NXB Chính trị quốc gia, H., 1995, tr. 616.

<sup>(1)</sup> Sdd, t. 22, tr. 629-630.



XIX và đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển nhanh sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa nên đã xuất hiện những khả năng mới cho sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa ở các loại nước khác nhau.

Trong điều kiện lịch sử mới, Lênin đã phát triển sáng tạo lý luận về khả năng nổ ra và thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ông viết: “sự phát triển không đều về kinh tế và chính trị là quy luật tuyệt đối của chủ nghĩa tư bản”<sup>(2)</sup> do đó “chủ nghĩa xã hội có thể thắng trước hết là trong một số ít nước tư bản chủ nghĩa hoặc thậm chí trong một nước tư bản chủ nghĩa, tách riêng ra mà nói”<sup>(3)</sup>.

Đặc biệt là, với thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa tháng Mười Nga 1917 - thắng lợi trong một nước có phương thức sản xuất tư bản chủ nghĩa ở trình độ phát triển trung bình, Lênin đã chỉ ra khả năng ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa từ các nước lạc hậu chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Ông viết: “Với sự giúp đỡ của giai cấp vô sản các nước tiên tiến, các nước lạc hậu có thể tiến tới chế độ Xô Viết, và qua những giai đoạn phát triển nhất định, tiến tới chủ nghĩa cộng sản, không phải trải qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa”<sup>(4)</sup>. Theo Lênin, đó là những con đường, những loại hình “đặc biệt” và “đặc biệt của đặc biệt” trong quá trình ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Hình thức “đặc biệt” đã được thực tiễn ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở Nga và tất cả các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu chứng minh với những thành tựu và đóng góp to lớn của nó đối với sự phát triển của nhân loại trong thế kỷ XX, mặc dù từ cuối những năm 80 đến năm 1991, chủ nghĩa xã hội ở các nước này lần lượt bị sụp đổ do nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan của nó. Hình thức “đặc biệt của đặc biệt” cũng đã được chứng minh ở Việt Nam (từ 1945 đến nay), Trung Quốc (từ 1949 đến nay), Cu Ba (từ 1959 đến nay) và còn có thể kể đến Triều Tiên, Lào... Từ những quan điểm của các nhà kinh điển Mác - Lênin về những điều kiện cơ bản cho sự ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa theo những hình thức “đặc biệt” và “đặc biệt của đặc biệt” - tức là từ những nước tư bản chủ nghĩa phát triển trung bình và từ những nước vốn là nông nghiệp lạc hậu, chúng ta có thể tổng kết và nêu ra những điều kiện cơ bản sau đây:

*Điều kiện thứ nhất là, nhân loại đã chuyển sang "giai đoạn cuối cùng của chủ nghĩa tư bản" - tức chủ nghĩa đế quốc.*

Để mở rộng thị trường, tăng cường bóc lột nhân dân lao động, chủ nghĩa đế quốc đã thi hành chính sách xâm lược, đô hộ, áp bức bóc lột và khai thác thuộc địa; tiến hành chiến tranh đế quốc chia lại thị trường thế giới... gây rất nhiều tai họa cho hàng trăm quốc gia dân tộc bị áp bức và hầu hết các quốc gia này bị kìm hãm trong tình trạng nông nghiệp lạc hậu. Do đó xuất hiện những mâu thuẫn cơ bản mới và ngày càng gay gắt của thời đại: mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản chính quốc và giai cấp công nhân ở thuộc địa; mâu thuẫn giữa chủ nghĩa đế quốc

---

(2) V.I. Lênin, *Toàn tập*, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t. 26, tr. 447.

(3) Sđd, t. 26, tr.447.

(4) Sđd, t.41, tr.295

xâm lược với các quốc gia dân tộc bị xâm lược và bị đô hộ; mâu thuẫn giữa các nước tư bản - đế quốc với nhau. Ở hàng trăm nước thuộc địa phụ thuộc vẫn còn mâu thuẫn giữa địa chủ và nông dân, tư sản và công nhân, tư sản và nông dân... Chính ở những nước nông nghiệp này (khi công nghiệp chưa phát triển, đội ngũ giai cấp công nhân và tư sản chưa hình thành đáng kể) lại nổi lên mâu thuẫn chủ yếu là: giữa một bên là tư bản - đế quốc xâm lược gắn với bè lũ tay sai phong kiến, tư sản phản động với một bên là cả dân tộc gồm nông dân, công nhân (nếu có), trí thức, tiểu thương, tiểu chủ, dân nghèo, phú nông, địa chủ yêu nước, tư sản dân tộc, ...bị áp bức, bị nô lệ, mất độc lập tự do.

Như vậy là, chủ nghĩa đế quốc (giai đoạn tốt cùng của chủ nghĩa tư bản) dù có trải qua các thời kỳ khác nhau như thế nào chăng nữa (thực dân cũ, thực dân mới, thực dân toàn cầu hoá - hiện nay,...) vừa là xu hướng tất yếu của sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, vừa là thể hiện sự lỗi thời của hình thái kinh tế - xã hội tư bản chủ nghĩa (mà ở trong nước nó cũng không thể phát triển ổn định và không thể giải quyết triệt để những tệ nạn xã hội cố hữu của nó) về mặt lịch sử (thời gian) và vừa đầy nhanh và mở rộng sự lỗi thời đó ra phạm vi quốc tế (không gian).

Đây chính là một trong những điều kiện thời đại cơ bản và khách quan cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở những nước tư bản chủ nghĩa phát triển trung bình và ở các nước chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Chủ nghĩa đế quốc càng thực hiện các chính sách thực dân đế quốc thì càng làm cho những điều kiện ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở trong nước càng chín muồi, càng đẩy nhanh chủ nghĩa tư bản vào giai đoạn tổng khủng hoảng và càng làm cho mâu thuẫn ở trong nước và trên trường quốc tế trở nên gay gắt dẫn đến bùng nổ các cuộc cách mạng ở cả chính quốc và thuộc địa phụ thuộc.

*Điều kiện thứ hai là, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, sự ra đời và ngày càng hoàn thiện của chủ nghĩa Mác - Lênin (hệ tư tưởng của giai cấp công nhân).*

Đây là một trong những điều kiện thời đại rất quan trọng cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở các nước tư bản chủ nghĩa trung bình và các nước chưa qua phát triển tư bản chủ nghĩa.

Ngay từ đầu thế kỷ XX và nhất là từ sau cách mạng tháng Mười Nga 1917, sự phát triển mạnh mẽ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế hệ tư tưởng, của hệ tư tưởng giai cấp công nhân, đặc biệt là những luận điểm của Lênin về cách mạng xã hội chủ nghĩa, về chủ nghĩa đế quốc, về các dân tộc bị áp bức và về khả năng đi lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa đã tác động mạnh mẽ đến ý thức và tinh thần đấu tranh của giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa có trình độ phát triển trung bình và đã thức tỉnh tinh thần dân tộc ở các nước thuộc địa phụ thuộc, góp phần đẩy lên phong trào yêu nước, giành độc lập dân tộc của các dân tộc này. Đó là điều kiện khách quan cho giai cấp công nhân và các tầng lớp nhân dân lao động ở các nước tư bản chủ nghĩa trung bình và ở các thuộc địa phụ thuộc đẩy mạnh cuộc đấu tranh cách mạng, tiếp thu chủ nghĩa Mác - Lênin, xây dựng Đảng Mác - xít Lêninnít, lựa chọn con đường cách mạng phù hợp với xu thế của thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội, với khả năng khách quan và chủ quan ở trong nước để có thể hoàn thành các cuộc cách mạng cần thiết, đưa đất nước đi lên chủ nghĩa xã

hội, bắt đầu sự nghiệp xây dựng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

Sự phát triển của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế không chỉ tác động tới sự thắng lợi của giai cấp công nhân và các dân tộc thuộc địa phụ thuộc trong giai đoạn giành chính quyền và lựa chọn con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở các nước tư bản chủ nghĩa trung bình và các nước chưa qua phát triển tư bản chủ nghĩa mà còn là nhân tố tác động lâu dài trong toàn bộ quá trình ra đời và hoàn thiện của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở các nước này. Sự ủng hộ, hợp tác, giúp đỡ của phong trào cộng sản và công nhân quốc tế đối với các nước này không chỉ về tinh thần mà cả về vật chất, sức người, sức của và kể cả về quân sự (khi cần thiết) theo tinh thần của Lênin là : “vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức đoàn kết lại”.

Trong thời đại lịch sử mới, thời đại quá độ lên chủ nghĩa xã hội, Hồ Chí Minh đã vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào cách mạng Việt Nam. Người thấy rõ xu thế tất yếu của thời đại, sự tác động mạnh mẽ của chủ nghĩa xã hội và phong trào cách mạng thế giới đối với cách mạng mỗi nước và nhất là đối với phong trào giải phóng dân tộc ở các dân tộc thuộc địa. Người chỉ rõ: “Sự nghiệp của người bản xứ An Nam”<sup>(1)</sup>. Từ đó Hồ Chí Minh hình thành tư tưởng về con đường cách mạng Việt Nam là : “ làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản” ; “muốn giải phóng dân tộc, không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản” ; “độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội” ;...

*Điều kiện thứ ba là, sự ra đời sự phát triển của giai cấp công nhân và phong trào đấu tranh cách mạng của nó ở các nước tư bản chủ nghĩa trung bình và ở các nước chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa.*

Nếu như hai điều kiện thời đại nêu trên có vai trò quan trọng như là điều kiện bên ngoài thì điều kiện thứ ba là điều kiện bên trong có tầm quan trọng đặc biệt và trực tiếp cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở các loại nước này.

Ở các nước tư bản chủ nghĩa có trình độ phát triển trung bình, tuy giai cấp công nhân ra đời muộn hơn so với giai cấp công nhân ở các nước có chủ nghĩa tư bản phát triển sớm, nhưng do tác động của thời đại đế quốc chủ nghĩa và trực tiếp do tác động của sự bóc lột thống trị của giai cấp tư sản và các thế lực phản động khác ở trong nước mà phong trào công nhân có thể phát triển rất mạnh mẽ, thậm chí phong trào đó có thể trở thành đội tiên phong hoặc trung tâm của cách mạng thế giới (phong trào đấu tranh của giai cấp công nhân ở nước Nga đầu thế kỷ XX - nơi tập trung và biểu hiện gay gắt mâu thuẫn thuộc địa đã trở thành đội xung kích của phong trào cách mạng thế giới đánh vào chủ nghĩa tư bản, chủ nghĩa đế quốc và do đó nước Nga đã trở thành trung tâm của cách mạng thế giới). Khi đó, giai cấp công nhân ở các nước tư bản chủ nghĩa trung bình trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng và liên minh chặt chẽ với nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động khác để đưa các cuộc đấu tranh cách mạng chống các giai cấp thống trị và bóc lột ở trong nước, các thế lực phản động và chủ nghĩa đế quốc đến thắng lợi triệt để, tạo điều kiện cho cách mạng chuyển vào giai đoạn cách mạng xã hội chủ nghĩa - giai đoạn trực tiếp xây dựng hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

---

(1) Hồ Chí Minh, Sđd, t. 1, tr. 469.

Ở các nước lạc hậu chưa qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa, mà hầu hết là các nước thuộc địa của chủ nghĩa đế quốc, giai cấp công nhân tuy chiếm tỷ lệ rất thấp trong dân cư nhưng do dự thống trị và bóc lột của chủ nghĩa đế quốc thực dân kết hợp với bọn địa chủ và tư sản phản động trong nước nên sớm được cách mạng hoá và có khả năng trở thành lực lượng lãnh đạo phong trào đấu tranh cách mạng ở trong nước (cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân) đến thắng lợi triệt để và đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội mà không phải trải qua con đường phát triển tư bản chủ nghĩa. Đây chính là con đường “đặc biệt của đặc biệt” cho sự ra đời của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở các nước chưa qua phát triển tư bản chủ nghĩa.

Tính quy luật đặc thù về "bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa để đi lên chủ nghĩa xã hội" (ở những nước nông nghiệp, chưa qua chủ nghĩa tư bản) cũng nằm trong quy luật chung là "quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới", bắt đầu bằng Cách mạng tháng Mười Nga (1917) - tức là trong thời đại ngày nay, thời đại đế quốc chủ nghĩa và cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Cùng với sự khẳng định khả năng, điều kiện ra đời hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở các nước tư bản chủ nghĩa trung bình và ở các nước chưa qua phát triển tư bản chủ nghĩa, các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin cũng phê phán hai xu hướng : một là, cứ để cho các nước trải qua chủ nghĩa tư bản phát triển đầy đủ rồi "tự nó" sẽ chuyển hoá thành chủ nghĩa cộng sản, không cần đấu tranh giai cấp, không cần thực hiện cách mạng xã hội chủ nghĩa (đó là tư tưởng cơ hội, hữu khuynh) ; hai là, bằng ý muốn chủ quan, giản đơn, duy ý chí, đốt cháy giai đoạn, muốn thực hiện ngay cách mạng xã hội chủ nghĩa, muốn có ngay chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản, bất chấp những quy luật và điều kiện khách quan, chủ quan ... (đó là biểu hiện "tả" khuynh, nhưng thực chất lại kéo lùi lịch sử của giai cấp công nhân và nhân dân lao động, làm xuất hiện thêm khó khăn, thậm chí thất bại đau đớn, dù là tạm thời).

### **3. Sự phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa**

C. Mác, Ph. Ăngghen và V.I. Lênin đã đưa ra những luận điểm khoa học về phân kỳ các giai đoạn phát triển trong quá trình hình thành và hoàn thiện hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Có thể nêu khái quát các luận điểm cơ bản đó như sau :

*a)* Theo C. Mác và Ph. Ăngghen, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ra đời và có quá trình phát triển qua hai giai đoạn, từ trình độ thấp lên trình độ cao hơn. Đó là:

- "Giữa xã hội tư bản chủ nghĩa và xã hội cộng sản chủ nghĩa là một thời kỳ cải biến cách mạng từ xã hội nọ sang xã hội kia. Thích ứng với thời kỳ ấy là một thời kỳ quá độ chính trị và nhà nước của thời kỳ ấy không thể là cái gì khác hơn là chuyên chính cách mạng của giai cấp vô sản"<sup>(1)</sup>, và C. Mác gọi thời kỳ quá độ này bằng hình tượng : "Những cơn đau đẻ kéo dài" để cho chủ nghĩa xã hội lọt lòng từ xã hội cũ mà ra...

- "Giai đoạn thấp của xã hội cộng sản chủ nghĩa" (hay "giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa"). Sau này Lênin và các Đảng cộng sản gọi giai đoạn này là "chủ nghĩa xã hội" hay "xã hội

---

<sup>(1)</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen, Sđd, 1995, t. 19, tr 47.

xã hội chủ nghĩa", mà nguyên tắc cơ bản trong xã hội là "làm theo năng lực hưởng theo lao động".

- "Giai đoạn cao hơn của xã hội cộng sản chủ nghĩa". Sau này Lênin và các Đảng cộng sản gọi giai đoạn này là "chủ nghĩa cộng sản" hay "xã hội cộng sản chủ nghĩa". C. Mác đã dự báo rằng, "Cùng với sự phát triển toàn diện của các cá nhân, sức sản xuất của họ cũng ngày càng tăng lên và tất cả các nguồn của cải xã hội đều tuôn ra dồi dào, chỉ khi đó người ta mới có thể vượt hẳn ra khỏi giới hạn chật hẹp của pháp quyền tư sản và xã hội mới có thể ghi trên lá cờ của mình : làm theo năng lực, hưởng theo nhu cầu"<sup>(2)</sup>.

*b)* V.I. Lênin cũng nêu lại cách diễn đạt hình tượng mà C. Mác và Ph. Ăngghen đã nêu về sự phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa như sau :

"I. Những cơn đau đẻ kéo dài

.....

II. Giai đoạn đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa

.....

III. Giai đoạn cao của xã hội cộng sản chủ nghĩa"<sup>(1)</sup>

Lênin đã cụ thể hoá và phát triển thêm quan điểm phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa. Ông gọi "giai đoạn thấp" của xã hội cộng sản chủ nghĩa là xã hội xã hội chủ nghĩa (hay chủ nghĩa xã hội); "giai đoạn cao" là xã hội cộng sản chủ nghĩa hay "chủ nghĩa cộng sản". Khi so sánh "giai đoạn thấp" và "giai đoạn cao", Lênin đã chỉ rõ: "Nhưng, về mặt khoa học, thì sự khác nhau giữa chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản thật là rõ ràng. Cái mà người ta thường gọi là chủ nghĩa xã hội, thì Mác gọi là giai đoạn "đầu" hay giai đoạn thấp của chủ nghĩa cộng sản. Trong chừng mực tư liệu sản xuất đã biến thành sở hữu chung, thì danh từ "chủ nghĩa cộng sản" ở đây có thể dùng được, miễn đừng quên rằng đó không phải là chủ nghĩa cộng sản hoàn toàn"<sup>(2)</sup> ; Đặc biệt là Lênin đã phát triển lý luận về "thời kỳ quá độ khá lâu dài từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội". Xuất phát từ thực tiễn lịch sử, Lênin đã có quan điểm khoa học về các kiểu quá độ lên chủ nghĩa xã hội : đó là kiểu quá độ đặc biệt của các nước đã qua chủ nghĩa tư bản ở mức trung bình và "quá độ bỏ qua" giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa của nhiều nước vốn từ nông nghiệp lạc hậu - các nước "tiền tư bản"... lên chủ nghĩa xã hội - quá độ "đặc biệt của đặc biệt".

Những nước thuộc các kiểu "quá độ bỏ qua", đương nhiên phải có đảng cộng sản lãnh đạo nhân dân giành chính quyền, có đường lối xây dựng và bảo vệ đất nước theo mục tiêu xã hội chủ nghĩa; tận dụng được những thành quả của các nước xã hội chủ nghĩa, của chủ nghĩa tư bản và của cả nhân loại để quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Theo Lênin, ở những nước này cần chú trọng khắc phục những biểu hiện của tính tiểu tư sản, tiểu nông trong đảng cộng sản, trong quần chúng; chống lại mọi kẻ thù phá hoại... để từng bước quá độ lên chủ nghĩa xã hội;

---

<sup>(2)</sup> Sđd, tr. 36.

<sup>(1)</sup> V.I. Lênin, Sđd, 1976, t.33 tr.105-117.

<sup>(2)</sup> Sđd, tr.121.

phải trải qua và sử dụng rất nhiều "những bước quá độ nhỏ", "những hình thức trung gian quá độ", đan xen giữa "các thành phần chủ nghĩa xã hội, ... Do đó, ở các nước "quá độ bỏ qua" dù là "quá độ rút ngắn thì cũng không thể chủ quan nóng vội, "đốt cháy giai đoạn"... mà phải vận dụng đúng đắn những quy luật khách quan, những tiên đề và điều kiện cụ thể ... để giành thắng lợi từng bước, trên tất cả các lĩnh vực của xã hội. Nhưng trong thời đại đế quốc chủ nghĩa, thời đại của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên thế giới thì hàng trăm nước đó vẫn có thể thực hiện kiểu quá độ "đặc biệt của đặc biệt" đó.

Như vậy là, theo Mác, Ăngghen và Lênin, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa được bắt đầu hình thành từ thời kỳ quá độ cho đến khi xây dựng xong giai đoạn cao của xã hội cộng sản. Và, dù là quá độ trực tiếp từ chủ nghĩa tư bản đã phát triển hay các kiểu quá độ gián tiếp (quá độ bỏ qua) cũng đều nằm trong quy luật và xu hướng tất yếu của lịch sử nhân loại trong thời đại ngày nay.

## II - THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

### 1. Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Tính tất yếu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, trước hết xuất phát từ đặc điểm trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa. Do sự đối lập về chất của chế độ sở hữu tư bản chủ nghĩa và chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa, nên trong lòng xã hội cũ (tư bản chủ nghĩa và tư bản chủ nghĩa) không thể nảy sinh quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa như một quan hệ sản xuất hoàn chỉnh. Vì vậy, giai cấp công nhân phải tiến hành cách mạng trên lĩnh vực chính trị trước, nhằm thiết lập nhà nước xã hội chủ nghĩa. Việc giai cấp công nhân giành chính quyền chưa có nghĩa là đã có chủ nghĩa xã hội hoàn chỉnh. Muốn có chủ nghĩa xã hội đầy đủ và hoàn chỉnh (cả chính trị, kinh tế, văn hóa), giai cấp công nhân phải từ những tiên đề vật chất đã có và bằng công cụ là nhà nước xã hội chủ nghĩa để cải tạo nền kinh tế cũ, xây dựng nền kinh tế mới xã hội chủ nghĩa, làm cơ sở cho một kiến trúc thượng tầng mới và nền văn hoá mới xã hội chủ nghĩa.

Mặt khác, việc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới (do tính chất toàn diện và triệt để), là một sự nghiệp cực kỳ khó khăn, phức tạp và luôn luôn vấp phải sự chống phá điên cuồng của các thế lực phản động bên trong và bên ngoài. Vì vậy nó đòi hỏi phải có thời gian cần thiết. Thời gian cho công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và đánh bại mọi kẻ thù đó là thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Lênin đã khẳng định: "Về lý luận không thể nghi ngờ gì được giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa cộng sản có một thời kỳ quá độ nhất định. Thời kỳ đó không thể không bao gồm những đặc điểm hoặc đặc trưng của cả hai kết cấu kinh tế - xã hội ấy. Thời kỳ quá độ ấy không thể nào lại không phải là một thời kỳ đấu tranh giữa chủ nghĩa tư bản đang giãy chết và chủ nghĩa cộng sản đang phát sinh, hay nói một cách khác giữa chủ nghĩa tư bản đã bị đánh bại nhưng chưa bị tiêu diệt hẳn và chủ nghĩa cộng sản đã phát sinh nhưng vẫn còn rất non yếu"<sup>(1)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> Sdd, tr 39, t. 309 - 310.

## 2. Những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

Thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ hình thành hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa (thời kỳ cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới xã hội xã hội chủ nghĩa - giai đoạn đầu của hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa). Xã hội trong thời kỳ này bao gồm những đặc điểm cơ bản sau đây :

*Một là*, trong xã hội mà trên mọi lĩnh vực đang có sự “đan xen”, “bên cạnh nhau” những yếu tố, những bộ phận của chủ nghĩa xã hội, của chủ nghĩa tư bản và của cả các xã hội trước đó. Lênin đã viết : “Vậy danh từ quá độ có nghĩa là gì?...có phải nó có nghĩa là trong chế độ hiện nay có những thành phần, có những bộ phận, những mảnh của cả chủ nghĩa tư bản lẫn chủ nghĩa xã hội không?”<sup>(1)</sup>. Vấn đề quan trọng là ở chỗ, giai cấp công nhân và Đảng của nó phải có đường lối chính sách cải tạo đúng đắn vừa khắc phục và xoá bỏ tác động tiêu cực, phản động của các bộ phận cũ nhưng vừa tạo điều kiện để kế thừa và phát huy những mặt hợp lý tiến bộ còn phù hợp với yêu cầu phát triển của chủ nghĩa xã hội để từng bước biến chúng thành những bộ phận xã hội chủ nghĩa với phương thức, con đường hợp lý.

*Hai là*, thời kỳ quá độ là thời kỳ "đau đẻ kéo dài và đau đớn", thời kỳ cách mạng phải trải qua những khó khăn vô cùng to lớn, cả khó khăn khách quan (kinh tế lạc hậu, chiến tranh, nội chiến, sự phản kích quyết liệt của kẻ thù, sự phá rối của thế lực tự phát triển tư sản...), lẫn khó khăn chủ quan (những sai lầm, vấp vấp, thất bại tạm thời do thiếu kinh nghiệm, do yêu cầu lớn lao của nhiệm vụ xây dựng xã hội chủ nghĩa và cải thiện đời sống nhân dân...). Do đó thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là thời kỳ phức tạp và lâu dài. Song do phù hợp với quy luật phát triển khách quan của lịch sử, nên là khó khăn trong sự trưởng thành, khó khăn có thể và phải vượt qua.

*Ba là*, cuộc đấu tranh giai cấp trong thời kỳ quá độ là gay go quyết liệt và tạo ra những đột biến cách mạng "long trời, lở đất". Đây là thời kỳ đấu tranh giai cấp với nội dung mới, trong điều kiện mới và với những hình thức mới nhằm xoá bỏ chế độ cũ, xây dựng chế độ mới từ gốc đến ngọn, thời kỳ hình thành những đặc trưng của chủ nghĩa xã hội để chủ nghĩa xã hội sau đó có thể phát triển trên cơ sở của chính nó. Các đột biến trong thời kỳ quá độ là toàn diện và liên tục : nhân dân lao động từ địa vị làm thuê từng bước xác lập địa vị làm chủ, từ chế độ tư hữu sang chế độ công hữu, từ văn hoá cũ, con người cũ sang văn hoá mới, con người mới xã hội chủ nghĩa. Các bước nhảy vọt trong các lĩnh vực gắn bó chặt chẽ và làm tiền đề cho nhau phát triển .

*Bốn là*, trong thời kỳ quá độ tính đặc thù dân tộc được biểu hiện rõ nét nhất. Nguyên nhân có những đặc thù là do các nước, các dân tộc bước vào thời kỳ quá độ có xuất phát điểm về trình độ phát triển không giống nhau : điều kiện lịch sử, truyền thống lịch sử... khác nhau.

Tính đặc thù thể hiện ở bước đi, hình thức, nhịp độ, ở con đường phát triển... giữa các nước không hoàn toàn giống nhau. Do đó hơn bất cứ thời kỳ nào, trong thời kỳ quá độ, các

---

<sup>(1)</sup> Sđd, tr.36, t. 362.

Đảng cộng sản phải vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo các quy luật chung, nguyên lý chung vào hoàn cảnh cụ thể của nước mình, dân tộc mình.

### III - NHỮNG ĐẶC TRƯNG CƠ BẢN CỦA XÃ HỘI XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

Trên cơ sở lý luận khoa học của chủ nghĩa Mác - Lênin, và cơ sở thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới, chúng ta có thể nêu ra những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa.

#### **1. Cơ sở vật chất - kỹ thuật của xã hội xã hội chủ nghĩa là nền sản xuất công nghiệp hiện đại**

Cả mặt thực tế, cả lôgic - lý luận khoa học đều chứng minh rằng, xã hội xã hội chủ nghĩa là sự kế tiếp sau xã hội tư bản chủ nghĩa, có nhiệm vụ phải xây dựng xã hội mới văn minh hơn, hiện đại hơn để chiến thắng hoàn toàn chủ nghĩa tư bản. Do đó, lực lượng sản xuất của xã hội xã hội chủ nghĩa, khi được giải phóng khỏi sự kìm hãm của quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa thì tất yếu nó phát triển mạnh mẽ hơn và đạt trình độ cao hơn so với chủ nghĩa tư bản. Đương nhiên, các nước tư bản phát triển đã có lực lượng sản xuất phát triển cao (như G7...) thì lên xã hội xã hội chủ nghĩa, giai cấp vô sản ở đó chủ yếu chỉ phải trải qua một cuộc cách mạng chính trị thành công. Khi đó chính trình độ lực lượng sản xuất đã phát triển cao là một cơ sở rất thuận lợi cho việc tiếp tục xây dựng thắng lợi, hoàn thiện chủ nghĩa xã hội - cả quan hệ sản xuất và lực lượng sản xuất cao hơn chủ nghĩa tư bản.

Ở những nước xã hội chủ nghĩa “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa” (như Việt Nam và các nước khác) thì phải có quá trình thực hiện công nghiệp hoá - hiện đại hoá, xây dựng từng bước cơ sở vật chất - kỹ thuật hiện đại của chủ nghĩa xã hội. Hiện nay, Trung Quốc, Việt Nam, Cu Ba... đang đẩy mạnh quá trình công nghiệp hoá - hiện đại hoá với tốc độ khá cao, để đưa các nước xã hội chủ nghĩa thành những nước công nghiệp hiện đại.

#### **2. Xã hội xã hội chủ nghĩa đã xoá bỏ chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, thiết lập chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu**

Các nhà kinh điển của chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ chủ nghĩa xã hội không xoá bỏ chế độ tư hữu nói chung mà chủ yếu xoá bỏ chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất (còn các chế độ tư hữu khác: chế độ tư hữu chủ nô, phong kiến, xét trên toàn cầu thì đã bị chủ nghĩa tư bản xoá bỏ trước đó rồi). Bởi vì chế độ tư hữu tư bản chủ nghĩa đã nô dịch, áp bức bóc lột giá trị thặng dư đối với đại đa số nhân dân lao động, đem lại lợi nhuận ngày càng cao cho thiểu số các tập đoàn tư bản lũng đoạn và giai cấp thống trị xã hội.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, kết cấu kinh tế còn đan xen nhiều thành phần, vận hành theo cơ chế sản xuất hàng hoá, quan hệ thị trường nên vẫn tồn tại những quan hệ thuê mướn lao động trong sản xuất. Nhưng quan hệ đó đã được nhà nước xã hội chủ nghĩa quản lý để đảm bảo sự công bằng xã hội trong điều kiện cụ thể của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Chính Lênin và Đảng Cộng sản Nga Xô - viết sau thời gian áp dụng “Chính sách cộng sản thời chiến” (trung thu lương thực... do yêu cầu phục vụ chiến tranh bảo vệ Tổ quốc) đã bãi bỏ chính sách này khi nước Nga bước vào thời kỳ quá độ, xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là thời kỳ thực hiện “Chính sách kinh tế mới”(NEP), với kinh tế hàng hoá 5 thành phần và



tự do lưu thông hàng hoá trên thị trường nhiều loại sản phẩm. Đó là một đặc trưng kinh tế của thời kỳ quá độ và cả của chủ nghĩa xã hội. Việc xoá bỏ một cách nóng vội những đặc điểm trên, sa vào bệnh chủ quan duy ý chí trong mấy thập kỷ cuối thế kỷ XX của các nước xã hội chủ nghĩa là trái với quan điểm của Lênin về nền kinh tế quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

### **3. Xã hội xã hội chủ nghĩa tạo ra cách tổ chức lao động và kỷ luật lao động mới**

Quá trình xây dựng và bảo vệ chủ nghĩa xã hội là một quá trình hoạt động tự giác của đại đa số nhân dân, vì lợi ích của đại đa số nhân dân. Chính từ bản chất và mục đích đó mà các nhà kinh điển Mác - Lênin đã đưa ra những kết luận khoa học cho đến nay vẫn còn giá trị: chủ nghĩa xã hội sẽ là một kiểu tổ chức lao động mới của bản thân nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo, hướng dẫn của Đảng cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân và nhà nước xã hội chủ nghĩa. Do đó, kỷ luật lao động mới cũng có những đặc trưng mới, vừa là kỷ luật chặt chẽ theo những quy định chung của luật pháp, pháp chế xã hội chủ nghĩa, vừa có tính tự giác - kỷ luật tự giác (tức là mỗi người lao động giác ngộ về vai trò làm chủ đích thực của mình trước xã hội, trước mọi công việc được phân công ngày càng tốt hơn). Đương nhiên, để mọi người lao động có một tổ chức và kỷ luật lao động mới tự giác như thế, phải trải qua quá trình đấu tranh, từng bước hoàn thiện chủ nghĩa xã hội.

### **4. Xã hội xã hội chủ nghĩa thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động**

Theo nguyên tắc này, trong quá trình lao động cụ thể, mỗi người lao động sẽ nhận được từ xã hội một số lượng sản phẩm tiêu dùng có giá trị tương đương số lượng, chất lượng và hiệu quả lao động của họ đã tạo ra cho xã hội, sau khi đã trừ một số khoản đóng góp chung cho xã hội. Nguyên tắc phân phối này là phù hợp với tính chất và trình độ phát triển lực lượng sản xuất trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đó là một trong những cơ sở của công bằng xã hội ở giai đoạn này. Do đó, nó còn tạo ra một động lực to lớn cho sự phát huy sáng tạo trong lao động, sản xuất con người để đảm bảo thắng lợi cho thắng lợi hoàn toàn của chủ nghĩa cộng sản.

### **5. Nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân rộng rãi và tính dân tộc sâu sắc ; thực hiện quyền lực, lợi ích và ý chí của nhân dân lao động**

Khi đề cập đến hệ thống chuyên chính vô sản, chủ nghĩa Mác - Lênin đã xác định rõ bản chất, chức năng, nhiệm vụ của nhà nước chuyên chính vô sản. Thực chất nhà nước đó là do đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo nhân dân tổ chức ra. Thông qua nhà nước là chủ yếu mà đảng lãnh đạo nhân dân về mọi mặt và nhân dân lao động thực hiện quyền lực và lợi ích của mình trên mọi mặt của xã hội. Nhân dân ngày càng tham gia nhiều vào công việc nhà nước, theo Lênin, nhà nước chuyên chính vô sản (hay nhà nước xã hội chủ nghĩa) không còn nguyên nghĩa như nhà nước của chủ nghĩa tư bản, mà là “nhà nước nửa nhà nước”, với tính tự giác, tự quản của nhân dân rất cao, thực hiện các quyền dân chủ, làm chủ và lợi ích của chính mình ngày càng rõ hơn.

## **6. Xã hội xã hội chủ nghĩa là chế độ đã giải phóng con người thoát khỏi sự áp bức bóc lột, thực hiện sự công bằng, bình đẳng, tiến bộ xã hội, tạo những điều kiện cơ bản để con người phát triển toàn diện**

Việc giành chính quyền, độc lập, tự do, dân chủ – giải phóng con người về chính trị suy cho cùng cũng là để giải phóng con người về kinh tế, về đời sống vật chất và tinh thần. Dù lúc đầu mới có chính quyền, trình độ kinh tế, mức sống vật chất của nhân dân còn thấp, nhưng đã bước vào xây dựng chủ nghĩa xã hội là đã không còn chế độ tư hữu, áp bức, bất công với tư cách một chế độ xã hội. Đây là những tiền đề chính trị, kinh tế khác về bản chất so với các chế độ cũ để từng bước thực hiện giải phóng con người và phát triển con người toàn diện. Không có những tiền đề cơ bản đó không thể giải phóng con người, không thực hiện được công bằng, bình đẳng, tiến bộ và văn minh xã hội... Nói bình đẳng trong chủ nghĩa xã hội là nói trong điều kiện giai đoạn xã hội vẫn còn giai cấp, còn nhà nước, trước hết bình đẳng giữa các công dân, giữa các chủ thể sản xuất - kinh doanh (dù họ ở thành phần kinh tế nào) trước pháp luật chung của nhà nước ; bình đẳng nam - nữ ; bình đẳng giữa các dân tộc và đoàn kết toàn dân.

Với những đặc trưng cơ bản đó, xã hội xã hội chủ nghĩa đã thể hiện bản chất tốt đẹp, trình độ hiện đại và văn minh hơn hẳn chủ nghĩa tư bản.

## **IV - THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM**

Sau thắng lợi vĩ đại “Điện Biên Phủ” (1954) ở nước ta, miền Nam tiếp tục cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, miền Bắc bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội- hậu phương lớn của cách mạng miền Nam. Trong điều kiện đó, Đảng ta đã xác định rõ : đặc điểm lớn nhất của miền Bắc, xét về kinh tế, là nền sản xuất nhỏ, nông nghiệp lạc hậu, quá độ lên chủ nghĩa xã hội, bỏ qua giai đoạn phát triển tư bản chủ nghĩa. Những thành tựu của miền Bắc trong những năm chống Mỹ, cứu nước đã thực sự xứng đáng là hậu phương lớn của miền Nam và có vai trò quyết định nhất đến toàn bộ hai nhiệm vụ chiến lược của cách mạng cả nước: giải phóng miền Nam, thống nhất Tổ quốc và xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc.

Từ sau khi miền Nam hoàn toàn được giải phóng (1975), cả nước bước vào thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội. Vận dụng những quan điểm cơ bản mà Lenin đã nêu ra về đặc điểm thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở “những nước tiểu nông”, Đảng ta và nhân dân ta đã có những thành quả bước đầu trong sự nghiệp thống nhất đất nước, xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ độc lập tự do của Tổ quốc. Tuy nhiên, trong khoảng thời gian 1975-1985, chúng ta cũng phạm một số sai lầm, trong đó có biểu hiện chủ quan, nóng vội, giản đơn, nhất là về quản lý kinh tế : đó là quá chú trọng hai thành phần kinh tế quốc doanh và tập thể một cách hình thức, thực hiện quá lâu cơ chế tập trung quan liêu, hành chính bao cấp của Nhà nước ; nhận thức chưa đúng về quan điểm của Lenin, tư tưởng Hồ Chí Minh về nền kinh tế hàng hoá, nhiều thành phần kinh tế đan xen nhau... trong thời kỳ quá độ, do đó đã biến chế độ sở hữu toàn dân và tập thể trở nên trừu tượng, hình thức bề ngoài - nhiều tư liệu sản xuất chung của xã hội, nhất là đất đai, trở nên không có chủ cụ thể. Đó là một trong những nguyên nhân làm

triệt tiêu các động lực, các tiềm năng của toàn dân ta, không tranh thủ được sự hợp tác quốc tế. Vì vậy, kinh tế, xã hội đã lâm vào trì trệ, khủng hoảng.

Năm 1986, tại Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ VI, Đảng ta đã đưa ra đường lối đổi mới toàn diện đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Đảng ta xác định đúng đắn, bắt đầu từ đổi mới tư duy lý luận, nhất là tư duy kinh tế. Đổi mới toàn diện, nhưng có những trọng điểm đúng : trên cơ sở ổn định, phát triển kinh tế, cải thiện từng bước đời sống nhân dân, đồng thời và từng bước đổi mới hệ thống chính trị... để phát triển đất nước đúng định hướng xã hội chủ nghĩa.

Trong quá trình đổi mới, chúng ta đã có nhận thức ngày càng rõ về “thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội”, có thể thấy rõ những bước cụ thể hoá về phát triển “bỏ qua tư bản chủ nghĩa”. Đường lối đổi mới của Đảng ta đã khẳng định đó là “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa”. Đến Đại hội I X Đảng ta có nhận thức càng rõ hơn nữa : “bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại”<sup>(1)</sup>.

Thời kỳ quá độ chủ nghĩa xã hội ở nước ta là một quá trình cải biến cách mạng, đấu tranh giữa những nhân tố cũ và nhân tố mới, giữa con đường tư bản chủ nghĩa và con đường chủ nghĩa xã hội ; đấu tranh quyết liệt chống âm mưu diễn biến hoà bình của chủ nghĩa đế quốc và các thế lực phản động, v.v... Vì vậy, chúng ta không được buông lỏng hai nhiệm vụ chiến lược của cả nước trong giai đoạn hiện nay là xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Những phương hướng - nhiệm vụ cơ bản của cách mạng nước ta được Đảng Cộng sản Việt Nam chỉ ra trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và được cụ thể hoá qua các Đại hội VIII và IX là :

*Thứ nhất*, xây dựng Nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân ; củng cố liên minh giữa giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức do Đảng ta lãnh đạo làm nền tảng và là nòng cốt cho khối đại đoàn kết toàn dân tộc. Thực hiện ngày càng đầy đủ các quyền dân chủ, làm chủ, quyền lực của nhân dân ; giữ nghiêm kỷ cương xã hội, chuyên chính với mọi tội phạm và kẻ thù của nhân dân.

*Thứ hai*, phát triển lực lượng sản xuất, đẩy mạnh công nghiệp hoá đất nước là nhiệm vụ trung tâm, xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, không ngừng phát triển kinh tế, nâng cao đời sống nhân dân về vật chất và tinh thần.

*Thứ ba*, thiết lập từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa đáp ứng yêu cầu và tính chất của phát triển lực lượng sản xuất qua nhiều hình thức đa dạng về sở hữu, sử dụng các tư liệu sản xuất, hợp tác sản xuất kinh doanh trong nước và quốc tế. Phát triển kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, trong đó kinh tế nhà nước là chủ đạo, cùng kinh tế tập thể làm

---

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, H., 2001, tr. 21.

nền tảng cho cả nền kinh tế quốc dân ; từng bước phát triển kinh tế tri thức một cách phù hợp, có hiệu quả và định hướng xã hội chủ nghĩa. Thực hiện hình thức phân phối, trong đó lấy phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế làm nguyên tắc chủ đạo.

*Thứ tư*, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hoá, làm cho chủ nghĩa Mác- Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh trở thành hệ tư tưởng chủ đạo đời sống tinh thần của đất nước. Kế thừa và phát huy tinh hoa văn hoá của dân tộc và của nhân loại. Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến đậm đà bản sắc dân tộc. Xây dựng con người xã hội chủ nghĩa có trí tuệ, đạo đức, lối sống, phong cách... có văn hoá, văn minh ; có thể chất và đời sống thẩm mỹ lành mạnh. Đấu tranh loại trừ các biểu hiện phản văn hoá, văn minh, phi đạo đức... trái với giá trị văn hoá truyền thống tốt đẹp của dân tộc và nhân loại tiến bộ, trái với mục tiêu và bản chất chủ nghĩa xã hội.

*Thứ năm*, thực hiện chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc, củng cố và mở rộng Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, tập hợp mọi lực lượng xã hội tán thành và phấn đấu vì mục tiêu chung : dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, vững chắc đi lên chủ nghĩa xã hội. Thực hiện chính sách đối ngoại hoà bình, hợp tác, hữu nghị, bình đẳng, độc lập và cùng có lợi với các nước, các tổ chức quốc tế...

*Thứ sáu*, thực hiện tốt hai nhiệm vụ chiến lược là xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Thực hiện tốt quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân, gắn chặt kinh tế với quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị, trật tự an toàn xã hội.

*Thứ bảy*, thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam, theo phương châm : phát triển kinh tế là trọng tâm ; xây dựng, chỉnh đốn Đảng là then chốt... để Đảng ta luôn luôn trong sạch, vững mạnh, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín đáp ứng vai trò lãnh đạo xã hội ta trên mọi lĩnh vực trước những yêu cầu ngày càng cao hơn, với những vận hội mới lẫn những thử thách mới.

Theo những phương hướng cơ bản mà Đảng Cộng sản Việt Nam đã nêu ra, chúng ta sẽ xây dựng được xã hội xã hội chủ nghĩa ở nước ta với những đặc trưng cơ bản là :

“- Do nhân dân lao động làm chủ.

- Có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và chế độ công hữu về các tư liệu sản xuất chủ yếu.

- Có nền văn hoá tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc.

- Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện cá nhân.

- Các dân tộc trong nước bình đẳng, đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau cùng tiến bộ.

- Có quan hệ hữu nghị và hợp tác với nhân dân tất cả các nước trên thế giới”<sup>(1)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, H., 1991, tr. 11.

Trên cơ sở đó, xuất phát từ tình hình thực tiễn ở nước ta hiện nay, Đại hội IX của Đảng ta đã chỉ rõ : "Con đường đi lên của nước ta là sự phát triển quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tức là bỏ qua việc xác lập vị trí thống trị của quan hệ sản xuất và kiến trúc thượng tầng tư bản chủ nghĩa, nhưng tiếp thu, kế thừa những thành tựu mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa, đặc biệt về khoa học và công nghệ, để phát triển nhanh lực lượng sản xuất, xây dựng nền kinh tế hiện đại. Xây dựng chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, tạo ra sự biến đổi về chất của xã hội trên tất cả các lĩnh vực là sự nghiệp rất khó khăn, phức tạp, cho nên phải trải qua một thời kỳ quá độ lâu dài với nhiều chặng đường, nhiều hình thức tổ chức kinh tế, xã hội có tính chất quá độ trong các lĩnh vực của đời sống xã hội diễn ra sự đan xen và đấu tranh giữa cái mới và cái cũ"<sup>(1)</sup>. Đồng thời, Đảng cũng xác định : "Nội dung chủ yếu của đấu tranh giai cấp trong giai đoạn hiện nay là thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá theo định hướng xã hội chủ nghĩa, khắc phục tình trạng nước nghèo, kém phát triển ; thực hiện công bằng xã hội, chống áp bức, bất công ; đấu tranh ngăn chặn và khắc phục những tư tưởng và hành động tiêu cực, sai trái ; đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu và hành động chống phá của các thế lực thù địch ; bảo vệ độc lập dân tộc xây dựng nước ta thành một nước xã hội chủ nghĩa phồn vinh, nhân dân hạnh phúc"<sup>(2)</sup>.

Thực hiện những nội dung nêu trên, chính là nhằm đạt được mục tiêu chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2001 - 2010 là : "Đưa đất nước ra khỏi tình trạng kém phát triển, nâng cao rõ rệt đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân, tạo nền tảng để đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nguồn lực con người, năng lực khoa học và công nghệ, kết cấu hạ tầng, tiềm lực kinh tế, quốc phòng, an ninh được tăng cường ; thể chế kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa được hình thành về cơ bản ; vị thế của nước ta trên trường quốc tế được nâng cao"<sup>(3)</sup>.

Trong tình hình hiện nay, để đạt được những mục tiêu đó, điều quan trọng hàng đầu là phải phát huy được vai trò "động lực chủ yếu" của sự nghiệp đổi mới là sức mạnh "đại đoàn kết dân tộc" trên nền tảng của khối liên minh giai cấp giữa công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

---

<sup>(1)</sup> *Tạp chí Cộng sản*, số 9 (5-2001), tr. 18.

<sup>(2)</sup> *Tạp chí Cộng sản*, số 9 (5-2001), tr. 19.

<sup>(3)</sup> *Tạp chí Cộng sản*, số 9 (5-2001), tr. 19.

## **Câu hỏi thảo luận và ôn tập**

1. Phân tích những quan điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác- Lênin về sự phân kỳ hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa.
2. Nêu rõ những đặc điểm cơ bản của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và những đặc trưng cơ bản của xã hội xã hội chủ nghĩa.
3. Đảng Cộng sản Việt Nam đã vận dụng những quan điểm của chủ nghĩa Mác- Lênin về thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội và về chủ nghĩa xã hội vào Việt Nam như thế nào ?

## *Chương V*

# CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

## I - CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA LÀ QUY LUẬT PHỔ BIẾN CỦA QUÁ TRÌNH CHUYỂN BIẾN TỪ CHỦ NGHĨA TƯ BẢN LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

### 1. Cách mạng xã hội chủ nghĩa và nguyên nhân của nó

#### *a) Khái niệm về cách mạng xã hội chủ nghĩa*

- *Cách mạng xã hội chủ nghĩa* là cuộc cách mạng do giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo nhằm thay thế chế độ cũ, chế độ tư bản chủ nghĩa bằng chế độ xã hội chủ nghĩa khi những điều kiện vật chất và tinh thần cho sự thay thế đó đã có đầy đủ và chín muồi.

- Cách mạng xã hội chủ nghĩa thường được hiểu theo hai nghĩa: nghĩa hẹp và nghĩa rộng:

+ *Theo nghĩa hẹp*, cách mạng xã hội là cuộc cách mạng về chính trị được kết thúc bằng việc giai cấp công nhân cùng với quần chúng nhân dân lao động giành được chính quyền, thiết lập nên nhà nước chuyên chính vô sản - nhà nước của giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động.

+ *Theo nghĩa rộng*, cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình cải biến cách mạng một cách toàn diện, triệt để và lâu dài trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Quá trình này bắt đầu từ khi giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó là Đảng Cộng sản lãnh đạo các tầng lớp nhân dân lao động làm cách mạng giành được chính quyền nhà nước và kết thúc khi xã hội mới - xã hội cộng sản chủ nghĩa được xây dựng hoàn toàn và vững chắc.

Như vậy, theo nghĩa rộng, cách mạng xã hội chủ nghĩa bao gồm cả việc giành chính quyền về tay giai cấp công nhân, nhân dân lao động và cả quá trình giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản tiến hành cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

#### *b) Nguyên nhân của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa*

Tất cả các cuộc cách mạng xã hội diễn ra trong lịch sử đều bắt nguồn từ nhu cầu khách quan giải phóng lực lượng sản xuất khỏi sự kìm hãm của quan hệ sản xuất đã lỗi thời. Không nằm ngoài quy luật chung đó, cách mạng xã hội chủ nghĩa có nguyên nhân sâu xa từ mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mang tính xã hội hóa ngày càng cao với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất. C. Mác đã viết: "Sự tập trung tư liệu sản xuất và xã hội hóa lao động đạt tới cái điểm mà chúng không còn thích hợp

với cái vỏ tư bản chủ nghĩa của chúng nữa... nên sản xuất tư bản chủ nghĩa lại đẻ ra sự phủ định bản thân nó, với tính tất yếu của một quá trình tự nhiên"<sup>(1)</sup>.

Dưới chủ nghĩa tư bản, cùng với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật và công nghệ, lực lượng sản xuất ngày càng phát triển, ngày càng mang tính chất xã hội hóa cao, mâu thuẫn với quan hệ sản xuất mang tính chất tư nhân tư bản chủ nghĩa cũng ngày càng gay gắt. Đây là mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản chủ nghĩa. Từ đó sinh ra tình trạng vô chính phủ trong sản xuất, khủng hoảng sản xuất thừa, nạn thất nghiệp, v.v..

Để khắc phục tình trạng trên đây, giai cấp tư sản đã tổ chức ra các Xanhđica, Tờrót, Côngxoócxiom quốc hữu hóa một số ngành, thành lập những công ty xuyên quốc gia. Nhưng đây chỉ là thủ đoạn để giai cấp tư sản duy trì quan hệ sản xuất khi nó không còn phù hợp với lực lượng sản xuất đã xã hội hóa. Nghĩa là, mâu thuẫn cơ bản của chế độ tư bản chủ nghĩa vẫn còn tồn tại, lực lượng sản xuất vẫn chưa được giải phóng khỏi sự kìm hãm của quan hệ sản xuất đã lỗi thời.

Để giải quyết triệt để mâu thuẫn trên đây chỉ có thể là sự thay thế quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa thông qua cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Nhưng, cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể diễn ra một cách tự phát. Nó chỉ có thể nổ ra và giành được thắng lợi khi những điều kiện khách quan và chủ quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa đã chín muồi và sự kết hợp đúng đắn những điều kiện đó.

## **2. Những điều kiện khách quan và điều kiện chủ quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa**

### ***a) Điều kiện khách quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa***

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là quy luật phổ biến của quá trình thực hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, là phương thức thực hiện sự chuyển biến từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội. Cũng như mọi cuộc cách mạng xã hội đã từng diễn ra trong lịch sử, cách mạng xã hội chủ nghĩa là kết quả tất yếu của sự phát triển những nhân tố (điều kiện) khách quan và chủ quan của cách mạng.

Điều kiện khách quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa là lực lượng sản xuất, bao gồm nền đại công nghiệp cơ khí và giai cấp công nhân hiện đại, đã phát triển đạt đến trình độ xã hội hoá cao. Bởi vì, chỉ có lực lượng sản xuất phát triển đến trình độ xã hội hoá cao mới làm nảy sinh trực tiếp nhu cầu xoá bỏ chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa.

Dưới chủ nghĩa tư bản, đại công nghiệp càng phát triển thì mâu thuẫn giữa lực lượng sản xuất mang tính xã hội hoá ngày càng cao với quan hệ sản xuất dựa trên chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa đối với tư liệu sản xuất trở nên ngày càng gay gắt. Mâu thuẫn gay gắt đó ngày càng đòi hỏi phải thay thế quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa bằng quan hệ sản xuất mới phù hợp với trình độ phát triển của lực lượng sản xuất - đó là quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu đối với tư liệu sản xuất. Phân tích sự phát triển của chủ nghĩa tư bản, C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra rằng, sự phát triển của lực lượng sản xuất trong xã

---

<sup>(1)</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1993, t. 23, tr.1059.



hội tư sản đã dẫn đến mâu thuẫn gay gắt với quan hệ sản xuất tư bản, chúng “không thúc đẩy quan hệ sở hữu tư bản phát triển, trái lại, chúng đã trở thành quá mạnh đối với quan hệ sản xuất ấy, cái quan hệ sở hữu lúc đó đang cản trở sự phát triển của chúng... Những quan hệ tư bản trở thành quá hẹp, không đủ để chứa đựng những của cải đã được tạo ra trong lòng nó nữa”<sup>(1)</sup>. Lúc đó việc xoá bỏ quan hệ sản xuất tư bản chủ nghĩa là đòi hỏi trực tiếp của lực lượng sản xuất. Khi chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa và nhất là khi cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ hiện đại đã thúc đẩy quá trình khu vực hoá và quốc tế hoá lực lượng sản xuất xã hội thì đòi hỏi đó càng trở nên cấp thiết và mang tính chất toàn cầu. Như vậy, chủ nghĩa tư bản đã tạo ra những nhân tố phủ định bản thân nó, bước chuyển từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội đã được chuẩn bị ngay trong lòng chế độ tư bản. Mỗi bước phát triển của chế độ tư bản, dù muốn hay không muốn cũng ngày càng làm chín muồi thêm những điều kiện vật chất cho sự ra đời một chế độ xã hội mới tiến bộ hơn - chế độ xã hội chủ nghĩa - sẽ thay thế nó.

Hiện nay cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật và công nghệ tiếp tục phát triển với trình độ ngày càng cao, làm tăng nhanh lực lượng sản xuất, đồng thời thúc đẩy quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế thế giới, quốc tế hoá nền kinh tế và đời sống xã hội. Tình hình đó càng làm tăng thêm sự chín muồi của những điều kiện khách quan dẫn tới cách mạng xã hội chủ nghĩa.

#### ***b) Điều kiện chủ quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa***

Có điều kiện khách quan mà thiếu điều kiện chủ quan thì cách mạng cũng không thể nổ ra, hoặc nếu có nổ ra thì cũng không thể giành được thắng lợi.

Điều kiện chủ quan có ý nghĩa quyết định nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa là sự lớn mạnh, trưởng thành về chính trị của giai cấp công nhân, sự tổ ra chức chính đảng của giai cấp này và sự hình thành, phát triển của liên minh những giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó là Đảng Cộng sản.

Giai cấp công nhân là lực lượng sản xuất quan trọng nhất, là yếu tố hàng đầu trong lực lượng sản xuất dưới chủ nghĩa tư bản, nhưng lại không có tư liệu sản xuất, phải bán sức lao động để kiếm sống.

Những cuộc đấu tranh của công nhân chống lại giai cấp tư sản đã nổ ra ngay từ khi chủ nghĩa tư bản ra đời, theo quy luật có áp bức có đấu tranh. Quy mô những cuộc đấu tranh của công nhân chống lại giai cấp tư sản ngày càng mở rộng. Nhưng chỉ khi nào giai cấp công nhân nhận thức được rằng, chỉ có xoá bỏ chế độ nô lệ làm thuê, giải phóng giai cấp mình và giải phóng toàn xã hội bằng một cuộc cách mạng thắng lợi triệt để họ mới được giải phóng thật sự. Giai cấp công nhân phải nhận thức được sứ mệnh lịch sử của mình, của việc thực hiện xoá bỏ trật tự của chế độ tư bản chủ nghĩa, thiết lập nên chế độ xã hội chủ nghĩa; tức là phải nhận thức được "việc giải phóng giai cấp công nhân phải là sự nghiệp của bản thân giai cấp công nhân"<sup>(1)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> Sđd, 1995, t. 4, tr. 604.

<sup>(1)</sup> Sđd, 1995, t. 21, tr.523.

Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, không chỉ có giai cấp công nhân bị áp bức bóc lột mà cả những giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động khác như: thợ thủ công, nông dân, những người buôn bán nhỏ và kể cả đa số trí thức... cũng bị bóc lột. Giai cấp tư sản dùng những biện pháp chiếm đoạt ruộng đất của giai cấp nông dân làm cho những người nông dân mất ruộng; hàng hóa sản xuất bằng máy móc với giá thành rẻ, chất lượng tốt làm cho những thợ thủ công mất việc làm khiến họ càng căm ghét chế độ tư bản chủ nghĩa. Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân có những lợi ích cơ bản thống nhất với lợi ích của giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức, những người thợ thủ công, v.v... Điều đó đã tạo ra những điều kiện cho giai cấp này có khả năng tập hợp các giai cấp, tầng lớp nhân dân lao động khác vào cuộc đấu tranh chống giai cấp tư sản. C. Mác và Ph. Ăngghen viết: "Lịch sử của cuộc đấu tranh giai cấp đó hiện nay đã phát triển tới giai đoạn trong đó giai cấp bị bóc lột và bị áp bức, tức giai cấp vô sản, không còn có thể tự giải phóng khỏi ách của giai cấp bóc lột và áp bức mình, tức là giai cấp tư sản, nếu không đồng thời và vĩnh viễn giải phóng toàn xã hội khỏi ách bóc lột áp bức, khỏi tình trạng phân chia giai cấp và đấu tranh giai cấp"<sup>(2)</sup>.

Thực tế cuộc đấu tranh thử thách giai cấp công nhân, với sự soi sáng lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, giúp giai cấp này nhận thức được sự cần thiết phải xây dựng cho mình một chính đảng thực sự cách mạng, có khả năng tập hợp quần chúng nhân dân lao động, thực hiện việc giác ngộ quần chúng nhân dân, huy động họ đi vào cuộc đấu tranh, tổ chức cuộc đấu tranh, thì giai cấp công nhân mới thực hiện được sứ mệnh lịch sử của mình là xóa bỏ chủ nghĩa tư bản, xây dựng được một chế độ xã hội mới. V.I. Lênin đã chỉ rõ: "Khi những đại biểu tiên tiến của giai cấp đó (giai cấp công nhân - TG) đã thấm nhuần được những tư tưởng của chủ nghĩa xã hội khoa học, tư tưởng về vai trò lịch sử của công nhân Nga, khi các tư tưởng đó đã được phổ biến rộng rãi và khi mà trong hàng ngũ công nhân đã lập ra được các tổ chức vững chắc có thể biến cuộc chiến tranh kinh tế phân tán hiện nay của công nhân thành một cuộc đấu tranh tự giác, thì lúc đó người công nhân Nga, đứng đầu tất cả các phần tử dân chủ, sẽ đập đổ được chế độ chuyên chế và đưa giai cấp vô sản Nga (sát cánh với giai cấp vô sản trong tất cả các nước), thông qua con đường trực tiếp đấu tranh chính trị công khai, tiến tới cách mạng cộng sản chủ nghĩa thắng lợi"<sup>(1)</sup>.

Đảng cách mạng của giai cấp công nhân phải rèn luyện giai cấp công nhân có bản lĩnh chính trị, phải tự gột rửa những ảnh hưởng tư tưởng tư sản, phong kiến, khắc phục tính vị kỷ cá nhân, tư tưởng cục bộ, địa phương, bản vị mới có khả năng tập hợp quần chúng nhân dân, có khả năng đập tan những âm mưu thâm độc và sự chống phá quyết liệt của kẻ thù.

### **3. Tiến trình của cách mạng xã hội chủ nghĩa**

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một tiến trình liên tục gồm hai giai đoạn:

- *Giai đoạn thứ nhất* là giai đoạn giai cấp công nhân lãnh đạo quần chúng nhân dân lao động bị áp bức bóc lột làm cách mạng giành chính quyền.

---

<sup>(2)</sup> Sđd, 1995, t. 21, tr.523.

<sup>(1)</sup> V.I. Lênin, t. 1, tr. 385-386.

Chủ nghĩa Mác - Lênin đã chỉ rõ rằng vấn đề cơ bản của bất kỳ một cuộc cách mạng nào là vấn đề chính quyền nhà nước. Với cách mạng xã hội chủ nghĩa, giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động trở thành mục tiêu trực tiếp khi tình thế cách mạng xuất hiện.

Tình thế cách mạng xuất hiện khi mà giai cấp thống trị đã tỏ ra bất lực, không thể duy trì được nền thống trị của mình như cũ; những người bị áp bức bóc lột cũng không thể tiếp tục sống như trước được nữa, họ muốn nổi dậy làm cách mạng. Lúc đó, cách mạng có thể nổ ra và thắng lợi với điều kiện lực lượng lãnh đạo cách mạng biết chớp lấy thời cơ để phát động quần chúng nổi dậy giành thắng lợi quyết định cho cách mạng.

Thời cơ cách mạng, xét từ bên trong, là thời điểm mà địa vị thống trị của lực lượng phản cách mạng tỏ ra lung lay nhất, bản thân chúng bị chia sẻ bởi sự giằng xé của những mâu thuẫn nội bộ, chúng bị choáng váng và tỏ ra hoang mang cực độ trước sự lớn mạnh của các lực lượng cách mạng; còn các lực lượng cách mạng thì đã sẵn sàng hành động cho cuộc chiến để giành chính quyền. Đồng thời, ở bên ngoài, thời cơ cách mạng là thời điểm mà những nhân tố quốc tế, khu vực... ảnh hưởng mạnh mẽ theo chiều hướng tích cực tạo nên điều kiện thuận lợi cho cách mạng bùng nổ và thắng lợi.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa chỉ có thể thắng lợi - giành được chính quyền - "bằng cách dùng bạo lực lật đổ giai cấp tư sản"<sup>(1)</sup>. Bởi vì rằng, giai cấp thống trị không bao giờ tự nguyện từ bỏ địa vị thống trị của mình. Trước phong trào cách mạng của quần chúng, lợi ích bị uy hiếp, nó sẵn sàng sử dụng bạo lực phản cách mạng để đàn áp phong trào cách mạng của quần chúng nhân dân lao động. Vì vậy, để lật đổ giai cấp thống trị và giành chính quyền, giai cấp công nhân và quần chúng nhân dân lao động không có cách nào khác là phải dùng đến bạo lực cách mạng. Phân tích đặc điểm của nhà nước tư sản trong thời đại đế quốc chủ nghĩa V.I. Lênin đi đến kết luận rằng: "Nhà nước tư sản bị thay thế bởi nhà nước vô sản (chuyên chính vô sản) không thể bằng con đường "tiêu vong" được, mà chỉ có thể, theo quy luật chung, bằng một cuộc cách mạng bạo lực thôi"<sup>(2)</sup>.

Bạo lực cách mạng có thể được thể hiện dưới hình thức khởi nghĩa vũ trang giành chính quyền, trong đó khởi nghĩa vũ trang và bãi công chính trị kết hợp chặt chẽ với nhau. Bạo lực cách mạng cũng có thể được biểu hiện dưới hình thức hòa bình, trong đó khối đoàn kết của các lực lượng cách mạng, đi đầu là giai cấp công nhân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản tạo nên áp lực chính trị mạnh mẽ buộc các thế lực phản động phải rời bỏ địa vị thống trị, chuyển giao chính quyền nhà nước cho giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Cho đến nay, hình thức hòa bình giành chính quyền về phía các lực lượng cách mạng chưa được hiện thực hóa trong cách mạng xã hội chủ nghĩa. Tuy thế, các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã xem đó như một trong những khả năng có thể xuất hiện trong những hoàn cảnh nhất định khi tương quan so sánh lực lượng hoàn toàn có lợi cho phía cách mạng. Đồng thời, các ông còn nhấn mạnh rằng khi khả năng đó xuất hiện cần hết sức cố gắng tranh thủ để biến nó thành hiện thực.

---

(1) C. Mác và Ph. Ăngghen, *Sđd*, 1995, t. 4, tr. 612.

(2) V.I. Lênin, *Sđd*, 1976, t. 33, tr. 27.

- *Giai đoạn thứ hai* là giai đoạn giai cấp công nhân thông qua Đảng Cộng sản lãnh đạo toàn thể nhân dân lao động sử dụng chính quyền của mình như một công cụ có hiệu lực nhất để tiến hành công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa.

Đây là một quá trình cải biến cách mạng mang tính toàn diện và sâu sắc, bởi vì, nó diễn ra trên mọi lĩnh vực của đời sống xã hội - từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng và tất cả những quan hệ xã hội; từ chính trị đến kinh tế, văn hóa, tư tưởng...; nó thực hiện sự kế thừa đầy đủ những gì là tiến bộ, là nhân văn mà loài người đã tạo ra trong lịch sử; đồng thời, nó cũng đoạn tuyệt triệt để nhất đối với những gì là lạc hậu, tiêu cực, phản nhân văn, đi ngược xu hướng tiến bộ của lịch sử.

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một quá trình rất phức tạp gian khổ và lâu dài, nhất là đối với những nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa. Khác với các cuộc cách mạng đã từng diễn ra trước đây trong lịch sử được kết thúc sau khi giành được chính quyền, cách mạng xã hội chủ nghĩa sau khi giành được chính quyền sẽ đi vào chiều sâu của công cuộc cải tạo kinh tế - xã hội. Trên nền tảng của một nền kinh tế phát triển cao một xã hội mới sẽ từng bước được xây dựng hoàn chỉnh và vững chắc - xã hội cộng sản chủ nghĩa.

## II - MỤC TIÊU, NỘI DUNG VÀ ĐỘNG LỰC CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

### 1. Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Các nhà sáng lập chủ nghĩa xã hội khoa học đã khẳng định mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là giải phóng các giai cấp bị áp bức, bị bóc lột; giải phóng các dân tộc bị nô dịch, đồng thời giải phóng xã hội khỏi sự trì trệ để tiếp tục phát triển trên con đường tiến bộ.

Để thực hiện mục tiêu trên đây, ở giai đoạn thứ nhất, mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là giành chính quyền về tay giai cấp công nhân và nhân dân lao động; tiếp đó, ở giai đoạn thứ hai, mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa là "xóa bỏ mọi chế độ người bóc lột người... nhằm đưa lại đời sống no ấm cho toàn dân"<sup>(1)</sup>. Như C. Mác và Ph. Ăngghen đã khẳng định: "Hãy xóa bỏ tình trạng người bóc lột người thì tình trạng dân tộc này bóc lột dân tộc khác cũng sẽ bị xóa bỏ. Khi mà sự đối kháng giữa các giai cấp trong nội bộ dân tộc không còn nữa thì sự thù địch giữa các dân tộc cũng đồng thời mất theo"<sup>(1)</sup>.

### 2. Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng toàn diện, diễn ra trên tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội và các lĩnh vực này có mối quan hệ mật thiết, tác động thúc đẩy lẫn nhau.

---

(1) Hồ Chí Minh, 2000, t. 9, tr. 156.

(1) C. Mác và Ph. Ăngghen, Sđd, 1995, t. 4, tr. 624.

### **a) Trên lĩnh vực chính trị**

Đưa nhân dân lao động từ địa vị bị áp bức, bị bóc lột lên địa vị làm chủ nhà nước, làm chủ xã hội, để từ đó, họ hoạt động như chủ thể tự giác xây dựng xã hội mới - đó là nội dung chính trị căn bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Để thực hiện được nội dung trên đây, giai cấp công nhân cùng với nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản trước hết phải làm cách mạng giành lấy chính quyền. Như C.Mác và Ph.Ăngghen đã viết: "Giai cấp vô sản mỗi nước trước hết phải giành lấy chính quyền, phải tự vươn lên thành giai cấp dân tộc, phải tự mình trở thành dân tộc"<sup>(2)</sup>.

Sự phát triển của cách mạng xã hội chủ nghĩa đòi hỏi đồng thời tạo ra những điều kiện cần thiết để ngày càng mở rộng dân chủ cho nhân dân, thu hút nhân dân lao động tham gia ngày càng đông đảo vào công việc quản lý nhà nước, quản lý xã hội, làm cho nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân.

Quá trình xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, quá trình nhân dân thực hiện quyền làm chủ về chính trị cũng là quá trình đấu tranh giai cấp gay go quyết liệt giữa cái cũ và cái mới, giữa cá nhân và tập thể, v.v..

### **b) Trên lĩnh vực kinh tế**

Các cuộc cách mạng xã hội trước đây về thực chất là cách mạng chính trị. Chúng kết thúc bằng việc lật đổ ách thống trị của giai cấp này, thay thế bằng ách thống trị của giai cấp khác. Trái lại, với cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa thì việc giành chính quyền mới chỉ là bước đầu. Nhiệm vụ trọng tâm có ý nghĩa quyết định cho sự thắng lợi của cách mạng xã hội chủ nghĩa là phải phát triển kinh tế, không ngừng nâng cao năng suất lao động, nâng cao đời sống cho nhân dân.

Nội dung của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực kinh tế:

- *Trước hết*, phải làm thay đổi vị trí, vai trò của người lao động trên cơ sở thay đổi chế độ chiếm hữu tư nhân tư bản chủ nghĩa về tư liệu sản xuất bằng chế độ sở hữu xã hội chủ nghĩa dưới những hình thức thích hợp; thực hiện những biện pháp cần thiết gắn người lao động với tư liệu sản xuất.

- *Hai là*, trên cơ sở sản xuất phát triển, năng suất lao động ngày càng tăng, từng bước cải thiện và nâng cao đời sống, chất lượng sức khỏe cho nhân dân. Đồng thời, tạo điều kiện cho mọi người lao động phát huy tính tích cực xã hội, khả năng sáng tạo của mình để nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công việc, làm cho nền kinh tế ngày càng phát triển, góp phần chiến thắng chủ nghĩa tư bản.

*Ba là*, thực hiện nguyên tắc phân phối theo lao động.

Theo nguyên tắc này, mỗi người sản xuất sẽ được nhận từ xã hội một số lượng sản phẩm tiêu dùng trị giá ngang số lượng, chất lượng và hiệu quả lao động mà họ đã tạo ra cho xã hội, sau khi đã trừ đi một số khoản đóng góp nhất định cho hoạt động vì lợi ích chung. Phân phối theo lao động là nguyên tắc thể hiện sự công bằng dưới chủ nghĩa xã hội.

---

<sup>(2)</sup> Sđd, t. 4, tr. 623 - 624.

### ***c) Trên lĩnh vực tư tưởng văn hóa***

Cách mạng xã hội chủ nghĩa tạo nên những biến đổi căn bản trong phương thức và nội dung sinh hoạt tinh thần của xã hội theo hướng tiến bộ. Sự đảo lộn cách mạng đó được biểu hiện ở chỗ:

- Nếu như trước kia toàn bộ những phương tiện, tư liệu chủ yếu phục vụ cho việc sáng tạo các giá trị tinh thần thuộc quyền sở hữu của giai cấp bóc lột thì nay thuộc về những người đã thực sự sáng tạo ra chúng - những người lao động; trả lại cho những người lao động địa vị người chủ chân chính để họ tham gia vào quá trình sáng tạo các giá trị tinh thần và tạo cho họ những điều kiện để hưởng thụ ngày càng đầy đủ những giá trị đó.

- Trên cơ sở kế thừa và nâng cao các giá trị văn hóa truyền thống của dân tộc, tiếp thu các giá trị văn hóa tiên tiến của thời đại, cách mạng xã hội chủ nghĩa về mặt tinh thần thông qua việc xây dựng từng bước thế giới quan và nhân sinh quan mới, xây dựng nền văn hóa mới và thế hệ những con người mới - những con người xã hội chủ nghĩa.

### **3. Động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa**

Cách mạng xã hội chủ nghĩa nhằm giải phóng tất cả những người lao động và do chính những người lao động thực hiện dưới sự lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó là Đảng Cộng sản. Do vậy, động lực của cuộc cách mạng này là:

**a) Giai cấp công nhân:** đây là động lực cơ bản, chủ yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa và là lực lượng lãnh đạo cuộc cách mạng này.

Vai trò động lực và vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân là yếu tố hàng đầu đảm bảo cho sự thắng lợi của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa. Thực tế lịch sử đã chỉ ra rằng, khi nào và ở đâu phong trào công nhân vững mạnh, sự lãnh đạo của giai cấp công nhân sáng suốt thì cách mạng thắng lợi; còn nếu phong trào công nhân suy yếu, sự lãnh đạo của giai cấp công nhân giảm sút thì phong trào cách mạng ở đó sẽ gặp khó khăn.

**b) Giai cấp nông dân :** đây là động lực to lớn của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Mục tiêu của cách mạng xã hội chủ nghĩa phù hợp với nhu cầu, nguyện vọng được giải phóng của giai cấp nông dân. Được tiếp thu những ảnh hưởng tích cực về hệ tư tưởng và hoạt động thực tiễn của giai cấp công nhân, đặc biệt là ở những nước do được thu hút tham gia đông đảo vào tiến trình của cuộc cách mạng dân chủ (hoặc cách mạng dân tộc dân chủ) mà những thành quả to lớn của cuộc cách mạng này trực tiếp cải thiện đời sống vật chất và tinh thần của nông dân, nên họ càng tin theo cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Sự tham gia của giai cấp nông dân vào tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa có ý nghĩa quan trọng đối với sự hiện thực hóa vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân và là một đảm bảo cho sự thắng lợi của cách mạng. Tổng kết thực tiễn các phong trào công nhân ở châu Âu vào giữa và cuối thế kỷ XIX, C. Mác và Ph. Ăngghen đã chỉ ra rằng, nếu giai cấp công nhân không thực hiện được bài đồng ca cách mạng với giai cấp nông dân thì bài đơn ca cách mạng của giai cấp công nhân sẽ trở thành "bài đơn ca ai điếu".

**c) Tầng lớp trí thức :** đây là lực lượng quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa, đặc biệt là trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Trí thức không phải là một giai cấp, không đại biểu cho một phương thức sản xuất riêng nào. Nhưng đó là lực lượng tiêu biểu cho trí tuệ của đất nước, có nhiều khả năng để tiếp cận với những thành tựu của khoa học và công nghệ mới nhất của thời đại. Vì vậy cách mạng xã hội chủ nghĩa không thể thiếu sự tham gia của trí thức.

Trong thời đại ngày nay, khi mà khoa học và công nghệ đã trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì vai trò là động lực cách mạng của đội ngũ trí thức càng trở nên quan trọng, sự tham gia của đội ngũ trí thức vào cách mạng xã hội chủ nghĩa như là một trong những động lực có ý nghĩa quyết định thắng lợi của cách mạng.

Vai trò của trí thức ngày càng quan trọng, nhưng không bao giờ trở thành lực lượng lãnh đạo cách mạng. Vì rằng, họ không phải là một giai cấp, không có hệ tư tưởng độc lập (hệ tư tưởng riêng), không đại diện cho bất cứ một phương thức sản xuất nào. Trong xã hội, trí thức phục vụ cho giai cấp nào thì mang ý thức hệ của giai cấp ấy. Dưới chủ nghĩa xã hội trí thức mang ý thức hệ của giai cấp công nhân.

### III - LÝ LUẬN CÁCH MẠNG KHÔNG NGỪNG CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ SỰ VẬN DỤNG Ở VIỆT NAM

#### 1. Lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin

##### a) *Tư tưởng cách mạng không ngừng của C. Mác và Ph. Ăngghen*

C. Mác và Ph. Ăngghen là những người đầu tiên nêu ra tư tưởng cách mạng không ngừng. Trên cơ sở tổng kết những kinh nghiệm của cuộc đấu tranh giai cấp ở Pháp trong những năm 1848 - 1852, xuất phát từ mục tiêu của cách mạng, của giai cấp công nhân là xóa bỏ áp bức bóc lột, xây dựng một xã hội mới trong đó không có áp bức bóc lột, C. Mác và Ph. Ăngghen cho rằng: Cách mạng của giai cấp công nhân là một quá trình đấu tranh giai cấp phát triển không ngừng và trải qua nhiều giai đoạn khác nhau, mỗi giai đoạn có những mục tiêu và nhiệm vụ cụ thể, hoàn thành nhiệm vụ ở giai đoạn trước là tạo ra tiền đề cho giai đoạn phát triển tiếp theo, cứ như thế tiến tới mục tiêu cuối cùng.

Hai ông còn chỉ ra rằng, trong điều kiện phong trào công nhân chưa đủ mạnh, giai cấp công nhân phải chủ động tích cực tham gia vào cuộc cách mạng dân chủ do giai cấp tư sản lãnh đạo chống chế độ quân chủ chuyên chế, chống chế độ sở hữu ruộng đất phong kiến. Song giai cấp công nhân phải luôn giữ tính độc lập trong cuộc đấu tranh này, phải luôn ý thức rõ ràng về sự đối kháng kịch liệt giữa giai cấp tư sản và giai cấp vô sản, về trách nhiệm, sứ mệnh lịch sử của mình là xóa bỏ chế độ tư bản chủ nghĩa, thiết lập chính quyền nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động để đi tới xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

Những quan điểm trên đây của C. Mác và Ph. Ăngghen về cách mạng không ngừng thể hiện rõ tính liên tục và tính giai đoạn của quá trình cách mạng của giai cấp công nhân.

C. Mác và Ph. Ăngghen còn nêu ra điều kiện cơ bản đảm bảo cho cách mạng phát triển không ngừng là phải kết hợp chặt chẽ phong trào vô sản với phong trào đấu tranh của nông dân, tức là giai cấp công nhân phải liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân, phải được sự ủng hộ của giai cấp nông dân.

### ***b) Lênin phát triển lý luận cách mạng không ngừng***

Cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, chủ nghĩa tư bản chuyển sang giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Giai cấp tư sản nhiều nước đã tiến hành những cuộc chiến tranh xâm lược những nước lạc hậu, biến những nước này thành thuộc địa của chúng. Trong phong trào công nhân đã xuất hiện chủ nghĩa cơ hội, tư tưởng cách mạng không ngừng của C. Mác và Ph. Ăngghen đã bị họ phủ định. Trong điều kiện lịch sử mới đó, Lênin đã đấu tranh chống lại và phát triển tư tưởng cách mạng không ngừng của C. Mác và Ph. Ăngghen.

Sự phát triển tư tưởng cách mạng không ngừng được thể hiện ở việc Lênin đưa ra lý luận về cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và sự chuyển biến từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới sang cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Theo Lênin, cuộc cách mạng dân chủ tư sản ở thế kỷ XX mang tính chất nhân dân sâu sắc, do vậy, giai cấp công nhân không chỉ tham gia mà còn có khả năng vươn lên đoạt lấy quyền lãnh đạo cuộc cách mạng này, tranh thủ nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động về phía mình, cô lập giai cấp tư sản phản động, đánh đổ chế độ chuyên chế phong kiến, thiết lập chuyên chính cách mạng của công nhân. Cuộc cách mạng như vậy gọi là cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới.

Sau khi cách mạng dân tộc tư sản kiểu mới thành công, giai cấp công nhân tiếp tục lãnh đạo nhân dân chuyển sang thực hiện những nhiệm vụ của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Lênin cũng chỉ rằng, giữa cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới và cách mạng xã hội chủ nghĩa có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, không có "bức tường" nào ngăn cách.

Lênin còn nêu ra những điều kiện để thực hiện quá trình chuyển biến từ cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới sang cách mạng xã hội chủ nghĩa, để cách mạng phát triển không ngừng. Những điều kiện đó là:

- Vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của mình phải được giữ và tăng cường trong giai đoạn cách mạng tiếp theo. Đây là điều kiện quyết định nhất.
- Tiếp tục thực hiện sự liên minh chặt chẽ với giai cấp nông dân.
- Chính quyền công nông - thành quả của cuộc cách mạng dân chủ tư sản kiểu mới - phải được củng cố và chuyển sang thực hiện những nhiệm vụ lịch sử của chuyên chính vô sản.

## **2. Sự vận dụng lý luận cách mạng không ngừng của Đảng ta**

### ***a) Tính tất yếu của cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam***

Ngay từ khi thực dân Pháp xâm lược Việt Nam, với truyền thống yêu nước, nhân dân ta đã kiên cường đứng lên đấu tranh chống thực dân Pháp giành lại độc lập cho dân tộc.

Các sĩ phu yêu nước dưới ngọn cờ "Cần Vương" mong giành lại độc lập cho dân tộc khôi phục chế độ phong kiến, đã bị thực dân Pháp đàn áp đẫm máu. Những người nông dân với lòng căm thù giặc sâu sắc, cầm gươm giáo đứng lên khởi nghĩa chống Pháp cuối cùng cũng thất bại.

Với ảnh hưởng tư tưởng dân chủ tư sản phương Tây, mà trực tiếp nhất là Cách mạng Tân Hợi Trung Quốc, nhiều nhà cách mạng Việt Nam như: Phan Chu Trinh, Phan Bội Châu,



Nguyễn Thái Học muốn giành độc lập cho dân tộc, đưa đất nước theo con đường tư bản chủ nghĩa, noi gương các nước phương Tây cuối cùng đều bị thất bại.

Sở dĩ các phong trào đấu tranh trên đều bị thất bại, bởi vì cách mạng lúc đó thiếu đường lối đúng đắn, các phong trào không đáp ứng được những yêu cầu dân chủ của thời đại mới, tư tưởng phong kiến, tư sản đã trở nên lạc hậu với thời đại. Tuy những phong trào cách mạng đó đã thất bại, nhưng đã góp phần thức tỉnh tinh thần đấu tranh cách mạng của nhân dân, góp phần nâng cao chí khí, khai thông dân trí cho dân tộc.

Cách mạng tháng Mười Nga (1917) đã thức tỉnh các dân tộc bị áp bức đứng lên giành độc lập dân tộc, bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa, từng bước đưa đất nước tiến lên chủ nghĩa xã hội.

Giai cấp công nhân Việt Nam được hình thành qua các cuộc khai thác thuộc địa của thực dân Pháp, tuy số lượng không đông nhưng đã sớm tiếp thu được tinh thần yêu nước của dân tộc, lại bị ba tầng áp bức là đế quốc, địa chủ, và tư sản, nên đã tỏ rõ là một lực lượng kiên cường trong các cuộc đấu tranh.

Nỗi nhục của người dân bị mất nước, bị áp bức bóc lột nặng nề của thực dân, đế quốc là một trong những nhân tố làm cho giai cấp công nhân Việt Nam từng bước có ý thức gắn liền với quyền lợi giai cấp, cuộc đấu tranh giành độc lập của cả dân tộc ta.

Thực tiễn lịch sử cách mạng Việt Nam những năm đầu của thế kỷ XX, sự áp bức của thực dân, đế quốc, phong kiến với quần chúng nhân dân lao động vô cùng tàn bạo, những phong trào đấu tranh theo xu hướng phong kiến, tư sản đều bị thất bại, đã là mảnh đất tốt để tuyên truyền tư tưởng xã hội chủ nghĩa cho nhân dân. Hồ Chí Minh viết: "Sự tàn bạo của chủ nghĩa tư bản đã chuẩn bị đất rồi: Chủ nghĩa xã hội chỉ phải làm cái việc là gieo hạt giống của công cuộc giải phóng nữa thôi"<sup>(1)</sup>.

Trong quá trình bôn ba tìm đường cứu nước, Hồ Chí Minh đã nhận thức được tính tất yếu lịch sử: "Chỉ có chủ nghĩa cộng sản mới giải phóng được các dân tộc bị áp bức", do vậy Người đã tích cực tuyên truyền chủ nghĩa Mác - Lênin vào Việt Nam, đưa đến việc thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam vào 3-2-1930.

Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời đã làm cho cách mạng Việt Nam thoát khỏi sự khủng hoảng về đường lối chính trị.

Từ khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời, sự nghiệp đấu tranh của nhân dân Việt Nam đã kết hợp hai sự nghiệp giải phóng dân tộc bị áp bức và giải phóng giai cấp những người lao động. Đi theo ngọn cờ của Đảng, nhân dân Việt Nam đã hoàn thành xuất sắc hai nhiệm vụ đó để đưa đất nước đi lên con đường xã hội chủ nghĩa.

---

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh, Sđd, 1995, t. 1, tr. 28.

***b) Tính tất yếu chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam***

Tính tất yếu chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa đã được khẳng định ngay trong Cương lĩnh cách mạng đầu tiên của Đảng ta: "Làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng để đi tới xã hội cộng sản"<sup>(1)</sup>.

Thực tế của cách mạng Việt Nam từ khi có Đảng ta lãnh đạo cũng thể hiện rõ tính tất yếu nêu trên.

Sau thắng lợi của Cách mạng tháng Tám 1945, thực dân Pháp lại trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Nhân dân Việt Nam vừa phải kháng chiến, vừa phải kiến quốc với phương châm dựa vào sức mình là chính, phải dựa vào dân, huy động sức dân mà kháng chiến.

Muốn kháng chiến thắng lợi chúng ta phải xây dựng chính quyền của nhân dân, làm cho nhân dân là người chủ thực sự của đất nước. Quyền hành, lực lượng đều ở nhân dân, một khi:

"Dân chúng đồng lòng, việc gì cũng làm được.

Dân chúng không ủng hộ, việc gì làm cũng không nên"<sup>(2)</sup>.

Để thực hiện được điều đó, Nhà nước dân chủ nhân dân phải từng bước xóa bỏ sở hữu địa chủ phong kiến, đưa lại ruộng đất cho nông dân, phải tạo điều kiện cho công nhân làm chủ xí nghiệp. Ngọn cờ của chủ nghĩa xã hội đã quy tụ sức mạnh của nhân dân lao động, giúp chúng ta giành thắng lợi trong cuộc kháng chiến chống Pháp, miền Bắc được giải phóng và đi lên chủ nghĩa xã hội.

Bằng thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội trên nửa nước, nhân dân miền Bắc đã có điều kiện huy động sức người sức của cùng với nhân dân miền Nam thực hiện thắng lợi cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước, giải phóng hoàn toàn miền Nam, thống nhất đất nước, đưa cả nước đi lên chủ nghĩa xã hội.

Tính tất yếu từ sự chuyển từ cách mạng dân chủ nhân dân sang cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam chính là: đường lối và mục tiêu cách mạng Việt Nam là nhất quán, dù có phân chia hai giai đoạn, nhưng đều do một Đảng duy nhất là Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Không lý gì một Đảng một giai cấp đang lãnh đạo thắng lợi đối với một dân tộc lại tự rời bỏ vai trò của mình cho đảng khác, giai cấp khác (điều này trái cả với quy luật của nhân loại, từ khi có giai cấp và Đảng chính trị). Hơn nữa, những kết quả, thắng lợi của giai đoạn cách mạng do Đảng ta lãnh đạo cũng đồng thời là điều kiện, mở đầu cho giai đoạn cách mạng mới cũng do Đảng ta lãnh đạo trên phạm vi cả nước. Cả dân tộc ta có đủ những điều kiện và tư liệu thực tiễn lịch sử để hoàn toàn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng đối với sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa của nước ta, dân tộc ta.

Hiện nay tình hình quốc tế có những biến động, các lực lượng tư bản chủ nghĩa đang có lợi thế về phát triển khoa học công nghệ, về sức mạnh kinh tế, sức mạnh quân sự, chủ nghĩa xã hội đang có thoái trào tạm thời sau sự sụp đổ của Liên Xô và các nước XHCN ở Đông Âu,

---

(1) Hồ Chí Minh, Sđd, 2000, t. 3, tr. 1.

2) Sđd, tập 5, tr.293.

nhưng Đảng ta tiếp tục khẳng định một cách đúng đắn rằng: "loài người vẫn đang trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội"<sup>(1)</sup>..

Sở dĩ Đảng ta khẳng định như vậy bởi lẽ, hiện nay chủ nghĩa tư bản tuy có thay đổi hình thức áp bức, bóc lột, nhưng vẫn không hề thay đổi bản chất, vẫn là nguyên nhân gây ra sự nghèo đói cho các nước chậm phát triển, vẫn là nguồn gốc gây ra những cuộc chiến tranh và tạo nên bao tai họa về văn hóa, xã hội, môi sinh.. trên thế giới. Ngay trong các nước tư bản phát triển như Mỹ, Anh, v.v... tình trạng phân hóa giàu nghèo vẫn diễn ra rất gay gắt, người nghèo vẫn sống trong tình trạng không nhà cửa. Nhiều nước dân tộc chủ nghĩa, sau khi giành được độc lập đưa đất nước đi theo con đường tư bản chủ nghĩa, nhưng đất nước vẫn đang rơi vào tình trạng nghèo đói, khó khăn, chiến tranh, xung đột dân tộc, tôn giáo, v.v... Sự nghèo khổ của những người lao động ở những nước này ngày càng trở nên trầm trọng. Sự nghèo đói, chậm phát triển làm cho các nước đó không thể có độc lập thật sự.

Nhiều nước trước đây vốn là chủ nghĩa xã hội, trong công cuộc cải tổ, cải cách, đã mắc nhiều sai lầm cơ bản về đường lối cách mạng, thậm chí có sự phản bội lại chủ nghĩa xã hội, muốn đưa đất nước đi theo con đường của chủ nghĩa tư bản hay chủ nghĩa xã hội dân chủ, ảo tưởng mong chờ sự giúp đỡ của thế giới tư bản, hiện nay đang rơi vào tình trạng khủng hoảng trầm trọng về kinh tế - xã hội, về con đường phát triển của đất nước. Nhiều định hướng giá trị của xã hội bị đảo lộn, xung đột dân tộc, tôn giáo, phe phái gia tăng ; đời sống của những người lao động ngày càng khó khăn ; sự phân hóa giàu nghèo trong xã hội ngày càng gia tăng; vị thế của các nước đó trên trường quốc tế ngày càng suy giảm.

Việt Nam do giữ vững định hướng xã hội chủ nghĩa, thực hiện đổi mới một cách đúng đắn "... đổi mới không phải là thay đổi mục tiêu xã hội chủ nghĩa mà là quan niệm đúng đắn hơn về chủ nghĩa xã hội và thực hiện mục tiêu ấy bằng những hình thức, bước đi và biện pháp phù hợp"<sup>(1)</sup>, nên đã thu được những thắng lợi to lớn. Đất nước ta đã từng bước ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, đời sống nhân dân ngày càng được cải thiện, an ninh chính trị được giữ vững, vị thế quốc tế ngày càng tăng.

Ngày nay, Việt Nam đang tiếp tục kiên định mục tiêu và đường lối cách mạng: độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội - con đường mà Đảng Cộng sản và nhân dân Việt Nam đã lựa chọn từ năm 1930. Chỉ đi theo con đường chủ nghĩa xã hội chúng ta mới có Nhà nước thực sự là của dân, do dân, vì dân, mới đảm bảo được độc lập dân tộc thực sự, mới giữ gìn được bản sắc văn hóa của dân tộc, mới khai thác được tiềm năng, thế mạnh của đất nước để hội nhập quốc tế một cách có hiệu quả.

Việt Nam có đủ những điều kiện để tiếp tục con đường cách mạng mà nhân dân ta đã lựa chọn: Chúng ta có một Đảng Mác-Lênin chân chính, giàu kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng và đã tích lũy được kinh nghiệm bước đầu trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội; có nhà nước của dân, do dân, vì dân; có quân chúng nhân dân giàu lòng yêu nước, cần cù

---

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, H.,1996, tr. 76.

<sup>(1)</sup> *Sdd*, tr.70.

trong lao động, kiên cường trong đấu tranh; còn nhiều tiềm năng của đất nước chưa được khai thác.

Tuy nhiên, Chủ tịch Hồ Chí Minh cũng đã căn dặn chúng ta : "Việt Nam ta là một nước nông nghiệp lạc hậu, công cuộc đổi xã hội cũ thành xã hội mới gian nan, phức tạp hơn việc đánh giặc"<sup>(1)</sup>, do vậy "Chủ nghĩa xã hội không thể làm mau được mà phải làm dần dần"<sup>(2)</sup>. "Xây dựng chủ nghĩa xã hội là một cuộc đấu tranh cách mạng phức tạp, gian khổ và lâu dài"<sup>(3)</sup>.

## **Câu hỏi thảo luận và ôn tập**

1. Phân tích nguyên nhân, những điều kiện khách quan và chủ quan của cách mạng xã hội chủ nghĩa.
2. Trình bày mục tiêu và động lực của cách mạng xã hội chủ nghĩa.
3. Trình bày nội dung lý luận cách mạng không ngừng của chủ nghĩa Mác - Lênin.
4. Trình bày tính tất yếu của cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân ở Việt Nam.
5. Trình bày tính tất yếu chuyển biến từ cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân lên cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

---

(1) Hồ Chí Minh, Sdd, 2000, t. 9, tr. 176.

(2) Sdd, 2000, t. 8, tr. 226.

(3) Sdd, 2000, t. 9, tr. 2.

## *Chương VI*

### **THỜI ĐẠI NGÀY NAY**

Thời đại có ý nghĩa quan trọng đối với sự phát triển của xã hội loài người. Đối với mỗi quốc gia - dân tộc, vấn đề thời đại có ý nghĩa thực tiễn to lớn : Có nhận thức được đất nước đang ở thời đại nào mới có thể định ra được chiến lược xây dựng đất nước, mới có thể hoạch định được kế hoạch một cách thiết thực, cụ thể cho sự phát triển của cộng đồng, cho từng ngành, từng cấp.

#### **I - KHÁI NIỆM VỀ THỜI ĐẠI VÀ THỜI ĐẠI NGÀY NAY**

##### **1. Khái niệm thời đại**

Thời đại là một quá trình lịch sử, là khoảng thời gian lịch sử dài được phân chia ra theo những sự kiện có đặc trưng giống nhau.

Lịch sử phát triển của xã hội loài người đã phân chia thành các thời đại : đồ đá, đồ đồng ... và cho tới ngày nay là thời đại công nghệ và tin học. Đặc trưng nổi bật ở mỗi thời đại là các sản phẩm của sản xuất . Trong thời đại đồ đá, các sản phẩm, đồ dùng sinh hoạt của con người đều làm từ đá ; đá là đặc trưng của thời đại đó. Thời đại đồ đồng lại lấy các đặc trưng của đồng ; các sản phẩm, đồ dùng của con người đều làm bằng đồng... Đến thời đại ngày nay, đặc trưng của nó là khoa học công nghệ, tin học, khoa học công nghệ và tin học đã đi vào sản xuất và cuộc sống của con người. Vì vậy, thời đại ngày nay là thời đại công nghệ và tin học.

Ở mỗi góc độ nghiên cứu khác nhau, dựa vào các hệ tiêu chí khác nhau thì có cách phân chia thời đại lịch sử khác nhau. Phuriê (1772 – 1837) - nhà xã hội chủ nghĩa không tưởng người Pháp - phân chia lịch sử phát triển của xã hội loài người thành các giai đoạn khác nhau : mông muội, dã man, gia trưởng, văn minh. Khi đó Phuriê lấy tiêu chí để phân chia thời đại là cách sống, trình độ văn hoá... Ví dụ, ông cho rằng ở thời đại này con người sống hoang dã, bản năng tự nhiên và đặt tên cho nó là thời kỳ mông muội. Cũng như vậy, khi con người bước sang thời kỳ văn hoá cao, nền công nghệ cao với những phương tiện hiện đại, với cách ứng xử văn minh thì có thể đặt tên cho nó là thời kỳ văn minh.

Người ta còn dựa vào sự phát triển của công cụ sản xuất để phân chia thời đại. Tiêu biểu cho cách phân chia này là nhà khoa học Auvin Tophlo. Ông cho rằng, lịch sử loài người đã và đang trải qua ba nền văn minh : Nông nghiệp, Công nghiệp, Hậu công nghiệp.

Khi chủ nghĩa tư bản ra đời, phát triển rồi khủng hoảng, V.I. Lênin - lãnh tụ vĩ đại của giai cấp vô sản thế giới, phân chia lịch sử xã hội thành thời đại thứ nhất, thứ hai và thứ ba. Theo Lênin, thời đại thứ nhất được đánh dấu bắt đầu từ Đại Cách mạng Pháp 1789 đến Chiến tranh Pháp – Phổ (1870) ; thời đại thứ hai, từ khi giai cấp tư sản giành được quyền thống trị

hoàn toàn đến khi chủ nghĩa tư bản bắt đầu khủng hoảng ; thời đại thứ ba bắt đầu từ khi giai cấp tư sản trở nên bảo thủ, chế độ tư bản chủ nghĩa khủng hoảng và giai cấp tư sản chủ trương giải quyết khủng hoảng bằng cách tiến hành các cuộc xâm lược, gây chiến tranh thôn tính các quốc gia khác : Thời đại đế quốc chủ nghĩa.

## **2. Cơ sở phân chia thời đại lịch sử**

### **a) Trên cơ sở hình thái kinh tế - xã hội**

Chủ nghĩa Mác – Lênin khẳng định vật chất quyết định ý thức. Hình thái kinh tế – xã hội quyết định đời sống kinh tế, cơ cấu xã hội. Đó chính là nguồn gốc tạo thành cơ sở lịch sử chính trị và lịch sử tư tưởng của mỗi thời đại.

Hình thái kinh tế - xã hội đề cập tới sự phát triển của lực lượng sản xuất, quan hệ sản xuất, cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng. Điều này phản ánh được sự phát triển của loài người một cách đầy đủ và toàn diện.

### **b) Trên cơ sở vị trí trung tâm của các giai cấp**

Từ khi xã hội loài người phân chia thành các giai cấp khác nhau : giai cấp chủ nô và nô lệ, giai cấp phong kiến và nông dân, giai cấp tư sản và vô sản..., ở mỗi thời đại của lịch sử, các giai cấp thống trị giữ vai trò chủ đạo đối với hình thái kinh tế – xã hội của thời đại đó, đồng thời cũng là giai cấp giữ vị trí trung tâm, giai cấp tiêu biểu, tiên tiến, giai cấp đại diện cho xu hướng phát triển của lịch sử, giai cấp có khả năng tập hợp mọi nguồn lực của xã hội như tài nguyên, con người để đảm bảo cho sự tồn tại và phát triển chế độ của thời đại đó. Trong chế độ phong kiến, giai cấp quý tộc phong kiến giữ vị trí trung tâm, đại diện cho hình thái kinh tế – xã hội. Trong chế độ tư bản chủ nghĩa, giai cấp tư sản là người đại diện. Từ sau Cách mạng tháng Mười Nga, giai cấp vô sản Nga đóng vai trò hết sức quan trọng : từ địa vị người làm thuê, chịu sự bóc lột của giai cấp tư sản đến khi trở thành giai cấp làm chủ, là giai cấp trung tâm trong thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới. Nhưng đây là cuộc đấu tranh gay go, quyết liệt giữa giai cấp vô sản và giai cấp tư sản, và cuối cùng giai cấp vô sản trở thành giai cấp chủ đạo, có sứ mệnh lịch sử quyết định chế độ và là giai cấp đại diện cho thời kỳ lịch sử tiên tiến nhất - chế độ xã hội chủ nghĩa, thời kỳ đầu của xã hội cộng sản chủ nghĩa.

Khi nghiên cứu cơ sở để phân kỳ lịch sử, thời đại lịch sử, cần chú ý *tính đa dạng, phức tạp* của mỗi hình thái kinh tế – xã hội. Ngay trong cùng một thời đại lịch sử vẫn tồn tại các hình thái kinh tế - xã hội khác nhau, đan xen lẫn nhau, có những nội dung giống nhau, nhưng cũng có những nội dung khác nhau, thậm chí đối lập, tác động qua lại lẫn nhau. Ví dụ, ngay như thời đại ngày nay, thời đại được xếp vào loại tiên tiến, tiến bộ nhất kể từ trước đến nay - thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội cũng đang tồn tại nhiều hình thái kinh tế – xã hội : phong kiến, tư bản chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa. Đặc biệt, bản thân nội dung của hình thái kinh tế - xã hội cụ thể cũng có những thay đổi để phù hợp với tình hình chung của thế giới. Ví dụ, hình thái kinh tế - xã hội cộng sản chủ nghĩa ở một số nước đang phát triển như Cu Ba, Việt Nam, đặc biệt là Trung Quốc cũng phải luôn luôn đổi mới để phù hợp với hoàn cảnh chính trị, kinh tế của xã hội đương đại, nhưng trước sau vẫn giữ vững mục tiêu

là xây dựng một xã hội giàu mạnh, công bằng, dân chủ và văn minh, chế độ không có người bóc lột người. Thấy rõ được điều này giai cấp vô sản mới đưa ra được đường lối, chính sách chiến lược phù hợp. Khi phân chia thời đại Lenin đã nói : “ Trong mỗi thời đại đều có và sẽ còn những thiên hướng khác nhau đi chệch ra khỏi phong trào chung và nhịp độ chung của phong trào”<sup>1</sup>.

### **3. Thời đại ngày nay và các giai đoạn chính của nó**

#### **a) Quan niệm về thời đại ngày nay**

Trước hết cần thống nhất cách hiểu về thời đại ngày nay là như thế nào? Rõ ràng, đó là thời đại tiến tiến, tiến bộ nhất trong lịch sử kể từ khi xuất hiện loài người cho đến nay – thời đại “Hậu công nghiệp”, là thời đại văn minh thông tin, văn minh công nghệ cao, thời đại kinh tế tri thức.

Các nhà khoa học và các nhà chính trị đã căn cứ vào những sự kiện lớn, sự kiện làm thay đổi cục diện thế giới để xác định thời đại ngày nay. Đó là, Cách mạng tháng Mười Nga 1917 đã mở ra một thời đại mới – thời đại thủ tiêu hoàn toàn chế độ nô lệ, chế độ làm thuê ; mở ra một thời đại người lao động làm chủ cuộc sống của mình và lần đầu tiên nhân loại tìm thấy con đường bước vào xã hội tự do chân chính dưới sự lãnh đạo, dẫn dắt của Đảng cộng sản - Đảng kiểu mới đại diện cho giai cấp công nhân, nông dân, thợ thủ công và đội ngũ trí thức.

Từ sau Cách mạng tháng Mười Nga, nhân dân Liên Xô đã xác lập và hoàn thiện chế độ xã hội chủ nghĩa ; đồng thời, một loạt nước khác ở châu Âu, châu Á, châu Mỹ Latinh chọn con đường xã hội chủ nghĩa để xây dựng đất nước mình. Liên Xô đã trở thành một cường quốc vững mạnh, phát triển về kinh tế – xã hội, hùng mạnh về quân sự và tiên tiến về khoa học kỹ thuật...

Có thể nói, Cách mạng tháng Mười Nga đánh dấu một sự kiện vĩ đại của loài người, mở ra một thời đại mới – thời đại quá độ từ chủ nghĩa tư bản lên chủ nghĩa xã hội trên phạm vi toàn thế giới.

Lý luận và thực tiễn đã chứng minh rằng, thời đại mới của nhân loại được thể hiện ở các mặt sau đây :

- Lý luận về hình thái kinh tế – xã hội cộng sản chủ nghĩa đã trở thành thực tiễn diễn ra trên đất nước Nga. Con đường đi lên chủ nghĩa xã hội đã được nhiều nước trên thế giới lựa chọn và trở thành xu thế phát triển của nhân loại.

- Phong trào cộng sản và công nhân quốc tế trở thành lực lượng nòng cốt, tiên phong trong cuộc đấu tranh vì hoà bình, dân chủ và tiến bộ xã hội; đồng thời phong trào giải phóng dân tộc cũng trở nên mạnh mẽ, nhiều quốc gia đã giành được độc lập dân tộc và đi theo con đường xã hội chủ nghĩa.

Phấn đấu cho một xã hội không còn chế độ người bóc lột người, cho một xã hội công bằng, dân chủ và tiến bộ xã hội còn đang ở phía trước, còn nhiều diễn biến quanh co, phức

---

<sup>1</sup> V.I. Lenin, *Toàn tập*, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1980, t. 26, tr. 174.

tạp, nhiều thuận lợi nhưng cũng còn nhiều khó khăn gian khổ, còn gặp nhiều ghềnh thác, lắm chông gai, thậm chí thất bại như sự kiện sụp đổ của Liên Xô và hệ thống xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu. Nhưng sứ mệnh lịch sử của giai cấp vô sản là phải kiên trì phấn đấu, không mệt mỏi trong đấu tranh sẽ tìm thấy bước đi đúng đắn của mình. Nước Cộng hoà nhân dân Trung Hoa chính là mô hình xã hội chủ nghĩa mà nhiều nước trên thế giới hiện nay nghiên cứu và học tập. Giai cấp vô sản và chính Đảng của nó đã, đang và sẽ dẫn dắt loài người đi theo con đường xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa vì đó là quy luật tiến hoá của lịch sử.

### ***b) Những giai đoạn chính của thời đại ngày nay***

Từ Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 cho đến nay, lịch sử loài người diễn biến rất phức tạp. V.I.Lênin đã khẳng định thời đại ngày nay là thời đại đấu tranh cho hoà bình, độc lập dân tộc, dân chủ và chủ nghĩa xã hội, là thời đại của cuộc cách mạng khoa học – công nghệ và đặc biệt cho tới nay là thời đại văn minh hậu công nghiệp.

Có thể phân chia thời đại ngày nay thành bốn giai đoạn trong lịch sử phát triển của nhân loại :

*Giai đoạn 1* : Từ sau Cách mạng tháng Mười năm 1917 đến kết thúc Chiến tranh thế giới thứ hai năm 1945. Đây là giai đoạn chủ nghĩa xã hội được hình thành ở Liên Xô, sau đó là Mông Cổ và một loạt các nước ở Đông Âu như : Ba Lan, Rumani, Hunggari, Cộng hoà dân chủ Đức, Tiệp Khắc. Dưới sự lãnh đạo tài tình của Đảng Cộng sản Liên Xô, trong vòng 20 năm Liên Xô trở thành một nước có nền kinh tế phát triển, có thể chế chính trị tốt đẹp, một chế độ không có người bóc lột người, một chế độ bình đẳng, dân chủ. Liên Xô đã trở thành quốc gia hùng mạnh và là người anh hùng trong cuộc đấu tranh giải phóng loài người khỏi ách áp bức của chủ nghĩa phát xít Đức, cứu nhân loại thoát khỏi thảm hoạ diệt chủng.

*Giai đoạn 2* : Từ sau Chiến tranh thế giới thứ hai năm 1945 đến cuối những năm 70 của thế kỷ XX. Đây là giai đoạn chủ nghĩa xã hội hình thành và phát triển từ châu Âu sang châu Á, châu Mỹ Latinh. Chủ nghĩa xã hội trở thành hệ thống phát triển toàn diện về kinh tế, chính trị, xã hội, văn hoá, khoa học kỹ thuật... và trở thành chỗ dựa, niềm tin cho nhân loại đấu tranh vì hoà bình, tiến bộ xã hội. Chính nhờ có hệ thống xã hội chủ nghĩa tiến bộ mà nhân dân các dân tộc bị nước ngoài xâm chiếm, áp bức đã giương cao ngọn cờ độc lập dân tộc, đấu tranh chống lại chủ nghĩa đế quốc và đến những năm 60, 70 của thế kỷ XX thì hàng trăm quốc gia đã giành được độc lập dân tộc.

Tuy nhiên, trong giai đoạn này cũng đã bắt đầu xuất hiện những mâu thuẫn, bất hoà ngay trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế. Năm 1969, trong Di chúc của mình, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã viết : “ ... tôi càng tự hào với sự lớn mạnh của phong trào công nhân quốc tế bao nhiêu thì tôi càng đau lòng bấy nhiêu vì sự bất hoà hiện nay giữa các đảng anh em”.<sup>1</sup>

*Giai đoạn 3* : Từ cuối những năm 70 đến cuối năm 1991. Đây là thập niên xuất hiện những sự kiện phức tạp, khó khăn của hệ thống xã hội chủ nghĩa, bắt đầu từ Liên Xô, Đông

---

<sup>1</sup> Hồ Chí Minh , *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1996, t. 12, tr. 511.



Âu ... đã không giữ vững được ngọn cờ tiên phong, tiến bộ của giai cấp vô sản. Ở nhiều nước xã hội chủ nghĩa những người lãnh đạo cấp cao đã mắc sai lầm nghiêm trọng : thiếu thực tiễn, mắc bệnh quan liêu, cửa quyền, thiếu dân chủ, không chịu nghe ý kiến của quần chúng nhân dân và lực lượng kiên trung trong hàng ngũ của Đảng, đồng thời tệ sùng bái cá nhân, kiêu ngạo cũng xuất hiện trong hàng ngũ lãnh đạo cấp cao. Chính những người lãnh đạo ở Liên Xô và một số nước khác không thấy được những khiếm khuyết của mình, không thấy được sự thay đổi và điều chỉnh sách, chiến lược của chủ nghĩa tư bản nên họ mắc từ sai lầm này đến sai lầm khác trong chỉ đạo đường lối phát triển kinh tế – xã hội, khoa học và công nghệ, bất chấp các quy luật phát triển của xã hội. Trong khoảng 10 năm như vậy đã làm suy yếu dần dần hệ thống xã hội chủ nghĩa trước đây. Và cũng chính giai đoạn này, chủ nghĩa tư bản cấu kết với các phần tử phản cách mạng ở trong nước lợi dụng những sai lầm của Đảng Cộng sản và sự quản lý đất nước của nhà nước theo chế độ quan liêu bao cấp đã tấn công vào chủ nghĩa xã hội. Sự kiện Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu tan rã là bài học đau xót cho phong trào cộng sản và công nhân quốc tế.

*Giai đoạn 4* : Từ cuối năm 1990 đến nay. Đây là giai đoạn chủ nghĩa xã hội tạm thời lâm vào thoái trào. Sau khi Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ, nhiều Đảng cộng sản ở các nước tan rã, nhiều đảng viên mất niềm tin vào đảng ; các nước trong thế giới thứ ba, các nước dân tộc chủ nghĩa không còn chỗ dựa tinh thần và vật chất ; các thế lực phản động giành được chính quyền và chuyển hướng cách mạng ở các nước đó theo con đường khác.

Kể từ đó đến nay, các lực lượng chống chủ nghĩa Mác, chủ nghĩa Lênin tăng cường chống đối, phá hoại cách mạng xã hội chủ nghĩa, nhằm xác lập lại chủ nghĩa tư bản trên phạm vi toàn cầu. Từ thực trạng đó, nhiệm vụ cấp bách đặt ra cho những người cộng sản chân chính là phải tìm cách vượt qua khó khăn, thử thách, phải tìm ra con đường để khôi phục lại chủ nghĩa xã hội. Bằng con đường đổi mới, chấn chỉnh đội ngũ, khắc phục hạn chế yếu kém để chỉ ra quy luật của cách mạng xã hội mới có thể dẫn dắt được loài người đi đúng quỹ đạo của lịch sử.

Bằng thực tiễn tiến hành cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa, Trung Quốc và một số nước xã hội chủ nghĩa còn lại từ sau khi Liên Xô tan rã, trong đó có Việt Nam đang tiến hành công cuộc đổi mới, xây dựng nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa. Mô hình kinh tế – chính trị Trung Quốc đã và đang thu được nhiều thắng lợi. Nền kinh tế Trung Quốc và Việt Nam trong những năm qua không ngừng phát triển ; trình độ khoa học – kỹ thuật phát triển ngày càng cao, áp dụng thành công tiến bộ khoa học và tin học vào công nghiệp, nông nghiệp, thương nghiệp và dịch vụ nhằm CNH, HĐH đất nước. Hàng năm GDP tăng trưởng ở mức cao ; đời sống của nhân dân được đảm bảo và nâng cao cả về vật chất lẫn tinh thần. Có thể nói, thời đại ngày nay “ Chủ nghĩa xã hội trên thế giới, từ những bài học thành công và thất bại cũng như từ khát vọng và sự thức tỉnh của các dân tộc, có khả năng tạo ra bước phát triển mới. Theo quy luật tiến hoá của lịch sử loài người nhất định sẽ tiến tới chủ nghĩa xã hội”<sup>(1)</sup>.

---

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, H., 2001, tr.14.

## II - TÍNH CHẤT, ĐẶC ĐIỂM CƠ BẢN VÀ XU THẾ CỦA THỜI ĐẠI NGÀY NAY

### 1. Tính chất của thời đại ngày nay

Thời đại ngày nay mang tính chất rất phức tạp. Về thực chất, đó là tiếp tục cuộc đấu tranh giữa hai chế độ đối lập : tư bản chủ nghĩa (TBCN) và xã hội chủ nghĩa (XHCN).

CNTB có một thời kỳ đã lâm vào khủng hoảng trước sự lớn mạnh của CNXH và cuộc đấu tranh của các dân tộc bị áp bức. Song, do tận dụng được lợi thế về kinh tế, sự phát triển về khoa học kỹ thuật và do những hạn chế, khiếm khuyết của hệ thống XHCN, CNTB đã có được ưu thế nhất định về các mặt chính trị, tư tưởng và kinh tế. Từ đó, cuộc đấu tranh giữa hai chế độ này diễn ra trên tất cả các mặt của đời sống xã hội.

#### *a) Về chính trị*

Giai cấp tư sản cầm quyền dùng mọi cách để khẳng định CNTB thông qua con đường tuyên truyền cho nền dân chủ tư sản, tự do tư sản, tìm mọi cách can thiệp sâu vào công việc nội bộ của nhiều nước, trong đó không loại trừ dùng sức mạnh quân sự để xâm lược thông qua chiêu bài chống khủng bố.

CNTB đứng đầu là Mỹ dùng nhiều thủ đoạn lôi kéo các nước về phía mình, hình thành đồng minh chống lại Liên bang Nga, Trung Quốc và các nước XHCN khác. Mặc dù CNXH phải trải qua một thời kỳ khủng hoảng làm suy yếu hệ thống XHCN nhưng nhân dân lao động vẫn hướng về Đảng cộng sản, chính đảng có khả năng mang lại hoà bình, dân chủ và tự do cho họ. Đồng thời, các Đảng cộng sản luôn luôn đề cao cảnh giác, vạch trần âm mưu thâm độc của CNTB, bảo vệ chế độ XHCN hiện đang trong thời kỳ đổi mới, điều chỉnh đường lối chính sách, chiến lược phát triển kinh tế xã hội.

#### *b) Về tư tưởng*

CNTB tìm mọi cách tuyên truyền hệ tư tưởng tư sản, lối sống phương Tây, quan điểm dân chủ tự do, đa nguyên, đa đảng, chống độc quyền, độc đảng, làm mất ổn định trong nhận thức của nhân dân ; công kích và thách thức CNXH, coi phương Tây tiên tiến là “khuôn mẫu ước mơ” của quần chúng lao khổ trong các nước đang phát triển. Đối với các nước XHCN còn lại sau khi Liên Xô tan rã, CNTB đứng đầu là đế quốc Mỹ tiến hành diễn biến hoà bình, phủ nhận giá trị tư tưởng và học thuyết của chủ nghĩa Mác – Lênin. Từ tình hình đó đặt ra cho Đảng cộng sản và nhân dân các nước XHCN phải kiên quyết đấu tranh chống lại hành động phản cách mạng của CNTB, giữ vững lập trường của chủ nghĩa Mác – Lênin, để khẳng định những tư tưởng tiến bộ của chủ nghĩa Mác.

#### *c) Về kinh tế*

CNTB dựa vào lợi thế về mặt vật chất, trình độ khoa học kỹ thuật để phủ nhận nền kinh tế XHCN, bảo vệ và khẳng định nền kinh tế TBCN là vĩnh hằng, là tuân theo quy luật, trên đời này không có nền kinh tế nào tiến bộ hơn kinh tế TBCN trong giai đoạn hiện nay.

Về phần mình, các nước xã hội chủ nghĩa cũng rất thấm thía sự thất bại của hệ thống XHCN qua sự kiện Liên Xô và một số nước Đông Âu sụp đổ, cùng với những khiếm khuyết của nền kinh tế kế hoạch hoá, quan liêu bao cấp, để điều chỉnh chính sách, kế hoạch phát triển kinh tế của mình, áp dụng tiến bộ và khoa học công nghệ, tin học vào sản xuất và cuộc sống, từ đó chứng minh sự đúng đắn và tính ưu việt của CNXH.

## **2. Đặc điểm cơ bản và xu thế chủ yếu của thời đại ngày nay**

### **a) Đặc điểm cơ bản của thời đại ngày nay**

Để tìm hiểu đặc điểm cơ bản này, cần thấy rõ những nguyên nhân tạo ra đặc điểm, đó chính là những mâu thuẫn của thời đại :

*Thứ nhất :* Mâu thuẫn giữa hai chế độ xã hội : TBCN và XHCN - đây là mâu thuẫn cơ bản nhất giữa hai hệ tư tưởng, giữa hai chế độ xã hội, được biểu hiện chủ yếu bằng thủ đoạn “diễn biến hoà bình” của chủ nghĩa đế quốc cùng các thế lực tư sản, phản động chống lại đường lối chiến lược, sách lược của Đảng cộng sản lãnh đạo giai cấp vô sản và nhân dân lao động đi theo con đường XHCN.

Mặc dù trong tiến trình phát triển của lịch sử, có lúc, có nơi mâu thuẫn thể hiện trên các lĩnh vực chính trị, tư tưởng, kinh tế ở các mức độ khác nhau, nhưng xuyên suốt vẫn là mâu thuẫn cốt lõi giữa hai hệ tư tưởng, hai chế độ khác nhau.

*Thứ hai:* Mâu thuẫn giữa các giai cấp trong xã hội mà tiêu biểu là hai giai cấp đại diện cho quyền lợi của hai lực lượng cơ bản trong xã hội: giữa vô sản và tư sản, giữa tư bản và lao động.

Đây là mâu thuẫn nảy sinh trong lòng chế độ tư bản chủ nghĩa. Có giai cấp bóc lột và giai cấp bị bóc lột, tất yếu dẫn đến mâu thuẫn ; mâu thuẫn này phản ánh tính khách quan của cuộc đấu tranh một mất, một còn giữa hai lực lượng đối lập nhau. Trong thời đại ngày nay, giai cấp tư sản tìm đủ mọi cách điều chỉnh chính sách xã hội, thực hiện tăng phúc lợi xã hội, trợ giúp người thất nghiệp và đói nghèo ; nhưng trên thực tế khoảng cách giàu – nghèo ngày càng tăng; của cải tập trung vào một số ít giai cấp tư sản, còn đại đa số những người lao động làm thuê vẫn ở tình trạng nghèo đói và nạn thất nghiệp đe dọa - mâu thuẫn giữa giai cấp tư sản với giai cấp công nhân và các tầng lớp trí thức khác.

Dù cho giai cấp tư sản có những âm mưu diễn biến hoà bình, gây mâu thuẫn, chia rẽ nội bộ các nước XHCN đến đâu chăng nữa cũng không khắc phục được mâu thuẫn đang diễn ra trong lòng chế độ TBCN. Và cuối cùng, muốn có xã hội tiến bộ, công bằng, văn minh, phải thông qua cuộc cách mạng xóa bỏ giai cấp tư sản và chế độ TBCN, thiết lập chế độ XHCN.

*Thứ ba:* Mâu thuẫn giữa các dân tộc thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc. Đây là mâu thuẫn gay gắt giữa khát vọng hoà bình, độc lập, tự do của các nước thuộc địa và phụ thuộc với chủ nghĩa đế quốc.

Hiện nay vẫn còn nhiều quốc gia ở tình trạng kém phát triển về kinh tế, còn lệ thuộc vào các nước phát triển. Vì thế, các nước này đã nghèo, lạc hậu lại bị bóc lột bằng nhiều hình thức tinh vi của các nước tư bản độc quyền lại càng nghèo hơn. Từ đó dẫn đến mâu thuẫn ngay trong nội bộ các nước đó và từ mâu thuẫn dẫn đến gia tăng xung đột dân tộc, tôn giáo. Lợi

dụng tình hình này, chủ nghĩa đế quốc đứng đầu là Mỹ tăng cường can thiệp vào công việc nội bộ của nhiều nước, đe dọa nghiêm trọng chủ quyền, độc lập dân tộc của họ.

Vì vậy mâu thuẫn giữa các nước này đối với Chủ nghĩa đế quốc chẳng những không giảm mà ngày càng tăng.

*Thứ tư* : Mâu thuẫn trong hệ thống các nước tư bản chủ nghĩa.

Khi CNTB trở thành CNTB độc quyền nhà nước, một mặt chúng có sự liên kết chặt chẽ với nhau vì mục tiêu chống phá, làm tan rã hệ thống XHCN, chống phá phong trào giải phóng dân tộc... ; mặt khác, giữa các nước xuất hiện mâu thuẫn về lợi ích kinh tế, cạnh tranh khốc liệt, hình thành các trung tâm lớn nhưng vì quyền lợi kinh tế, quyền lợi chính trị, sự tranh giành ảnh hưởng, vị trí trên thế giới lại xuất hiện mâu thuẫn ngay ở các trung tâm ấy.

Từ những mâu thuẫn nêu ở trên, có thể thấy rõ đặc điểm cơ bản của thời đại ngày nay:

*\* Cuộc đấu tranh giai cấp và dân tộc tiếp tục diễn ra trên thế giới ngày càng gay gắt, quyết liệt.*

CNTB tăng cường tấn công nhằm xoá bỏ hẳn chế độ XHCN, phủ nhận chủ nghĩa Mác, chia rẽ phong trào đấu tranh của các dân tộc, của phong trào công nhân. Từ khi Liên Xô và các nước XHCN Đông Âu tan rã, nguy cơ chiến tranh thế giới thứ ba ít có khả năng xảy ra; song sự mâu thuẫn, xung đột ở ngay từng nước, từng khu vực lại diễn ra rất phức tạp trên các lĩnh vực tôn giáo, sắc tộc; phân biệt chủng tộc, nạn khủng bố và vũ khí hạt nhân là những vấn đề nóng bỏng của thời đại.

*\* Cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, tin học diễn ra mạnh mẽ và có tác dụng thay đổi cục diện thế giới.*

Trong thời đại ngày nay, cuộc cách mạng khoa học và công nghệ, tin học có tác động to lớn đối với sản xuất và chất lượng cuộc sống. Trong vòng vài thập kỷ gần đây của cải xã hội tăng đáng kể, mức sống của con người vì vậy không ngừng được cải thiện. Xu hướng toàn cầu hoá, hoà nhập và hội tụ phụ thuộc lẫn nhau giữa các nước ngày càng phát triển, sự hợp tác cùng nhau giải quyết các vấn đề xã hội như ma tuý, môi trường, khủng bố... trên phạm vi toàn cầu ngày càng được mở rộng, tăng cường. Và, chỉ có tăng cường sự hợp tác, đối thoại giữa các nước trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ mới có thể đẩy lùi được mâu thuẫn trong lòng mỗi quốc gia, cũng như ở các khu vực.

### ***b) Xu thế chủ yếu của thời đại ngày nay***

*\* Những vấn đề toàn cầu và yêu cầu đòi hỏi sự hợp tác quốc tế.*

Cộng đồng quốc tế đang đứng trước những vấn đề toàn cầu mà không một quốc gia riêng lẻ nào có thể giải quyết được. Đó là các vấn đề : bùng nổ dân số, nạn nghèo đói ở các nước chậm phát triển, tình trạng ô nhiễm môi trường, tội phạm quốc tế, bệnh tật... Tất cả những vấn đề này đòi hỏi phải có sự hợp tác quốc tế mới có thể giải quyết được.

*\* Hoà bình, ổn định xây dựng cuộc sống.*

Loài người đã chứng kiến hai cuộc chiến tranh thế giới lần thứ nhất (1914 – 1919) và lần thứ hai (1939 – 1945), đã thấy rõ sự khốc liệt của chiến tranh. Ngày nay, tình hình kinh tế -

xã hội và chính trị quốc tế, tình hình tôn giáo và sắc tộc diễn ra vô cùng phức tạp ; mỗi quốc gia không thể phát triển được nếu không có hoà bình, không có sự ổn định và hợp tác. Một thế giới tiến bộ văn minh không thể chấp nhận chiến tranh phá hoại sự bình an, ổn định của người dân. Do đó, hoà bình và ổn định là khát vọng và xu thế số một của loài người tiến bộ.

*\* Tăng cường sự hợp tác song song với ý thức độc lập, tự cường.*

Chỉ có hợp tác mới có thể hiểu biết được mặt mạnh, mặt yếu của mỗi quốc gia, mỗi khu vực, hợp tác mới phát huy được sức mạnh, thế mạnh của từng nước, hợp tác cùng có lợi mới tránh được những bất đồng. Hiện nay, xu thế chung của thế giới là hợp tác trên các lĩnh vực chính trị, kinh tế - thương mại, văn hoá, giáo dục, khoa học... ở phạm vi khác nhau (đa phương và song phương, toàn cầu và khu vực) ; giữa các quốc gia với nhau, giữa các quốc gia với các tổ chức quốc tế, giữa các tổ chức quốc tế với nhau. Các tổ chức quốc tế như Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), Tổ chức thương mại thế giới (WTO), Tổ chức giáo dục, khoa học, văn hoá của Liên hợp quốc (UNESCO),... ngày càng tham gia tích cực vào quá trình hợp tác quốc tế.

Hợp tác để phát triển, các quốc gia ý thức được quyền lợi dân tộc, quyền tự quyết về chế độ chính trị, quyền lựa chọn con đường phát triển..., trong đó quyền độc lập dân tộc là quyền tối thượng. Các nước kém phát triển kiên quyết đấu tranh chống lại sự can thiệp vào công việc nội bộ của nước ngoài, giữ vững độc lập dân tộc, đồng thời phải tăng cường phát huy nội lực, ý thức tự cường dân tộc.

Chỉ có giữ vững độc lập dân tộc, nêu cao ý thức tự cường, các quốc gia mới có thể xây dựng và phát triển kinh tế, ổn định chế độ chính trị, nâng cao đời sống cho nhân dân.

*\* Cuộc đấu tranh kiên trì bền bỉ của các nước XHCN, các Đảng Cộng sản và công nhân cho tiến bộ xã hội.*

Tình hình thế giới đang diễn biến rất phức tạp, CNXH ở Liên Xô và Đông Âu tan rã. Mô hình CNXH kiểu Trung Quốc đang được cả thế giới biết đến và học tập. Chủ nghĩa đế quốc vẫn không ngừng tấn công vào chủ nghĩa Mác, CNXH và phong trào công nhân quốc tế, phong trào giải phóng dân tộc. Vì thế, các nước xã hội chủ nghĩa phải xiết chặt đội ngũ, đoàn kết, bền bỉ đấu tranh cho mục tiêu của mình.

*\* Hợp tác và đấu tranh giữa các nước là xu thế tiến bộ trong thời đại ngày nay.*

Trong tiến trình phát triển của lịch sử, mỗi quốc gia, mỗi dân tộc trước đây dù ở chế độ xã hội nào cũng do nhiều lý do khách quan và chủ quan. Nhưng ngày nay muốn cho dân tộc được độc lập, kinh tế tăng trưởng, chính trị ổn định, văn hoá được phát triển, không có con đường nào khác là phải hợp tác, hợp tác song phương, đa phương, bằng nhiều con đường...Tuy vậy hợp tác không đồng nhất với sự thoả hiệp mà vừa hợp tác vừa đấu tranh trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Chủ nghĩa xã hội với các Đảng cộng sản lãnh đạo, trước tình hình hiện nay càng phải kiên định với mục tiêu của mình, kiên trì đấu tranh, đổi mới, điều chỉnh chiến lược, sách lược của mình, phát huy sức mạnh của nhân dân trên con đường thực hiện lý tưởng của mình.

## **Câu hỏi thảo luận và ôn tập**

1. Quan niệm về thời đại và thời đại ngày nay.
2. Nêu tính chất của thời đại ngày nay.
3. Nêu những mâu thuẫn và đặc điểm của thời đại ngày nay.
4. Xu hướng chủ yếu trong thời đại ngày nay ?
5. Phân tích mối quan hệ giữa hợp tác và đấu tranh đối với sự phát triển của nhân loại.

## *Chương VII*

# NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VÀ NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

## I - NỀN DÂN CHỦ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

### 1. Quan niệm về dân chủ

#### a) *Vấn đề dân chủ trong lịch sử nhân loại*

Từ thời cổ đại, trong buổi sơ khai của nền văn minh nhân loại, khi trình độ phát triển của lực lượng sản xuất còn hết sức thấp kém, con người đã biết dựa vào nhau để cùng chung sống, cùng lao động, cùng bảo vệ mình trước thiên nhiên và thú dữ. Để làm được những việc này, con người tổ chức ra những hoạt động chung phục vụ cho nhu cầu tồn tại của cả cộng đồng (tổ chức theo từng thị tộc, bộ lạc). Những hoạt động chung này do toàn thể thành viên của cả thị tộc, bộ lạc gánh vác, dưới sự điều khiển lãnh đạo của một người đứng đầu là *Tù trưởng*.

Tù trưởng là người đứng đầu *Thị tộc*, do hội nghị toàn thể thị tộc bầu ra trong số những người cao tuổi, có nhiều kinh nghiệm và có uy tín nhất trong cộng đồng thị tộc. Tù trưởng phải chịu sự kiểm tra của thị tộc và có thể bị bãi miễn nếu như không còn được các thành viên của thị tộc tín nhiệm.

Trong thị tộc, người ta tổ chức ra *Hội đồng thị tộc* - tổ chức quyền lực cao nhất của thị tộc - bao gồm mọi thành viên đã trưởng thành của thị tộc. Mọi quyết định quan trọng trong thị tộc đều được đưa ra bàn bạc dân chủ và được tập thể Hội đồng quyết định.

Hội đồng thị tộc trong chế độ cộng sản nguyên thủy là *hình thức tổ chức dân chủ đầu tiên* trong lịch sử hình thành và phát triển của nền dân chủ.

Ở vào thời kỳ cuối của chế độ cộng sản nguyên thủy đã bắt đầu xuất hiện chế độ tư hữu, xã hội phân chia thành giai cấp và từng bước xuất hiện nhà nước ở các khu vực khác nhau trên thế giới.

Từ buổi sơ khai của lịch sử hình thành và phát triển nhà nước cổ đại, danh từ dân chủ lần đầu tiên xuất hiện và gắn với tên gọi nhà nước. Nhà nước *Cộng hoà dân chủ* xuất hiện lần đầu tiên ở Aten vào thế kỷ thứ V - IV (TCN). Trong Nhà nước Cộng hoà dân chủ Aten, các cơ quan quyền lực nhà nước đều được bầu ra một cách dân chủ trực tiếp và hoạt động theo nhiệm kỳ. Khi ấy, mọi người dân theo quy định của pháp luật đều có quyền bầu cử vào các cơ quan quyền lực nhà nước. Tuy nhiên, theo quy định của Nhà nước Cộng hoà dân chủ Aten, người dân ở đây chỉ bao gồm giai cấp chủ nô, tăng lữ, thương gia, trí thức và những người tự do, còn

phụ nữ, kiều dân và những người trước đây là nô lệ được giải phóng đều không có quyền bầu cử.

Như vậy, về thực chất, nhà nước cộng hoà dân chủ thời cổ đại là nhà nước dân chủ chủ nô, do giai cấp chủ nô - giai cấp áp bức bóc lột đầu tiên - lập ra. Nhà nước dân chủ chủ nô đã dùng khái niệm dân chủ để che đậy bản chất của nó và thực chất là để chiếm mất quyền lực thực sự của nhân dân lao động. Với nghĩa đó, nhà nước cộng hoà dân chủ trong xã hội chiếm hữu nô lệ là nhà nước dân chủ chủ nô và nền dân chủ trong xã hội ấy là *nền dân chủ chủ nô*.

Trong xã hội phong kiến, giai cấp địa chủ phong kiến thực hiện nền chuyên chế. Trong xã hội ấy, ở các nước vua được coi là con trời, có quyền lực tối cao, nhân dân chỉ là "thần dân", chỉ biết phục tùng, không được quyền bàn bạc. Do vậy, trong xã hội phong kiến không hề có một nhà nước, một nền dân chủ nào.

Cuộc Cách mạng Tư sản ở Pháp năm 1789 đã khai sinh ra *nền dân chủ tư sản*, với các thiết chế như các đảng phái, nghị viện, chế độ bầu cử tự do..., với các khẩu hiệu tự do, bình đẳng, bác ái, nhân quyền. Nền dân chủ tư sản trong các nhà nước cộng hoà tư sản là nền dân chủ đã phát triển ở mức độ cao trong tiến trình phát triển của lịch sử loài người. Nhưng dù sao, nền dân chủ tư sản vẫn không phải là nền dân chủ đích thực, nhà nước dân chủ tư sản vẫn không phải là nhà nước thực hiện quyền lực thực sự của nhân dân, mà thực chất chỉ là nhà nước của giai cấp tư sản.

Cách mạng tháng Mười Nga năm 1917 đã mở ra một thời đại mới trong lịch sử phát triển của xã hội loài người. Nhân dân lao động bấy lâu bị áp bức đã làm cuộc Cách mạng thành công, giành lấy chính quyền về tay mình, lập ra Nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trên thế giới. Cũng như Nhà nước Nga xã hội chủ nghĩa, các nhà nước xã hội chủ nghĩa khác cũng do nhân dân lao động lập ra, thực hiện quyền lực của nhân dân lao động và thiết lập nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, một nền dân chủ của đại đa số nhân dân.

Như vậy, theo quan niệm chung nhất, dân chủ được hiểu theo hai nghĩa :

- Dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân.
- Dân chủ là một chế độ nhà nước (một hình thức nhà nước), bao giờ cũng mang tính giai cấp.

*Dân chủ là quyền lực thuộc về nhân dân*, có nghĩa là người dân được tham gia vào đời sống chính trị - xã hội một cách dân chủ, theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong mỗi thời kỳ lịch sử khác nhau, ở các nước khác nhau, dân là những ai lại được hiểu và quy định khác nhau ; điều đó tùy thuộc vào bản chất giai cấp của chế độ xã hội.

*Dân chủ là một hình thức nhà nước*, có nghĩa là nhà nước tổ chức theo hình thức chính thể dân chủ.

### ***b) Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về dân chủ***

Từ thời cổ đại cho đến ngày nay, dù loài người có trải qua các chế độ xã hội khác nhau, dân chủ vẫn luôn là một nhu cầu khách quan, là khát vọng của nhân dân các nước. Ở mỗi thời đại lịch sử, trong mỗi chế độ xã hội khác nhau, có những quan niệm khác nhau về dân chủ.



Quan niệm của chủ nghĩa Mác - Lênin là sự kế thừa một cách chọn lọc và phát triển những tư tưởng của nhân loại tiến bộ về dân chủ, được kiểm nghiệm qua thực tiễn xây dựng và hoạt động của các nhà nước khác nhau.

*Thứ nhất*, theo chủ nghĩa Mác - Lênin, dân chủ chính là quyền lực thuộc về nhân dân ; nhân dân là người thực thi quyền lực nhà nước. Với nghĩa đó, dân chủ luôn gắn với nhân dân, ở trong nhân dân. Không và sẽ không bao giờ có khái niệm dân chủ đặt bên ngoài nhân dân. Không thể có dân chủ chỉ dành riêng cho một giai cấp, một tầng lớp xã hội nào.

*Thứ hai*, trong xã hội có giai cấp và nhà nước thì không có dân chủ chung chung, phi giai cấp, siêu giai cấp. Theo Lênin, không có dân chủ "thuần túy", mà dân chủ luôn gắn với nhà nước và bao giờ cũng mang bản chất của một giai cấp nhất định - bản chất của giai cấp thống trị xã hội. Lênin gọi đó là tính giai cấp của dân chủ.

*Ví dụ : nền dân chủ chủ nô mang bản chất của giai cấp chủ nô ; nền dân chủ tư sản mang bản chất của giai cấp tư sản ; nền dân chủ xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân.*

*Thứ ba*, dân chủ là một hình thức chính thể nhà nước. Chính thể dân chủ nhất trong các hình thức chính thể ở các hình thái kinh tế - xã hội là chính thể cộng hoà dân chủ. Chính thể này tồn tại trong các nhà nước cộng hoà dân chủ chủ nô, cộng hoà dân chủ tư sản và các nhà nước xã hội chủ nghĩa (các nhà nước xã hội chủ nghĩa đều là nhà nước cộng hoà dân chủ). Trong các nước cộng hoà dân chủ, quyền tham gia vào bầu cử để lập ra cơ quan quyền lực của nhà nước được quy định trong pháp luật. Việc quy định này thể hiện sự ghi nhận về mặt nhà nước "quyền lực thuộc về nhân dân", tức là quyền dân chủ của nhân dân tham gia vào xây dựng nhà nước. Tuy nhiên, trên thực tế các giai cấp thống trị của các nhà nước bóc lột (nhất là nhà nước chủ nô) thường đặt ra nhiều quy định nhằm hạn chế quyền dân chủ này của nhân dân lao động.

*Thứ tư*, mỗi chế độ dân chủ và một nhà nước tương ứng với nó đều do một giai cấp cầm quyền chi phối mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Do vậy, tính giai cấp của giai cấp cầm quyền chi phối toàn bộ tính chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội,... ở mỗi quốc gia.

## **2. Bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa**

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa ra đời cùng với sự ra đời của nhà nước xã hội chủ nghĩa - nhà nước của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Sự ra đời nền dân chủ xã hội chủ nghĩa đánh dấu bước phát triển mới về chất so với các nền dân chủ trước đó. Trong các nhà nước xã hội chủ nghĩa, quần chúng nhân dân là chủ thể của quyền lực nhà nước, bởi vì đó là các nhà nước do nhân dân lao động lập ra và xây dựng. Trong nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước của nhân dân lao động, nền dân chủ mới thực sự là của dân, dân chủ cho đại đa số, dân chủ thực sự theo đúng nghĩa của nó. Vì thế, dân chủ xã hội chủ nghĩa là nền dân chủ cao hơn bất cứ nền dân chủ nào, kể cả nền cộng hoà đại nghị tư bản hoàn bị nhất.

*Về bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, Đảng ta khẳng định : "Thực hiện dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy mạnh mẽ quyền làm chủ của nhân dân là nhiệm vụ quan trọng hàng đầu và cũng là bản chất tốt đẹp của Nhà nước ta".*

(Văn kiện Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ khoá VII, Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Sự thật, H., 1994, tr. 56).

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa được biểu hiện qua bản chất chính trị, bản chất kinh tế, bản chất tư tưởng - văn hoá.

#### **a) Bản chất chính trị**

Bản chất chính trị của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là sự lãnh đạo chính trị của giai cấp công nhân thông qua Đảng cộng sản đối với toàn xã hội. Cũng như bất cứ nền dân chủ nào, nền dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng mang bản chất giai cấp, đó là *bản chất của giai cấp công nhân*.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước của nhân dân lao động, do nhân dân lập ra và xây dựng. Nhà nước ấy thực hiện quyền lực của nhân dân, bảo đảm cho nhân dân thực hiện đầy đủ các quyền tự do, dân chủ của mình. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, ngoài việc thực hiện quyền lực và lợi ích của giai cấp công nhân, còn thực hiện quyền lực và thể hiện lợi ích của toàn thể nhân dân lao động.

Sinh thời, Bác Hồ từng chỉ rõ, trong nhà nước xã hội chủ nghĩa, bao nhiêu quyền lực đều là của dân, bao nhiêu sức mạnh đều ở nơi dân, bao nhiêu lợi ích đều là vì dân. Dân chủ xã hội chủ nghĩa là chế độ dân chủ mà trong đó nhân dân được tham gia tích cực vào công việc nhà nước ; là chế độ dân chủ ở trong nhân dân, do nhân dân và vì nhân dân. Đó là chế độ dân chủ mà theo Lênin, " so với bất cứ chế độ dân chủ nào, cũng hơn gấp triệu lần".

Đồng thời với việc mở rộng dân chủ tới mức cao nhất cho mọi tầng lớp nhân dân, dân chủ xã hội chủ nghĩa cũng kiên quyết đấu tranh chống lại mọi hành vi lợi dụng dân chủ, đi ngược lại lợi ích của nhà nước, xã hội và nhân dân. Do vậy, chúng ta không bao giờ được phép mơ hồ, mất cảnh giác trước những việc làm nhân danh dân chủ nhưng thực chất lại nhằm phá hoại công cuộc xây dựng đất nước của nhân dân ta, phá hoại nền dân chủ của đại đa số nhân dân lao động.

Khi nhấn mạnh sự cần thiết của chuyên chính vô sản để bảo vệ và phát triển thành quả dân chủ của nhân dân, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định "cần phải có chuyên chính để giữ lấy dân chủ".

Không nên hiểu dân chủ theo nghĩa tự do vô tổ chức, ai muốn nói gì thì nói, muốn làm gì thì làm. Dân chủ phải đi đôi với kỷ cương, pháp luật. Dân chủ phải được thực hiện trong trật tự, kỷ cương, theo pháp luật. Dân chủ và kỷ cương, pháp luật luôn nằm trong sự thống nhất biện chứng, là điều kiện và tiền đề cho sự phát triển của nhau.

*Khi đề cập tới vấn đề dân chủ, Đảng ta đã khẳng định : "Cả vô chính phủ lẫn độc đoán chuyên quyền đều trái với bản chất của nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Vì vậy, xét về thực chất, dân chủ gắn liền với kỷ cương, có khuôn khổ, trong vòng trật tự. Không thể có dân chủ mà lại thiếu pháp luật, kỷ luật, kỷ cương".*

*(Văn kiện Hội nghị lần thứ ba Ban chấp hành Trung ương khoá VIII, Đảng Cộng sản Việt Nam, NXB Chính trị quốc gia, H., 1997, tr. 12-13).*

Để có nền dân chủ thực sự, Nhà nước ta quy định trong Hiến pháp và các văn bản pháp luật các quyền tự do, dân chủ cho nhân dân ; xây dựng bộ máy và áp dụng các biện pháp bảo đảm các quyền tự do, dân chủ này.

### **b) Bản chất kinh tế**

Khác với nền kinh tế tư bản chủ nghĩa dựa trên chế độ tư hữu về tư liệu sản xuất, nền kinh tế trong chế độ xã hội chủ nghĩa dựa trên chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu của toàn xã hội. Mục đích chính sách kinh tế của nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhằm làm cho dân giàu, nước mạnh, đáp ứng ngày càng cao những nhu cầu vật chất và tinh thần của toàn thể nhân dân lao động.

Để thực hiện được mục đích kinh tế này, nhà nước xã hội chủ nghĩa chủ trương phát huy mọi năng lực sản xuất, mọi tiềm năng của các thành phần kinh tế. Trong nền kinh tế xã hội chủ nghĩa, ngoài thành phần kinh tế nhà nước giữ vai trò chủ đạo, vẫn tồn tại và phát triển các thành phần kinh tế khác : kinh tế tập thể ; kinh tế cá thể, tiểu chủ ; kinh tế tư bản tư nhân ; kinh tế tư bản nhà nước ; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài... Nhà nước xã hội chủ nghĩa thừa nhận sự tồn tại lâu dài và vai trò tích cực của các thành phần kinh tế này đối với đất nước. Ở các nước xã hội chủ nghĩa, nhà nước khuyến khích và tạo mọi điều kiện cho sự phát triển của các thành phần kinh tế, không có sự phân biệt đối xử về mặt pháp lý. Các thành phần kinh tế đều là những bộ phận cấu thành quan trọng của nền kinh tế quốc gia.

Để thực hiện chủ trương dân chủ hoá trong lĩnh vực kinh tế, nhà nước xã hội chủ nghĩa quan tâm giải quyết vấn đề có tính nguyên tắc là bảo đảm lợi ích kinh tế của người lao động, coi đó là động lực và mục tiêu của dân chủ hoá. Tuy nhiên, lợi ích kinh tế phải được đặt trong mối quan hệ biện chứng với lợi ích chính trị, tư tưởng, văn hoá, xã hội ; lợi ích cá nhân phải hài hoà với lợi ích tập thể, nhà nước và xã hội.

### **c) Bản chất tư tưởng - văn hoá**

Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa lấy hệ tư tưởng Mác - Lênin làm cơ sở nền tảng, chủ đạo đối với mọi hình thái ý thức xã hội khác trong xã hội xã hội chủ nghĩa. Khi xây dựng nền văn hoá xã hội chủ nghĩa, nhà nước xã hội chủ nghĩa trước hết phải dựa trên nền tảng tư tưởng của chủ nghĩa Mác - Lênin ; kế thừa, phát huy những giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc ; tiếp thu những giá trị văn hoá tiến bộ của nhân loại.

*Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX đã chỉ rõ nhiệm vụ của Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay là : Xây dựng nền văn hoá Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc vừa là mục tiêu vừa là động lực thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội... Bảo tồn và phát huy các di sản văn hoá dân tộc, các giá trị văn học, nghệ thuật, ngôn ngữ, chữ viết và thuần phong mỹ tục của các dân tộc... Tiếp thu tinh hoa và góp phần*

*làm phong phú thêm nền văn hoá của nhân loại. Đấu tranh chống sự xâm nhập của văn hoá đồi trụy.*

## II - NHÀ NƯỚC XÃ HỘI CHỦ NGHĨA

### 1. Khái niệm nhà nước xã hội chủ nghĩa

Nhà nước xã hội chủ nghĩa ra đời là kết quả của cách mạng do giai cấp vô sản và nhân dân lao động tiến hành, dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, nhà nước là tổ chức chính trị có vai trò và vị trí đặc biệt quan trọng. Với tư cách là bộ phận lớn nhất trong hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, nhà nước được coi là trụ cột của hệ thống này, là công cụ điều tiết các quan hệ xã hội, nhất là quan hệ chính trị và quan hệ kinh tế.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một tổ chức chính trị cơ bản nhất của hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa, thông qua đó Đảng thực hiện vai trò lãnh đạo của mình đối với toàn xã hội. Đảng chỉ có thể thực hiện được vai trò lãnh đạo của mình thông qua nhà nước.

### 2. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước kiểu mới, có bản chất khác bản chất của các nhà nước bóc lột. Nhà nước xã hội chủ nghĩa được xây dựng trên cơ sở của chế độ kinh tế xã hội chủ nghĩa, là công cụ để thực hiện quyền lực chính trị của giai cấp công nhân. Bản chất của nhà nước xã hội chủ nghĩa thể hiện ở những nội dung cơ bản sau đây :

***a) Nhà nước xã hội chủ nghĩa vừa là bộ máy chính trị - hành chính, một cơ quan cưỡng chế, vừa là một tổ chức kinh tế - xã hội***

Tất cả các nhà nước bóc lột đều là nhà nước theo đúng nghĩa của nó, là bộ máy của thiểu số người bóc lột để trấn áp đa số nhân dân lao động bị áp bức bóc lột. Các nhà nước bóc lột đều là bộ máy hành chính - quân sự, bộ máy bạo lực để thực hiện sự đàn áp nhân dân lao động, bảo vệ sự thống trị của giai cấp bóc lột.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là một bộ máy trấn áp giai cấp áp bức bóc lột đã bị lật đổ và các phần tử phản động để bảo vệ thành quả cách mạng của nhân dân, xây dựng một xã hội mới tốt đẹp hơn ; là bộ máy của đa số nhân dân lao động trấn áp thiểu số.

***b) Nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân, có tính nhân dân rộng rãi và có tính dân tộc sâu sắc***

Nhà nước nào cũng mang bản chất giai cấp của nó. Nhà nước xã hội chủ nghĩa do Đảng của giai cấp công nhân lập ra, thực hiện mục tiêu, lý tưởng cao đẹp của giai cấp công nhân là xây dựng một xã hội tiến bộ, công bằng, không có áp bức, bóc lột. Vì thế, trước hết nhà nước xã hội chủ nghĩa mang bản chất của giai cấp công nhân.

Trong các nước xã hội chủ nghĩa, ngoài giai cấp công nhân còn có giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và đông đảo các tầng lớp nhân dân lao động khác. Ngoài bản chất của giai cấp công nhân, nhà nước xã hội chủ nghĩa còn thể hiện quyền lợi của toàn thể nhân dân lao động trong xã hội và quyền lợi của cả dân tộc.

*Điều 2 Hiến pháp 1992 khẳng định : "Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam là Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà nền tảng là liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức..."*

*Bản chất của Nhà nước ta được thể hiện tại Điều 3 Hiến pháp 1992 : "Nhà nước bảo đảm và không ngừng phát huy quyền làm chủ về mọi mặt của nhân dân, thực hiện mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, mọi người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện..."*

### **3. Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa**

#### **a) Khái niệm chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa**

Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa là những phương diện hoạt động chủ yếu của nhà nước, thể hiện bản chất giai cấp, ý nghĩa xã hội, mục đích và nhiệm vụ của nhà nước trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là tổ chức chủ yếu để thiết lập nên dân chủ và xây dựng một chế độ xã hội mới, tốt đẹp hơn các chế độ xã hội khác. Bản chất và mục tiêu của nhà nước xã hội chủ nghĩa quyết định các chức năng cơ bản của nhà nước trong mỗi giai đoạn cách mạng cụ thể. Tất cả các chức năng của nhà nước hợp thành hệ thống thống nhất, thể hiện bản chất và những nhiệm vụ quan trọng nhất của nhà nước trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Để thực hiện các chức năng của mình, nhà nước xã hội chủ nghĩa xây dựng một hệ thống các cơ quan nhà nước từ Trung ương đến địa phương trong lĩnh vực lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Chức năng và nhiệm vụ là hai khái niệm gắn nhau nhưng không đồng nhất với nhau. Nhiệm vụ là những vấn đề đặt ra mà nhà nước cần giải quyết. Có nhiệm vụ trước mắt, cụ thể và cấp bách ; có nhiệm vụ chiến lược, lâu dài. Chức năng là những phương diện hoạt động rộng lớn, có tính chất định hướng lâu dài. Để thực hiện một chức năng có thể có nhiều loại nhiệm vụ được đặt ra trong mỗi giai đoạn và hoàn cảnh cụ thể của đất nước. Ngược lại, để thực hiện một nhiệm vụ chiến lược thì phải thực hiện một số chức năng khác nhau. Ví dụ, để thực hiện nhiệm vụ chiến lược xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội trên đất nước ta thì Nhà nước phải thực hiện tất cả các chức năng đối nội và đối ngoại.

#### **b) Các chức năng cơ bản của nhà nước xã hội chủ nghĩa**

Chức năng của nhà nước xã hội chủ nghĩa được chia thành hai loại là chức năng đối nội và chức năng đối ngoại.

*\* Các chức năng đối nội:*

- *Chức năng tổ chức và quản lý kinh tế* : Là những hoạt động của nhà nước nhằm thực hiện nhiệm vụ tổ chức và quản lý nền kinh tế đất nước. Tổ chức và quản lý kinh tế là chức năng rất khó khăn, phức tạp, với nội dung rộng lớn, đòi hỏi phải có những chủ trương, chính sách, phương pháp và biện pháp phù hợp nhằm phát huy tối đa mọi tiềm năng của xã hội cho công cuộc xây dựng kinh tế đất nước.

Tổ chức quản lý kinh tế là chức năng cơ bản của các nhà nước xã hội chủ nghĩa, nhưng việc thực hiện ở mỗi nước lại có những đặc điểm riêng biệt.

Ở Việt Nam, chức năng tổ chức và quản lý kinh tế của nhà nước xã hội chủ nghĩa được thể hiện ở những nội dung sau đây :

+ Nhà nước tạo mọi điều kiện để giải phóng sức sản xuất, khơi dậy mọi tiềm năng của xã hội để phát triển kinh tế đất nước trong điều kiện thị trường.

+ Nhà nước thực hiện nhất quán chủ trương bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, giữa mọi công dân trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

+ Nhà nước quản lý nền kinh tế quốc dân ở tầm vĩ mô thông qua việc ban hành chính sách, pháp luật và kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật về kinh doanh của các thành phần kinh tế.

- *Chức năng tổ chức và quản lý văn hoá, giáo dục và khoa học*, được thể hiện trên ba lĩnh vực : Văn hoá, Giáo dục, Khoa học. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện chức năng này nhằm mục đích nâng cao đời sống văn hoá và tinh thần của nhân dân ; bồi dưỡng nhân lực, nâng cao dân trí, đào tạo nhân tài ; sử dụng những thành tựu của khoa học phục vụ sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hoá, xã hội.

*Điều 37 Hiến pháp 1992 quy định : "... Nhà nước xây dựng và thực hiện chính sách khoa học, công nghệ quốc gia ; xây dựng nền khoa học và công nghệ tiên tiến ; phát triển đồng bộ các ngành khoa học, nghiên cứu, tiếp thu các thành tựu khoa học và công nghệ của thế giới nhằm xây dựng luận cứ khoa học cho việc định ra đường lối, chính sách và pháp luật, đổi mới công nghệ, phát triển lực lượng sản xuất, nâng cao trình độ quản lý, bảo đảm chất lượng và tốc độ phát triển của nền kinh tế, góp phần bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia".*

- *Chức năng đảm bảo ổn định an ninh chính trị, bảo vệ trật tự, an toàn xã hội*. Đây là chức năng rất quan trọng, nhất là trong giai đoạn đầu khi mới giành được chính quyền. Thực hiện chức năng này, nhà nước xã hội chủ nghĩa kiên quyết trấn áp mọi hành động phản kháng của các thế lực thù địch, ngăn chặn mọi âm mưu xâm hại đến nền an ninh quốc gia, đến sự ổn định an ninh chính trị trong nước.

- *Chức năng bảo vệ trật tự pháp luật, bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân*. Để thực hiện chức năng này, nhà nước xây dựng các văn bản pháp luật, đề ra các biện pháp thiết thực, xây dựng cơ chế thực hiện và bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của công dân.

\* *Các chức năng đối ngoại :*

- *Chức năng bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa*. Để thực hiện chức năng này, nhà nước xã hội chủ nghĩa quan tâm củng cố và xây dựng nền quốc phòng vững chắc để đánh thắng mọi sự xâm lược từ bên ngoài trong bất cứ tình huống nào.

*Ở nước ta, chức năng bảo vệ Tổ quốc được xác định rõ trong Điều 44 Hiến pháp 1992 : "... Nhà nước củng cố và tăng cường nền quốc phòng toàn dân và an ninh nhân dân, nòng cốt là lực lượng vũ trang nhân dân, phát huy sức mạnh tổng hợp của đất nước để bảo vệ vững chắc Tổ quốc. Cơ quan nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội và công dân phải làm đầy đủ nhiệm vụ quốc phòng và an ninh do pháp luật quy định".*

- Chức năng thiết lập, củng cố, mở rộng quan hệ hợp tác với các nước và các tổ chức quốc tế. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện quan hệ hợp tác hữu nghị, trước hết với các nước xã hội chủ nghĩa nhằm tạo ra sức mạnh của chủ nghĩa xã hội nói chung. Ngoài ra, cần phải mở rộng quan hệ với các nước có chế độ chính trị khác nhau, trên cơ sở tôn trọng độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Thực hiện chức năng này có ý nghĩa quan trọng, nhằm tạo ra môi trường hoà bình và điều kiện quốc tế thuận lợi để phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi nước.

### III - ĐỔI MỚI HỆ THỐNG CHÍNH TRỊ VÀ CẢI CÁCH BỘ MÁY NHÀ NƯỚC Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

#### 1. Đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay

##### a) Khái niệm hệ thống chính trị

Hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa là hệ thống các tổ chức chính trị chủ yếu, có quy mô quốc gia, gắn bó hữu cơ với nhau và tác động lẫn nhau, cùng thực hiện quyền lực chính trị của nhân dân lao động.

Lần đầu tiên trong lịch sử, hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa hoạt động với tư cách là một hệ thống thống nhất các tổ chức chính trị chủ yếu trong xã hội, hoạt động trong khuôn khổ pháp luật nhà nước, phù hợp với vai trò, chức năng, nhiệm vụ của mỗi tổ chức và mối quan hệ giữa các tổ chức đó. Toàn bộ hệ thống các tổ chức chính trị này là sự thể hiện nền dân chủ xã hội chủ nghĩa trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

Tuỳ thuộc vào những đặc điểm cụ thể mà hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ở mỗi nước có thể có cấu trúc khác nhau. Hiện nay, hệ thống chính trị ở nước ta bao gồm các tổ chức : Đảng Cộng sản Việt Nam ; Nhà nước ; Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức xã hội như : Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam, Hội Nông dân Việt Nam...

Vai trò, vị trí, chức năng của mỗi tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta được xác định theo nguyên tắc : Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ. Vấn đề là phải hiểu thế nào cho đúng nguyên tắc này trong điều kiện hiện nay của đất nước ta.

Vị trí, vai trò của từng tổ chức trong hệ thống chính trị ở nước ta trong giai đoạn hiện nay được xác định như sau :

- *Đảng Cộng sản Việt Nam* là một bộ phận trong hệ thống này, có vai trò lãnh đạo toàn bộ hệ thống chính trị và lãnh đạo toàn xã hội.

*“Đảng Cộng sản Việt Nam, đội tiên phong của giai cấp công nhân Việt Nam, đại biểu trung thành quyền lợi của giai cấp công nhân, nhân dân lao động và của cả dân tộc, theo chủ nghĩa Mác -Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, là lực lượng lãnh đạo Nhà nước và xã hội...”*

(Điều 4 Hiến pháp 1992).

- Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam do nhân dân lao động lập ra để quản lý xã hội về tất cả các lĩnh vực bằng pháp luật.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là liên minh chính trị, liên hiệp tự nguyện của các tổ chức chính trị, các tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội và các cá nhân tiêu biểu trong các giai cấp, các tầng lớp xã hội.

### ***b) Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay***

#### ***\* Quan điểm đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay***

Trong sự nghiệp đổi mới ở nước ta hiện nay, Đảng và Nhà nước ta chủ trương đổi mới mạnh mẽ về kinh tế, kết hợp với đổi mới từng bước và vững chắc hệ thống chính trị. Chủ trương đúng đắn này được hình thành từ sự phân tích khách quan các điều kiện kinh tế - xã hội ở nước ta cũng như kinh nghiệm cải tổ, cải cách ở các nước khác. Trên cơ sở lý luận và thực tiễn ở nước ta cũng như ở các nước khác, Đảng ta xác định rõ quan điểm về đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay :

*Một là*, đổi mới nội dung, phương thức hoạt động, tổ chức cán bộ và mối quan hệ giữa các tổ chức trong hệ thống chính trị. Điều đó có nghĩa là không thay đổi mục tiêu, con đường mà nhân dân ta đã lựa chọn - con đường xã hội chủ nghĩa.

*Hai là*, xuất phát từ thực tiễn cách mạng nước ta từ khi có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo đến nay, từ so sánh lực lượng chính trị khách quan hiện nay ở nước ta, từ kinh nghiệm thực tiễn ở một số nước, từ bối cảnh quốc tế và khu vực, Đảng ta khẳng định hệ thống chính trị xã hội chủ nghĩa ở nước ta phải là chế độ *nhất nguyên về chính trị*, nghĩa là chỉ có một Đảng duy nhất lãnh đạo xã hội - Đảng Cộng sản Việt Nam. Nhà nước và nhân dân ta không chấp nhận đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, để đảm bảo ổn định xã hội, phát triển kinh tế vì lợi ích của nhân dân.

*Ba là*, đổi mới là một quá trình dài lâu và diễn ra trên tất cả các lĩnh vực, nhưng chúng ta phải biết đổi mới có trọng điểm. Thực hiện quan điểm này, trước tiên phải tập trung đổi mới về kinh tế, làm cho kinh tế phát triển, xã hội ổn định, trên cơ sở đó từng bước đổi mới hệ thống chính trị để đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của công cuộc xây dựng đất nước. Chỉ có thể đổi mới hệ thống chính trị trong sự ổn định đất nước ; không thể có đổi mới trong sự rối loạn xã hội.

#### ***\* Những nội dung đổi mới hệ thống chính trị***

##### ***(1) Về xây dựng, chỉnh đốn Đảng Cộng sản Việt Nam***

Trong sự nghiệp đổi mới hiện nay của đất nước và trong tình hình thế giới có nhiều thay đổi, hơn bao giờ hết càng phải có quan điểm đúng đắn về sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước và xã hội. Nhà nước và nhân dân ta thừa nhận sự lãnh đạo của Đảng xuất phát từ yêu cầu khách quan của cách mạng nước ta trong hơn 70 năm qua và khẳng định sự lãnh đạo của Đảng là nhân tố quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam, nhân tố đảm bảo cho một xã hội ổn định, công bằng, dân chủ, văn minh ở Việt Nam.



*"... Phải kiên định sự lãnh đạo của Đảng, vì ở nước ta, không có sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản thì không thể có độc lập dân tộc, không có quyền làm chủ thực sự của nhân dân, không có Nhà nước của dân, do dân, vì dân, không thể thực hiện được công bằng xã hội, không thể có chủ nghĩa xã hội. Lúc bình thường, vai trò lãnh đạo của Đảng đã rất quan trọng ; ở những bước chuyển giai đoạn, vai trò đó lại càng quan trọng..."*

(Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ VIII, NXB Chính trị quốc gia, H., 1996, tr. 47).

Vấn đề đặt ra là Đảng thực hiện sự lãnh đạo như thế nào đối với Nhà nước và xã hội ?

Đảng lãnh đạo bằng hệ tư tưởng Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, thể hiện qua đường lối, chủ trương của Đảng. Phương pháp lãnh đạo của Đảng là giáo dục, thuyết phục và nêu gương.

Để thực hiện được sự lãnh đạo của mình, Đảng phải thường xuyên đổi mới, thường xuyên xây dựng, chỉnh đốn trước những thay đổi của tình hình mới. Đảng phải thực hiện tốt nguyên tắc tập trung dân chủ trong sinh hoạt Đảng, phát huy dân chủ và giữ gìn kỷ luật, tăng cường đoàn kết, thống nhất trong Đảng. Phải tăng cường vai trò lãnh đạo và tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng. Phải thường xuyên đổi mới và nâng cao chất lượng các tổ chức đảng từ Trung ương đến cơ sở. Cùng với việc kiện toàn tổ chức của Đảng phải quan tâm kiện toàn các tổ chức khác trong hệ thống chính trị, có cơ chế và phương thức hoạt động thích hợp, vừa bảo đảm sự lãnh đạo của Đảng, vừa phát huy vai trò chủ động, tích cực, năng động của Nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội, các đơn vị kinh tế, các đoàn thể nhân dân.

*(2) Về nội dung, phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể*

Mặt trận Tổ quốc Việt Nam là tổ chức chính trị rộng rãi nhất của nhân dân ta, tập hợp các giai cấp, các tầng lớp xã hội, các dân tộc, các tôn giáo. Đây là khối đại đoàn kết toàn dân tộc dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam.

Trong hoạt động của mình, các tổ chức trong Mặt trận Tổ quốc Việt Nam vừa bảo vệ những lợi ích chính đáng của các thành viên, vừa tập hợp lực lượng để phấn đấu vì lợi ích chung của cả dân tộc.

*"... Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân, khắc phục tình trạng hành chính hoá, phô trương, hình thức, quan liêu, xa dân. Tổ chức các phong trào nhân dân thi đua yêu nước gắn liền với các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, từng địa phương và địa bàn dân cư. Hướng mạnh các hoạt động về cơ sở, cộng đồng dân cư và từng gia đình..."*

(Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX, NXB Chính trị quốc gia, H., 2001, tr. 47).

## **2. Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay**

Nhà nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam có vai trò, vị trí đặc biệt quan trọng trong hệ thống chính trị. Đó là tổ chức biểu hiện tập trung duy nhất quyền lực nhân dân. Nhà nước là công cụ chủ yếu để thực hiện quyền làm chủ của nhân dân, là Nhà nước pháp quyền của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân. Quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp.

Trước yêu cầu và nhiệm vụ của công cuộc xây dựng đất nước hiện nay, phải cải cách thể chế và phương thức hoạt động của Nhà nước một cách triệt để, nhằm làm cho nhà nước có bộ máy gọn nhẹ và hoạt động có hiệu quả.

*"... Cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước gắn liền với xây dựng, chỉnh đốn Đảng, đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Xây dựng bộ máy nhà nước tinh gọn ; nâng cao chất lượng hoạt động của các tổ chức đảng và đảng viên trong các cơ quan nhà nước..."*.

(Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX, NXB Chính trị quốc gia, H., tr. 132).

### **a) Cải cách tổ chức và hoạt động của Quốc hội**

Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất của nhân dân, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Ở nước ta, nói quyền lực nhà nước là thống nhất với nghĩa nhân dân là chủ thể của quyền lực, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân mà Quốc hội là cơ quan đại biểu cao nhất, cho nên quyền lực cao nhất của Nhà nước tập trung ở Quốc hội.

Điều 2 Hiến pháp 1992 khẳng định "quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công và phối hợp giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp". Trong quá trình cải cách tổ chức và hoạt động của Nhà nước, chúng ta ngày càng làm rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan lập pháp, hành pháp, tư pháp. Tuy nhiên, các cơ quan này vẫn có sự phối hợp nhịp nhàng với nhau trong việc đảm bảo thống nhất quyền lực nhà nước.

Quốc hội có ba chức năng : Là cơ quan duy nhất có quyền lập hiến và lập pháp ; Quyết định những chính sách cơ bản về đối nội và đối ngoại, nhiệm vụ kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của đất nước ; Thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

Trong công cuộc cải cách tổ chức và hoạt động của mình, trước hết Quốc hội cần dành sự quan tâm đặc biệt cho công tác lập pháp. Cần xây dựng chương trình lập pháp dài hạn, hoàn thiện hệ thống pháp luật, đổi mới quy trình ban hành và hướng dẫn thi hành luật, nâng cao kiến thức lập pháp của các đại biểu Quốc hội, từng bước tăng tỷ lệ đại biểu Quốc hội chuyên trách. Quốc hội cần làm tốt chức năng quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước, quyết định và phân bổ ngân sách nhà nước, thực hiện quyền giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước.

### ***b) Cải cách nền hành chính quốc gia***

Hiện nay Nhà nước ta đang tiến hành cải cách nền hành chính quốc gia, coi đó là nhiệm vụ trọng tâm để nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước. Cải cách hành chính phải được tiến hành đồng bộ : Cải cách thể chế hành chính ; Cải cách bộ máy hành chính ; Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức.

#### ***\* Cải cách thể chế hành chính***

Trước hết, phải tiến hành cải cách thủ tục hành chính, nhất là các thủ tục liên quan trực tiếp đến công dân và doanh nghiệp. Trước hết cần tập trung vào việc xoá bỏ những quy định mang nặng tính hành chính quan liêu, bao cấp, gây phiền hà, sách nhiễu doanh nghiệp và nhân dân, kìm hãm sự phát triển của lực lượng sản xuất. Đổi mới thủ tục ban hành và nội dung các văn bản quy phạm pháp luật sao cho các văn bản được ban hành có nội dung rõ ràng, thống nhất, chặt chẽ và khả thi.

#### ***\* Cải cách bộ máy hành chính***

Cải cách bộ máy hành chính bao gồm việc đổi mới tổ chức bộ máy, đổi mới cơ chế hoạt động và quy chế làm việc của các cơ quan nhà nước.

Để thực hiện những yêu cầu này trước hết cần bố trí lại cơ cấu tổ chức của Chính phủ và các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp theo hướng tinh - gọn và hoạt động năng động, có hiệu quả cao. Phải thực hiện mạnh mẽ việc phân cấp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước ; quy định rõ trách nhiệm, quyền hạn của từng cấp, từng tổ chức, từng cá nhân ; đề cao trách nhiệm cá nhân, thực hiện khen thưởng, kỷ luật nghiêm minh. Khắc phục tình trạng trùng chéo, đùn đẩy trách nhiệm, gây khó khăn, chậm trễ trong công việc và giải quyết khiếu kiện của dân. Từng bước hiện đại hoá cơ quan hành chính, đặc biệt là ứng dụng công nghệ thông tin.

*“... Xây dựng một nền hành chính nhà nước dân chủ, trong sạch, vững mạnh, từng bước hiện đại hoá. Điều chỉnh chức năng và cải tiến phương thức hoạt động của Chính phủ theo hướng thống nhất quản lý vĩ mô việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội, quốc phòng, an ninh và đối ngoại trong cả nước bằng hệ thống pháp luật, chính sách hoàn chỉnh, đồng bộ. Định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của các Bộ theo hướng quản lý đa ngành, đa lĩnh vực trên phạm vi toàn quốc, cung cấp dịch vụ công...”*

(Văn kiện Đại hội Đảng Cộng sản Việt Nam lần thứ IX, NXB Chính trị quốc gia, H., 2001, tr.133).

### ***c) Đổi mới, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức***

Nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức theo yêu cầu của cải cách hành chính nhà nước. Đổi mới và đưa vào nền nếp việc thực hiện quy chế tuyển chọn, đề bạt, khen thưởng, kỷ luật cán bộ, công chức. Xây dựng đội ngũ công chức có chuyên môn, nghiệp vụ cao, giác ngộ về chính trị, có tinh thần trách nhiệm, công tâm và tận tụy với công việc.

Thực hiện tốt những định hướng và biện pháp đổi mới tổ chức và hoạt động trên đây, Nhà nước ta sẽ ngày càng vững mạnh, đưa đất nước ta đi vào kỷ nguyên công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

### **Câu hỏi thảo luận và ôn tập**

1. Trình bày quan điểm của chủ nghĩa Mác -Lênin về dân chủ, về bản chất dân chủ xã hội chủ nghĩa.
2. Phân tích bản chất và chức năng của Nhà nước xã hội chủ nghĩa.
3. Hãy trình bày những quan niệm và nội dung đổi mới hệ thống chính trị ở nước ta hiện nay.
4. Cải cách bộ máy nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn hiện nay cần tập trung vào những nội dung cơ bản nào ?

## **Chương VIII**

# **LIÊN MINH GIỮA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỚI GIAI CẤP NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Lý luận về liên minh công - nông và các tầng lớp nhân dân lao động khác là một trong những nội dung cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin, là một trong những vấn đề chiến lược có ý nghĩa quyết định đến thắng lợi cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Đối với những nước mà nông dân chiếm số đông như nước ta, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa thì vấn đề liên minh công - nông - trí thức lại càng trở nên đặc biệt quan trọng. Đại hội Đảng cộng sản Việt Nam lần thứ IX (tháng 4/2001) chỉ rõ: "Động lực chủ yếu để phát triển đất nước là đại đoàn kết toàn dân trên cơ sở liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức do Đảng lãnh đạo..."<sup>(1)</sup>.

Trước khi xem xét vấn đề liên minh công - nông - trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, chúng ta cần phải nghiên cứu một số khái niệm liên quan có tính chất bao trùm hơn, đó là khái niệm về cơ cấu xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp.

## **I - CƠ CẤU XÃ HỘI - GIAI CẤP TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

### **1. Cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp**

- *Cơ cấu xã hội*: là tất cả những cộng đồng người và toàn bộ các quan hệ xã hội do sự tác động lẫn nhau của các cộng đồng ấy tạo nên.

Cơ cấu xã hội đề cập chủ yếu đến các cộng đồng người được hình thành một cách khách quan trong xã hội, dựa trên những dấu hiệu tự nhiên như giai cấp, dân tộc, dân cư, nghề nghiệp, tôn giáo... Từ đó, người ta có thể phân chia thành các loại hình cơ cấu xã hội tương ứng sau:

- + Cơ cấu xã hội - giai cấp (gọi tắt là cơ cấu giai cấp);
- + Cơ cấu xã hội - dân tộc;
- + Cơ cấu xã hội - dân cư;
- + Cơ cấu xã hội - dân số (còn gọi là cơ cấu xã hội nhân khẩu);
- + Cơ cấu xã hội - nghề nghiệp;
- + Cơ cấu xã hội - tôn giáo.

---

<sup>(1)</sup> Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 86.

Dưới góc độ chính trị - xã hội của chủ nghĩa xã hội khoa học, chúng ta chỉ tập trung đề cập đến loại cơ cấu xã hội - giai cấp.

- *Cơ cấu xã hội - giai cấp*: là một loại hình cơ cấu xã hội, là hệ thống các giai cấp, các tầng lớp xã hội và mối quan hệ giữa chúng (quan hệ về sở hữu, về quản lý, về địa vị chính trị - xã hội...).

- Vị trí của các cơ cấu xã hội có liên quan chặt chẽ với nhau, trong đó cơ cấu giai cấp là loại hình cơ cấu xã hội cơ bản nhất, quyết định nhất. Khẳng định như vậy là vì:

+ Trong xã hội có giai cấp, quan hệ về mặt giai cấp quy định sự khác nhau về địa vị kinh tế, về sở hữu đối với tư liệu sản xuất, về mối quan hệ giữa người và người trong hệ thống sản xuất, tổ chức lao động và phân phối thu nhập.

+ Cơ cấu xã hội - giai cấp có liên quan trực tiếp đến quyền lực chính trị và nó quyết định đến bản chất và xu hướng vận động của các loại hình cơ cấu xã hội khác. Do đó, nó là yếu tố đặc trưng cho sự khác nhau về bản chất giữa cơ cấu xã hội của xã hội này với cơ cấu xã hội của xã hội khác.

+ Cơ cấu xã hội - giai cấp còn liên quan đến việc hoạch định các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và văn hoá của mỗi xã hội trong từng giai đoạn cụ thể.

Với vị trí của cơ cấu xã hội - giai cấp như vậy, một mặt, cần phải thấy rõ vị trí quan trọng, vai trò quyết định của cơ cấu giai cấp trong mối quan hệ với các cơ cấu xã hội khác; song cũng cần tránh tuyệt đối hóa cơ cấu giai cấp một cách cực đoan dẫn đến "tả khuynh", giản đơn, thô thiển trong quan niệm về giai cấp và đấu tranh giai cấp. Vì rằng, điều đó sẽ dẫn đến hạn chế sự phát triển và sẽ gây ra những hậu quả tiêu cực trên nhiều lĩnh vực của đời sống xã hội.

## **2. Xu hướng biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Trong suốt thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, cơ cấu xã hội - giai cấp luôn luôn ở trạng thái biến đổi với những xu hướng chung và những biểu hiện mang tính quy luật của sự biến đổi trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

### **a) Những xu hướng chủ yếu**

- Sự xích lại gần nhau từng bước giữa các giai cấp, tầng lớp về *mối quan hệ với tư liệu sản xuất*.

Xu hướng này thể hiện thông qua việc dần dần hoàn thiện quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa từ thấp đến cao. Với chủ trương phát triển nền kinh tế nhiều thành phần theo định hướng xã hội chủ nghĩa, đa dạng hóa hình thức sở hữu, liên doanh, liên kết trong sản xuất kinh doanh sẽ tạo ra điều kiện cho các thành phần xã hội tồn tại bên nhau, xích lại gần nhau để cùng phát triển.

- Sự xích lại gần nhau về *tính chất lao động* giữa các giai cấp và tầng lớp.

Xu hướng này thể hiện thông qua việc đẩy mạnh cuộc cách mạng khoa học - kỹ thuật và áp dụng những tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào quá trình phát triển lực lượng sản xuất, quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Cũng từ đó, tạo ra điều kiện cho xu hướng hội nhập khu vực và quốc tế trong lĩnh vực kinh tế.

- Sự xích lại gần nhau *trong quan hệ phân phối tư liệu tiêu dùng* giữa các giai cấp và tầng lớp.

Xu hướng này diễn ra chủ yếu thông qua việc thực hiện ngày càng tốt hơn nguyên tắc phân phối theo kết quả lao động và hiệu quả kinh tế.

Xu hướng này thể hiện trực tiếp thông qua cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng - văn hoá. Qua đó, đưa đến sự xích lại gần nhau và xóa bỏ dần dần mâu thuẫn giữa thành thị và nông thôn, giữa lao động trí óc và lao động chân tay.

Những xu hướng trên đây không diễn ra biệt lập tách rời nhau mà có quan hệ mật thiết với nhau, và được thể hiện trên các lĩnh vực của đời sống xã hội.

***b) Những vấn đề có tính quy luật của sự biến đổi cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội***

- Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp gắn liền và được quy định bởi biến động của cơ cấu kinh tế - xã hội.

Yếu tố kinh tế luôn có ý nghĩa quyết định đối với các vấn đề xã hội. Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn duy trì nền kinh tế hàng hoá với nhiều thành phần kinh tế khác nhau, do đó, tất yếu đưa đến một cơ cấu xã hội - giai cấp với nhiều giai tầng khác nhau. Cơ cấu kinh tế của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội bao gồm nhiều thành phần kinh tế khác nhau, nhưng vận động theo cơ chế thị trường dưới sự quản lý của Nhà nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa. Sự vận động đó của nền kinh tế đưa đến sự hình thành dần dần cơ cấu xã hội - giai cấp mới, đưa đến sự thay đổi vị trí kinh tế - xã hội của các giai tầng trong xã hội. Cơ cấu xã hội - giai cấp mới hình thành lại tác động trực tiếp đến việc củng cố và phát triển cơ cấu kinh tế - xã hội đang phát triển theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội là một quá trình liên tục, đa dạng, phức tạp và dần dần ổn định vào giai đoạn sau khi nền kinh tế đã ổn định (ổn định về cơ cấu), lực lượng sản xuất đã phát triển và quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đã đạt được những kết quả cơ bản.

- Cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội biến đổi trong mối quan hệ với sự phát triển chung của xã hội, vừa có mâu thuẫn, vừa có quan hệ liên minh với nhau, tiến tới xóa bỏ hiện tượng bất bình đẳng trong xã hội, đưa đến sự xích lại gần nhau giữa các giai tầng cơ bản trong xã hội, đặc biệt là giữa công nhân, nông dân, trí thức. Mức độ và quá trình biến đổi này phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế - xã hội của đất nước trong từng giai đoạn của thời kỳ quá độ.

- Ở nước ta, sự biến đổi của cơ cấu xã hội - giai cấp trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vừa mang tính đa dạng, phức tạp, vừa mang tính thống nhất.

+ Tính đa dạng, phức tạp thể hiện không những ở sự tồn tại của các giai cấp, tầng lớp, các nhóm xã hội khác nhau trong điều kiện kinh tế nhiều thành phần, mà còn thể hiện cả trong kết cấu đa dạng và phức tạp của từng giai cấp, tầng lớp, nhóm xã hội. Ví dụ : trong thành phần giai cấp công nhân ở nước ta hiện nay, có bộ phận làm việc trong thành phần kinh tế nhà nước, có bộ phận lao động trong thành phần kinh tế tư bản tư nhân v.v...

+ Tính thống nhất thể hiện ở chỗ, trong cơ cấu xã hội - giai cấp ấy, giai cấp công nhân là lực lượng tiêu biểu cho phương thức sản xuất mới, giữ vai trò chủ đạo trong quá trình cải biến xã hội. Tính thống nhất ấy còn được thể hiện thông qua sự liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức - nền tảng chính trị - xã hội của nước ta hiện nay.

### **3. Tính tất yếu của liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và đội ngũ trí thức trong xây dựng chủ nghĩa xã hội**

- Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, liên minh giữa giai cấp công nhân với giai cấp nông dân và trí thức (gọi tắt là liên minh công nông trí thức) là tất yếu trong cách mạng xã hội chủ nghĩa (bao gồm cả giai đoạn cách mạng giành chính quyền và giai đoạn sau khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động đã có chính quyền, tiến hành công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - xã hội chủ nghĩa và cộng sản chủ nghĩa) vì những lý do sau đây:

*Một là*, liên minh này là lực lượng chính và cơ bản nhất của cách mạng xã hội chủ nghĩa, và vì thế nó là vấn đề chiến lược có ý nghĩa quyết định đến sự thành bại của cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Tổng kết thực tiễn phong trào công nhân ở châu Âu, nhất là ở Anh, Pháp cuối thế kỷ XIX, C. Mác và Ph. Ăngghen đã khái quát thành lý luận về liên minh công, nông và các tầng lớp nhân dân lao động khác. Các ông đã chỉ ra nguyên nhân chủ yếu của thất bại trong các cuộc đấu tranh là do giai cấp công nhân chưa liên minh được với "người bạn đồng minh tự nhiên" của mình là giai cấp nông dân. Do vậy, trong các cuộc đấu tranh này, giai cấp công nhân trở thành đơn độc và các cuộc cách mạng vô sản này đã trở thành những "bài đơn ca ai điếu".

*Hai là*, liên minh công nông trí thức là nền tảng chính trị - xã hội của Nhà nước xã hội chủ nghĩa và là nguyên tắc cao nhất của chuyên chính vô sản, là yếu tố đảm bảo giữ vững vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân thông qua chính đảng của nó là Đảng cộng sản đối với toàn xã hội.

Chủ nghĩa Mác - Lênin bàn về tính tất yếu của liên minh công nông và các tầng lớp nhân dân lao động khác không chỉ trong giai đoạn cách mạng giành chính quyền, mà còn đặc biệt lưu ý trong giai đoạn xây dựng chủ nghĩa xã hội (giai đoạn sau khi có chính quyền). Khi phân tích về chuyên chính vô sản, V.I. Lênin khẳng định rõ: "Chuyên chính vô sản là một hình thức đặc biệt của liên minh giai cấp giữa giai cấp vô sản, đội tiên phong của những người lao động, với đồng đảng những tầng lớp lao động không phải vô sản (tiểu tư sản, tiểu chủ, nông dân, trí thức...)"<sup>(1)</sup>. Hơn nữa, V.I. Lênin còn nhấn mạnh: "Nguyên tắc cao nhất của chuyên chính là duy trì khối liên minh giữa giai cấp vô sản và nông dân để giai cấp vô sản có thể giữ được vai trò lãnh đạo và chính quyền Nhà nước"<sup>(2)</sup>.

*Ba là*, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, tức là khi cách mạng chuyển sang giai đoạn mới, thì cùng với tính tất yếu chính trị xã hội (như đã nêu ở trên), tính tất yếu của liên minh công nông trí thức xét về mặt kinh tế lại nổi lên với tư cách là nhân tố quyết định nhất,

---

(1) V.I. Lênin, *Toàn tập*, NXB Tiến Bộ, Mátxcova, 1997, t. 38, tr. 452.

(2) V.I. Lênin, *Sdd*, 1978, tr. 44, 57.



quyết định cuối cùng cho sự thắng lợi của chủ nghĩa xã hội (cho dù tất yếu về chính trị vẫn là nhân tố dẫn dắt, hàng đầu).

Trong thời đại ngày nay, vai trò của trí thức ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp thì sự liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức càng trở nên tất yếu và quan trọng để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội. Như vậy, sự liên minh này là do yêu cầu khách quan của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội quy định.

- Quan điểm đường lối của Đảng ta về tính tất yếu liên minh công, nông, trí thức trong xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là : Ngay từ Văn kiện Đại hội II Đảng Lao động Việt Nam (tháng 2-1951) đã nêu: "chính quyền của nước Việt Nam Dân chủ cộng hòa là chính quyền dân chủ của nhân dân... lấy liên minh công nhân, nông dân và lao động trí thức làm nền tảng và do giai cấp công nhân lãnh đạo"<sup>(3)</sup>.

Trong *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội* và trong chỉ đạo thực tiễn, Đảng ta đặc biệt coi trọng mối liên minh này và coi đó là nền tảng của Nhà nước của dân, do dân, vì dân.

Đại hội lần thứ IX của Đảng tiếp tục khẳng định tính tất yếu này và xác định liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức và cơ sở của khối đại đoàn kết toàn dân tộc và đó là động lực để phát triển đất nước.

Quan điểm, đường lối của Đảng ta về liên minh công, nông, trí thức là sự vận dụng đúng đắn, sáng tạo và nhất quán những luận điểm cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin vào điều kiện Việt Nam.

## II - NỘI DUNG CỦA LIÊN MINH GIỮA GIAI CẤP CÔNG NHÂN VỚI GIAI CẤP NÔNG DÂN VÀ TRÍ THỨC TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI Ở VIỆT NAM

### 1. Đặc điểm của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức ở Việt Nam

- Giai cấp công nhân Việt Nam có đầy đủ những yếu tố của giai cấp công nhân hiện đại và còn có những đặc điểm riêng của mình. Đó là do ra đời trước giai cấp tư sản Việt Nam nên giai cấp công nhân Việt Nam có điều kiện sớm giữ vai trò lãnh đạo và giành ưu thế ngay từ khi có Đảng của mình. Hơn nữa, sự gắn bó giữa công nhân và nông dân đã hình thành một cách tự nhiên, phần lớn xuất thân từ nông dân nên giai cấp công nhân Việt Nam đã mang sẵn trong mình mối liên minh với nông dân và luôn giữ được vai trò lãnh đạo trong quá trình cách mạng Việt Nam.

Ngày nay, trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông thôn, sẽ có nhiều người nông dân vào làm việc ở các cơ sở công nghiệp và trở thành công nhân ở chính ngay quê hương mình. Điều này càng tạo cho sự gắn bó của giai cấp công nhân với giai cấp nông dân, với nông thôn một cách tự nhiên trên nhiều mặt của đời sống xã hội.

---

<sup>(3)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đảng toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H., 2001, t. 12, tr. 437.

- Giai cấp nông dân là giai cấp của những người lao động sản xuất vật chất trong nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp... trực tiếp sử dụng một loại tư liệu sản xuất cơ bản và đặc thù, gắn liền với thiên nhiên là đất, rừng để sản xuất ra nông sản. Nông dân có phương thức sản xuất phân tán, năng suất thấp. Theo Lênin, nông dân có "bản chất hai mặt" : một mặt họ là những người lao động (đây là mặt cơ bản nhất) ; mặt khác, họ là những người tư hữu nhỏ (đây là mặt hạn chế sẽ được khắc phục trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá). Tuy nhiên, nông dân không dựa trên tư hữu nhỏ này để bóc lột các giai cấp, tầng lớp khác.

Giai cấp nông dân không có hệ tư tưởng riêng, tư tưởng của họ phụ thuộc vào hệ tư tưởng của giai cấp thống trị xã hội. Họ vốn có cơ cấu không thuần nhất, không có sự liên kết chặt chẽ cả về kinh tế và cả về tư tưởng và tổ chức. Trong một nước nông nghiệp thì họ là lực lượng chính trị - xã hội đông đảo nhất và khi được giác ngộ họ trở thành lực lượng cách mạng to lớn nhất trong cách mạng xã hội chủ nghĩa.

Giai cấp nông dân Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng đã thực sự giải phóng khỏi chế độ áp bức bóc lột và trở thành người làm chủ xã hội và đóng góp to lớn vào sự nghiệp giải phóng đất nước và xây dựng chủ nghĩa xã hội.

- Trí thức bao gồm những người lao động trí óc phức tạp và sáng tạo, có trình độ học vấn đủ để am hiểu và hoạt động trong lĩnh vực lao động của mình. Họ hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực nghiên cứu, giảng dạy, ứng dụng khoa học, văn học, nghệ thuật, lãnh đạo và quản lý... Sản phẩm lao động của trí thức tác động quyết định đến năng suất lao động, đến sự phát triển xã hội về cả mặt đời sống vật chất và cả về đời sống tinh thần.

Trí thức không có hệ tư tưởng riêng vì không có phương thức sản xuất riêng và địa vị kinh tế - xã hội độc lập. Vai trò và tư tưởng của họ phụ thuộc vào giai cấp thống trị xã hội. Mặc dù vậy, trí thức luôn giúp giai cấp thống trị khái quát về lý luận để hình thành hệ tư tưởng của giai cấp thống trị xã hội.

Trong các chế độ tư hữu đa số trí thức là những người lao động bị áp bức, bóc lột. Khi được sự lãnh đạo của giai cấp công nhân, trí thức trở thành người làm chủ xã hội và đóng góp to lớn trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội. Ở Việt Nam, trí thức đã có nhiều đóng góp trong quá trình cách mạng đấu tranh giải phóng dân tộc và xây dựng chủ nghĩa xã hội và đại bộ phận được đào tạo trong chế độ mới. Họ xuất thân chủ yếu từ nông dân, công nhân và các tầng lớp lao động khác. Do vậy họ có mối liên hệ gần gũi với công nhân, nông dân và luôn là lực lượng cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Ngày nay, cách mạng khoa học và công nghệ ngày càng trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp và trí thức ngày càng có vai trò, vị trí quan trọng, nhất là trong quá trình xây dựng kinh tế tri thức và quá trình hội nhập khu vực và quốc tế.

## **2. Những nội dung cơ bản của liên minh công, nông, trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam**

Nguyên tắc cơ bản, chung nhất của liên minh là "kết hợp đúng đắn các lợi ích" (về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội) của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, tầng lớp trí thức và của toàn xã hội (mà đại diện là Nhà nước) với tư cách là những chủ thể lợi ích, nhất là lợi ích kinh tế, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

### **a) Nội dung chính trị của liên minh**

- *Nhu cầu, lợi ích chính trị cơ bản của công nhân, nông dân, trí thức và của cả dân tộc là độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.* Mỗi giai cấp, tầng lớp ở mỗi giai đoạn đều có lập trường chính trị - tư tưởng của mình. Khi liên minh không phải là thực hiện sự dung hòa lập trường tư tưởng - chính trị của cả 3 giai tầng này. Khi chưa giác ngộ cách mạng vô sản thì tư tưởng chính trị của nông dân, trí thức cơ bản còn phụ thuộc vào hệ tư tưởng của giai cấp thống trị xã hội phong kiến hoặc tư bản. Mặc dù có nguyện vọng nhưng nông dân và trí thức không thể tự giải phóng khỏi chế độ tư bản, áp bức bóc lột. Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa liên minh giữa ba giai tầng này phải trên lập trường chính trị - tư tưởng của giai cấp công nhân. Bởi vì chỉ có dựa trên và phấn đấu thực hiện mục tiêu lý tưởng của giai cấp công nhân thì mới thực hiện được đồng thời cả nhu cầu, lợi ích của giai cấp công nhân, nông dân và tầng lớp trí thức.

- *Nguyên tắc về chính trị của liên minh là do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.* Bởi vì, để thực hiện từng bước mục tiêu, lợi ích chính trị cơ bản của liên minh trên lập trường tư tưởng - chính trị của giai cấp công nhân thì liên minh này tất yếu phải do Đảng của giai cấp công nhân lãnh đạo.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, liên minh công, nông, trí thức là nền tảng chính trị - xã hội và kinh tế của Nhà nước xã hội chủ nghĩa, là nòng cốt của Mặt trận Tổ quốc để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

Dựa trên lập trường tư tưởng - chính trị của giai cấp công nhân, để thực hiện liên minh cần phải xây dựng từng bước nền dân chủ xã hội chủ nghĩa. Chính do yêu cầu của nền dân chủ này mà nội dung chính trị của liên minh công, nông, trí thức không tách rời nội dung, phương thức đổi mới hệ thống chính trị trên phạm vi cả nước. Trong điều kiện hòa nhập khu vực và quốc tế, với nền kinh tế nhiều thành phần và đa dạng thì việc cụ thể hóa của đổi mới nội dung và tổ chức hoạt động của các tổ chức chính trị của công nhân trong các loại hình xí nghiệp công nghiệp, nông dân ở các cơ sở lao động sản xuất nông thôn và trí thức ở các cơ sở khoa học, công nghệ là rất cần thiết. Nội dung hoạt động chính trị phải gắn và thông qua các hoạt động sản xuất, kinh tế, khoa học công nghệ, văn hoá, xã hội,... Các hoạt động này luôn vận động và đổi mới với tốc độ ngày càng nhanh chóng, do đó các hình thức cụ thể của hệ thống chính trị phải được đổi mới cho phù hợp và tạo điều kiện cho các hoạt động phát triển tốt. Đương nhiên là tất cả các hoạt động này phải hướng tới mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội.

### **b) Nội dung kinh tế của liên minh**

*Nội dung kinh tế là nội dung cơ bản, quyết định nhất, là cơ sở vật chất - kỹ thuật vững chắc của liên minh trong thời kỳ quá độ.* Trong thời kỳ này, nhiệm vụ cách mạng chuyển trọng tâm sang lĩnh vực kinh tế cho nên nội dung kinh tế mà thực chất là kết hợp đúng đắn các lợi ích kinh tế của các giai tầng xã hội được lấy làm trọng tâm (mà trong các giai đoạn trước đó chưa đặt ra một cách trực tiếp). Việc thực hiện kết hợp các lợi ích kinh tế được xác định bởi các nhu cầu kinh tế của các chủ thể lợi ích và các điều kiện thực hiện nó. Nội dung kinh tế của liên minh ở nước ta trong thời kỳ quá độ được cụ thể hóa ở các điểm sau đây:

- Xuất phát từ thực trạng, tiềm năng kinh tế của nước ta để xác định cơ cấu kinh tế hợp lý, trong đó phải tính đến những nhu cầu về kinh tế của công nhân, nông dân, trí thức và của toàn xã hội trong các điều kiện và thời gian cụ thể. Đảng ta xác định cơ cấu kinh tế chung của cả nước là "công, nông nghiệp, dịch vụ". Điều này thể hiện rõ nội dung kinh tế của liên minh công, nông, trí thức, là điều kiện, môi trường để các giai tầng hoạt động và phát triển sự liên minh. Trong điều kiện hiện nay, Đảng ta xác định "từng bước phát triển kinh tế trí thức"<sup>(1)</sup> trong quá trình hội nhập khu vực và quốc tế đã tạo điều kiện cho trí thức ngày càng gắn bó với sản xuất công nghiệp, nông nghiệp và các lĩnh vực kinh tế khác. Từ đó mối liên minh công, nông, trí thức ngày càng có khả năng tăng cường hơn.

- Trên cơ sở kinh tế, các nhu cầu kinh tế phát triển dưới nhiều hình thức hợp tác, liên kết, giao lưu... trong cả sản xuất, lưu thông phân phối giữa công nhân, nông dân, trí thức, giữa các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, khoa học công nghệ và các dịch vụ khác; giữa các địa bàn, vùng miền dân cư trong cả nước.

Trong điều kiện từ một nước nông nghiệp tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá, Đảng ta xác định: "Đặc biệt coi trọng công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp và nông thôn; phát triển toàn diện nông, lâm, ngư nghiệp gắn bó với công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản; phát triển công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng và hàng xuất khẩu. Nâng cấp, cải tạo, mở rộng và xây dựng mới có trọng điểm kết cấu hạ tầng kinh tế"<sup>(1)</sup>. Nông dân chiếm đại bộ phận về số lượng và khu vực nông thôn còn nhiều tiềm năng chưa được khơi dậy và cũng có nơi còn nhiều khó khăn, thiệt thòi. Do đó, một mặt phải khuyến khích, tạo điều kiện cho người nông dân ngày càng chủ động trong việc hợp tác, liên kết với công nhân, trí thức và các thành phần kinh tế để họ phát huy được tiềm năng của mình. Mặt khác, Nhà nước, giai cấp công nhân và đội ngũ trí thức phải thực sự đến với nông dân, nông thôn không chỉ hợp tác mà còn có nhiệm vụ hướng dẫn, giúp đỡ cải thiện đời sống kinh tế cho nông thôn và giai cấp nông dân. Đó cũng chính là nhu cầu kinh tế của chính Nhà nước, của các giai cấp công, nông, trí thức.

- Từng bước hình thành quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong quá trình thực hiện liên minh. Việc phát triển nền kinh tế hàng hoá nhiều thành phần phải được thể hiện qua việc đa dạng và đổi mới các hình thức hợp tác kinh tế, hợp tác xã, kinh tế hộ gia đình, trang trại, dịch vụ ở nông thôn. Theo Lênin, chế độ hợp tác xã là con đường dễ tiếp thu nhất đối với nông dân, khi thấy có lợi cho họ, họ sẽ mau chóng tham gia hợp tác xã nhưng phải do chế độ hợp tác xã hưởng một số đặc quyền kinh tế, tài chính, ngân hàng<sup>(2)</sup>. Trong quá trình hình thành quan hệ sản xuất phải trên cơ sở công hữu hóa những tư liệu sản xuất chủ yếu, kinh tế Nhà nước vươn lên giữ vai trò chủ đạo, cùng kinh tế tập thể làm nền tảng cho nền kinh tế cả nước, theo định hướng xã hội chủ nghĩa.

- Nội dung kinh tế của liên minh ở nước ta còn thể hiện ở vai trò của Nhà nước. Ở nước nông nghiệp vai trò của Nhà nước có vị trí đặc biệt quan trọng trong việc thực hiện liên minh.

---

(1) Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 263.

(1) Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1996, tr. 86.

(2) Lênin, *Toàn tập*, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1978, t.45, tr. 425.

Đặc biệt, vai trò của Nhà nước đối với nông dân được thể hiện qua các chính sách khuyến nông, qua bộ máy nhà nước, các tổ chức khuyến nông, các cơ sở kinh tế nhà nước. Nông nghiệp, nông thôn không chỉ là một ngành kinh tế, một khu vực kinh tế mà còn là lĩnh vực mang ý nghĩa sinh thái - xã hội.

Đại hội Đảng lần thứ IX đã chỉ rõ: *"Đối với giai cấp nông dân... tập trung sự chỉ đạo và các nguồn lực cần thiết cho công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, phát triển nông thôn; thực hiện tốt các chính sách về ruộng đất, phát triển nông nghiệp toàn diện, tiêu thụ nông sản hàng hoá, bảo hiểm sản xuất và bảo hiểm xã hội; phát huy lợi thế từng vùng, giúp đỡ vùng khó khăn; phân bố dân cư theo quy hoạch, phát triển ngành nghề, giải quyết việc làm, xóa đói giảm nghèo, cải thiện đời sống, nâng cao dân trí, xây dựng nông thôn mới"*<sup>(1)</sup>. Nhà nước có những chính sách hợp lý thể hiện quan hệ của mình với nông dân, tạo điều kiện cho liên minh phát triển.

Đối với trí thức, Nhà nước cần phải đổi mới và hoàn chỉnh các luật, chính sách có liên quan trực tiếp đến sở hữu trí tuệ như chính sách về phát triển khoa học và công nghệ, giáo dục và đào tạo, về bản quyền tác giả, về báo chí, xuất bản, về văn học nghệ thuật,... Hướng các hoạt động của trí thức vào việc phục vụ công, nông gắn với cơ sở sản xuất và đời sống của toàn xã hội. Xây dựng hệ thống các cơ quan hoạt động khoa học - công nghệ, phát triển tiềm năng đội ngũ cán bộ khoa học, tăng cường hợp tác khoa học trong nước và quốc tế.

### ***c) Nội dung văn hoá, xã hội của liên minh***

Nội dung chính trị mang tính nguyên tắc, nội dung kinh tế là cơ bản quyết định nhất và suy cho cùng là để phục vụ mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh, thỏa mãn nhu cầu vật chất, tinh thần của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân, đội ngũ trí thức và của toàn xã hội. Liên minh về văn hoá, xã hội thể hiện qua các nội dung cụ thể sau đây:

- *"Tăng trưởng kinh tế gắn liền với tiến bộ và công bằng xã hội, giữ gìn và phát huy bản sắc văn hoá dân tộc, bảo vệ môi trường sinh thái"*<sup>(2)</sup>. Đó chính là ưu việt của chủ nghĩa xã hội, tất cả cho con người, vì con người và do con người, trong đó lực lượng đông đảo nhất, nòng cốt nhất là công nhân, nông dân, trí thức. Từ đó tạo cho công nhân, nông dân, trí thức trực tiếp thể hiện vai trò chủ thể của mình trong các hoạt động và là chủ thể trong hưởng thụ thành quả của xã hội.

- Vấn đề xóa đói giảm nghèo cho công, nông, trí thức chủ yếu bằng tạo việc làm đồng thời kết hợp các giải pháp hỗ trợ, cứu trợ. Giải quyết được vấn đề này sẽ khắc phục được hạn chế của các chế độ tư hữu trước đây: con người là vốn quý của xã hội, nhưng người lao động nếu thất nghiệp thì họ lại trở thành gánh nặng cho xã hội, trở thành một trong các nguyên nhân dẫn đến khủng hoảng, đổ vỡ của chế độ xã hội.

---

<sup>(1)</sup> Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, H., Hà Nội, 2001, tr. 205.

<sup>(2)</sup> Đảng cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, Nxb Chính trị quốc gia, H., Hà Nội, tr. 72.

- Đổi mới và thực hiện tốt các chính sách xã hội trong điều kiện đa đa số các gia đình thương binh, liệt sĩ, có công với nước, chịu hậu quả chiến tranh là một trong những nội dung cơ bản của liên minh. Các chính sách này để hỗ trợ nông dân, công nhân, trí thức và tạo điều kiện cho họ khắc phục khó khăn sau chiến tranh, đồng thời nội dung này còn mang ý nghĩa giáo dục truyền thống, đạo lý, lối sống... cho toàn xã hội và các thế hệ sau.

- Nâng cao dân trí là nội dung cơ bản lâu dài tạo cho liên minh phát triển vững chắc. Trước mắt tập trung vào việc củng cố thành tựu xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học, tiến hành phổ cập trung học cơ sở và phổ cập trung học, nâng cao kiến thức về khoa học công nghệ, về chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội. Khắc phục các tệ nạn xã hội, hủ tục lạc hậu, các biểu hiện tiêu cực như tham nhũng, quan liêu, nhất là ở nông thôn. Dân tộc Việt Nam vốn có truyền thống tôn sư, trọng đạo, hiếu học và chăm chỉ cần cù nên việc đầu tư cho giáo dục cả về vật chất lẫn tinh thần là được đặc biệt chú trọng. Đây vừa là thuận lợi, là yếu tố thúc đẩy tiến bộ xã hội, đồng thời vừa là yêu cầu nâng cao chất lượng đối với sự nghiệp giáo dục. Vấn đề gắn bó với trí thức cách mạng, với tâm cao của trí thức của công nhân, nông dân và các tầng lớp nhân dân lao động là cơ sở vững chắc, có tính truyền thống được kế thừa trong nhiều đời nay của dân tộc ta.

- Gắn quy hoạch phát triển công nghiệp, khoa học, công nghệ với quy hoạch phát triển nông thôn, đô thị hóa, công nghiệp những trọng điểm ở nông thôn với kết cấu hạ tầng ngày càng thuận lợi và hiện đại. Xây dựng các cơ sở giáo dục, y tế, văn hoá, thể thao, các công trình phúc lợi công cộng một cách tương xứng, hợp lý ở các vùng nông thôn, đặc biệt là ở vùng núi, vùng sâu vùng xa, vùng khó khăn, vùng đồng bào dân tộc thiểu số. Tiến hành công nghiệp hoá, hiện đại hoá, đô thị hóa nông thôn, khai thác những tiềm năng của nông lâm ngư nghiệp. Đẩy mạnh việc nghiên cứu, chuyển giao công nghệ ở khu vực nông, lâm, ngư nghiệp.

Đối với những nước nông nghiệp đi lên chủ nghĩa xã hội như nước ta thì liên minh giữa công nhân với nông dân và trí thức vừa là vấn đề có tính quy luật tất yếu trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội vừa là lực lượng sản xuất, lực lượng chính trị cơ bản và đông đảo nhất của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa.

## **Câu hỏi thảo luận và ôn tập**

1. Cơ cấu xã hội và cơ cấu xã hội - giai cấp là gì? Vị trí của cơ cấu giai cấp trong cơ cấu xã hội ?

2. Những cơ sở để khẳng định tính tất yếu của liên minh công, nông, trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam ?

3. Trình bày những đặc điểm của giai cấp công nhân, giai cấp nông dân và tầng lớp trí thức Việt Nam trong mối quan hệ liên minh giữa các giai tầng này.

4. Trình bày những nội dung cơ bản của liên minh công, nông, trí thức trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

## ***Chương IX***

# **VẤN ĐỀ DÂN TỘC TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

Vấn đề dân tộc là một trong những nội dung quan trọng có ý nghĩa chiến lược của chủ nghĩa Mác - Lênin và của cách mạng xã hội chủ nghĩa. Những năm gần đây, cùng với những biến động lớn trong đời sống chính trị - xã hội trên thế giới, vấn đề dân tộc (đặc biệt là các quan hệ dân tộc) có những diễn biến phức tạp, trở thành những vấn đề nóng bỏng đòi hỏi phải được giải quyết một cách đúng đắn và thận trọng.

Chính vì vậy, việc nghiên cứu và nắm vững những quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin trong việc xem xét và giải quyết các vấn đề dân tộc đang là vấn đề có ý nghĩa thời sự cấp bách hiện nay.

## **I - DÂN TỘC VÀ HAI XU HƯỚNG KHÁC QUAN CỦA SỰ PHÁT TRIỂN CÁC DÂN TỘC**

### **1. Khái niệm dân tộc và những đặc trưng cơ bản của dân tộc**

#### ***a) Khái niệm dân tộc***

Cho đến nay, khái niệm dân tộc được hiểu theo nhiều nghĩa khác nhau, trong đó có hai nghĩa được dùng phổ biến nhất:

*Một là*, dân tộc là một cộng đồng người có mối quan hệ chặt chẽ và bền vững, có sinh hoạt kinh tế chung, có ngôn ngữ riêng và những nét văn hoá đặc thù; xuất hiện sau bộ lạc, bộ tộc; kế thừa, phát triển cao hơn những nhân tố tộc người ở bộ lạc, bộ tộc và thể hiện thành ý thức tự giác tộc người của cộng đồng dân cư đó.

Với nghĩa thứ nhất này, dân tộc được hiểu là một bộ phận của quốc gia. Ví dụ: dân tộc kinh, dân tộc Bana, dân tộc Êđê... ở nước ta.

*Hai là*, dân tộc là một cộng đồng người ổn định hợp thành nhân dân một nước, có lãnh thổ quốc gia, nền kinh tế thống nhất, quốc ngữ chung, có ý thức về sự thống nhất quốc gia của mình và gắn bó với nhau bởi lợi ích chính trị, kinh tế, truyền thống văn hoá và truyền thống đấu tranh chung trong suốt quá trình lịch sử lâu dài dựng nước và giữ nước.

Với nghĩa thứ hai này, dân tộc được hiểu là toàn bộ nhân dân của quốc gia - quốc gia dân tộc. Ví dụ: dân tộc Ấn Độ, dân tộc Trung Hoa, dân tộc Việt Nam... (ta cũng có thể gọi là quốc gia Ấn Độ, quốc gia Trung Hoa, quốc gia Việt Nam). Ở bài này, dân tộc được hiểu theo nghĩa thứ nhất. Tuy vậy, chỉ khi đặt trong mối quan hệ với nghĩa thứ hai thì nội dung của dân tộc mới có thể bộc lộ đầy đủ được.

### ***b) Những đặc trưng chủ yếu của dân tộc***

- Có chung một phương thức sinh hoạt kinh tế.

Đây là đặc trưng quan trọng nhất, cơ sở để liên kết các bộ phận, các thành viên của dân tộc lại, tạo nên nền tảng cho sự vững chắc của cộng đồng dân tộc.

- Có thể cư trú tập trung trên một vùng lãnh thổ của một quốc gia, hoặc cư trú đan xen với nhiều dân tộc anh em. Vận mệnh dân tộc một phần rất quan trọng gắn với việc xác lập và bảo vệ lãnh thổ đất nước.

- Có ngôn ngữ riêng và có thể có chữ viết riêng (trên cơ sở ngôn ngữ chung của quốc gia) làm công cụ giao tiếp trên mọi lĩnh vực kinh tế, văn hoá, tình cảm...

- Có nét tâm lý riêng (nét tâm lý dân tộc) biểu hiện kết tinh trong đặc thù văn hoá dân tộc, gắn bó với nền văn hoá của cả cộng đồng các dân tộc (quốc gia dân tộc).

Như vậy, cộng đồng người chỉ được gọi là dân tộc (trở thành dân tộc) khi cộng đồng người đó có đủ những đặc trưng chủ yếu trên đây. Sự tổng hợp các đặc trưng trên đây làm cho cộng đồng dân tộc được đề cập ở đây, về thực chất, là một cộng đồng xã hội - tộc người, trong đó, những nhân tố tộc người đan kết, hoà quyện vào các nhân tố xã hội. Điều này làm cho khái niệm dân tộc khác với khái niệm sắc tộc, chủng tộc - thường chỉ căn cứ vào các đặc điểm tự nhiên, chẳng hạn như màu da hay cấu tạo tự nhiên của các bộ phận trong cơ thể để phân loại cộng đồng người.

Những đặc trưng của dân tộc gắn bó chặt chẽ với nhau trong một chỉnh thể, đồng thời mỗi đặc trưng có một vị trí xác định, trong đó ngôn ngữ là tiêu chí cơ bản để phân biệt các tộc người khác nhau (bao gồm cả ngôn ngữ nói, ngôn ngữ viết, hoặc chỉ riêng ngôn ngữ nói); những nét tâm lý riêng (nét tâm lý dân tộc) biểu hiện kết tinh trong đặc thù văn hoá dân tộc (bản sắc văn hoá tộc người) là tiêu chí quan trọng để xem xét, phân định một dân tộc. Những biểu hiện cụ thể của văn hoá (văn hoá vật chất và văn hoá tinh thần) ở mỗi dân tộc phản ánh truyền thống, lối sống, phong tục, tập quán, tín ngưỡng, tôn giáo của dân tộc đó.

Hiểu khái niệm và các đặc trưng của dân tộc như đã phân tích ở trên cần thấy rằng khái niệm dân tộc và khái niệm quốc gia gắn bó chặt chẽ với nhau. Điều khẳng định này có căn cứ ở chỗ dân tộc ra đời trong một quốc gia nhất định, và thông thường thì những nhân tố hình thành dân tộc chín muồi không tách rời với sự chín muồi của những nhân tố hình thành quốc gia, chúng bổ sung và thúc đẩy nhau.

Khi xác định khái niệm dân tộc như đã nêu ở trên cũng cần phân biệt một số khái niệm liên quan hoặc được sử dụng với nghĩa khác. Ví dụ: khi nói dân tộc Việt Nam là có ý ám chỉ cả cộng đồng các dân tộc ở Việt Nam (đồng nghĩa với quốc gia, Tổ quốc), và hiểu theo nghĩa quốc gia dân tộc; còn khi nói dân tộc Việt (dân tộc Kinh) hay dân tộc Tày, Nùng, v.v... là hiểu theo nghĩa dân tộc - tộc người.

Việc làm rõ hai góc độ của khái niệm dân tộc nêu trên là rất cần thiết cho nhận thức và hoạt động thực tiễn, nó không chỉ có ý nghĩa khoa học mà còn có ý nghĩa thực tiễn quan trọng. Bởi vì, công cuộc cải tạo xã hội cũ, xây dựng xã hội mới - từ cơ sở hạ tầng đến kiến trúc thượng tầng và các quan hệ xã hội - không thể thiếu nội dung cải tạo, xây dựng cộng đồng dân tộc và các quan hệ dân tộc. Ngược lại, việc cải tạo, xây dựng cộng đồng dân tộc và



các quan hệ dân tộc không thể tách rời công cuộc cải tạo, xây dựng toàn diện mà trước hết là xây dựng chế độ chính trị - xã hội, xây dựng nhà nước theo con đường tiến bộ. Dân tộc xã hội chủ nghĩa chỉ xuất hiện do kết quả của sự cải tạo, xây dựng từng bước cộng đồng dân tộc và các mối quan hệ dân tộc theo các nguyên lý của chủ nghĩa xã hội khoa học. Đồng thời, dân tộc xã hội chủ nghĩa chỉ có thể xuất hiện do kết quả của công cuộc cải tạo, xây dựng toàn diện các lĩnh vực của đời sống xã hội để từng bước củng cố chế độ xã hội chủ nghĩa.

Tuy nhiên, trong thực tiễn, không nên xem nhẹ hoặc làm lu mờ những nhân tố dân tộc còn tồn tại lâu dài trong một cộng đồng quốc gia gồm nhiều dân tộc. Những nhân tố dân tộc đó biểu hiện nổi bật nhất trong văn hoá, nghệ thuật, ngôn ngữ, phong tục, tập quán, tâm lý và tình cảm, chúng hòa quyện vào nhau tạo thành một thể thống nhất mà đa dạng về bản sắc dân tộc. Nó là căn cứ chủ yếu để phân biệt dân tộc này với dân tộc khác. Điều đó đòi hỏi Nhà nước xã hội chủ nghĩa trong khi hoạch định và thực hiện mọi chính sách chung của quốc gia, cần chú ý đến tính đặc thù của cộng đồng gồm nhiều dân tộc. Hơn nữa, cần có những chính sách riêng đáp ứng những đòi hỏi chính đáng mang tính đặc thù của từng dân tộc.

## **2. Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc**

Nghiên cứu vấn đề dân tộc và phong trào dân tộc trong điều kiện của chủ nghĩa tư bản, V.I. Lênin đã phát hiện ra hai xu hướng khách quan của sự phát triển các dân tộc:

*Xu hướng thứ nhất:* xu hướng tách ra để xác lập các dân tộc độc lập.

Ở những quốc gia, khu vực tư bản chủ nghĩa gồm nhiều cộng đồng dân cư có nguồn gốc tộc người khác nhau cùng làm ăn, sinh sống. Đến một thời kỳ nào đó, sự trưởng thành của ý thức dân tộc, sự thức tỉnh đầy đủ về quyền sống của mình mà các cộng đồng dân cư đó muốn tách khỏi nhau để thành lập các dân tộc độc lập. Trong thực tế, xu hướng này biểu hiện thành phong trào đấu tranh chống áp bức dân tộc để đi tới thành lập các quốc gia dân tộc độc lập. Xu hướng này thể hiện nổi bật trong giai đoạn đầu của chủ nghĩa tư bản và vẫn còn tác động trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa.

*Xu hướng thứ hai:* xu hướng các dân tộc trong từng quốc gia, thậm chí các dân tộc ở nhiều quốc gia muốn liên hiệp lại với nhau.

Xu hướng này thể hiện nổi bật trong giai đoạn đế quốc chủ nghĩa. Chính sự phát triển của lực lượng sản xuất, của khoa học và công nghệ, của giao lưu kinh tế và văn hoá trong xã hội tư bản chủ nghĩa đã làm xuất hiện nhu cầu xóa bỏ hàng rào ngăn cách giữa các dân tộc, tạo nên mối quan hệ quốc gia và quốc tế rộng lớn giữa các dân tộc, thúc đẩy các dân tộc xích lại gần nhau.

Hai xu hướng khách quan trên đây vận động trong điều kiện của chủ nghĩa đế quốc gặp nhiều khó khăn, trở ngại. Bởi vì, nguyện vọng của các dân tộc muốn được sống độc lập, tự do bị chính sách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc xóa bỏ. Chính sách xâm lược của chủ nghĩa đế quốc đã biến hầu hết các dân tộc nhỏ bé hoặc còn ở trình độ lạc hậu thành thuộc địa và phụ thuộc của chủ nghĩa đế quốc. Xu hướng các dân tộc xích lại gần nhau trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng cũng bị chủ nghĩa đế quốc phủ nhận để thay vào đó là những khối liên hiệp do chúng lập ra nhằm duy trì sự áp đặt, áp bức, bóc lột đối với các dân tộc đó.

Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, chỉ trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, khi tình trạng người bóc lột người bị thủ tiêu thì tình trạng dân tộc này áp bức, nô dịch dân tộc khác mới bị

xóa bỏ. Chỉ khi đó hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc mới có điều kiện để thể hiện đầy đủ.

### **3. Biểu hiện của hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc trong thời đại hiện nay**

Hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc do V.I. Lênin phát hiện ra đang phát huy tác dụng trong thời đại hiện nay với những biểu hiện rất phong phú và đa dạng.

*\* Xét trong phạm vi các quốc gia xã hội chủ nghĩa có nhiều dân tộc*

Ở các nước này, xu hướng thứ nhất biểu hiện trong sự nỗ lực của từng dân tộc để đi tới sự tự chủ và phồn vinh của bản thân dân tộc mình. Xu hướng thứ hai tạo nên sự thúc đẩy mạnh mẽ để các dân tộc trong cộng đồng quốc gia xích lại gần nhau hơn, hòa hợp với nhau ở mức độ cao hơn trong mọi lĩnh vực của đời sống.

Trong điều kiện của chủ nghĩa xã hội, hai xu hướng trên đây phát huy tác dụng cùng chiều, bổ sung, hỗ trợ cho nhau và diễn ra trong từng dân tộc, trong cả cộng đồng quốc gia và đụng chạm đến tất cả các quan hệ dân tộc. Sự xích lại gần nhau trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng giữa các dân tộc sẽ tạo điều kiện cho từng dân tộc tiến nhanh tới sự tự chủ và phồn vinh. Bởi vì, dưới chủ nghĩa xã hội, mỗi dân tộc không chỉ có điều kiện để sử dụng tiềm năng của dân tộc mình mà còn dựa vào tiềm năng của các dân tộc anh em để phát triển. Sự xích lại gần nhau giữa các dân tộc trong cùng quốc gia có nghĩa là những tinh hoa, những giá trị của các dân tộc đó thâm nhập vào nhau, bổ sung, hòa quyện vào nhau để tạo thành những giá trị chung. Giá trị chung đó lại trở thành cơ sở để liên kết các dân tộc đó ở một trình độ cao hơn.

Sự xích lại gần nhau giữa các dân tộc, dưới chủ nghĩa xã hội sẽ làm cho những gì là tinh hoa, bản sắc của từng dân tộc được bảo vệ, giữ gìn và ngày càng được phát huy. Như Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VI của Đảng ta đã khẳng định: "Sự phát triển mọi mặt của từng dân tộc đi liền với sự củng cố, phát triển của cộng đồng các dân tộc trên đất nước ta. Sự tăng cường tính cộng đồng, tính thống nhất là một quá trình hợp quy luật, nhưng tính cộng đồng, tính thống nhất không mâu thuẫn, không bài trừ tính đa dạng, tính độc đáo trong bản sắc của mỗi dân tộc"<sup>(1)</sup>.

Trong chế độ xã hội chủ nghĩa, cả hai xu hướng của sự phát triển dân tộc đều loại trừ các tư tưởng và hành vi kỳ thị dân tộc, chia rẽ dân tộc, tự ti dân tộc, dân tộc hẹp hòi, dân tộc sô vanh.

*\* Xét trên phạm vi thế giới*

Thời đại ngày nay là thời đại các dân tộc bị áp bức đã vùng dậy xóa bỏ xiềng xích nô dịch của chủ nghĩa đế quốc và giành lấy quyền tự quyết vận mệnh của dân tộc mình. Vì vậy, có thể khẳng định rằng, biểu hiện nổi bật của xu hướng thứ nhất trong thời đại ngày nay là phong trào giải phóng dân tộc - một dòng thác cách mạng của thời đại tấn công vào chủ nghĩa đế quốc, chủ nghĩa thực dân mới dưới mọi hình thức. Xu hướng này cũng biểu hiện trong cuộc đấu tranh của các dân tộc nhỏ bé đang là nạn nhân của sự kỳ thị dân tộc, phân biệt chủng tộc, đang bị coi là đối tượng của chính sách đồng hóa cưỡng bức ở nhiều nước tư bản. Như vậy,

---

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VI*, NXB Sự thật, 1987, tr. 98.

độc lập tự chủ của dân tộc là xu hướng khách quan, là chân lý thời đại, là sức mạnh hiện thực tạo nên quá trình phát triển của mỗi dân tộc, và sẽ làm tiêu tan tất cả những gì cản trở nó.

Trong thời đại ngày nay còn có xu hướng các dân tộc muốn xích lại gần nhau để trở lại hợp nhất thành một quốc gia thống nhất theo nguyên trạng đã được hình thành trong lịch sử. Xu hướng này tạo nên sức hút các dân tộc vào các liên minh được hình thành trên cơ sở những lợi ích chung nhất định (trong đó có những lợi ích chung mang tính khu vực - dựa trên những yếu tố gần nhau về địa lý, giống nhau về môi trường thiên nhiên, tương đồng về một số giá trị văn hoá, v.v...).

Đặc biệt từ những năm 90 của thế kỷ XX cho đến nay, xu hướng "tập đoàn hóa" ở các khu vực của thế giới tăng lên rõ rệt không chỉ do tác động của lợi ích kinh tế, mà còn do sức thúc đẩy của các lợi ích chính trị. Hơn nữa, sự liên minh đó còn tạo nên sức hút trên toàn cầu nhằm tập trung giải quyết những vấn đề chung của nhân loại như: chống nguy cơ chiến tranh hạt nhân, chống ô nhiễm và bảo vệ môi trường sinh thái, kế hoạch hóa sự phát triển dân số, v.v... Lợi ích toàn cầu đã và đang có tác động mạnh mẽ đến việc gắn bó loài người trong một quá trình vận động thống nhất: các dân tộc, quốc gia trên thế giới còn đang ở những trình độ phát triển khác nhau và đang cần sự hỗ trợ và giúp đỡ nhau để cùng phát triển, tiến bộ. Nhận rõ điều này, mỗi dân tộc, quốc gia phải biết thực hiện chính sách mở cửa để hòa nhập vào dòng vận động chung của nhân loại, đồng thời phải tìm được những giải pháp hữu hiệu để giữ gìn, phát huy bản sắc của dân tộc mình.

Dựa trên sự phân tích hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc trong thời đại ngày nay, Đảng ta đã khẳng định: "Giữ vững độc lập tự chủ đi đôi với mở rộng hợp tác quốc tế, đa phương hóa, đa dạng hóa quan hệ đối ngoại"<sup>(1)</sup> là nguyên tắc thống nhất của đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước ta.

## II - NỘI DUNG CƯƠNG LĨNH DÂN TỘC CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN

Dựa trên quan điểm của C.Mác và Ph.Ăngghen về vấn đề dân tộc, dựa trên sự phân tích sâu sắc hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc, dựa vào sự tổng kết kinh nghiệm của phong trào cách mạng thế giới và cách mạng ở Nga, V.I. Lênin đã khái quát nêu ra cương lĩnh dân tộc gồm ba nội dung cơ bản: "các dân tộc hoàn toàn bình đẳng; các dân tộc được quyền tự quyết; liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc lại"<sup>(2)</sup>.

### 1. Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng

Các dân tộc hoàn toàn bình đẳng có nghĩa là các dân tộc dù lớn hay nhỏ, không phân biệt trình độ phát triển cao hay thấp, không phân biệt chủng tộc, màu da... đều có nghĩa vụ và quyền lợi ngang nhau, không một dân tộc nào được giữ đặc quyền đặc lợi và đi áp bức, bóc lột dân tộc khác.

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1996, tr. 84.

<sup>(2)</sup> V.I. Lênin, *Toàn tập*, t. 25, NXB Tiến bộ, Mátxcova, 1980, tr. 375.

Trong một quốc gia có nhiều dân tộc, quyền bình đẳng giữa các dân tộc phải được pháp luật bảo vệ và được thể hiện trong mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó việc phấn đấu khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá do lịch sử để lại có ý nghĩa cơ bản.

Xét trên phạm vi quan hệ giữa các quốc gia - dân tộc: Theo quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, thì sự bất bình đẳng về dân tộc chính là sự bất bình đẳng về giai cấp, "thực chất của áp bức dân tộc là áp bức", cơ sở kinh tế của sự áp bức dân tộc và áp bức giai cấp chính là chế độ chiếm hữu tư nhân về tư liệu sản xuất. Do đó, đấu tranh đòi quyền bình đẳng dân tộc, trước hết là đấu tranh đòi quyền bình đẳng giai cấp, là thủ tiêu tình trạng giai cấp này áp bức giai cấp khác để trên cơ sở đó xóa bỏ tình trạng dân tộc này đặt ách nô dịch lên các dân tộc khác. Tiếp đó phải từng bước khắc phục tình trạng chênh lệch trong sự phát triển của các dân tộc, tạo điều kiện thuận lợi để các dân tộc còn ở trình độ lạc hậu, bằng sự nỗ lực của chính mình, cùng với sự giúp đỡ của các dân tộc anh em phát triển nhanh trên con đường tiến bộ.

Trong giai đoạn hiện nay, đấu tranh cho sự bình đẳng giữa các dân tộc gắn liền với cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, chủ nghĩa Sô vanh; chống sự áp bức bóc lột của các nước tư bản phát triển đối với các nước chậm phát triển về kinh tế.

Từ những phân tích trên đây, kết luận tất yếu rút ra là, bình đẳng giữa các dân tộc là quyền thiêng liêng của mọi dân tộc, và là mục tiêu phấn đấu của mọi dân tộc.

Thực hiện quyền bình đẳng giữa các dân tộc là cơ sở để thực hiện quyền dân tộc tự quyết và xây dựng mối quan hệ hợp tác, hữu nghị giữa các dân tộc.

## **2. Các dân tộc được quyền tự quyết**

Quyền dân tộc tự quyết là quyền làm chủ của mỗi dân tộc đối với vận mệnh của dân tộc mình. Quyền dân tộc tự quyết bao gồm:

*Một là*, quyền tự quyết định về chế độ chính trị - xã hội và con đường phát triển của dân tộc mình.

*Hai là*, quyền tự do phân lập thành quốc gia dân tộc độc lập và quyền tự nguyện liên hiệp với các dân tộc khác trên cơ sở bình đẳng, cùng có lợi và đáp ứng nhu cầu, nguyện vọng của nhân dân lao động các dân tộc vì mục tiêu phát triển hòa bình, phồn vinh và hữu nghị.

Khi xem xét và giải quyết vấn đề quyền tự quyết của các dân tộc phải xuất phát từ thực tiễn - cụ thể, phải đặt nó trong mối quan hệ cụ thể: giữa các quốc gia - dân tộc, hay giữa các dân tộc trong một quốc gia... Bất luận là trong quan hệ nào vấn đề quyền tự quyết dân tộc cũng phải gắn liền với bình đẳng dân tộc. Tự quyết tạo điều kiện để bình đẳng trong sự phát triển và ngược lại.

Khi xem xét, giải quyết quyền tự quyết dân tộc cần phải đứng vững trên lập trường của giai cấp công nhân. Triệt để ủng hộ các phong trào dân tộc tiến bộ, phù hợp với lợi ích chính đáng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động. Kiên quyết đấu tranh chống lại mọi âm mưu, thủ đoạn của các thế lực đế quốc và phản động lợi dụng chiêu bài "dân tộc tự quyết" để can thiệp vào công việc nội bộ của các nước, giúp đỡ các thế lực phản động dân tộc chủ nghĩa (sô vanh, hẹp hòi) đàn áp các lực lượng tiến bộ, đòi ly khai và đi vào quỹ đạo của chủ nghĩa thực dân mới, chủ nghĩa tư bản.

### **3. Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc**

Liên hiệp công nhân của tất cả các dân tộc lại là tư tưởng cơ bản trong Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin; nó phản ánh bản chất quốc tế của phong trào công nhân, phản ánh sự thống nhất về bản chất giữa phong trào giải phóng dân tộc và giải phóng giai cấp, nó đảm bảo cho cả hai phong trào này có đủ sức mạnh để chiến thắng kẻ thù chung là giai cấp tư sản - một giai cấp đã trở thành một lực lượng quốc tế.

Liên hiệp công nhân tất cả các dân tộc quy định mục tiêu hướng tới, quy định đường lối, phương pháp xem xét cách giải quyết quyền dân tộc tự quyết, quyền bình đẳng dân tộc. Đồng thời, nó là yếu tố sức mạnh đảm bảo cho giai cấp công nhân và các dân tộc bị áp bức chiến thắng kẻ thù của mình. Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định: "Muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác con đường cách mạng vô sản".

Đoàn kết, liên hiệp công nhân các dân tộc là cơ sở vững chắc để đoàn kết rộng rãi các tầng lớp nhân dân lao động thuộc các dân tộc trong cuộc đấu tranh chống chủ nghĩa đế quốc vì độc lập dân tộc và tiến bộ xã hội. Vì vậy, nội dung liên hiệp công nhân các dân tộc đóng vai trò liên kết cả ba nội dung của Cương lĩnh thành một chỉnh thể. Đoàn kết giai cấp công nhân các dân tộc là sự thể hiện thực tế tinh thần yêu nước mà trong thời đại ngày nay đã trở thành sức mạnh cực kỳ to lớn. Nội dung đó phù hợp với tinh thần quốc tế chân chính đang lên tiếng kêu gọi các dân tộc, quốc gia xích lại gần nhau.

Cương lĩnh dân tộc của Đảng Cộng sản là một bộ phận trong cương lĩnh cách mạng của giai cấp công nhân và nhân dân lao động trong sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giải phóng giai cấp; là cơ sở lý luận của đường lối, chính sách dân tộc của các đảng cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa.

## **III - VẤN ĐỀ DÂN TỘC Ở VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH DÂN TỘC CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY**

### **1. Đặc điểm cơ bản của dân tộc Việt Nam**

Việt Nam là một quốc gia đa dân tộc thống nhất (gồm 54 dân tộc). Dân tộc Kinh chiếm 87% dân số; 53 dân tộc còn lại chiếm 13% dân số, phân bố rải rác trên địa bàn cả nước. 10 dân tộc có số dân từ dưới 1 triệu đến 100 ngàn người là: Tày, Nùng, Thái, Mường, Khơme, Mông, Dao, Giarai, Bana, Êđê; 20 dân tộc có số dân dưới 100 ngàn người; 16 dân tộc có số dân từ 10 ngàn người đến 1 ngàn người; 6 dân tộc có số dân dưới 1 ngàn người (Cống, SiLa, PuPéo, RơMăm, Ô Đu, Brâu).

Đặc trưng nổi bật trong quan hệ giữa các dân tộc ở nước ta là sự cố kết dân tộc, hòa hợp dân tộc trong một cộng đồng thống nhất đã trở thành truyền thống, thành sức mạnh và đã được thử thách trong các cuộc đấu tranh chống ngoại xâm, bảo vệ Tổ quốc, xây dựng đất nước qua mấy ngàn năm lịch sử cho đến ngày nay.

Do những yếu tố đặc thù của nền kinh tế trồng lúa nước, một kết cấu công xã nông thôn bền chặt sớm xuất hiện. Trải qua lịch sử liên tục chống ngoại xâm, dân tộc ta đã hình thành rất sớm và trở thành một quốc gia dân tộc thống nhất ngay dưới chế độ phong kiến. Đoàn kết

là xu hướng khách quan cố kết các dân tộc trên cơ sở có chung lợi ích, có chung vận mệnh lịch sử, chung một tương lai, tiền đồ.

Tuy nhiên, bên cạnh mặt cố kết tạo nên tính cộng đồng chung, có nơi có lúc vẫn xảy ra hiện tượng tiêu cực trong quan hệ dân tộc. Chủ nghĩa đế quốc và các thế lực thù địch lại luôn luôn dùng mọi thủ đoạn chia rẽ dân tộc và can thiệp vào nội bộ nước ta. Do đó, phát huy truyền thống đoàn kết, xóa bỏ thành kiến, nghi kỵ dân tộc và kiên quyết đập tan mọi âm mưu chia rẽ dân tộc của kẻ thù là nhiệm vụ trọng yếu của nhân dân ta trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa hiện nay.

Hình thái cư trú xen kẽ giữa các dân tộc ngày càng tăng, tuy trong từng khu vực nhất định có những dân tộc sống tương đối tập trung, nhưng không thành địa bàn riêng biệt. Do đó, các dân tộc ở nước ta không có lãnh thổ riêng, không có nền kinh tế riêng và sự thống nhất hữu cơ giữa dân tộc và quốc gia trên mọi mặt của đời sống xã hội ngày càng được củng cố.

Do điều kiện tự nhiên, xã hội và hậu quả của các chế độ áp bức bóc lột trong lịch sử nên trình độ phát triển kinh tế, văn hoá... giữa các dân tộc còn khác biệt, chênh lệch nhau.

Tình trạng chênh lệch về trình độ phát triển kinh tế, văn hoá... giữa các dân tộc, giữa các vùng dân cư là một đặc trưng cần hết sức quan tâm nhằm từng bước khắc phục sự chênh lệch đó để thực hiện bình đẳng, đoàn kết dân tộc ở nước ta. Nhiều vùng dân tộc thiểu số canh tác còn ở trình độ rất thấp, chủ yếu dựa vào khai thác tự nhiên. Đời sống vật chất của bà con dân tộc thiểu số còn thiếu thốn, tình trạng nghèo đói kéo dài, thuốc chữa bệnh khan hiếm, nạn mù chữ và tái mù chữ còn ở nhiều nơi. Đường giao thông và phương tiện đi lại nhiều vùng rất khó khăn; điện, nước phục vụ cho sản xuất đời sống nhiều vùng còn rất thiếu; thông tin, bưu điện nhiều nơi chưa đáp ứng yêu cầu của đời sống, nhất là ở vùng cao, vùng xa xôi hẻo lánh...

Cùng với nền văn hoá cộng đồng, mỗi dân tộc trong đại gia đình các dân tộc Việt Nam đều có đời sống văn hoá mang bản sắc riêng rất phong phú. Bởi vì, bất cứ dân tộc nào, dù nhiều người hay ít người, đều có nền văn hoá riêng, phản ánh truyền thống lịch sử, đời sống tinh thần, niềm tự hào của dân tộc bằng những bản sắc độc đáo. Đặc trưng các sắc thái văn hoá dân tộc bao gồm ngôn ngữ tiếng nói, văn học, nghệ thuật, tình cảm dân tộc, y phục, phong tục tập quán, quan hệ gia đình, dòng họ... Một số dân tộc có chữ viết riêng (Khơme, Chăm, Thái, Mông, Giarai, Êđê). Một số dân tộc thiểu số gắn với một vài tôn giáo truyền thống (Khơme - với đạo Phật; Chăm - với Islam, Bàlamôn); một vài dân tộc gắn với đạo Tin Lành, đạo Thiên Chúa... Vì vậy, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn tôn trọng bản sắc văn hoá riêng và tôn trọng tự do tín ngưỡng của mỗi dân tộc. Sự phát triển đa dạng mang bản sắc văn hoá của từng dân tộc càng làm phong phú thêm nền văn hoá của cả cộng đồng.

Các dân tộc thiểu số tuy chỉ chiếm 13% dân số cả nước nhưng lại cư trú trên các địa bàn có vị trí chiến lược quan trọng về chính trị, kinh tế, quốc phòng, an ninh và giao lưu quốc tế, đó là các vùng biên giới, vùng rừng núi cao, hải đảo... Nhiều vùng đồng bào dân tộc thiểu số trước đây là căn cứ cách mạng và kháng chiến. Một số dân tộc có quan hệ dòng tộc với các dân tộc ở các nước láng giềng và khu vực.

Xuất phát từ tình hình, đặc điểm cơ bản của dân tộc Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn luôn quan tâm đến vấn đề chính sách dân tộc, xem xét nó như là vấn đề xã hội - chính trị rộng lớn, toàn diện gắn liền với các mục tiêu xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## 2. Chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta hiện nay

Dựa trên quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về vấn đề dân tộc và thực tiễn lịch sử đấu tranh cách mạng để xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam căn cứ vào tình hình thế giới trong giai đoạn hiện nay, Đảng và Nhà nước ta luôn coi vấn đề dân tộc và xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc có tầm quan trọng đặc biệt. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói: Nước Việt Nam là một, dân tộc Việt Nam là một, đồng bào các dân tộc đều là anh em ruột thịt, là con cháu một nhà, thương yêu đoàn kết giúp đỡ nhau là nghĩa vụ thiêng liêng của các dân tộc. Người còn khẳng định: "Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công". Trong mỗi thời kỳ cách mạng, Đảng và Nhà nước coi việc giải quyết đúng đắn vấn đề dân tộc là nhiệm vụ có tính chiến lược nhằm phát huy sức mạnh tổng hợp, cũng như tiềm năng riêng của từng dân tộc trong sự nghiệp đấu tranh giành độc lập dân tộc và đưa đất nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội.

*Vấn đề dân tộc và đoàn kết các dân tộc luôn có vị trí chiến lược trong sự nghiệp cách mạng của Đảng ta. Thực hiện tốt chính sách các dân tộc bình đẳng, đoàn kết, tương trợ, giúp nhau cùng phát triển; xây dựng kết cấu hạ tầng kinh tế, xã hội, phát triển sản xuất hàng hoá, chăm lo đời sống vật chất và tinh thần đi đôi với "giữ gìn, làm giàu, phát huy bản sắc văn hoá và truyền thống tốt đẹp của các dân tộc; thực hiện công bằng xã hội giữa các dân tộc, giữa miền núi và miền xuôi"<sup>(1)</sup>, kiên quyết "chống kỳ thị và chia rẽ dân tộc; chống tư tưởng dân tộc lớn, dân tộc hẹp hòi, dân tộc cực đoan; khắc phục tư tưởng tự ti, mặc cảm dân tộc"<sup>(2)</sup>.*

Chính sách dân tộc cơ bản của Đảng và Nhà nước ta hiện nay là:

- Có chính sách *phát triển kinh tế hàng hoá* ở các vùng dân tộc thiểu số phù hợp với điều kiện và đặc điểm từng vùng, từng dân tộc, đảm bảo cho đồng bào các dân tộc khai thác được thế mạnh của địa phương để làm giàu cho mình và đóng góp vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc.

- *Tôn trọng lợi ích, truyền thống, văn hoá, ngôn ngữ, tập quán, tín ngưỡng* của đồng bào các dân tộc; từng bước nâng cao dân trí cho đồng bào các dân tộc, nhất là các dân tộc thiểu số ở vùng núi cao, hải đảo.

- Tiếp tục phát huy truyền thống *đoàn kết và đấu tranh* kiên cường của các dân tộc vì sự nghiệp dân giàu, nước mạnh; chống tư tưởng dân tộc lớn và dân tộc hẹp hòi; nghiêm cấm mọi hành vi miệt thị và chia rẽ dân tộc.

- Tăng cường *bồi dưỡng, đào tạo đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số*; đồng thời giáo dục tinh thần đoàn kết hợp tác cho cán bộ các dân tộc. Điều này phù hợp với đòi hỏi khách quan của công cuộc phát triển dân tộc và xây dựng đất nước. Trong công cuộc xây dựng đất nước, không dân tộc nào có thể chỉ sử dụng đội ngũ cán bộ xuất thân từ dân tộc mình, ngược lại, cần sự hỗ trợ lẫn nhau giữa các đội ngũ cán bộ thuộc mọi dân tộc trong cả nước.

Như vậy, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước là toàn diện, liên quan tới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội, liên quan đến mỗi dân tộc và quan hệ giữa các dân tộc trong cả cộng

---

<sup>(1),(2)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2001, tr. 127 - 128.

đồng quốc gia. Phát triển kinh tế - xã hội của các dân tộc là nền tảng để tăng cường đoàn kết và thực hiện quyền bình đẳng dân tộc, là cơ sở để từng bước khắc phục sự chênh lệch về trình độ phát triển giữa các dân tộc. Do đó, chính sách dân tộc mang tính cách mạng, tiến bộ và nhân đạo, bởi vì, nó không bỏ sót bất cứ dân tộc nào, không cho phép bất cứ tư tưởng khinh miệt, kỳ thị, chia rẽ dân tộc; nó tôn trọng quyền làm chủ của mỗi con người và quyền tự quyết của các dân tộc. Mặt khác, nó còn nhằm phát huy nội lực của mỗi dân tộc kết hợp với sự giúp đỡ có hiệu quả của các dân tộc anh em trong cả nước.

### **Câu hỏi thảo luận và ôn tập**

1. Phân biệt các khái niệm dân tộc.
2. Phân tích hai xu hướng khách quan của sự phát triển dân tộc và biểu hiện của hai xu hướng đó trong thời đại ngày nay.
3. Phân tích nội dung Cương lĩnh dân tộc của chủ nghĩa Mác - Lênin.
4. Khái quát tình hình đặc điểm của dân tộc Việt Nam và nội dung chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước ta.



## Chương X

# VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

## I - BẢN CHẤT, NGUỒN GỐC VÀ TÍNH CHẤT CỦA TÔN GIÁO

### 1. Bản chất của tôn giáo

Tôn giáo là hệ thống những quan niệm tín ngưỡng, sùng bái một hay nhiều vị thần linh nào đó cùng với những hình thức lễ nghi thể hiện sự sùng bái ấy. Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội phản ánh tôn tại xã hội. Tôn giáo là một hình thái ý thức xã hội, phản ánh hư ảo thực tại xã hội bằng những lực lượng siêu nhân nào đó. Một tôn giáo bao gồm hệ thống các quan điểm tín ngưỡng (giáo lý), các quy định về hình thức lễ nghi và cơ sở để thực hiện các lễ nghi đó.

*Trong tác phẩm Chống Duyrinh, Ph. Ăngghen đã viết : "Tất cả mọi tôn giáo chẳng qua chỉ là sự phản ánh hư ảo vào trong đầu óc của con người những lực lượng bên ngoài chi phối cuộc sống hàng ngày của họ ; chỉ là sự phản ánh trong đó những lực lượng ở trần thế đã mang hình thức những lực lượng siêu trần thế".*

(C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1994, t. 1, tr. 437).

Giữa tín ngưỡng và tôn giáo có sự khác nhau nhưng lại có mối quan hệ chặt chẽ với nhau.

*Tín ngưỡng* là niềm tin và sự ngưỡng mộ của con người vào một lực lượng siêu nhân, thần bí, vô hình, tác động mạnh đến tâm linh con người. Còn *tôn giáo* là một hiện tượng xã hội bao gồm ý thức tôn giáo, hành vi và các tổ chức hoạt động tín ngưỡng tôn giáo. Tôn giáo thường được biểu hiện qua giáo lý, giáo luật, lễ nghi và các tổ chức giáo hội.

*Tôn giáo* được biểu hiện qua các đạo, như : đạo Phật, đạo Tin Lành, đạo Thiên Chúa, đạo Hồi...

Khi tìm hiểu về tôn giáo cũng cần phân biệt tín ngưỡng, tôn giáo với mê tín dị đoan. Mê tín dị đoan là hiện tượng xã hội tiêu cực xuất hiện từ xa xưa trong lịch sử nhân loại và đang tồn tại trong thời đại ngày nay. Đó là niềm tin cuồng vọng của con người vào các lực lượng siêu nhân đến mức mê muội, cuồng tín. Những người hành nghề mê tín dị đoan thường lợi dụng các hoạt động tín ngưỡng, tôn giáo. Hoạt động mê tín dị đoan gây ra nhiều hậu quả xấu cho cá nhân, gia đình và xã hội, cần phải bị loại trừ khỏi đời sống xã hội.

Tôn giáo là sản phẩm của con người, là hiện tượng xã hội phản ánh sự bất lực, bế tắc của con người trước tự nhiên và xã hội.

*" Sự nghèo nàn của tôn giáo vừa là biểu hiện của sự nghèo nàn hiện thực, vừa là sự phản kháng chống sự nghèo nàn hiện thực ấy. Tôn giáo là tiếng thở dài của chúng sinh bị áp bức, là trái tim của thế giới không có trái tim, cũng giống như nó là tinh thần của những trật tự không có tinh thần. Tôn giáo là thuốc phiện của nhân dân".*

(C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H., t. 1, tr. 570).

Tuy vậy, tôn giáo cũng chứa đựng một số giá trị văn hoá còn phù hợp.

Về phương diện thế giới quan thì thế giới quan duy vật mácxít và thế giới quan tôn giáo là đối lập nhau. Nhưng trong thực tiễn, những người mácxít không bao giờ có thái độ xem thường hoặc trấn áp những nhu cầu tín ngưỡng, tôn giáo hợp pháp của nhân dân, mà luôn tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng và không tín ngưỡng của nhân dân.

## **2. Nguồn gốc của tôn giáo**

Tôn giáo xuất hiện rất sớm trong lịch sử xã hội loài người, hoàn thiện và biến đổi cùng với sự phát triển của các quan hệ kinh tế, chính trị, xã hội. Sự xuất hiện và biến đổi đó gắn liền với các nguồn gốc kinh tế - xã hội, nguồn gốc nhận thức và nguồn gốc tâm lý của tôn giáo.

### **a) Nguồn gốc kinh tế - xã hội**

Trong xã hội cộng sản nguyên thuỷ, do điều kiện vật chất và tinh thần hết sức thấp kém, con người cảm thấy yếu đuối và bất lực trước thiên nhiên. Người nguyên thuỷ coi tự nhiên là những lực lượng huyền bí, thần thánh, có sức mạnh và quyền lực to lớn, chi phối toàn bộ cuộc sống và số phận của con người. Từ đó, hình thức tồn tại đầu tiên của tôn giáo xuất hiện.

Khi xã hội phân chia thành những giai cấp đối kháng, ngoài cảm giác yếu đuối trước sức mạnh của tự nhiên, con người lại cảm thấy bất lực trước những sức mạnh của các thế lực nào đó trong xã hội.

Đứng trước những hiện tượng thiên nhiên huyền bí, trước những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi, trước sự phân hoá giai cấp và áp bức bóc lột trong xã hội, con người chỉ còn biết hướng niềm tin vào thế giới bên kia, thông qua hình thức tôn giáo.

Như vậy, sự yếu kém của trình độ phát triển lực lượng sản xuất, sự bần cùng về kinh tế, nạn áp bức về chính trị, cùng với những thất vọng, bất lực trước những bất công xã hội là nguồn gốc sâu xa của tôn giáo.

### **b) Nguồn gốc nhận thức**

Bao giờ cũng vậy, trong mỗi giai đoạn lịch sử nhất định, nhận thức của con người về tự nhiên, xã hội và về bản thân mình là luôn có giới hạn. Khi ấy, nhiệm vụ của khoa học là khám phá ra những điều chưa biết để giải thích cho con người. Song, dù khoa học có cố gắng đến đâu thì khoảng cách giữa những điều đã biết với những điều chưa biết vẫn luôn luôn tồn tại. Do nhận thức có giới hạn và do khoa học còn nhiều điều chưa giải thích được những hiện tượng tự nhiên và xã hội nên con người hướng niềm tin vào tôn giáo, thông qua sự giải thích những hiện tượng này một cách hư ảo, không có thực.

Sự xuất hiện của tôn giáo còn gắn liền với đặc điểm nhận thức của con người. Khi con người càng nhận thức đầy đủ hơn, sâu sắc hơn thế giới khách quan, khái quát hóa, trừu tượng hóa đến mức hư ảo thì sự vật, hiện tượng được con người nhận thức càng có khả năng xa rời hiện thực và dễ phản ánh sai lệch hiện thực.

### *c) Nguồn gốc tâm lý*

Sự sợ hãi trước sức mạnh của tự nhiên và xã hội đã dẫn con người đến nhờ cậy vào sự giúp đỡ của thần linh, đồng thời những tình cảm tâm lý tích cực như tình yêu, lòng biết ơn, sự kính trọng trong mối quan hệ giữa con người với tự nhiên và giữa con người với con người nhiều khi cũng được biểu hiện qua tín ngưỡng, tôn giáo. Đây chính là những giá trị tích cực của tín ngưỡng, tôn giáo.

Tín ngưỡng, tôn giáo ra đời đáp ứng nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, góp phần bù đắp những trống vắng, thiếu hụt trong đời sống tinh thần của họ, an ủi, vỗ về, xoa dịu cho các số phận lúc sa cơ lỡ vận. Do vậy, dù chỉ là hạnh phúc hư ảo, nhưng rất nhiều người vẫn tin và vẫn nghe theo.

## **3. Tính chất của tôn giáo**

### *a) Tính lịch sử*

Tôn giáo có sự hình thành, tồn tại và phát triển lâu dài, nhưng nó không phải là hiện tượng xã hội vĩnh hằng, bất biến mà chỉ là một phạm trù lịch sử, là sản phẩm lịch sử xã hội. Trong từng thời kỳ của lịch sử, tôn giáo có sự biến đổi cho phù hợp với kết cấu chính trị và xã hội của thời đại đó. Thời đại thay đổi thì tôn giáo cũng có sự thay đổi, điều chỉnh theo.

Đến một giai đoạn lịch sử nhất định, khi khoa học chỉ rõ được cho đại đa số quần chúng nhân dân về bản chất của các hiện tượng tự nhiên và xã hội thì tôn giáo sẽ mất dần vị trí của nó trong đời sống xã hội và trong nhận thức, niềm tin của con người.

### *b) Tính quần chúng*

Tính quần chúng của tôn giáo thể hiện trước hết ở chỗ số lượng tín đồ các tôn giáo chiếm tỷ lệ cao trong dân số thế giới. Nếu chỉ tính các tôn giáo lớn thì đã có tới từ 1/3 đến 1/2 dân số thế giới chịu ảnh hưởng của tôn giáo. Ngoài ra, tính chất quần chúng của tôn giáo còn thể hiện ở chỗ tôn giáo là nơi sinh hoạt văn hoá, tinh thần của một bộ phận quần chúng nhân dân lao động, là nơi phản ánh khát vọng của quần chúng lao động về một xã hội tự do, bình đẳng, bác ái.

### *c) Tính chính trị*

Trong xã hội có giai cấp, các giai cấp thống trị xã hội thường lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích của mình. Những cuộc chiến tranh tôn giáo đã và đang xảy ra thực chất đều xuất phát từ những lợi ích của các thế lực xã hội khác nhau, lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho lợi ích của mình.

Ngày nay tôn giáo đang có chiều hướng phát triển đa dạng và phức tạp không chỉ ở trong phạm vi mỗi địa phương, mỗi quốc gia, mà còn có tổ chức ngày càng chặt chẽ, rộng lớn vượt ra ngoài địa phương, quốc gia, ở quy mô quốc tế. Nhiều tổ chức quốc tế của các tôn giáo có

vai trò, vị trí ảnh hưởng không nhỏ ở phạm vi toàn cầu trong các lĩnh vực chính trị, kinh tế, văn hoá, xã hội...

## II - GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TÔN GIÁO TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

### 1. Nguyên nhân tồn tại của tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội

#### a) Nguyên nhân nhận thức

Từ những thập niên cuối của thế kỷ XX và trong những năm đầu của thế kỷ XXI nhân loại đã đạt được nhiều thành tựu to lớn về khoa học và công nghệ, giúp cho con người có thêm những nhận thức mới về tự nhiên và xã hội. Song, thế giới khách quan là vô tận và nhận thức của con người là luôn có giới hạn, còn nhiều vấn đề mà khoa học chưa thể làm rõ được. Trong khi đó những sức mạnh tự phát của tự nhiên và xã hội, đôi khi rất nghiêm trọng, còn tác động và luôn chi phối đời sống con người. Vì vậy, tâm lý sợ hãi, trông chờ, nhờ cậy và tin tưởng vào các đấng linh thiêng vẫn tồn tại trong ý thức con người ở các nước nói chung, trong đó có các nước xã hội chủ nghĩa.

#### b) Nguyên nhân tâm lý

Trong mối quan hệ giữa tồn tại xã hội và ý thức xã hội thì ý thức xã hội luôn bảo thủ hơn so với tồn tại xã hội, mà tôn giáo lại là một trong những hình thái xã hội bảo thủ nhất. Tín ngưỡng, tôn giáo đã in sâu vào đời sống tinh thần, ảnh hưởng khá sâu đậm đến nếp nghĩ, lối sống của một bộ phận nhân dân qua những thời gian khác nhau, trở thành một kiểu sinh hoạt văn hoá tinh thần không thể thiếu được trong cuộc sống. Do vậy, dù có diễn ra những biến đổi to lớn về chính trị, kinh tế, xã hội... thì tín ngưỡng, tôn giáo cũng không thay đổi ngay theo tiến độ của những biến đổi ấy.

#### c) Nguyên nhân chính trị – xã hội

Trong thời đại ngày nay, các mâu thuẫn cơ bản trên thế giới vẫn biểu hiện vô cùng phức tạp, dưới những hình thức và mức độ khác nhau, trong đó các thế lực chính trị vẫn lợi dụng tôn giáo để phục vụ cho mưu đồ chính trị của mình. Mặt khác, những cuộc chiến tranh cục bộ, xung đột vũ trang, xung đột dân tộc, sắc tộc, tôn giáo, khủng bố, bạo loạn, lật đổ vẫn còn xảy ra ở nhiều nơi với tính chất ngày càng phức tạp và gia tăng. Vì thế, nỗi lo sợ về chiến tranh, bệnh tật, đói nghèo và về những mối đe dọa khác là điều kiện thuận lợi cho tôn giáo tồn tại.

#### d) Nguyên nhân kinh tế

Trong giai đoạn đầu của thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội còn tồn tại nhiều thành phần kinh tế phản ánh những lợi ích khác nhau của các giai tầng trong xã hội ; sự bất bình đẳng về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội vẫn là một thực tế hiện hữu ; đời sống vật chất và tinh thần của nhân dân còn chưa cao làm cho con người chịu tác động mạnh mẽ của những yếu tố ngẫu nhiên, may rủi. Điều đó đã làm cho con người có tâm lý thụ động, nhờ cậy, cầu mong vào những lực lượng siêu nhân.

### *e) Nguyên nhân văn hoá*

Sinh hoạt tín ngưỡng, tôn giáo có khả năng đáp ứng ở một mức độ về nhu cầu văn hoá tinh thần và có ý nghĩa nhất định về giáo dục ý thức cộng đồng, đạo đức, phong cách, lối sống. Mặt khác, tín ngưỡng, tôn giáo có liên quan đến tình cảm, tư tưởng của một bộ phận dân cư, cho nên sự tồn tại của tín ngưỡng, tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội như là một hiện tượng xã hội tất yếu khách quan.

## **2. Những quan điểm chỉ đạo giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội**

Tín ngưỡng, tôn giáo là một vấn đề tế nhị, nhạy cảm và hết sức phức tạp. Vì vậy, giải quyết những vấn đề nảy sinh từ tôn giáo đòi hỏi phải rất thận trọng, vừa bảo đảm tính nguyên tắc, vừa phải thật mềm dẻo và linh hoạt.

Giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội phải xuất phát từ những quan điểm sau đây :

*Một là*, cần phải nhận thức rằng, giữa chủ nghĩa Mác – Lênin và hệ tư tưởng tôn giáo có sự khác nhau cơ bản về thế giới quan, nhân sinh quan và con đường mưu cầu hạnh phúc cho nhân dân. Về thế giới quan, tôn giáo dựa trên cơ sở triết học duy tâm ; về nhân sinh quan, do không giải thích được chính xác nguồn gốc nỗi khổ cực của con người nên tôn giáo thường khuyến nhủ con người sống nhẫn nhục, chịu đựng ở trần thế để trông chờ, hy vọng hạnh phúc được bù đắp ở thế giới bên kia. Với hệ thống tín điều và giáo lý của mình, tôn giáo phần nào hạn chế khả năng vươn lên làm chủ tự nhiên và xã hội của con người.

*Hai là*, tín ngưỡng, tôn giáo là nhu cầu tinh thần của một bộ phận nhân dân, đang và sẽ tồn tại trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng và tự do không tín ngưỡng của công dân, quyền theo hoặc không theo một tôn giáo nào ; mọi công dân theo tôn giáo hoặc không theo tôn giáo đều bình đẳng trước pháp luật. Nghiêm cấm mọi hành vi xâm phạm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo xâm phạm lợi ích của Nhà nước và công dân.

*Ba là*, thực hiện đoàn kết giữa những người theo các tôn giáo khác nhau, giữa những người theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo ; nghiêm cấm mọi hành vi chia rẽ vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

*Bốn là*, cần phân biệt rõ giữa hai mặt chính trị và tư tưởng trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo :

*Mặt tư tưởng* thể hiện sự tín ngưỡng trong tôn giáo ; Nhà nước xã hội chủ nghĩa phải bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Khắc phục mặt này là nhiệm vụ thường xuyên, lâu dài, gắn liền với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của đông bào có tín ngưỡng. Nếu có tư tưởng nóng vội trong việc giải quyết vấn đề tôn giáo thì sẽ mắc phải những sai lầm đáng tiếc.

*Mặt chính trị* thể hiện ở chỗ những phần tử phản động đội lốt tôn giáo lợi dụng tôn giáo để chống lại công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội. Đấu tranh loại bỏ mặt chính trị phản động

trong lĩnh vực tôn giáo là nhiệm vụ thường xuyên, nhưng đòi hỏi phải rất khẩn trương, kiên quyết với những sách lược đúng đắn.

*Năm là, phải có quan điểm lịch sử khi giải quyết vấn đề tôn giáo.*

Vai trò, vị trí của tôn giáo trong đời sống xã hội được thể hiện khác nhau trong những thời kỳ lịch sử khác nhau. Đối với mỗi tôn giáo, trong từng thời kỳ lịch sử khác nhau đã có những biểu hiện khác nhau. Có những tôn giáo khi mới xuất hiện thì bảo vệ lợi ích của những người nghèo, những người bị áp bức và nô lệ. Nhưng dần dần tôn giáo ấy lại biến thành công cụ của giai cấp bóc lột, thống trị. Có những giáo sĩ suốt đời hành đạo luôn luôn đồng hành cùng dân tộc, nhưng cũng có những người đã hợp tác với bọn phản động, đi ngược lại lợi ích của quốc gia, dân tộc. Vì vậy, cần phải có quan điểm lịch sử cụ thể khi xem xét, đánh giá và ứng xử với những vấn đề có liên quan đến tôn giáo.

### III - TÌNH HÌNH TÔN GIÁO Ở VIỆT NAM VÀ CHÍNH SÁCH TÔN GIÁO CỦA ĐẢNG VÀ NHÀ NƯỚC TA HIỆN NAY

#### 1. Khái quát tình hình tôn giáo ở Việt Nam

Ở Việt Nam có nhiều tôn giáo khác nhau, xuất hiện vào những thời gian khác nhau. Có tôn giáo du nhập vào nước ta từ những thế kỷ đầu công nguyên, có tôn giáo mới chỉ xuất hiện từ đầu thế kỷ XX. Hiện nay ở Việt Nam có 6 tôn giáo lớn, với khoảng 20 triệu tín đồ.

**Phật giáo** là tôn giáo xuất hiện ở Ấn Độ từ thế kỷ VI trước Công nguyên và được truyền vào Việt Nam từ những thế kỷ đầu Công nguyên. Quá trình tồn tại và phát triển Phật giáo ở Việt Nam gắn liền với dân tộc, góp phần quan trọng vào việc hình thành và phát triển đạo đức, tâm lý, phong tục tập quán và văn hoá của nhân dân. Hiện nay, ở Việt Nam có khoảng hơn 10 triệu tín đồ Phật giáo.

**Công giáo** là tôn giáo xuất hiện cách đây khoảng 2000 năm và du nhập vào Việt Nam từ thế kỷ XVI thông qua các giáo sĩ Bồ Đào Nha, Tây Ban Nha và Pháp. Hiện nay ở nước ta có khoảng trên 5 triệu tín đồ ở 25 giáo phận của 3 giáo tỉnh.

**Tin lành** xuất hiện từ thế kỷ XVI ở châu Âu, du nhập vào Việt Nam từ năm 1911, thông qua các tổ chức tin lành ở Mỹ. Hiện nay trong cả nước ta có khoảng trên 400.000 tín đồ, trong đó chủ yếu tập trung ở các tỉnh phía Nam và Tây Nguyên (ở miền Bắc chỉ có khoảng 10.000 tín đồ).

**Hồi giáo** ra đời vào đầu thế kỷ VII ở vùng bán đảo Arập, du nhập vào Việt Nam từ khoảng thế kỷ XIII - XV. Hiện nay ở nước ta có khoảng 90.000 tín đồ, tập trung chủ yếu ở các tỉnh Ninh Thuận, Bình Thuận, An Giang, Đồng Nai.

**Cao Đài** ra đời ở Nam Bộ từ năm 1926 trong bối cảnh cách mạng nước ta đang bị khủng hoảng về đường lối và lực lượng lãnh đạo, trong khi đó chính sách cai trị của thực dân Pháp đã đẩy nông dân Nam Bộ vào cùng cực. Đạo Cao Đài ra đời đáp ứng nhu cầu tín ngưỡng của một bộ phận nhân dân Nam Bộ. Ở nước ta hiện nay có khoảng 2 triệu tín đồ Cao Đài, được chia thành khoảng 10 hệ phái, trong đó lớn nhất là hệ phái Cao Đài Tây Ninh.

**Phật giáo Hoà Hảo** (thường gọi tắt là đạo Hoà Hảo), ra đời ở nước ta năm 1939 tại làng Hoà Hảo, Châu Đốc, An Giang. Hiện nay Phật giáo Hoà Hảo có khoảng hơn một triệu tín đồ, chủ yếu tập trung ở tỉnh An Giang và một số tỉnh khác ở đồng bằng sông Cửu Long.

Đồng bào các tôn giáo đã có những đóng góp tích cực vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Các tổ chức tôn giáo được Nhà nước công nhận đã hành đạo gắn bó cùng dân tộc, tập hợp đông đảo tín đồ trong khối đại đoàn kết toàn dân, xây dựng cuộc sống tốt đời, đẹp đạo, góp phần vào công cuộc đổi mới đất nước theo đường lối của Đảng.

Tuy nhiên, tình hình hoạt động tôn giáo còn có những diễn biến phức tạp, tiềm ẩn những nhân tố có thể gây mất ổn định. Một số người còn tổ chức truyền đạo trái phép, còn lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hành nghề mê tín dị đoan. Ở một số nơi (ví dụ ở Tây Nguyên), một số người đã lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để tiến hành những hoạt động chống đối, kích động tín đồ nhằm phá hoại khối đại đoàn kết toàn dân tộc, gây mất ổn định chính trị.

## **2. Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay**

Xuất phát thực tế từ tình hình tôn giáo ở nước ta trong hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ cũng như trong giai đoạn hiện nay, Đảng ta đã xác định quan điểm chỉ đạo trong vấn đề tôn giáo là : “Hoạt động tôn giáo và công tác tôn giáo phải nhằm tăng cường đoàn kết đồng bào các tôn giáo trong khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, xây dựng và bảo vệ vững chắc Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh”<sup>(1)</sup>.

Từ quan điểm này, chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta trong giai đoạn hiện nay bao gồm những nội dung sau đây :

- Thực hiện quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo và không tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân trên cơ sở pháp luật.

*“... Thực hiện nhất quán chính sách tôn trọng và bảo đảm quyền tự do tín ngưỡng, theo hoặc không theo một tôn giáo nào, quyền sinh hoạt tôn giáo bình thường theo đúng pháp luật. Các tôn giáo hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, theo đúng pháp luật...”*

(Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban chấp hành Trung ương khoá IX, NXB Chính trị quốc gia, H., 2003, tr. 48).

- Thực hiện nhất quán chính sách đại đoàn kết toàn dân tộc. Đoàn kết đồng bào theo các tôn giáo khác nhau ; đồng bào theo tôn giáo và không theo tôn giáo. Giữ gìn và phát huy những giá trị tích cực của truyền thống thờ cúng tổ tiên, tôn vinh những người có công với Tổ quốc và nhân dân. Nghiêm cấm sự phân biệt đối xử với công dân vì lý do tín ngưỡng, tôn giáo.

- Hướng các chức sắc giáo hội hoạt động tôn giáo theo đúng pháp luật, ủng hộ các xu hướng tiến bộ trong các tôn giáo ; hoạt động của các giáo hội phải phát triển theo hướng ngày càng gắn bó với dân tộc, thể hiện rõ nét vai trò trách nhiệm của tôn giáo trong sự nghiệp xây dựng đất nước.

---

<sup>(1)</sup> Văn kiện Hội nghị lần thứ VII Ban chấp hành Trung ương khoá IX, NXB Chính trị quốc gia, H., 2003, tr. 48.

- Nghiêm cấm việc lợi dụng tín ngưỡng, tôn giáo để hoạt động mê tín, dị đoan, kích động chia rẽ nhân dân, chia rẽ các dân tộc ; hoạt động chống lại chính sách của Đảng và Nhà nước, gây rối, xâm phạm an ninh quốc gia.

- Quan hệ quốc tế về tôn giáo phải theo chủ trương, chính sách chung của Đảng và Nhà nước.

Chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta là nhất quán trên cơ sở tôn trọng quyền tự do tín ngưỡng, tôn giáo của nhân dân. Thực hiện chính sách này là trách nhiệm của các tổ chức Đảng, các cơ quan nhà nước, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể nhân dân trong cả nước.

### **Câu hỏi thảo luận và ôn tập**

1. Phân tích nguồn gốc, bản chất và tính chất của Tôn giáo.
2. Phân tích các nguyên nhân tồn tại tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
3. Trình bày những quan điểm chỉ đạo giải quyết vấn đề tôn giáo trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.
4. Trình bày khái quát về tình hình tôn giáo ở Việt Nam và chính sách tôn giáo của Đảng và Nhà nước ta hiện nay.



## Chương XI

# VẤN ĐỀ GIA ĐÌNH VÀ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG THỜI KỲ QUÁ ĐỘ LÊN CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

## I- GIA ĐÌNH, MỐI QUAN HỆ GIỮA GIA ĐÌNH VÀ XÃ HỘI

### 1. Khái niệm gia đình

#### a) Quan niệm về gia đình

Gia đình được hình thành từ rất sớm và đã trải qua một quá trình phát triển dài lâu trong lịch sử xã hội loài người. Lịch sử nhân loại đã trải qua nhiều hình thức gia đình : gia đình tập thể - quần hôn, gia đình đối ngẫu, gia đình cá thể...

Từ thời cổ đại, trong xã hội cộng sản nguyên thủy, xuất phát từ nhu cầu bảo tồn và duy trì nòi giống, từ sự cần thiết phải nương tựa vào nhau để sinh tồn, các hình thức quần tụ giữa nam giới và nữ giới, những hình thức cộng đồng tổ chức đời sống gia đình đã xuất hiện : hình thức *gia đình tập thể - quần hôn*. Trong hình thức gia đình này, ở mỗi thời kỳ khác nhau của xã hội cộng sản nguyên thủy lại có từng loại gia đình khác nhau. Trong giai đoạn đầu của xã hội cộng sản nguyên thủy có gia đình cùng dòng máu (gia đình *huyết thống*). Đến giai đoạn cuối của xã hội cộng sản nguyên thủy bắt đầu hình thành *gia đình cặp đôi* (gia đình đối ngẫu). Xuất hiện hình thức kết hôn theo từng cặp. Theo hình thức kết hôn này, người đàn ông có nhiều vợ, trong đó có một vợ chính và người đàn bà cũng có nhiều chồng, trong đó có một chồng chính.

Bước sang chế độ nô lệ, trong kết quả của sự xuất hiện sở hữu tư hữu về tư liệu sản xuất và xuất hiện giai cấp đã hình thành *gia đình cá thể* (gia đình một vợ một chồng).

*"...Gia đình cá thể là hình thức gia đình đầu tiên không dựa trên những điều kiện tự nhiên, mà dựa trên những điều kiện kinh tế - tức là trên thắng lợi của sở hữu tư nhân đối với sở hữu cộng đồng nguyên thủy và tự phát..."*.

(C.Mác và Ph.Ăngghen, *Toàn tập*, t.21,  
Nxb Chính trị quốc gia, H., 1995, tr. 103-104).

Như vậy, quan hệ chi phối giữa các thành viên trong gia đình đã dần dần chuyển từ việc dựa trên những điều kiện tự nhiên sang dựa vào những điều kiện kinh tế. Từ đó, gia đình trở thành một đơn vị kinh tế riêng lẻ, với mối quan hệ ràng buộc nhau hơn giữa các thành viên, thích ứng với những điều kiện sản xuất, sinh hoạt của một xã hội. Gia đình dần dần trở thành một thiết chế xã hội đặc thù *nhỏ nhất*, cơ bản nhất, một hình ảnh "xã hội thu nhỏ".

Là một thiết chế nhỏ nhất của xã hội nhưng gia đình lại là một thiết chế đa dạng và phong phú, vừa tuân thủ những quy luật vận động và cơ chế chung của xã hội, vừa vận động theo những quy định và tổ chức riêng của mình. Trong nền văn hoá chung, gia đình vừa mang

trong mình những giá trị văn hoá của cộng đồng dân tộc, giai cấp và các tầng lớp xã hội trong mỗi giai đoạn lịch sử, ở mỗi quốc gia - dân tộc, vừa mang trong mình tính chất, bản sắc văn hoá của riêng mình. Những bản sắc văn hoá này ngày càng được duy trì, bảo tồn và góp phần làm phong phú thêm bản sắc văn hoá của cả cộng đồng dân tộc.

Như vậy, gia đình là một hình thức tổ chức đời sống cộng đồng của con người, một thiết chế văn hoá xã hội nhỏ nhất, được hình thành, tồn tại và phát triển trên cơ sở quan hệ hôn nhân và huyết thống, quan hệ nuôi dưỡng và giáo dục giữa các thành viên.

### **b) Các đặc trưng cơ bản của gia đình**

Với tư cách là một thiết chế xã hội nhỏ nhất và là tế bào của xã hội, gia đình được xây dựng trên cơ sở bốn đặc trưng cơ bản.

*\* Gia đình được hình thành, tồn tại và phát triển trên cơ sở hôn nhân và quan hệ hôn nhân.*

Hôn nhân là một hình thức quan hệ giữa nam và nữ nhằm thoả mãn các nhu cầu tâm, sinh lý, tình cảm và tái sản xuất ra con người, nhằm duy trì và phát triển giống nòi.

Hôn nhân là quan hệ chỉ có ở con người, mang bản chất người, nhân văn và nhân đạo. Cùng với sự phát triển của lịch sử xã hội loài người, hôn nhân có những biến đổi sâu sắc về hình thức, tính chất. Trong xã hội cộng sản nguyên thủy, hôn nhân chủ yếu được thể hiện ở hình thức quần hôn. Trong các xã hội có giai cấp, hôn nhân được thể hiện qua hình thức kết hôn và quan hệ gia đình. Trong các xã hội văn minh, hôn nhân là sự liên kết thành vợ, thành chồng giữa hai bên nam và nữ thông qua việc kết hôn, trên cơ sở tự nguyện, bình đẳng nhằm xây dựng gia đình hạnh phúc. Hôn nhân là cơ sở cho sự tồn tại của mỗi gia đình.

Hôn nhân trong bất kỳ xã hội nào cũng chịu sự chi phối của các quan hệ chính trị kinh tế, văn hoá, xã hội của xã hội ấy ở những mức độ nhất định và cần phải được xã hội thừa nhận. Trong các xã hội có giai cấp, sự thừa nhận đó được thể hiện về mặt pháp lý, thông qua chế định về hôn nhân. Ngoài ra, bên cạnh các quy định của pháp luật, hôn nhân còn chịu sự chi phối của xã hội, biểu hiện ở các chuẩn mực hiện hành và truyền thống của dân tộc.

Ngoài quan hệ hôn nhân trong xã hội cộng sản nguyên thủy, quan hệ hôn nhân trong xã hội có giai cấp là quan hệ vợ chồng kể từ khi kết hôn. Kể từ khi kết hôn, hai người nam nữ bắt đầu cuộc sống vợ chồng. Quan hệ hôn nhân là một bộ phận của quan hệ gia đình. Gia đình chỉ có thể hạnh phúc bền vững khi có quan hệ hôn nhân bình đẳng, tốt đẹp.

*\* Gia đình tồn tại và phát triển trên cơ sở quan hệ huyết thống.*

Cùng với quan hệ hôn nhân, quan hệ huyết thống được coi là quan hệ cơ bản để duy trì sự tồn tại và phát triển của gia đình. Cũng như các quan hệ khác trong gia đình, quan hệ huyết thống một mặt luôn chịu sự chi phối của các điều kiện chính trị, kinh tế, văn hoá của xã hội đương thời, mặt khác cũng mang trong mình những ảnh hưởng nhất định của các quan hệ kinh tế, văn hoá, xã hội của các xã hội khác.

Lịch sử loài người đã biết đến các loại quan hệ huyết thống mẫu hệ và huyết thống phụ hệ. Quan hệ huyết thống mẫu hệ tồn tại trong xã hội cộng sản nguyên thủy, theo đó huyết thống về đằng mẹ được coi là cơ sở, chuẩn mực để tính quan hệ thân tộc gần xa. Quan hệ huyết thống mẫu hệ còn tồn tại và phát triển ở nhiều nơi trên thế giới cho đến ngày nay. Quan

hệ huyết thống phụ hệ được hình thành và phát triển cùng với sự xuất hiện chế độ tư hữu. Trong quan hệ huyết thống phụ hệ, gia đình được xây dựng trên cơ sở chuẩn mực của huyết thống về đấng cha.

*\* Gia đình quần tụ trong một không gian sinh tồn.*

Quần tụ trong một không gian sinh tồn là đặc trưng của gia đình từ thời cổ đại cho đến ngày nay. Ngay từ buổi bình minh của lịch sử loài người, do nhu cầu phải đấu tranh với thiên nhiên và chống thú dữ, con người đã quần tụ lại với nhau trong những hang đá, rừng cây, cùng nhau kiếm thức ăn trong những gia đình nguyên thủy. Theo thời gian cho đến ngày nay, đại đa số các gia đình sống chung, quần tụ trong một mái nhà.

Cùng với sự phát triển của các điều kiện kinh tế - xã hội, không gian sinh tồn ngày càng được mở rộng hơn và chịu sự chi phối của các quan hệ kinh tế - xã hội. Tuy vậy, nhu cầu quần tụ vẫn luôn hiện hữu trường tồn và quan hệ quần tụ trong một không gian sinh tồn vẫn là đặc trưng của gia đình.

*\* Gia đình tồn tại và phát triển trên cơ sở quan hệ nuôi dưỡng giữa các thành viên.*

Quan hệ nuôi dưỡng vừa là đạo lý truyền thống, vừa là nghĩa vụ và quyền lợi thiêng liêng của các thành viên trong gia đình đối với nhau.

Trong gia đình, quan hệ nuôi dưỡng biểu hiện ở quan hệ nghĩa vụ qua lại giữa các thế hệ thành viên trong gia đình, từ ông bà đến cha mẹ và các con. Cha mẹ, ông bà nuôi dưỡng các con khi các con chưa thành niên ; con đã trưởng thành nuôi dưỡng cha mẹ, ông bà khi cao tuổi. Quan hệ nuôi dưỡng còn được biểu hiện trong quan hệ giữa các thành viên khoẻ mạnh, có điều kiện thuận lợi trong làm ăn, sinh sống đối với các thành viên ốm đau, bệnh tật hoặc gặp những khó khăn về đời sống kinh tế.

*Điều 36 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định về nghĩa vụ và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng giữa cha mẹ và các con:*

*- Cha mẹ có nghĩa vụ và quyền cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên hoặc con đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.*

*- Con có nghĩa vụ và quyền cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ, đặc biệt khi cha mẹ ốm đau, già yếu, tàn tật ; trong trường hợp gia đình có nhiều con thì các con phải cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng cha mẹ.*

*Điều 47 Luật Hôn nhân và gia đình quy định về nghĩa vụ và quyền chăm sóc nuôi dưỡng giữa ông bà và các cháu :*

*- Ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ và quyền trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu... Trong trường hợp cháu chưa thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình mà không có người nuôi dưỡng thì ông bà nội, ông bà ngoại có nghĩa vụ nuôi dưỡng cháu.*

*- Cháu có bổn phận kính trọng, chăm sóc, phụng dưỡng ông bà nội, ông bà ngoại.*

## **2. Mối quan hệ giữa gia đình và xã hội ; các chức năng cơ bản của gia đình**

### ***a) Mối quan hệ giữa gia đình và xã hội***

*\* Gia đình là tế bào của xã hội*

Xã hội là một cơ thể sống hoàn chỉnh, trong đó có nhiều bộ phận liên kết với nhau, nhiều mối quan hệ qua lại đan xen nhau. Trong các mối quan hệ và các bộ phận ấy, gia đình được coi là tế bào, một thiết chế cơ sở đầu tiên của xã hội. Mỗi xã hội đều sinh ra, tồn tại và phát triển trên cơ sở một phương thức sản xuất xác định và có vai trò quy định sự tồn tại và phát triển của gia đình. Đồng thời mỗi xã hội lại tồn tại trên cơ sở của nhiều mối quan hệ, trong đó có quan hệ gia đình. Gia đình và xã hội tồn tại và vận động trong mối quan hệ qua lại ảnh hưởng lẫn nhau, chi phối nhau. Mỗi gia đình êm ấm, hạnh phúc, hoà thuận thì cả xã hội sẽ tồn tại và vận động một cách tốt đẹp.

*Lời nói đầu Luật Hôn nhân và gia đình nước ta năm 2000 khẳng định : Gia đình là tế bào của xã hội, là cái nôi nuôi dưỡng con người, là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách, góp phần vào sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Gia đình tốt thì xã hội mới tốt, xã hội tốt thì gia đình càng tốt.*

Mỗi xã hội đều tồn tại và phát triển trước hết vì lợi ích của mỗi công dân - thành viên xã hội, và mỗi gia đình, tế bào của xã hội. Đồng thời, trong xã hội có giai cấp thì lợi ích của mỗi công dân, mỗi gia đình lại chịu sự chi phối của lợi ích các giai cấp thống trị trong xã hội.

*\* Tính chất quyết định của trình độ phát triển kinh tế - xã hội đối với quy mô, kết cấu, hình thức tổ chức và tính chất gia đình*

Gia đình là hình thức phản ánh đặc thù của trình độ sản xuất và trình độ phát triển kinh tế. Điều này được biểu hiện cụ thể qua tiến trình phát triển của lịch sử nhân loại. Lịch sử xã hội loài người đã biết đến năm phương thức sản xuất đã lần lượt thay thế nhau : cộng sản nguyên thủy ; chiếm hữu nô lệ ; phong kiến ; tư bản chủ nghĩa ; xã hội chủ nghĩa. Các phương thức sản xuất thay đổi dẫn đến sự biến đổi về hình thức tổ chức, quy mô, kết cấu và tính chất gia đình. Từ gia đình tập thể với các hình thức huyết thống, cặp đôi bước sang hình thức gia đình cá thể, một vợ, một chồng ; từ gia đình một vợ, một chồng bất bình đẳng đến gia đình một vợ, một chồng bình đẳng.

*\* Gia đình là thiết chế cơ sở, đặc thù của xã hội, là cầu nối giữa các thành viên gia đình với xã hội*

Trong toàn bộ hệ thống cơ cấu tổ chức của xã hội, gia đình được coi là thiết chế cơ sở, đầu tiên và nhỏ nhất. Sự vận động và phát triển của gia đình tuân theo những quy luật chung của cả hệ thống xã hội. Nhưng gia đình còn vận động và phát triển trên cơ sở kế thừa các giá trị văn hoá truyền thống của mỗi nền văn hoá, mỗi khu vực vùng miền và địa phương ; đồng thời còn được thể hiện ở tính đặc thù của mỗi thành viên trong gia đình.

Gia đình là cầu nối giữa các thành viên trong gia đình với xã hội. Nhiều thông tin về xã hội tác động đến con người thông qua gia đình. Nhiều nội dung quản lý xã hội không chỉ thông qua các thiết chế xã hội, mà còn thông qua hoạt động của gia đình và tác động đến cá nhân. Khi thực hiện nghĩa vụ và quyền lợi của mình, mỗi công dân cần đến sự hợp tác chung

của các thành viên gia đình. Mỗi cá nhân vừa là thành viên của gia đình lại vừa là thành viên của xã hội, thông qua các hoạt động tổ chức đời sống trong gia đình, mỗi cá nhân đều chịu sự tác động của xã hội và tác động lại xã hội.

*\* Gia đình là cơ sở, là tổ ấm cho đời sống hạnh phúc của mỗi cá nhân, cho sự tồn tại và phát triển lành mạnh của xã hội*

Trong suốt một cuộc đời, mỗi con người được chăm sóc, nuôi dưỡng và trưởng thành chủ yếu đều thông qua gia đình. Sự tồn tại và phát triển lành mạnh, truyền thống tốt đẹp của mỗi gia đình là tiền đề và điều kiện quan trọng cho sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi cá nhân, làm cho các hoạt động của cá nhân phù hợp và có ích cho xã hội. Vì thế, muốn xã hội phát triển lành mạnh, phải quan tâm xây dựng gia đình, coi đó là nhiệm vụ trong chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước.

*Chủ tịch Hồ Chí Minh nói : "Nhiều gia đình cộng lại mới thành xã hội, xã hội tốt thì gia đình càng tốt, gia đình tốt thì xã hội mới tốt. Hạt nhân của xã hội là gia đình. Chính vì muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội mà phải chú ý hạt nhân cho tốt".*

(Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, tập 9, NXB Chính trị quốc gia, H., 1996, tr. 523).

### ***b) Các chức năng cơ bản của gia đình***

*\* Chức năng tái sản xuất ra con người*

Tái sản xuất ra con người là chức năng đặc thù của gia đình. Chức năng này bao gồm : tái sản xuất ra con người, duy trì nòi giống, nuôi dưỡng con người để bảo đảm tái sản xuất nguồn lao động và sức lao động cho xã hội.

Chức năng này xuất phát từ nhu cầu tình cảm và nhu cầu tồn tại của con người. Việc sinh đẻ diễn ra ở mỗi gia đình, là nhu cầu riêng, rất chính đáng của con người. Nhưng tốc độ gia tăng dân số, mật độ dân cư lại liên quan đến vấn đề phát triển kinh tế - xã hội ở mỗi nước và ở mức độ nhất định còn ảnh hưởng đến các vấn đề toàn cầu. Vì thế, sinh đẻ không chỉ thuần túy là việc riêng của mỗi gia đình mà còn là vấn đề có tính chiến lược đối với mỗi quốc gia và đối với toàn nhân loại. Việc sinh đẻ của mỗi gia đình phải nằm trong kế hoạch và chiến lược phát triển văn hoá - xã hội của mỗi quốc gia. Sinh đẻ có kế hoạch trong chiến lược về dân số hợp lý là nhằm tạo ra một lớp người có điều kiện đầy đủ để phát triển về trí lực và thể lực, đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của đất nước trong hiện tại và tương lai.

*\* Chức năng kinh tế và tổ chức đời sống gia đình*

Đối với gia đình cá thể, hoạt động kinh tế và tổ chức đời sống là chức năng cơ bản nhằm làm thoả mãn các nhu cầu về ăn mặc, ở và đi lại của các thành viên trong gia đình.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta tồn tại nhiều thành phần kinh tế, trong đó kinh tế cá thể, tiểu chủ hoạt động trong phạm vi hộ gia đình là một bộ phận đông đảo, có tiềm năng to lớn, có vị trí quan trọng và lâu dài. Chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước ta là tạo mọi điều kiện cho mỗi cá nhân, mỗi gia đình có thể làm giàu chính đáng thông qua hoạt động sản xuất kinh doanh trong khuôn khổ pháp luật.

*\* Chức năng giáo dục*

Giáo dục gia đình là một bộ phận của giáo dục nói chung, hiểu theo nghĩa rộng, để đảm bảo cho sự phát triển toàn diện của con người. Nội dung của giáo dục gia đình bao gồm giáo dục đạo đức, lối sống, giáo dục nhân cách, thẩm mỹ, cách ứng xử trong quan hệ với mọi người, đồng thời còn bao gồm cả giáo dục tri thức khoa học và kinh nghiệm sản xuất. Giáo dục gia đình được thực hiện bằng phương pháp nêu gương, thuyết phục, với chủ thể thực hiện giáo dục chủ yếu là cha mẹ, ông bà đối với con cháu.

Giáo dục gia đình được thực hiện trong suốt cuộc đời của mỗi con người, nhưng ở mỗi thời kỳ phát triển lại có những nội dung và hình thức giáo dục khác nhau.

Trong chủ nghĩa xã hội, với chức năng giáo dục, gia đình đã đóng góp nhiều vào sự nghiệp đào tạo thế hệ trẻ, vào việc giữ gìn, phát huy đạo đức và văn hoá truyền thống của dân tộc.

*\* Chức năng thoả mãn nhu cầu tâm - sinh lý, tình cảm*

Trong đời sống gia đình, nhiều vấn đề phức tạp trong tâm - sinh lý về giới, về lứa tuổi, về thế hệ, những mệt mỏi về thể xác và tinh thần trong lao động, học tập và công tác được giải quyết trong phạm vi gia đình. Sự hiểu biết, cảm thông, chia sẻ tình cảm lẫn nhau giữa các thành viên gia đình, cách ứng xử tế nhị và chân thành tạo ra bầu không khí thoải mái, lành mạnh giúp cho mỗi thành viên có thể giải toả được những mệt mỏi về thể xác và tinh thần để sống lạc quan, yêu đời hơn.

Trên đây là những chức năng cơ bản nhất của gia đình, thông qua đó mà gia đình tồn tại và phát triển, tác động quan trọng vào sự phát triển chung của xã hội.

## **II - NHỮNG ĐIỀU KIỆN VÀ TIÊN ĐỀ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH TRONG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI**

### **1. Điều kiện và tiên đề kinh tế - xã hội**

Trong chủ nghĩa xã hội, quan hệ sản xuất mới và các quan hệ kinh tế - xã hội từng bước được xác lập, củng cố và hoàn thiện. Đây là những yếu tố cơ bản, quan trọng nhất, là cơ sở để từng bước xoá bỏ những tập quán hôn nhân cũ, chịu ảnh hưởng nặng nề của các tư tưởng, quan điểm lạc hậu trong các xã hội cũ trước đây ; xoá bỏ cơ sở kinh tế của tình trạng bất bình đẳng về giới, bất bình đẳng giữa các thành viên và giữa các thế hệ thành viên trong gia đình.

Trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội, nhà nước xã hội chủ nghĩa có chính sách để từng bước tạo ra những điều kiện cho sự phát triển mọi tiềm năng của mọi gia đình và mọi thành viên trong xã hội. Nhà nước xã hội chủ nghĩa phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là tiên đề để từng bước giải quyết đúng đắn mối quan hệ giữa tăng trưởng, phát triển kinh tế với thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội. Đây là những cơ sở, điều kiện để phát triển gia đình nhằm từng bước khắc phục những hạn chế, hình thành các yếu tố tích cực trong gia đình.

## 2. Điều kiện và tiền đề chính trị, văn hoá - xã hội

Để quản lý nhà nước và xã hội, nhà nước xã hội chủ nghĩa ban hành và thực hiện nhiều chủ trương, chính sách, pháp luật nhằm bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của công dân trong một xã hội mới công bằng, dân chủ, văn minh. Trong hệ thống pháp luật xã hội chủ nghĩa, Luật Hôn nhân và gia đình luôn được nhà nước quan tâm xây dựng và từng bước hoàn thiện. Luật Hôn nhân và gia đình bao gồm các quy định về các nguyên tắc của chế độ hôn nhân và gia đình, về các điều kiện kết hôn và cấm kết hôn, về mối quan hệ giữa vợ và chồng trong thời kỳ hôn nhân, về mối quan hệ giữa cha mẹ và các con, giữa ông bà và các cháu..., là cơ sở pháp lý cho việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân và trong đời sống gia đình.

*"Luật Hôn nhân và gia đình có nhiệm vụ góp phần xây dựng, hoàn thiện và bảo vệ chế độ hôn nhân và gia đình tiến bộ, xây dựng chuẩn mực pháp lý cho cách ứng xử của các thành viên trong gia đình, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các thành viên trong gia đình, kế thừa và phát huy truyền thống đạo đức tốt đẹp của gia đình Việt Nam nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc, bền vững..."*

(Trích Điều 3 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000)

Luật Hôn nhân và gia đình quy định nguyên tắc hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng; trong gia đình, các thành viên đều có quyền và nghĩa vụ qua lại với nhau, cùng nhau xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc bền vững. Đây chính là tiền đề chính trị - pháp lý để xây dựng gia đình mới xã hội chủ nghĩa.

Trong xã hội xã hội chủ nghĩa, phát triển giáo dục và đào tạo, phát triển khoa học và công nghệ luôn được coi là quốc sách hàng đầu. Chủ trương, chính sách này đã tạo ra nhiều cơ hội và điều kiện để mỗi công dân, mỗi gia đình có thể phát huy cao nhất khả năng của mình. Nhà nước xã hội chủ nghĩa thực hiện chủ trương nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực và bồi dưỡng nhân tài, tạo điều kiện cho các thành viên được thụ hưởng những thành quả do các chủ trương, chính sách về giáo dục và đào tạo mang lại.

Cùng với chủ trương phát triển giáo dục và đào tạo, khoa học và công nghệ, nhà nước xã hội chủ nghĩa quan tâm xây dựng và tổ chức thực hiện chính sách xã hội trên các lĩnh vực dân số, kế hoạch hoá gia đình, việc làm, bảo vệ bà mẹ và trẻ em, chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân, bảo hiểm xã hội, phòng, chống các tệ nạn xã hội... Những chính sách này từng bước tạo ra những điều kiện và tiền đề quan trọng để xây dựng gia đình mới xã hội chủ nghĩa.

## III - NHỮNG ĐỊNH HƯỚNG VÀ NỘI DUNG CƠ BẢN VỀ XÂY DỰNG GIA ĐÌNH Ở VIỆT NAM HIỆN NAY

### 1. Những định hướng cơ bản về xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay

a) *Gia đình mới ở nước ta hiện nay phải được xây dựng trên cơ sở kế thừa và phát huy các giá trị tốt đẹp của gia đình truyền thống, đồng thời tiếp thu những giá trị tiến bộ của thời đại về gia đình*

Gia đình truyền thống mang trong mình nhiều giá trị tốt đẹp được hun đúc từ hàng nghìn năm trong lịch sử dân tộc, được phát triển một bước trong hơn 70 năm qua kể từ khi nước ta có Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo. Trong các giá trị truyền thống tốt đẹp của gia đình Việt Nam vừa có các truyền thống thể hiện thuần phong mỹ tục trong mỗi gia đình Việt Nam, lại vừa có truyền thống đoàn kết tình làng nghĩa xóm, tình yêu gia đình gắn chặt với tình yêu quê hương đất nước.

Cùng với việc kế thừa, phát huy các giá trị truyền thống tốt đẹp, trong quá trình xây dựng gia đình mới cũng cần phải có cách để từng bước hạn chế, loại bỏ những quan niệm, những hủ tục lạc hậu còn để lại cho đến ngày nay như : tính cục bộ địa phương, cục bộ theo dòng họ ; những hủ tục lạc hậu về ma chay, cưới hỏi ở một số địa phương nơi vùng núi, vùng sâu, vùng xa ; sự bất bình đẳng giữa vợ chồng, giữa các thế hệ thành viên trong gia đình.

Trong thời đại ngày nay, khi giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng, ở mức độ nhất định gia đình Việt Nam còn chịu ảnh hưởng của quan hệ gia đình từ các nước khác trên thế giới. Trong những ảnh hưởng của quan hệ gia đình từ bên ngoài vào nước ta có những giá trị tiến bộ của thời đại về gia đình như : dân chủ hoá các quan hệ gia đình, bình đẳng và tôn trọng nhân cách của các thành viên, nâng cao nhu cầu vật chất và tinh thần của gia đình... Nhưng bên cạnh các giá trị truyền thống này cũng có nhiều hiện tượng tiêu cực, thiếu lành mạnh rất đáng lo ngại đã và đang xâm nhập vào đời sống gia đình nước ta như : tính thực dụng trong tình yêu, quan hệ tình dục phóng đãng, quan hệ vật chất chi phối quan hệ tình cảm...

Để xây dựng gia đình mới, chúng ta cần phải có chủ trương, biện pháp để khắc phục, hạn chế những ảnh hưởng tiêu cực, tiếp thu một cách chọn lọc nhất những giá trị tốt đẹp của thời đại về gia đình phù hợp với giá trị văn hoá truyền thống của dân tộc Việt Nam và với xu thế phát triển tiến bộ của thời đại.

***b) Gia đình mới ở nước ta hiện nay được xây dựng trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ***

Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ là hôn nhân được xây dựng trên cơ sở tình yêu chân chính giữa nam và nữ. Nói cách khác, tình yêu chân chính là cơ sở mà qua đó hai bên nam nữ ngày càng gắn bó với nhau, không thể thiếu nhau được, mong muốn chia sẻ với nhau những khó khăn, sẵn sàng cùng nhau xây dựng cuộc sống chung trong hạnh phúc gia đình.

Tình yêu chân chính là cơ sở của hôn nhân. Từ tình yêu chân chính phát triển thành hôn nhân được gọi là hôn nhân tự nguyện, tiến bộ trên cơ sở hai bên nam và nữ thương yêu nhau, *tự nguyện kết hôn* với nhau mà không bị ép buộc từ phía các thành viên khác trong gia đình. Hôn nhân tự nguyện là việc hai bên nam nữ có quyền tự quyết định việc kết hôn của mình, nhưng việc kết hôn ấy phải dựa trên tình yêu thực sự của hai người đối với nhau và điều quan trọng là phải được pháp luật thừa nhận thông qua việc kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. .

*"Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định, không bên nào được ép buộc, lừa dối bên nào ; không ai được cưỡng ép hoặc cản trở".*

(Khoản 2 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000).



*"Cấm tảo hôn, cưỡng ép kết hôn, cản trở hôn nhân tự nguyện, tiến bộ ; cấm kết hôn giả tạo, lừa dối để kết hôn, ly hôn ; cấm cưỡng ép ly hôn, ly hôn giả tạo, cấm yêu sách của cải trong việc cưới hỏi..."*

(Trích khoản 2 Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000).

Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ bao gồm *tự do kết hôn* và *tự do ly hôn*. Quyền tự do ly hôn mà pháp luật quy định nhằm giải phóng cho hai bên nam và nữ khỏi những ràng buộc pháp lý khi họ không còn yêu thương nhau và không còn có thể chung sống với nhau được nữa. Vì lẽ đó, Luật Hôn nhân và gia đình nước ta thừa nhận quyền tự do ly hôn của vợ và chồng. Quyền này được thực hiện thông qua ý chí của vợ, chồng hoặc của cả hai người yêu cầu Toà án giải quyết việc ly hôn. Toà án xem xét yêu cầu ly hôn, nếu xét thấy tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được thì Toà án quyết định cho ly hôn.

Cần nhận thức đúng đắn rằng, pháp luật nước ta một mặt thừa nhận quyền tự do ly hôn của vợ, chồng, nhưng mặt khác cũng khuyến khích việc hoà giải khi vợ, chồng có yêu cầu ly hôn với mong muốn có thể hàn gắn những rạn nứt trong quan hệ vợ chồng, không mong muốn có nhiều cuộc ly hôn xảy ra.

***c) Gia đình mới ở Việt Nam được xây dựng trên cơ sở bình đẳng, với các quyền và nghĩa vụ qua lại giữa các thành viên trong gia đình***

Trong quan hệ gia đình có các quan hệ qua lại giữa vợ và chồng ; quan hệ giữa cha mẹ và con ; quan hệ giữa ông bà và cháu ; quan hệ giữa anh chị em với nhau.

Mối quan hệ trước tiên và cơ bản nhất là quan hệ giữa vợ và chồng. Quan hệ này cần phải được xây dựng trên cơ sở bình đẳng trong việc quyết định các công việc lớn của gia đình cũng như tham gia vào các hoạt động xã hội. Vợ, chồng bình đẳng với nhau, có nghĩa vụ và quyền ngang nhau về mọi mặt trong gia đình. Vợ, chồng có quyền và nghĩa vụ ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung của gia đình.

Trong quan hệ giữa cha mẹ và con, cha mẹ có nghĩa vụ và quyền thương yêu, trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con ; tôn trọng ý kiến của con ; chăm lo việc học tập và giáo dục để con phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ và đạo đức, trở thành người con hiếu thảo của gia đình, công dân có ích cho xã hội. Con có bốn phận yêu quý, kính trọng, biết ơn, hiếu thảo với cha mẹ, lắng nghe những lời khuyên bảo đúng đắn của cha mẹ, giữ gìn danh dự, truyền thống tốt đẹp của gia đình.

***d) Xây dựng gia đình mới ở nước ta hiện nay gắn liền với việc hình thành và xác lập, củng cố từng bước quan hệ gắn bó với cộng đồng, với các thiết chế, tổ chức ngoài gia đình***

Trong giai đoạn hiện nay, xây dựng gia đình mới cần chú ý giữ gìn và phát huy các giá trị truyền thống văn hoá tốt đẹp của dân tộc Việt Nam như truyền thống đoàn kết, tương trợ, thương yêu đùm bọc lẫn nhau...

Các gia đình Việt Nam phải cùng nhau đoàn kết và giúp đỡ lẫn nhau thực hiện các chủ trương, chính sách mới của Đảng và Nhà nước ; cùng nhau thực hiện những quy ước, những

truyền thống tiến bộ của gia đình, làng xóm ; cùng nhau chung sức chung lòng xây dựng làng xóm, phố phường nơi mình sống, làm việc.

## **2. Một số nội dung cơ bản về xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay**

### ***a) Xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc***

Xây dựng gia đình ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc là mục tiêu mà chúng ta cần hướng tới phấn đấu để đạt được.

Xây dựng gia đình no ấm là nhằm làm thoả mãn những nhu cầu vật chất và tinh thần cơ bản phù hợp với sức lao động của mỗi gia đình, là kết quả của quá trình lao động cần cù, sáng tạo của mỗi thành viên và của cả gia đình. Xây dựng gia đình ấm no là mục tiêu của Đảng ta mà sinh thời Chủ tịch Hồ Chí Minh hằng mong muốn.

Ngoài mục tiêu xây dựng gia đình ấm no chúng ta cần quan tâm xây dựng gia đình bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Gia đình hạnh phúc không chỉ ở cuộc sống ấm no mà còn cần phải có quan hệ bình đẳng giữa các thành viên : giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và các con, giữa ông bà và các cháu, giữa anh chị em với nhau trên cơ sở hoà thuận nhưng phải kính trên nhường dưới.

### ***b) Xây dựng gia đình mới trên cơ sở giải quyết hài hoà mối quan hệ giữa tăng trưởng kinh tế với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội***

Ở nước ta, trong giai đoạn hiện nay cũng như sau này, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội phải luôn luôn chú ý tới việc giải quyết các vấn đề xã hội, trong đó có yêu cầu xây dựng gia đình mới ấm no, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc. Nhà nước ta đã và đang xây dựng hệ thống chính sách, đề ra các biện pháp nhằm giải quyết vấn đề xoá đói giảm nghèo, lao động và việc làm, ổn định đời sống nhân dân, dân số và kế hoạch hoá gia đình, chăm sóc sức khoẻ cộng đồng v.v...

### ***c) Phát huy vai trò của người phụ nữ trong gia đình và xã hội***

Không thể xây dựng được gia đình mới nếu như không quan tâm tới vấn đề phát huy vai trò của người phụ nữ trong gia đình và trong xã hội. Để thực hiện được nhiệm vụ này, vấn đề cơ bản và cấp bách là phải có các chính sách xã hội nhằm giải phóng phụ nữ, từng bước khắc phục tiến tới đẩy lùi những tàn tích của tư tưởng cũ đang làm hạn chế, kìm hãm vai trò của người phụ nữ.

## **Câu hỏi thảo luận và ôn tập**

1. Phân tích định nghĩa và các đặc trưng cơ bản của gia đình.
2. Phân tích mối quan hệ biện chứng giữa gia đình và xã hội.
3. Trình bày các chức năng cơ bản của gia đình.
4. Phân tích những điều kiện và tiền đề xây dựng gia đình trong chủ nghĩa xã hội.
5. Phân tích những định hướng và nội dung cơ bản về xây dựng gia đình ở Việt Nam hiện nay.

## *Chương XII*

# VẤN ĐỀ NGUỒN LỰC CON NGƯỜI TRONG QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Nguồn lực con người có vai trò to lớn trong sự phát triển bền vững của mỗi quốc gia, là nhân tố có vai trò quyết định trong các nhân tố, các nguồn lực của sự phát triển lịch sử. Để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội cần phải quan tâm đến việc xây dựng và phát huy có hiệu quả nguồn lực con người.

## I - NGUỒN LỰC CON NGƯỜI VÀ VAI TRÒ CỦA NÓ TRONG SỰ NGHIỆP XÂY DỰNG CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

### 1. Quan niệm về con người và nguồn lực con người

#### *a) Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin về con người*

Trong lịch sử phát triển của nhân loại có rất nhiều quan niệm khác nhau về con người.

Những người theo chủ nghĩa duy tâm, tôn giáo quan niệm rằng, con người do một lực lượng siêu nhiên nào đó sinh ra: Đạo Thiên chúa cho rằng con người do Chúa tạo ra, hay Nho giáo cho rằng Trời sinh ra con người. Platôn (427-347 trước Công nguyên) - nhà triết học duy tâm của Hy Lạp cổ đại cho rằng, thể xác con người được cấu thành từ lửa, nước, không khí và đất, cho nên không bất diệt; còn linh hồn thì bất diệt, bởi vì, linh hồn là sản phẩm của linh hồn vũ trụ được tạo ra từ lâu bởi thượng đế. Hêghen (1770-1831) - nhà triết học duy tâm cổ điển Đức cho rằng, con người là sản phẩm và là giai đoạn phát triển cao nhất của ý niệm tuyệt đối.

Các nhà duy vật trước Mác (ví dụ như Phoiơbác - nhà triết học cổ điển Đức) cho rằng con người là một thực thể sinh vật có cảm giác, biết tư duy, có ham muốn, có ước mơ, là một bộ phận của giới tự nhiên. Song, ông lại không thấy được phương diện xã hội của con người.

- Chủ nghĩa Mác - Lênin cho rằng, con người vừa là một thực thể tự nhiên, vừa là một thực thể xã hội, đồng thời là chủ thể cải tạo hoàn cảnh, sáng tạo ra lịch sử.

Mặt tự nhiên (mặt sinh vật) của con người được thể hiện ở sự hoạt động của các quy luật sinh vật học trong con người. Con người, cũng như mọi sinh vật khác, có sinh có tử, sinh thì hữu hạn, tử thì bất kỳ. Quá trình phát triển của con người cũng phải trải qua các giai đoạn từ bào thai... đến nhi đồng,... từ thanh niên, trung niên đến già lão... Mặt tự nhiên của con người còn được thể hiện ở các nhu cầu bản năng, tất yếu khách quan như: ăn, uống, mặc, ở, đi lại, sinh sản, bảo vệ và phát triển nòi giống, v.v...

Song, con người không thể tồn tại được nếu tách khỏi xã hội. Bởi vì, chỉ trong xã hội con người mới có thể trao đổi lao động cho nhau, thông qua đó mà con người mới thỏa mãn những nhu cầu trong cuộc sống. Trong xã hội thông qua quan hệ với người khác mà mỗi người nhận

thức về mình một cách đầy đủ hơn, trên cơ sở đó mà rèn luyện, phấn đấu vươn lên về mọi mặt, từng bước hoàn thiện nhân cách.

Là một thực thể xã hội, con người tất yếu chịu sự tác động của những quy luật xã hội, của những điều kiện kinh tế - xã hội mà trong đó con người đang tồn tại. Chính sự tác động đó đã tạo nên mặt xã hội và cũng là mặt bản chất của con người. Như Mác đã khẳng định "trong tính hiện thực của nó, bản chất con người là tổng hòa những quan hệ xã hội"<sup>(1)</sup>.

Là một thực thể xã hội, con người đồng thời còn là chủ thể cải tạo hoàn cảnh, sáng tạo ra lịch sử. Chính thông qua hoạt động thực tiễn con người không chỉ làm biến đổi tự nhiên mà còn làm cho xã hội biến đổi và phát triển. Xã hội càng phát triển, năng suất lao động ngày càng cao, của cải vật chất ngày càng dồi dào càng tạo điều kiện cho con người phát triển cả về thể lực và trí lực. Khi con người được chăm sóc đầy đủ, có sức khỏe, trí tuệ, học vấn,... sẽ có điều kiện cống hiến cho xã hội ngày càng nhiều hơn.

Xuất phát từ những lập luận trên đây, kết luận tất yếu rút ra là, con người, một mặt là sản phẩm của lịch sử (của hoàn cảnh tự nhiên và xã hội); mặt khác, là chủ thể sáng tạo ra chính quá trình lịch sử đó. Do vậy, để xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội cần phải xây dựng những con người xã hội chủ nghĩa.

### ***b) Về nguồn lực con người***

Các lĩnh vực khoa học khác nhau có thể hiểu nguồn lực theo những cách khác nhau, nhưng nghĩa chung nhất: nguồn lực là một hệ thống các nhân tố trong đó mỗi nhân tố có vai trò riêng và có mối quan hệ với nhau tạo nên sự phát triển của một sự vật hay hiện tượng nào đó.

Từ cách hiểu như vậy, có thể đưa ra một định nghĩa về nguồn lực con người như sau: nguồn lực con người là tổng thể những yếu tố thuộc về thể chất, tinh thần, đạo đức, phẩm chất, trình độ tri thức, vị thế xã hội, v.v.. tạo nên năng lực của con người, của cộng đồng người có thể sử dụng, phát huy trong quá trình phát triển xã hội.

Từ định nghĩa trên đây chúng ta thấy nguồn lực con người bao gồm những nội dung sau:

*Một là*, nguồn lực con người đó là một chủ thể tổng hợp, bao gồm các giai cấp, tầng lớp xã hội khác nhau, nhưng thống nhất và liên kết chặt chẽ với nhau, tác động qua lại và hoạt động của các giai tầng ấy đảm bảo sự phát triển tiến bộ của xã hội.

*Hai là*, nguồn lực con người còn được hiểu là những tiêu chí về số lượng và chất lượng của nguồn nhân lực nói lên khả năng của con người, của cộng đồng như là một tiềm năng cần khai thác và phát huy trong quá trình cải tạo xã hội cũ và xây dựng xã hội mới.

- Số lượng nguồn nhân lực được xác định trên quy mô dân số, cơ cấu độ tuổi, sự tiếp nối các thế hệ, giới tính và sự phân bố dân cư giữa các vùng, các miền của đất nước, giữa các ngành kinh tế, giữa các lĩnh vực của đời sống xã hội.

- Chất lượng nguồn nhân lực là một khái niệm tổng hợp, bao gồm những nét đặc trưng về thể lực, trí lực, trình độ tay nghề, năng lực quản lý, mức độ thành thạo trong công việc, phẩm

---

<sup>(1)</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H. , 1995, t 3, tr.11.

chất đạo đức, thái độ lao động, tình yêu quê hương đất nước, ý thức giai cấp, ý thức và bản lĩnh chính trị, ý thức về trách nhiệm cá nhân với công việc, với gia đình và xã hội, v.v..

Số lượng và chất lượng nguồn nhân lực có quan hệ với nhau rất chặt chẽ. Nếu số lượng nguồn nhân lực quá ít sẽ gây khó khăn cho phân công lao động xã hội, và do đó chất lượng lao động cũng bị hạn chế. Chất lượng nguồn nhân lực được nâng cao sẽ góp phần làm giảm số lượng người hoạt động trong một đơn vị sản xuất, kinh doanh hay giảm số người hoạt động trong một tổ chức xã hội.

Xã hội muốn phát triển nhanh và bền vững phải quan tâm đến việc đào tạo nguồn nhân lực có chất lượng ngày càng cao. Muốn thực hiện được điều đó, cần có sự quan tâm ngay trong quá trình đào tạo, trong quá trình sử dụng và phân công lao động xã hội.

## **2. Vai trò của nguồn lực con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội**

Trong số các nguồn lực có thể khai thác để xây dựng và phát triển xã hội thì nguồn lực con người là quyết định. Bởi vì, những nguồn lực khác (nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học và công nghệ, nguồn vốn trong nước và nguồn vốn có thể tranh thủ từ nước ngoài...) chỉ phát huy tác dụng khi kết hợp với nguồn lực con người và phụ thuộc vào khả năng khai thác của con người. Hơn nữa, những nguồn lực này là hữu hạn và ngày càng cạn kiệt khi được khai thác; ngược lại, nguồn lực con người thì ngày càng đa dạng, phong phú và có thể nói nó là vô tận (ví dụ như trí tuệ con người có một tiềm năng vô tận).

Để hiểu rõ hơn và cụ thể hơn về vai trò của nguồn lực con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội, cần đi vào nghiên cứu vấn đề này trong một số lĩnh vực cơ bản.

### ***a) Vai trò của nguồn lực con người trong lĩnh vực kinh tế***

Trong lĩnh vực kinh tế, cần xem xét con người với tư cách là lực lượng sản xuất và vai trò của nó trong quan hệ sản xuất.

Trong bất cứ xã hội nào, người lao động cũng là yếu tố quan trọng nhất trong lực lượng sản xuất. Ngày nay, khoa học - kỹ thuật và công nghệ ngày càng phát triển, hàm lượng chất xám kết tinh trong giá trị của hàng hóa ngày càng cao, thì vai trò của người lao động có trí tuệ lại càng quan trọng trong lực lượng sản xuất của xã hội.

Dưới chủ nghĩa xã hội, con người được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, trở thành người làm chủ những tư liệu sản xuất, có điều kiện để phát triển toàn diện cả thể lực và trí lực, biết kết hợp có hiệu quả các yếu tố của quá trình sản xuất, v.v... do vậy, hiệu quả sản xuất kinh doanh tất yếu sẽ tốt hơn.

Trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội, người lao động đã trở thành những người làm chủ đất nước, làm chủ quá trình tổ chức và quản lý sản xuất, từ việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh tới việc tổ chức sản xuất kinh doanh và làm chủ quá trình phân phối sản phẩm. Tất cả điều đó tạo ra điều kiện thuận lợi để phát huy những tiềm năng của nguồn lực con người trong sự nghiệp xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội, làm cho đất nước ngày càng giàu mạnh.

### ***b) Vai trò của nguồn lực con người trong lĩnh vực chính trị***

Vai trò của nguồn lực con người trong lĩnh vực chính trị được thể hiện rõ nhất trong việc xây dựng và bảo vệ nhà nước xã hội chủ nghĩa.

Dưới chủ nghĩa xã hội, con người được giải phóng khỏi áp bức bóc lột, trở thành người làm chủ đất nước, nhân dân tự lập ra nhà nước của mình dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản.

Nhà nước xã hội chủ nghĩa là nhà nước do nhân dân xây dựng lên, là nhà nước của dân, do dân và vì dân. Do vậy, bảo vệ nhà nước xã hội chủ nghĩa cũng là nhân dân. Dưới chủ nghĩa xã hội, ý thức và năng lực làm chủ của người dân ngày càng được nâng cao, họ càng thấy rõ được trách nhiệm của mình trong việc xây dựng và bảo vệ nhà nước xã hội chủ nghĩa, trong việc lựa chọn những người có đức có tài vào các cơ quan nhà nước. Không chỉ như vậy, dưới chủ nghĩa xã hội, nhân dân ngày càng có điều kiện để tham gia vào công việc nhà nước. Nói về vai trò của quần chúng trong việc tham gia công việc của nhà nước, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã chỉ ra rằng, khi người dân "... biết hưởng quyền dân chủ, biết dùng quyền dân chủ của mình, dám nói, dám làm"<sup>(1)</sup>, "thì việc gì khó khăn mấy họ cũng làm được, hy sinh mấy họ cũng không sợ"<sup>(2)</sup>.

Từ những phân tích trên đây, có thể khẳng định rằng, dưới chủ nghĩa xã hội, nguồn lực con người (nhân dân lao động) là lực lượng to lớn nhất trong việc xây dựng nhà nước xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân; trong quá trình đấu tranh bảo vệ những thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, đấu tranh làm thất bại mọi âm mưu phá hoại của kẻ thù.

### ***c) Vai trò của nguồn lực con người trong lĩnh vực văn hóa***

Dưới chủ nghĩa xã hội, nhân dân lao động đã trở thành người làm chủ đời sống văn hóa của xã hội. Toàn bộ hệ thống báo chí, phát thanh, truyền hình, v.v... đều do nhà nước quản lý nhằm phục vụ đắc lực cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa, góp phần nâng cao đời sống văn hóa cho quần chúng nhân dân lao động.

Làm chủ đời sống văn hóa, dưới chủ nghĩa xã hội, quần chúng nhân dân lao động đồng thời cũng là chủ thể sáng tạo ra những giá trị văn hóa. Một khi con người đã được giải phóng khỏi áp bức bóc lột và bất công, trở thành người làm chủ xã hội, đời sống vật chất ngày càng được nâng cao, lại có tri thức, có điều kiện thuận lợi cho hoạt động sáng tạo và mở rộng các quan hệ xã hội, v.v... thì càng có điều kiện tham gia vào các hoạt động văn hóa, sáng tạo ra những công trình văn hóa, các tác phẩm nghệ thuật, v.v...

Dưới chủ nghĩa xã hội, quần chúng nhân dân lao động còn là lực lượng to lớn trong việc giữ gìn và bảo vệ những di sản văn hóa của dân tộc, kế thừa và phát huy những truyền thống văn hóa tốt đẹp của các dân tộc trong nước, tiếp thu những tinh hoa văn hóa nhân loại, xây dựng một xã hội dân chủ, văn minh vì lợi ích chân chính và phẩm giá con người..."<sup>(1)</sup>.

---

(1) Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H., 2000, tập 12, tr. 223.

(2) *Sđđ*, tập 5, tr. 246.

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, H., 1991, t. 10.

## II - PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI Ở VIỆT NAM TRONG NHỮNG NĂM QUA

Phát huy nguồn lực con người là quá trình đào tạo, bồi dưỡng làm tăng nguồn lực con người về các mặt: thể lực, trí lực, phẩm chất đạo đức, v.v... là quá trình khai thác có hiệu quả những yếu tố đó trong lao động, học tập, chiến đấu nhằm phục vụ cho sự nghiệp xây dựng đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

### 1. Những kết quả đạt được

#### *a) Trên lĩnh vực chính trị*

Sau Cách mạng tháng Tám năm 1945, nhân dân ta đã từ thân phận người dân bị mất nước, người dân nô lệ trở thành người dân làm chủ đất nước. Mọi công dân Việt Nam không phân biệt giàu nghèo, trai gái, dân tộc, tôn giáo, đều có quyền bầu cử, lựa chọn ra những đại biểu xứng đáng, có tài có đức để tham gia công việc nhà nước. Ai muốn giúp nước đều có quyền ứng cử.

Nhà nước Việt Nam sau Cách mạng tháng Tám là nhà nước của dân, do dân, vì dân, tạo điều kiện cho mọi người dân phát huy tài năng, trí tuệ đóng góp xây dựng đất nước. Ngay sau ngày độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã phát động toàn dân thực hiện xóa nạn mù chữ.

#### *b) Trên lĩnh vực kinh tế - xã hội*

Kinh tế tăng trưởng khá, năng suất lao động ngày càng cao, đã tạo điều kiện cải thiện đáng kể đời sống nhân dân, giúp cho việc chăm sóc con người ngày một tốt hơn. Điều kiện ăn, ở, đi lại, học hành của nhân dân đã được cải thiện rất nhiều so với trước.

Đảng và Nhà nước ta đã tạo những điều kiện thuận lợi cho mọi người dân tham gia đóng góp ý kiến trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước, cũng như kế hoạch phát triển kinh tế của từng địa phương, từng cơ sở sản xuất kinh doanh. Trong nhiều đơn vị kinh tế đã động viên được mọi người dân đóng góp tài năng, trí tuệ, thực hiện cải tiến kỹ thuật, thay đổi quy trình sản xuất tạo ra năng suất lao động và hiệu quả kinh tế cao.

#### *c) Trên lĩnh vực giáo dục đào tạo, y tế*

Tỷ lệ dân số biết chữ tăng từ 5% (trước Cách mạng Tháng Tám) lên 90%. Nhiều tỉnh đã hoàn thành xóa nạn mù chữ, phổ cập tiểu học hay trung học cơ sở. Giáo dục miền núi, vùng sâu, vùng xa được quan tâm ngày một tốt hơn. Đảng và Nhà nước ta đã khẳng định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, tạo ra điều kiện thuận lợi để "cả nước trở thành một xã hội học tập"<sup>(1)</sup>.

Mấy chục năm qua chúng ta đã đào tạo được một đội ngũ trí thức đông đảo, hơn mười nghìn người có trình độ trên đại học, hơn một triệu người có trình độ đại học đang công tác trong các lĩnh vực của đời sống xã hội, họ đã có những đóng góp to lớn trong cuộc kháng chiến giải

---

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, H., 2001, tr. 109.

phóng dân tộc, trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội và ngày nay đang tích cực đóng góp cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Việc chăm sóc sức khỏe nhân dân cũng ngày càng được quan tâm tốt hơn. Nhiều cơ sở khám, chữa bệnh được xây dựng tới tận các xã, kể cả vùng sâu, vùng xa. Tuổi thọ trung bình của người Việt Nam đã tăng nhiều so với trước đây. Thể lực của người Việt Nam cũng đã được cải thiện hơn nhiều so với trước. Trang thiết bị trong các bệnh viện, trong các cơ sở khám chữa bệnh ngày một đầy đủ và hiện đại.

Do trình độ học vấn của người Việt Nam được nâng lên, quan hệ xã hội, giao lưu quốc tế ngày càng mở rộng, cho nên, tính tích cực xã hội, tính tự chủ, sự năng động sáng tạo của con người Việt Nam cũng đã được nâng lên nhiều so với trước đây.

Nhìn chung, trong những năm qua, Đảng và Nhà nước ta đã chăm lo tới việc bồi dưỡng nguồn nhân lực của đất nước cả về sức khỏe, tri thức, năng lực, phẩm chất đạo đức; tạo điều kiện cho mỗi người phát huy khả năng của mình đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.

## **2. Những hạn chế trong việc phát huy nguồn lực con người ở Việt Nam**

Do có lúc tuyệt đối hóa mặt xã hội của con người nên dẫn đến việc coi nhẹ mặt tự nhiên của con người, chưa quan tâm đúng mức tới những nhu cầu vật chất, tới lợi ích cá nhân người lao động; có lúc, có nơi đã đồng nhất lợi ích cá nhân với chủ nghĩa cá nhân. Tất cả điều đó đã làm hạn chế tính tích cực xã hội của người lao động, vai trò của cá nhân bị lu mờ, tài năng cá nhân không được khuyến khích phát huy.

Có những thời kỳ chúng ta hiểu chưa thực sự đúng đắn chủ nghĩa Mác-Lênin về quan hệ biện chứng giữa lợi ích giai cấp, lợi ích dân tộc và lợi ích nhân loại, đề cao quá mức tính giai cấp cho nên không chú ý đến việc tiếp thu, kế thừa những giá trị của nhân loại (đặc biệt là những thành tựu về khoa học và công nghệ mà nhân loại đã đạt được dưới chế độ tư bản chủ nghĩa); chưa chú ý một cách đúng mức đến việc kế thừa và phát huy những giá trị truyền thống của dân tộc (truyền thống trong lao động, trong học tập, trong xây dựng và bảo vệ đất nước...). Nhiều gia đình ít chú ý tới giáo dục gia phong, gia lễ cho con cháu. Điều đó cũng là nguyên nhân tạo ra những khiếm khuyết về nhân cách trong một bộ phận thanh niên hiện nay (không chịu học tập rèn luyện, thiếu quyết tâm phấn đấu vươn lên lập thân lập nghiệp. Không ít thanh niên đi vào con đường cờ bạc, nghiện hút, tệ nạn xã hội...).

Tình trạng quan liêu trong bộ máy nhà nước, "tình trạng tham nhũng, suy thoái về tư tưởng chính trị, đạo đức, lối sống ở một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên"<sup>(1)</sup> đã gây ra những tác động xấu đến niềm tin của quần chúng đối với Đảng và Nhà nước ta, đến sự phấn đấu, tu dưỡng rèn luyện đạo đức của các thế hệ trẻ hôm nay.

Trong giáo dục - đào tạo "còn nhiều yếu kém bất cập cả về quy mô, cơ cấu và nhất là về chất lượng và hiệu quả; chưa đáp ứng những đòi hỏi lớn và ngày càng cao về nhân lực của

---

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, H., 2001, tr. 76.



công cuộc đổi mới kinh tế - xã hội, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, thực hiện công nghiệp hóa đất nước theo định hướng xã hội chủ nghĩa"<sup>(2)</sup>.

Những hạn chế trong việc xây dựng, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực con người Việt Nam trong thời gian qua do những nguyên nhân sau:

*Thứ nhất:* Nước ta quá độ lên chủ nghĩa xã hội từ một nước vốn là thuộc địa, nửa phong kiến, lực lượng sản xuất còn ở trình độ rất thấp, lại bị chiến tranh nhiều năm tàn phá, đời sống nhân dân còn rất nhiều khó khăn, tình trạng nghèo đói còn tồn tại trong một bộ phận dân cư, do vậy, việc chăm sóc đầy đủ, đảm bảo những điều kiện cho con người phát triển toàn diện còn nhiều hạn chế.

*Thứ hai:* Những ảnh hưởng của phong tục tập quán lạc hậu, thói quen của những người sản xuất nhỏ: thiếu ý thức tổ chức kỷ luật, cách nhìn thiển cận, tâm lý tự ty, tính ích kỷ, cục bộ địa phương, v.v...

*Thứ ba:* Trong quá trình chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường, mở rộng giao lưu quốc tế, một mặt cũng tạo ra những tác động tích cực, nhưng mặt khác cũng tạo ra những ảnh hưởng tiêu cực như: lối sống thực dụng, chỉ vì tiền, vì chức quyền mà không ít người có thể làm mọi việc bất chấp pháp luật, bất chấp luân thường đạo lý. Điều đó gây ra những tác động xấu cho xã hội.

*Thứ tư:* Sự đầu tư cho giáo dục - đào tạo còn hạn chế, "công tác quản lý giáo dục - đào tạo có những mặt yếu kém, bất cập... Giáo dục - đào tạo chưa kết hợp chặt chẽ với lao động sản xuất, nhà trường chưa gắn với gia đình và xã hội"<sup>(1)</sup>. Tình trạng tiêu cực trong giáo dục còn phổ biến ở nhiều nơi, số lượng và chất lượng đội ngũ giáo viên chưa đáp ứng yêu cầu phát triển giáo dục - đào tạo trong giai đoạn hiện nay. Tất cả những điều đó đang ảnh hưởng trực tiếp đến chất lượng đào tạo, tới việc xây dựng, bồi dưỡng và phát huy nguồn lực con người hiện nay ở nước ta.

*Thứ năm:* Những yếu kém trong quản lý nhà nước, hệ thống pháp luật chưa đồng bộ, sự bảo thủ trong một số cán bộ có chức quyền, tâm lý đố kỵ, ghen ghét với những người có năng lực của một số người đang hạn chế việc phát huy nguồn nhân lực ở nước ta hiện nay.

### III - NHỮNG PHƯƠNG HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP CƠ BẢN NHẪM PHÁT HUY NGUỒN LỰC CON NGƯỜI Ở NƯỚC TA HIỆN NAY

#### 1. Những phương hướng cơ bản

##### *a) Đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa với nội dung chuyển lao động thủ công sang lao động cơ khí máy móc sẽ làm cho năng suất lao động ngày nâng cao, của cải xã hội ngày càng nhiều,

---

<sup>(2)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, Văn kiện Hội nghị lần thứ hai Ban chấp hành Trung ương Trung ương khóa VIII, NXB Chính trị quốc gia, H., 1997, tr. 23-24.

<sup>(1)</sup> *Sđđ*, tr. 25-26.

trên cơ sở đó, phúc lợi xã hội tăng lên, xã hội và gia đình có điều kiện để quan tâm nhiều hơn đến giáo dục, đến việc chăm sóc sức khỏe, người dân có điều kiện thời gian để học tập, nghỉ ngơi và rèn luyện sức khỏe...

Công nghiệp hóa, hiện đại hóa sẽ tạo ra nhiều cơ hội để giải quyết việc làm, mở ra nhiều ngành nghề để thu hút người lao động. Đồng thời, công nghiệp hóa, hiện đại hóa cũng đặt ra những yêu cầu buộc người lao động phải phấn đấu vươn lên, nếu họ không muốn bị thải loại khỏi dây chuyền sản xuất.

Ở nước ta, quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa hướng vào công nghiệp hóa nông nghiệp và nông thôn. Đây là phương hướng đúng đắn, hợp lý để phát huy nguồn lực con người ở nước ta - một nước có tới 80% dân số sống ở nông thôn.

#### ***b) Xây dựng và từng bước hoàn chỉnh hệ thống chính sách xã hội phù hợp***

Chính sách xã hội là một bộ phận hợp thành hệ thống chính sách của Đảng và Nhà nước ta. Chính sách xã hội là những chính sách trực tiếp đảm bảo những nhu cầu về vật chất và tinh thần của con người, điều chỉnh các mối quan hệ xã hội giữa các giai tầng trong xã hội, đảm bảo sự tác động qua lại, sự vận động của các mối quan hệ đó theo định hướng xã hội chủ nghĩa, tạo điều kiện cho mọi người học tập, phấn đấu vươn lên, cống hiến hết sức mình cho xã hội.

Chính sách xã hội tạo ra khả năng đề ra những biện pháp cụ thể để điều chỉnh mức độ phát triển dân số, nâng cao sức khỏe, trình độ học vấn, trí tuệ của các cộng đồng người trong xã hội, do đó, tạo ra tiềm năng to lớn cho mọi người tham gia vào công cuộc xây dựng đất nước.

Chính sách xã hội còn tạo ra khả năng và đảm bảo trên thực tế những điều kiện để hình thành ở mỗi công dân trong chế độ mới nhân cách của con người xã hội chủ nghĩa và từng bước hoàn thiện nhân cách đó. Đến lượt nó, nhân tố con người được phát huy lại thúc đẩy tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội.

#### ***c) Từng bước xây dựng và không ngừng hoàn thiện cơ chế quản lý của chế độ xã hội chủ nghĩa***

Cơ chế quản lý của một xã hội là toàn bộ những thiết chế, những quy định về mối quan hệ trách nhiệm, quyền hạn giữa cá nhân với tổ chức, giữa tổ chức với tổ chức nhằm thực hiện mục đích quản lý xã hội theo một hướng nhất định của giai cấp cầm quyền.

Cơ chế quản lý của chế độ xã hội chủ nghĩa, xét về bản chất, là một cơ chế dân chủ, nó tiêu biểu cho ý chí, quyền lực của nhân dân lao động. Do đó, ngay từ đầu cơ chế này đã chứa đựng khả năng to lớn và những điều kiện thực tế (như chức năng, nhiệm vụ, các văn bản pháp luật, các phương tiện vật chất khác...) đảm bảo cho việc thu hút ngày càng đông đảo nhân dân tham gia vào các quá trình quản lý xã hội thông qua các hình thức hoạt động, phổ thông đầu phiếu, kiểm tra giám sát và đóng góp ý kiến cho các cơ quan nhà nước.

Thông qua những hoạt động trên đây, ý thức chính trị của mỗi công dân, của các giai tầng trong xã hội được nâng lên. Nhờ đó, công việc quản lý xã hội dần dần trở thành công việc của mọi người dân lao động.

Vì vậy, cơ chế quản lý xã hội càng được hoàn thiện theo hướng nhà nước thực sự là của dân, do dân và vì dân thì càng có tác dụng to lớn trong việc phát huy nhân tố con người, điều chỉnh các quan hệ xã hội cho phù hợp với định hướng xã hội chủ nghĩa, phát triển nguồn lực của đất nước.

## **2. Một số giải pháp nhằm phát huy nguồn lực con người ở nước ta hiện nay**

Các giải pháp nhằm phát huy nguồn lực con người ở nước ta cần phải được thể hiện tất cả các lĩnh vực của đời sống xã hội.

### ***a) Trong lĩnh vực kinh tế***

- Trước hết, phải nâng cao vị thế của người lao động trong quá trình sản xuất. Cần nhanh chóng khắc phục tình trạng tách người lao động khỏi tư liệu sản xuất. Thực hiện giao đất, giao rừng cho nông dân, tạo điều kiện cho mọi người dân làm chủ cụ thể những tư liệu sản xuất của xã hội, ở mọi thành phần kinh tế.

- Huy động rộng rãi nhân dân đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế xã hội của đất nước, của địa phương, đóng góp ý kiến xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, của đơn vị.

- Phát huy sáng kiến của người lao động, chăm lo đời sống vật chất tinh thần của họ, thực hiện phân phối công bằng, công khai, dân chủ.

- Động viên mọi người dân bỏ vốn ra sản xuất kinh doanh, khai thác thế mạnh của các địa phương, phát triển ngành nghề truyền thống, phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, phát huy trình độ tay nghề, năng lực quản lý kinh doanh của mỗi thành viên trong xã hội, để cùng với nhà nước giải quyết những khó khăn của đất nước.

- Tăng cường giáo dục đạo đức, khơi dậy lương tâm nghề nghiệp, nêu cao trách nhiệm của mỗi người trong sản xuất kinh doanh. Phê phán mạnh mẽ những biểu hiện không đúng, tiêu cực trong sản xuất kinh doanh: lười biếng, làm bừa, làm ẩu, gian lận, trốn thuế, v.v...

### ***b) Trong lĩnh vực chính trị***

- Nâng cao trình độ của cán bộ, đảng viên và nhân dân về nhận thức chính trị (chủ nghĩa Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm của Đảng ta), về pháp luật, về nhà nước của dân, do dân, vì dân; từ đó nâng cao trách nhiệm, năng lực và tính tích cực của họ trong việc tham gia vào công việc của Đảng, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội khác ở nước ta.

- Tăng cường vai trò kiểm tra giám sát của quần chúng nhân dân trong mọi hoạt động của bộ máy nhà nước, thực hiện dân chủ hóa đời sống xã hội, huy động đông đảo quần chúng nhân dân tham gia cuộc đấu tranh chống tham nhũng.

- Xây dựng cơ chế quản lý xã hội, quản lý nhà nước để người dân có điều kiện tham gia công việc nhà nước, công việc xã hội, thực sự là người chủ đất nước; khắc phục tình trạng trì trệ, bảo thủ trong một số cơ quan nhà nước.

- Phân biệt rõ trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, từng tập thể, từng cá nhân trong từng công việc, khắc phục tình trạng chồng chéo, hay buông lỏng quản lý nhà nước trong một số ngành, địa phương.

- Giáo dục tinh thần yêu nước, nâng cao ý thức tự cường dân tộc, trách nhiệm công dân, bản lĩnh chính trị của mỗi công dân. Kiên quyết đấu tranh với những hiện tượng tiêu cực, tình trạng vi phạm kỷ cương, phép nước và những âm mưu chống phá của kẻ thù, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa, bảo vệ thành quả cách mạng.

**c) Trong lĩnh vực xã hội**

- Từng bước khắc phục đi tới loại bỏ những phong tục tập quán lạc hậu, những quan hệ không bình đẳng, xây dựng quan hệ mới giữa người với người trên tinh thần tương trợ giúp đỡ lẫn nhau trong sản xuất kinh doanh, trong đời sống xã hội. Xây dựng quan hệ bình đẳng hữu nghị giúp đỡ lẫn nhau giữa các dân tộc, giữa các quốc gia.

- Cần thực hiện những biện pháp làm giảm dần khoảng cách chênh lệch giữa các tầng lớp dân cư, giữa các vùng lãnh thổ. Quan tâm tới những hộ nghèo, những gia đình khó khăn, những hộ chính sách xã hội, những vùng sâu, vùng xa tạo ra cơ hội phát triển cho mọi người, làm cho mọi người dân đều được hưởng những thành quả y tế, giáo dục, văn hóa,...

- Thực hiện chính sách xóa đói, giảm nghèo; tập trung giải quyết những vấn đề cấp bách về lao động, việc làm; trên cơ sở đó, người lao động mới có điều kiện nâng cao trình độ tri thức, trình độ tay nghề, mới có môi trường rèn luyện phấn đấu, cống hiến sức mình cho đất nước, cho xã hội.

**d) Trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo**

- "Giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu nhằm nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài"<sup>(1)</sup> cho đất nước, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa hiện nay. Cần phải tuyên truyền làm cho mọi người dân thấy được trách nhiệm của mình đối với sự nghiệp chung của đất nước mà quan tâm tới lĩnh vực này.

- Tăng cường hơn nữa sự phối hợp giữa gia đình, nhà trường và xã hội trong giáo dục và đào tạo thế hệ trẻ.

- Để đào tạo ra những cán bộ vừa "hồng" vừa "chuyên" có ý thức và năng lực làm chủ đất nước, làm chủ xã hội, cần phải có sự đổi mới nội dung và phương pháp giáo dục. Nội dung giáo dục phải phản ánh được những tri thức quan trọng nhất của thời đại, những thành tựu mới nhất của khoa học công nghệ, phải góp phần giáo dục lòng yêu nước, ý thức tự cường dân tộc, hình thành nhân cách mới của người lao động.

- Phải tích cực đổi mới phương pháp dạy và học. Phương pháp dạy phải kích thích được tính sáng tạo, sự hăng say tìm tòi nghiên cứu của người học. Phương pháp học phải độc lập tự chủ, biết vận dụng kiến thức đã học vào giải thích và giải quyết những vấn đề thực tiễn cuộc sống đang đặt ra.

**e) Trong lĩnh vực tư tưởng, văn hóa, nghệ thuật**

- Đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên lĩnh vực tư tưởng, phê phán tư tưởng phản động đang tìm cách phủ nhận con đường xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam.

---

<sup>(1)</sup> *Sđd*, tr.107.

- "Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, tiếp tục làm sáng tỏ hơn nữa lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta"<sup>(2)</sup>.

- "Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị, tạo nên sự thống nhất cao hơn nữa trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân"<sup>(1)</sup>, đấu tranh chống chủ nghĩa cá nhân, tư tưởng cơ hội, thực dụng, chặn đà suy thoái về đạo đức, lối sống.

- Cần tăng cường hơn nữa công tác quản lý nhà nước trong hoạt động sáng tác, biểu diễn, sao cho văn học nghệ thuật phải cổ vũ cho cái hay, cái đẹp, góp phần xây dựng lối sống lành mạnh, nâng cao những giá trị nhân văn, phát huy những giá trị tốt đẹp trong con người Việt Nam.

### **Câu hỏi thảo luận và ôn tập**

1. Trình bày quan điểm của chủ nghĩa Mác-Lênin về con người, bản chất con người.
2. Phân tích quan niệm về nguồn lực con người trong mối quan hệ với các nguồn lực khác (nguồn lực tự nhiên, nguồn lực khoa học và công nghệ...). Liên hệ với nguồn lực con người Việt Nam.
3. Trình bày vai trò của nguồn lực con người trong sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội.
4. Những phương hướng và giải pháp cơ bản nhằm phát huy nguồn lực con người ở nước ta hiện nay?

---

<sup>(2)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương khóa IX*, NXB Chính trị quốc gia, H., 2003, tr. 66-67.

<sup>(1)</sup> *Sđđ*, tr. 66-67.

## *Chương XIII*

# CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HÓA

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là cuộc cách mạng toàn diện, sâu sắc và triệt để nhất trong lịch sử, do giai cấp công nhân lãnh đạo thông qua đội tiên phong của mình là Đảng Cộng sản. Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa là một bộ phận hợp thành của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa.

## I - TÍNH TẤT YẾU CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HÓA

### 1. Khái niệm cách mạng tư tưởng và văn hóa

Để hiểu khái niệm "cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa (gọi tắt là "cách mạng tư tưởng và văn hóa"), trước hết cần làm rõ một số khái niệm sau:

*Tư tưởng* là quan điểm và ý nghĩ chung của con người đối với thế giới tự nhiên và xã hội<sup>(1)</sup>.

Tư tưởng thuộc phạm trù ý thức, tồn tại như một thực tế khách quan, gắn liền với hoạt động của con người. Tư tưởng là sản phẩm chủ quan của con người, nhưng tư tưởng của mỗi người lại phụ thuộc chặt chẽ vào đối tượng phản ánh và trình độ nhận thức của bản thân người đó. Sự vận động và phát triển của thực tại khách quan tác động vào tư tưởng của con người và làm thay đổi nhận thức, tư tưởng của họ.

*Hệ tư tưởng* là hệ thống các quan điểm lý luận được xây dựng theo một hệ thống chặt chẽ, thể hiện thế giới quan, nhân sinh quan, các nguyên tắc, quan điểm của giai cấp thống trị, được truyền bá vào trong xã hội một cách có mục đích và đóng vai trò chủ đạo cho mọi hoạt động của một chế độ xã hội.

Hệ tư tưởng là một bộ phận của kiến trúc thượng tầng, nó đảm bảo về tư tưởng và lý luận cho giai cấp cầm quyền thực thi các mục tiêu, bảo vệ lợi ích và quyền lực của mình, hình thành đời sống tinh thần và văn hóa tinh thần của xã hội, phù hợp với thể chế mà giai cấp cầm quyền tạo ra.

Hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa là hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, mang bản chất khoa học và cách mạng. Đó là hệ tư tưởng tiên tiến nhất, thể hiện sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân, khát vọng cao cả của nhân loại trong cuộc đấu tranh xóa bỏ ách áp bức bóc lột của giai cấp tư sản, tiến tới chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản.

---

<sup>(1)</sup> Xem: Nguyễn Như Ý (Chủ biên), *Đại từ điển tiếng Việt*, NXB Văn hóa - Thông tin, H., 1999, tr. 1757.

Hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa được thể hiện trong toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, là hệ tư tưởng tiên tiến nhất mà các Đảng Cộng sản lấy đó làm kim chỉ nam cho hành động cách mạng của mình, coi đó là cơ sở tư tưởng và lý luận cho đường lối, chính sách của Đảng Cộng sản, từ đó truyền bá trong xã hội, giác ngộ giai cấp công nhân và nhân dân lao động hoạt động sản xuất và đấu tranh giải phóng xã hội, giải phóng mình.

*Văn hóa* là toàn bộ những giá trị vật chất và tinh thần do con người và loài người sáng tạo ra nhờ lao động và hoạt động thực tiễn.

Theo nghĩa rộng, văn hóa bao gồm cả văn hóa vật chất và văn hóa tinh thần. Theo nghĩa hẹp, văn hóa được hiểu chủ yếu là văn hóa tinh thần, trước hết là tư tưởng, lý luận và những gì được sáng tạo ra trong đời sống tinh thần và hoạt động tinh thần của con người. Tư tưởng cũng như văn học, nghệ thuật là những biểu hiện trực tiếp của văn hóa tinh thần. Chủ tịch Hồ Chí Minh định nghĩa về văn hóa bao hàm cả hai cấp độ rộng, hẹp đó. Người viết: "Vì lẽ sinh tồn cũng như mục đích của cuộc sống, loài người mới sáng tạo và phát minh ra ngôn ngữ, chữ viết, đạo đức, pháp luật, khoa học, tôn giáo; văn học, nghệ thuật, những công cụ cho sinh hoạt hàng ngày về mặc, ăn, ở và các phương thức sử dụng. Toàn bộ những sáng tạo và phát minh đó tức là văn hóa. Văn hóa là sự tổng hợp của mọi phương thức sinh hoạt cùng với những biểu hiện của nó mà loài người đã sản sinh ra nhằm thích ứng những nhu cầu đời sống và đòi hỏi của sự sinh tồn"<sup>(1)</sup>.

*Cách mạng tư tưởng và văn hóa* - một bộ phận hợp thành của cách mạng xã hội chủ nghĩa - là sự biến đổi cách mạng trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa nhằm xác lập hệ tư tưởng mới, xây dựng con người với đạo đức và lối sống mới, xây dựng nền văn hóa mới trong toàn bộ tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo.

## **2. Tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa**

Cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc cách mạng toàn diện và triệt để nhất trong lịch sử. Vì vậy, sau khi giai cấp công nhân và nhân dân lao động giành được chính quyền nhà nước, thiết lập được chế độ công hữu về những tư liệu sản xuất chủ yếu thì cách mạng xã hội chủ nghĩa tất yếu và cần thiết được tiếp tục triển khai trên quy mô rộng lớn với những nhiệm vụ mới, vừa cải tạo xã hội cũ, vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội trên mọi lĩnh vực đời sống xã hội, trong đó có lĩnh vực tư tưởng và văn hóa.

Tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa xuất phát từ những căn cứ sau đây:

### ***a) Xuất phát từ đòi hỏi thay đổi phương thức sản xuất tinh thần***

Cách mạng tư tưởng và văn hóa là cần thiết và tất yếu để thay đổi phương thức sản xuất tinh thần, làm cho phương thức sản xuất tinh thần của xã hội phù hợp với phương thức sản xuất mới (xét về mặt kinh tế đã hình thành). Tư tưởng và văn hóa tinh thần thuộc về kiến trúc thượng tầng. Chỉ có thông qua cách mạng về tư tưởng và văn hóa mới có thể thay đổi được kiến trúc thượng tầng, làm cho kiến trúc thượng tầng phù hợp với cơ sở hạ tầng mới được xác lập trong chủ nghĩa xã hội. Cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực văn hóa do đó trở nên

---

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1995, t. 3, tr.431.

cần thiết và tất yếu để thay đổi ý thức xã hội, xây dựng ý thức xã hội mới phù hợp với sự thay đổi về chất đã tạo ra với việc xác lập quyền lực kinh tế và quyền lực chính trị của giai cấp công nhân và nhân dân lao động.

Theo Mác và Ăngghen: "Giai cấp nào chi phối những tư liệu sản xuất vật chất thì cũng chi phối luôn cả những tư liệu sản xuất tinh thần, thành thử nói chung tư tưởng của những người không có tư liệu sản xuất tinh thần cũng đồng thời bị giai cấp thống trị đó chi phối"<sup>(1)</sup>. "Những tư tưởng thống trị của một thời đại bao giờ cũng chỉ là những tư tưởng của giai cấp thống trị"<sup>(1)</sup>.

Dưới chủ nghĩa tư bản, giai cấp công nhân và nhân dân lao động không chỉ bị giai cấp tư sản bóc lột về kinh tế, áp bức về chính trị mà còn bị nô dịch về tinh thần. Vì vậy, cách mạng xã hội chủ nghĩa không chỉ giải phóng giai cấp công nhân và nhân dân lao động ra khỏi thân phận nô lệ làm thuê, xác lập quyền làm chủ tư liệu sản xuất, quyền tự do chính trị và bình đẳng về vị thế xã hội mà còn phải giải phóng họ ra khỏi sự áp bức về tinh thần, giành lại cho họ quyền làm chủ các tư liệu sản xuất tinh thần, trở thành chủ thể sản xuất và tiêu dùng, sáng tạo và cảm thụ các sản phẩm văn hóa, các giá trị văn hóa; xóa bỏ những ảnh hưởng tiêu cực của tư tưởng, đạo đức và lối sống tư sản.

#### ***b) Xuất phát từ yêu cầu của cuộc đấu tranh giai cấp trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa***

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa là phải xác lập được hệ tư tưởng và ý thức xã hội chủ nghĩa. Để thực hiện được nhiệm vụ này, cách mạng tư tưởng và văn hóa không thể không tiến hành từng bước cải tạo toàn bộ đời sống tinh thần của chế độ cũ để lại, xóa bỏ triệt để những tư tưởng lạc hậu, lỗi thời và phản động của giai cấp thống trị bóc lột, khắc phục những ảnh hưởng tiêu cực có trong những di sản truyền thống về phong tục, tập quán và lối sống.

Đây là một nhiệm vụ trọng yếu, phức tạp và lâu dài của cuộc cách mạng tư tưởng và văn hóa. Về thực chất đây là cuộc đấu tranh giai cấp trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, đấu tranh giữa hai khuynh hướng tư bản chủ nghĩa và xã hội chủ nghĩa.

Đối với những nước lạc hậu, chậm phát triển, quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa thì nhiệm vụ trên đây càng nặng nề và khó khăn hơn.

Cách mạng tư tưởng và văn hóa còn phải tất yếu thanh toán tình trạng bất bình đẳng (nhất là giữa nam và nữ), tình trạng thất học và mù chữ trong đa số dân cư; xóa bỏ những hủ tục mê tín dị đoan. Đối với những nước tiểu nông thì phải cải tạo đông đảo những người tiểu nông vốn có từ lâu đời bản chất tư hữu nhỏ thiển cận, bảo thủ do tư tưởng và tâm lý của những người sản xuất nhỏ.

---

<sup>(1)</sup> C. Mác và Ph. Ăngghen, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1995, t. 3, tr. 66.

<sup>(1)</sup> *Sđd*, t. 4, tr. 625.



**c) Xuất phát từ yêu cầu: văn hóa là mục tiêu và động lực của quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội**

Một trong những nhiệm vụ quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa là khắc phục tình trạng thiếu thốn văn hóa. Theo V.I.Lênin, sự thiếu thốn văn hóa là trở ngại lớn nhất đối với những người xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người cho rằng, đối với những con người bắt tay vào công cuộc xây dựng chế độ mới, nếu họ chỉ có nhiệt tình và lòng dũng cảm không thôi thì không đủ. Họ cần phải có hiểu biết, học vấn và kinh nghiệm đấu tranh thực tiễn. Nói cách khác, họ phải được giáo dục và tự giáo dục về văn hóa, sao cho quần chúng lao động nâng cao được trình độ văn hóa. Đó chính là sức mạnh cần thiết để giai cấp công nhân và các tầng lớp dân chúng trong xã hội chiến thắng nghèo nàn, lạc hậu. Chỉ có phát triển văn hóa, nâng cao trình độ và nhu cầu văn hóa của quần chúng mới có thể làm cho họ thực sự trở thành những người chủ của xã hội mới.

Văn hóa với hệ tư tưởng của giai cấp công nhân là cốt lõi trở thành điều kiện để xây dựng chủ nghĩa xã hội, là mục tiêu và là động lực của chủ nghĩa xã hội. Con người với những phẩm chất và năng lực của nó để hình thành và phát triển nhân cách, xét đến cùng là giá trị cơ bản, sâu xa nhất, là sản phẩm đích thực nhất của văn hóa, của cách mạng văn hóa. Nhưng cũng chính con người là chủ thể sáng tạo ra xã hội mới. Chính vì vậy, Chủ tịch Hồ Chí Minh cho rằng: "Muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội, trước hết phải có con người xã hội chủ nghĩa"<sup>(1)</sup>.

Đối với những nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội bỏ qua chế độ tư bản chủ nghĩa thì cách mạng tư tưởng và văn hóa càng trở nên tất yếu cần thiết và đặc biệt quan trọng. Bởi vì rằng, theo V.I.Lênin, sức mạnh của tập quán (sức mạnh duy trì chủ nghĩa tư bản) đang cản trở sự phát triển của chủ nghĩa xã hội; có thể đập tan ngay được một thể chế, nhưng không bao giờ đập tan ngay được một tập quán... Chỉ có thông qua việc tổ chức, giáo dục, thuyết phục, phát triển văn hóa, nâng cao trình độ học vấn cho quần chúng mới có thể thay đổi được tập quán lạc hậu. Mặt khác, trong điều kiện ngày nay, chỉ có thông qua cách mạng tư tưởng và văn hóa mới có thể giáo dục được sự kiên định về tư tưởng chính trị, giữ vững được định hướng xã hội chủ nghĩa, mới thúc đẩy phát triển khoa học - kỹ thuật và công nghệ, mới đào tạo được nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng những đòi hỏi của công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong bối cảnh mà kinh tế tri thức và toàn cầu hóa đang gia tăng.

## **II - NỘI DUNG CƠ BẢN CỦA CÁCH MẠNG XÃ HỘI CHỦ NGHĨA TRÊN LĨNH VỰC TƯ TƯỞNG VÀ VĂN HÓA Ở VIỆT NAM**

### **1. Giáo dục hệ tư tưởng của giai cấp công nhân**

Hệ tư tưởng của giai cấp công nhân là hệ tư tưởng xã hội chủ nghĩa, được thể hiện trong toàn bộ hệ thống lý luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, là hệ tư tưởng tiên tiến nhất mà các Đảng Cộng sản lấy đó làm nền tảng tư tưởng và kim chỉ nam cho hành động của mình trong suốt quá trình lãnh đạo xây dựng chủ nghĩa xã hội. Một trong những nhiệm vụ quan trọng của cách mạng xã hội chủ nghĩa là xác lập và phát triển hệ tư tưởng của giai cấp công nhân (hệ tư

---

<sup>(1)</sup> Hồ Chí Minh, *Toàn tập*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1996, t. 10, tr. 210.

tưởng xã hội chủ nghĩa), làm cho nó trở thành hệ tư tưởng chủ đạo trong xã hội. Vì những lẽ đó, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa không thể không thực hiện việc tuyên truyền, giáo dục hệ tư tưởng của giai cấp công nhân. Đây là một trong những nội dung cơ bản nhất của cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Ở nước ta, Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội đã chỉ rõ: "Tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa làm cho thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh giữ vị trí chủ đạo trong đời sống tinh thần xã hội"<sup>(1)</sup>. Để tăng cường giáo dục hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, làm cho chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh giữ vai trò chủ đạo trong đời sống tinh thần của nhân dân, Văn kiện Đại hội lần thứ IX của Đảng đã chỉ rõ phương hướng và biện pháp phải làm là: Trong Đảng phải tăng cường giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện đạo đức cách mạng, chống chủ nghĩa cá nhân, toàn Đảng phải nghiêm túc học tập chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh. Trong các trường học phải "tăng cường giáo dục chính trị, tư tưởng, đạo đức, lối sống cho học sinh, sinh viên. Cải tiến việc dạy và học tập các bộ môn khoa học Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh ở các trường đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề"<sup>(1)</sup>.

## **2. Nâng cao trình độ dân trí và đẩy mạnh sự nghiệp giáo dục, phát triển khoa học, kỹ thuật và công nghệ**

Nâng cao dân trí là điều kiện không thể thiếu được để xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, để quần chúng có nhận thức đúng và tham gia trực tiếp vào quản lý nhà nước, đấu tranh xây dựng và bảo vệ chế độ, bảo vệ và phát huy những thành quả của cách mạng, xây dựng cuộc sống văn minh. Mặt bằng dân trí được nâng cao sẽ góp phần thúc đẩy chất lượng nguồn nhân lực lao động, tạo ra tiềm lực trí tuệ và tinh thần của xã hội để phát triển nhân tài. Đó là nguồn vốn quý báu nhất để xây dựng chủ nghĩa xã hội và trong bối cảnh hiện nay, đó là sức mạnh để đẩy mạnh sự phát triển, tạo ra những bứt phá, đưa dân tộc ta ra khỏi tình trạng nghèo nàn, lạc hậu, vươn tới văn minh và hiện đại.

Giáo dục, trong đó giáo dục nhà trường là một trong những vấn đề then chốt của cách mạng tư tưởng và văn hóa. Nó trực tiếp góp phần xây dựng ý thức xã hội mới, làm cho thế giới quan khoa học và nhân sinh quan cộng sản thấm nhuần trong đời sống tinh thần của xã hội, trong ý thức quần chúng, đặc biệt là thế hệ trẻ. Mục đích của nền giáo dục và nhà trường xã hội chủ nghĩa là đào tạo những con người lao động kiểu mới phục vụ nhân dân lao động, xây dựng thành công chủ nghĩa xã hội và chủ nghĩa cộng sản. Vì vậy, tiến hành cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa tất yếu phải cải tạo căn bản nền giáo dục cũ, xây dựng nền giáo dục mới - nền giáo dục tiên tiến của chủ nghĩa xã hội.

---

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, H., 1991, tr. 10.

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ IX*, NXB Chính trị quốc gia, H., 2001, tr. 110-111.

Xây dựng nền giáo dục tiên tiến của chủ nghĩa xã hội là xây dựng nền tảng văn hóa của chủ nghĩa xã hội, làm cho giáo dục nhà trường và đội ngũ các nhà giáo trở thành lực lượng truyền bá tích cực nhất hệ tư tưởng của giai cấp công nhân cho các thế hệ người lao động.

Cùng với giáo dục, khoa học bao gồm cả khoa học tự nhiên, khoa học xã hội và nhân văn, khoa học kỹ thuật và công nghệ có vai trò rất to lớn trong việc tăng cường tiềm lực trí tuệ, cơ sở vật chất kỹ thuật của chủ nghĩa xã hội, phát huy ảnh hưởng hệ tư tưởng của giai cấp công nhân trong đời sống xã hội. Nó tham gia trực tiếp vào cuộc đấu tranh ý thức hệ giữa chủ nghĩa tư bản và chủ nghĩa xã hội vì thắng lợi của chủ nghĩa xã hội. Đây chính là nội dung không thể thiếu, không thể coi nhẹ trong cách mạng tư tưởng và văn hóa.

Các nhà khoa học là những người trực tiếp nhất tham gia trên các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và công nghệ. Do vậy, chủ nghĩa xã hội phải đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng và tạo điều kiện để họ phát huy tài năng, sở trường của họ, tạo động lực cho họ phát triển và cống hiến ngày càng nhiều cho xã hội.

Phát triển khoa học, giáo dục cùng với đội ngũ trí thức và các nhà khoa học có tài năng, có phẩm chất đạo đức và bản lĩnh chính trị của giai cấp công nhân làm nòng cốt sẽ tạo ra tiềm lực hùng mạnh về trí tuệ, tư tưởng và tinh thần của chủ nghĩa xã hội, đảm bảo cho sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội có thể thắng lợi hoàn toàn.

Qua hơn nửa thế kỷ, tính từ sau thắng lợi Cách mạng tháng Tám (1945), nền giáo dục Cách mạng Việt Nam đã có những bước phát triển đáng kể tạo tiền đề cho những bước phát triển mạnh mẽ và vững chắc hơn của nền giáo dục trong thế kỷ XXI, vì mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Thực hiện Nghị quyết Đại hội IX của Đảng, tiếp tục quán triệt quan điểm tư tưởng chỉ đạo giáo dục của Nghị quyết Trung ương hai khóa XIII, Kết luận của Hội nghị Trung ương sáu khóa IX đã nêu rõ nhiệm vụ chủ yếu của giáo dục và khoa học công nghệ Việt Nam từ nay đến năm 2010 là:

#### ***a) Đối với giáo dục, đào tạo***

- Nâng cao chất lượng, hiệu quả giáo dục: Nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo, thực hiện giáo dục toàn diện, đặc biệt chú trọng giáo dục tư tưởng chính trị, nhân cách, đạo đức, lối sống cho người học. Đổi mới nội dung, chương trình, phương pháp giáo dục theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, tăng cường giáo dục tư duy sáng tạo, năng lực tự học, tự tu dưỡng, tự tạo việc làm. Nâng cao chất lượng giảng dạy các môn khoa học xã hội, nhân văn, nhất là các môn học Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Hoàn thiện hệ thống cơ chế, chính sách, phát hiện, đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng nhân tài, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa.

- Phát triển quy mô giáo dục: Phát triển quy mô giáo dục cả đại trà và mũi nhọn, gắn đào tạo với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, đào tạo với sử dụng; hoàn thành cơ bản phổ cập trung học cơ sở vào năm 2010; điều chỉnh cơ cấu đào tạo, tăng nhanh dạy nghề và trung học chuyên nghiệp; phát triển giáo dục không chính quy, các hình thức học tập cộng đồng, hướng tới xã hội học tập.

- Thực hiện công bằng xã hội trong giáo dục: Có chính sách hỗ trợ học sinh, sinh viên thuộc các gia đình nghèo và các đối tượng chính sách xã hội; ưu tiên phát triển giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, vùng dân tộc thiểu số.

### ***b) Đổi mới hoạt động khoa học và công nghệ từ nay đến năm 2010***

Giải đáp kịp thời những vấn đề lý luận và thực tiễn do cuộc sống đặt ra. Cung cấp luận cứ khoa học cho việc hoạch định các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước; đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ trong toàn bộ nền kinh tế quốc dân, chú trọng chuyển giao tiến bộ kỹ thuật và thành tựu khoa học, công nghệ; phát triển có trọng điểm các ngành công nghiệp công nghệ cao, nhất là công nghệ thông tin và công nghệ sinh học; đổi mới tổ chức và cơ chế quản lý, nâng cao trình độ quản lý khoa học và công nghệ; có chính sách phù hợp sử dụng, khuyến khích nhân tài, tôn vinh các nhà khoa học, các cán bộ khoa học kỹ thuật, công nghệ và các nhà quản lý giỏi.

### **3. Xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc**

Nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc là một trong những đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa và là một trong những nội dung cơ bản của cuộc cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa ở nước ta.

Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII của Đảng bàn về xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam đã khẳng định: "... xây dựng và phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại, làm cho văn hóa thấm sâu vào toàn bộ đời sống và hoạt động xã hội, vào từng người, từng gia đình, từng tập thể và cộng đồng, từng địa bàn dân cư, vào mọi lĩnh vực sinh hoạt và quan hệ con người..."<sup>(1)</sup>.

Thế nào là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc? Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII đã xác định rõ nội dung "tiên tiến" và "bản sắc dân tộc" của nền văn hóa nước ta:

"Tiên tiến là yêu nước và tiến bộ mà nội dung cốt lõi là lý tưởng độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội theo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, nhằm mục tiêu tất cả vì con người, vì hạnh phúc và sự phát triển phong phú, tự do, toàn diện của con người trong mối quan hệ hài hòa giữa cá nhân và cộng đồng, giữa xã hội và tự nhiên. Tiên tiến không chỉ về nội dung tư tưởng mà cả trong hình thức biểu hiện, trong các phương tiện chuyển tải nội dung"<sup>(1)</sup>.

Bản sắc dân tộc bao gồm "những giá trị bền vững, những tinh hoa của cộng đồng các dân tộc Việt Nam được vun đắp nên qua lịch sử hàng ngàn năm đấu tranh dựng nước và giữ nước. Đó là lòng yêu nước nồng nàn, ý chí tự cường dân tộc, tinh thần đoàn kết, ý thức cộng đồng gắn kết cá nhân - gia đình - xã hội - Tổ quốc; lòng nhân ái, khoan dung, trọng nghĩa tình, đạo lý, đức tính cần cù, sáng tạo trong lao động; sự tinh tế trong ứng xử, tính giản dị trong lối sống... Bản sắc văn hóa dân tộc còn đậm nét trong các hình thức biểu hiện mang tính dân tộc độc đáo"<sup>(2)</sup>.

---

(1) Đảng Cộng sản Việt Nam, *Văn kiện Hội nghị lần thứ năm Ban chấp hành Trung ương khóa VIII*, NXB Chính trị quốc gia, H., 1998, tr. 54.

(1) *Sdd*, tr. 55-56.

(2) *Sdd*, tr. 56.

Từ những nội dung trên đây cho thấy rõ, nền văn hóa mà chúng ta xây dựng là nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, theo định hướng xã hội chủ nghĩa với những đặc trưng cơ bản là đại chúng, dân tộc, hiện đại và nhân văn. Bốn đặc trưng này là sự khái quát cao độ nội dung "tiên tiến" và "bản sắc dân tộc" của nền văn hóa Việt Nam.

Để xây dựng được một nền văn hóa như vậy, ngoài việc bảo vệ, giữ gìn và phát huy truyền thống, bản sắc dân tộc, cần phải mở rộng giao lưu quốc tế, tiếp thu có chọn lọc cái hay, cái tiến bộ trong văn hóa các dân tộc. Kế thừa và phát huy truyền thống, bản sắc dân tộc phải đi liền với chống lạc hậu, lỗi thời trong phong tục, tập quán, lễ thói cũ.

#### **4. Xây dựng con người phát triển toàn diện**

Một trong sáu đặc trưng của chủ nghĩa xã hội, đồng thời đó cũng là mục tiêu của cuộc cách mạng trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa, đã được ghi trong Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (1991) là: "Con người được giải phóng khỏi áp bức, bóc lột, bất công, làm theo năng lực, hưởng theo lao động, có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện"<sup>(1)</sup>. Đặc trưng này cho thấy bản chất và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội trên phương diện con người. Con người xã hội chủ nghĩa mà chúng ta xây dựng là con người phát triển toàn diện, thể hiện một mẫu hình nhân cách mới:

- Đó là những con người sống có lý tưởng, có trách nhiệm với công việc, với xã hội, với mọi người và với chính mình.

- Đó là những con người có học thức, có niềm tin khoa học, có năng lực hoạt động sáng tạo, làm việc có tổ chức, tính kỷ luật cao, đấu tranh cho lẽ phải, cho chân lý, cho sự công bằng, bình đẳng và dân chủ.

- Đó là những con người có sự phát triển lành mạnh về thể chất, trí tuệ, đạo đức, sự phong phú về đời sống tinh thần.

- Đó là những con người có thói quen, nhu cầu học tập, có tư cách đạo đức, có lập trường chính trị vững vàng, có lối sống văn hóa lành mạnh, biết phát huy mọi tinh hoa của dân tộc và thời đại.

Tóm lại, mẫu hình con người xã hội chủ nghĩa phát triển toàn diện là một mẫu hình nhân cách mới, hiện đại. Với những phẩm chất và năng lực đó, con người sẽ thể hiện mình như một công dân, một người lao động kiểu mới, một nhân cách văn hóa, kết hợp hài hòa các yêu cầu chính trị, khoa học, đạo đức, văn hóa.

Những người xã hội chủ nghĩa với những tiêu chí trên đây không phải chỉ là một số nhỏ ưu tú nào đó, mà phải trở thành một đa số phổ biến trong xã hội.

#### **5. Tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong cách mạng tư tưởng và văn hóa**

Đảng Cộng sản, đội tiên phong của giai cấp công nhân là người trực tiếp lãnh đạo tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa và xây dựng chủ nghĩa xã hội, trong đó có lĩnh vực tư tưởng và văn hóa. Sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản là vấn đề có tính nguyên tắc, là nhân tố quyết

---

<sup>(1)</sup> Đảng Cộng sản Việt Nam, *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, NXB Sự thật, H., 1991, tr. 8-9.

định trước tiên đối với thắng lợi của sự nghiệp cách mạng, đồng thời cũng là sự đảm bảo về chính trị, tư tưởng và tổ chức để cách mạng tư tưởng và văn hóa đi đúng định hướng xã hội chủ nghĩa. Những bước phát triển và những thành tựu đạt được trong cách mạng tư tưởng và văn hóa làm cho trình độ văn hóa của nhân dân được nâng cao và qua đó cũng góp phần phát triển năng lực lãnh đạo của Đảng, đặc biệt là năng lực trí tuệ mà nhờ đó Đảng có sự trưởng thành mọi mặt trong đó có văn hóa chính trị.

Nội dung và phương pháp lãnh đạo của Đảng Cộng sản đối với cách mạng tư tưởng và văn hóa là:

- Đảng Cộng sản thực hiện vai trò lãnh đạo của mình trước hết bằng hệ tư tưởng của giai cấp công nhân, bằng cương lĩnh, đường lối cách mạng và chủ trương, chính sách cùng sự chỉ đạo thực tiễn trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa. Các cương lĩnh, chủ trương của Đảng được thể chế hóa thành pháp luật, chính sách của Nhà nước và trong việc tiến hành các hoạt động quản lý văn hóa.

- Trong lãnh đạo cách mạng tư tưởng và văn hóa, Đảng Cộng sản phải thể hiện được bản chất khoa học, cách mạng và sáng tạo. Đảng lãnh đạo công tác văn hóa bằng những phương pháp văn hóa, bằng sự am hiểu những đặc điểm của văn hóa và hoạt động sáng tạo văn hóa, bằng chính sách linh hoạt, mềm dẻo đối với các chuyên gia, bằng sức mạnh của giáo dục thuyết phục khoa học gắn với công tác tổ chức thực tiễn có hiệu quả.

Các chính sách văn hóa của Đảng Cộng sản phải tạo được môi trường, khả năng và điều kiện để phát huy tối đa khả năng sáng tạo đúng đắn của quần chúng, làm cho quần chúng tham gia thực sự vào quá trình sáng tạo và hưởng thụ văn hóa, làm cho văn hóa trở thành động lực phát triển và mục tiêu của chủ nghĩa xã hội.

- Đảng Cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa tăng cường đầu tư vật chất và tinh thần một cách có hiệu quả vào việc đào tạo cán bộ, đặc biệt là đào tạo chuyên gia trong lĩnh vực tư tưởng và văn hóa. Có chính sách nâng cao trình độ văn hóa cho nhân dân, trong đó chú trọng nâng cao trình độ văn hóa cho giai cấp công nhân và quan tâm phát triển văn hóa ở nông thôn, đặc biệt trong những nước có số lượng nông dân chiếm đa số dân cư.

Đảng Cộng sản và nhà nước xã hội chủ nghĩa không ngừng chăm lo xây dựng nền văn hóa có tính truyền thống và hiện đại, giữ gìn, bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa dân tộc, trên cơ sở đó tiếp thu các giá trị văn hóa của nhân loại.

Yêu cầu xây dựng và phát triển đất nước Việt Nam trong giai đoạn mới đòi hỏi Đảng Cộng sản Việt Nam phải tăng cường và nâng cao tầm lãnh đạo trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa.

*Trên mặt trận tư tưởng lý luận*, Đảng ta xác định: Phải kiên định mục tiêu, lý tưởng độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội, kiên định chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, bảo đảm sự lãnh đạo và các nguyên tắc hoạt động của Đảng; quán triệt đường lối đổi mới, phát huy sức mạnh tổng hợp của toàn Đảng, toàn dân, từ Trung ương đến cơ sở. Đổi mới nội dung và phương pháp công tác tư tưởng; làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm phát huy chủ nghĩa yêu nước, phẩm chất đạo đức cách mạng, năng lực sáng tạo, ý chí tự lực tự cường đi đôi với đề cao tinh thần quốc tế chân chính, phát huy tinh thần đại đoàn kết toàn dân tộc, nắm bắt thời cơ, động viên nhân dân thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước. Muốn vậy ta cần tập trung vào các việc sau:

- Đẩy mạnh tổng kết thực tiễn và nghiên cứu lý luận, trong đó có nghiên cứu vấn đề phát triển văn hóa, con người và nguồn nhân lực; đặc điểm, nội dung của cuộc cách mạng khoa học và công nghệ hiện đại và sự phát triển của kinh tế tri thức; những tác động nhiều mặt của quá trình toàn cầu hóa; đấu tranh làm thất bại âm mưu "diễn biến hòa bình" của các thế lực thù địch.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục lý luận chính trị và công tác tư tưởng, tạo sự thống nhất cao trong Đảng, sự đồng thuận trong nhân dân, trong đó chú trọng việc tuyên truyền, giáo dục hệ tư tưởng của giai cấp công nhân và các đường lối, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng của dân tộc, của Đảng. Nghiên cứu đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của công tác giáo dục, giảng dạy chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, giáo dục công dân trong nhà trường.

- Triển khai có hiệu quả cuộc đấu tranh trên mặt trận tư tưởng, lý luận, làm thất bại chiến lược "diễn biến hòa bình", âm mưu bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch. Nội dung cơ bản của "diễn biến hòa bình" là thúc đẩy kinh tế thị trường tự do theo hướng tư nhân hóa triệt để nền kinh tế đất nước đồng thời với việc thúc đẩy thực hiện cải cách chính trị theo hướng dân chủ tư sản, đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, từng bước xóa bỏ vai trò lãnh đạo của Đảng Cộng sản. Để thực hiện được mục tiêu đó, các thế lực thù địch triển khai chiến lược "diễn biến hòa bình" trên tất cả các lĩnh vực: kinh tế, chính trị, tư tưởng, văn hóa, lối sống, v.v... Cách thức phá hoại của chúng là bằng các thủ đoạn nhằm tạo ra sự chuyển hóa từ trong nội bộ Đảng Cộng sản, nhà nước xã hội chủ nghĩa và các giai tầng xã hội theo hướng chủ nghĩa xã hội dân chủ, dân chủ tư sản, đặc biệt là chúng rất chú ý đến tầng lớp trí thức, thanh thiếu niên, học sinh, sinh viên. Thủ đoạn của chúng là tuyên truyền các quan điểm "phi giai cấp", "phi chính trị", "phi ý thức hệ", nhưng thực chất là đề cao các giá trị của nền dân chủ tư sản, lối sống tư sản; ra sức bài bác, phủ định chủ nghĩa Mác - Lênin, phủ định những thành tựu đã đạt được của các nước xã hội chủ nghĩa, đả kích, xuyên tạc, phủ định sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản, kích động, gây chia rẽ giữa các dân tộc và các tôn giáo, gây mất ổn định về chính trị. Một hoạt động quan trọng của "diễn biến hòa bình" là nhằm vào các thế hệ trẻ để tuyên truyền văn hóa phẩm đồi trụy, lối sống thực dụng, đảo lộn các giá trị truyền thống của dân tộc và của nhân loại, làm cho các thế hệ trẻ đối lập với các thế hệ trước, v.v...

- Ban hành các văn bản về bảo vệ Đảng và nghiêm túc thực hiện các chỉ thị, quy định đã ban hành; xử lý kịp thời theo pháp luật và kỷ luật Đảng mọi hoạt động tán phát tài liệu xấu, thông tin bịa đặt, thư nặc danh, mạo danh có nội dung xấu.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác tuyên truyền, cổ động, báo chí, xuất bản, văn hóa, văn nghệ, thông tin đối ngoại, góp phần xây dựng con người Việt Nam mới có những đức tính được xác định trong Nghị quyết Trung ương năm khóa VIII, góp phần xây dựng một xã hội lành mạnh, văn minh.

*Trên lĩnh vực văn hóa, văn nghệ:* Phải nhận thức đúng đắn về vai trò đặc biệt quan trọng của công tác văn hóa, văn nghệ trong việc bồi dưỡng và phát huy nhân tố con người, trong việc xây dựng xã hội mới. Chăm lo việc nâng cao nhận thức, hiểu biết về lý tưởng cách mạng, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối chính sách của Đảng, tình hình đất

nước cho đội ngũ trí thức, văn nghệ sĩ, cán bộ văn hóa; làm tốt công tác kết nạp đảng viên mới trong bộ phận trí thức, văn nghệ sĩ ưu tú và các chuyên gia giỏi. Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng theo hướng vừa đảm bảo cho văn hóa, văn học nghệ thuật, phát triển đúng định hướng chính trị, tư tưởng của Đảng, vừa đảm bảo thực hiện quyền tự do dân chủ cá nhân trong sáng tạo trên cơ sở phát huy tính tự giác cao. Phát huy vai trò của các đoàn thể quần chúng, các tổ chức sáng tạo văn hóa - văn nghệ trong việc vận động, tổ chức quần chúng và trí thức thực hiện nhiệm vụ văn hóa, làm chủ văn hóa. Nắm chắc tình hình hoạt động trên lĩnh vực tư tưởng, văn hóa; lãnh đạo, chỉ đạo kịp thời, sắc bén, giúp các cơ quan nhà nước thể chế hóa các chủ trương, chính sách của Đảng về văn hóa, văn nghệ, giải quyết kịp thời những khó khăn vướng mắc, có chính sách trọng dụng người tài trong lĩnh vực văn hóa, văn nghệ.

### **Câu hỏi thảo luận và ôn tập**

1. Phân tích tính tất yếu của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa.
2. Nêu và phân tích những nội dung cơ bản của cách mạng xã hội chủ nghĩa trên lĩnh vực tư tưởng và văn hóa ở nước ta hiện nay.
3. Vì sao phải tăng cường vai trò lãnh đạo của Đảng trong cách mạng tư tưởng văn hoá? Nội dung và phương pháp lãnh đạo của Đảng đối với cách mạng tư tưởng và văn hoá?



*Chịu trách nhiệm nội dung:*

TS. NGUYỄN VĂN HÒA

*Biên tập:*

TỔ CÔNG NGHỆ THÔNG TIN

PHÒNG KHẢO THÍ - ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC